NĂM THỨ SÁU • # 56 • DECEMBER 1993

English Section PAGE 45

THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 ● TEL (714) 894-9021 ● FAX (714) 894-2752

ĐOÀN VIẾT HOẠT
THƯ GỬI RA TỪ TRONG TÙ

BÙI HẠNH NGHI
NHỮNG NẺO ĐƯỜNG VĂN CHƯƠNG

VÕ ĐOÃN NHẪN
VỀ MỘT CÁI CHẾT

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

Ra đời từ thế kỷ 19
Lớn mạnh suốt thế kỷ 20
Đưa quí vị đến thành công tài chánh vững chắc từ nay sang đến thế kỷ 21

SVN Team - Nhóm bạn đồng hành của quí vị trên đường đi tới mục tiêu tài chánh.
Với New York Life/ SVN Team quí vị sẽ đạt được 3 yếu tố căn bản:

CÔNG TY RẤT TỐT • HỢP ĐỒNG RẤT TỐT • DỊCH VỤ RẤT TỐT

Xin quí vị liên lạc ngay:

NGUYỄN VĂN SON
LISE VÕ DIỆU TRANG
PASCAL NGUYỄN GIA DŨNG
PHẠM HỒNG NGỌC
NGÔ VĂN TRÌNH

Hoặc đến viếng thăm cơ sở khang trang tân tiến của chúng tôi tại:

FOUNTAIN VALLEY SATELLITE OFFICE

CITY CENTER: 17330 Brookhurst St. Suite 330
Fountain Valley, CA 92708

Bus: (714) 962-4440
Fax: (714) 964-0545 Toll free: 1-800-543-3770

để thảo luận các kế hoạch về:

BẢO VỆ VÀ RÚT NGẮN THỜI GIAN TRẢ NỢ NHÀ • BẢO HIỂM LỜI TỨC • GÂY QUỸ ĐẠI HỌC • BẢO HIỂM CHI PHÍ THƯƠNG MẠI • GÂY QUỸ HƯU TRÍ • BẢO HIỂM NHÂN THỌ • THANH TOÁN THUẾ DI SẢN, PROBATE, V.V...

LỜI NHẮN NHỦ TRƯỚC KHI QUÍ VỊ QUYẾT ĐỊNH MUA BẢO HIỂM NHÂN THỌ VÀ TÀN PHẾ:

Xin Quí Vị vui lòng tìm hiểu thành tích và khả năng phục vụ của chúng tôi. Cho phép chúng tôi có dịp tiếp đón Quí Vị tại văn phòng của chúng tôi, hoặc mang tài liệu đến giải thích cùng Quí Vị tại tư gia hay cơ sở thương mại của Quí Vị.

Trung Tâm Hải Âu đã phát hành những băng nhạc / CD mới nhất của Mùa Giáng Sinh & Tết

Hải Âu 71
Thánh Ca Đặc Biệt

HẢI ÂU THÁNH CA 1
Nguyện Cầu 1

Hải Âu 73
Nguyện Cầu 2
Tiếng hát Lệ Hằng

Tình Nhớ 26
Ướt Mi

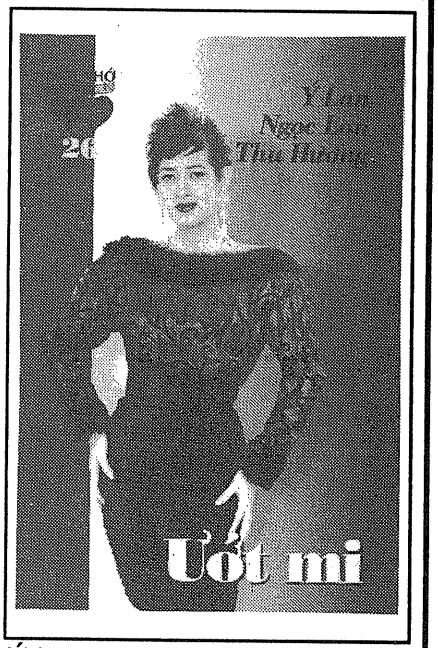

Ý Lan, Ngọc Lan, Thu Hương

Tình Nhớ 30: Nụ Hôn Tình Hồng

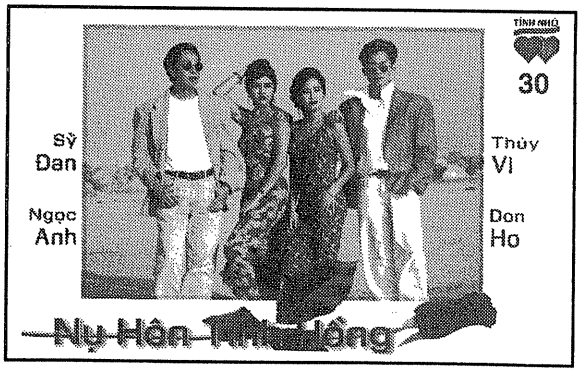

Rap cho tình yêu

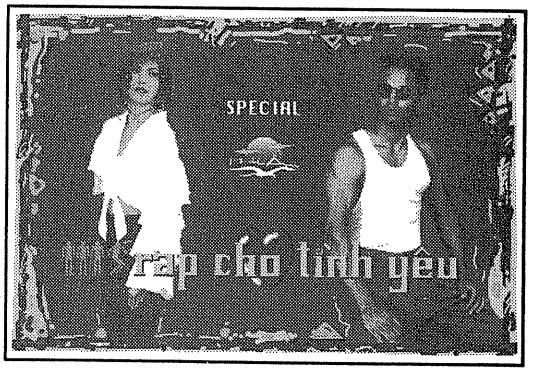

HẢI ÂU MUSIC PRODUCTIONS

HẢI ÂU MUSIC PRODUCTIONS

9842 Bolsa Ave., # 103, Westminster, CA 92683

(714) 531-8119 / (714) 839-9888

THẾ KỶ 21

Tòa soạn: 14901 Moran St., Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752
Địa chỉ gửi thư:
P.O. Box 2054-H39
Westminster, CA 92684 USA

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Phụ tá Chủ nhiệm:
Đỗ Việt Anh

Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự

Quảng cáo:
Minh Phú, Võ Thẩm, Mai Văn, Laura Do, Hank Wu

Đại diện phát hành:
San Jose:
Bùi Duy Thuyết

Washington DC.
Nguyễn Văn Khanh

Paris
Mme Lê Tất Luyện

Đức
Thế Giang

Úc
Gia Du

Canada
Hoàng Chiều Nhân

Quảng cáo: Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa soạn và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

Thư Tòa soạn

Tháng trước, TK 21 đăng "Thư ngỏ gửi quý vị chủ nhiệm báo và giám đốc đài truyền hình truyền thanh Việt Nam," với hơn 100 chữ ký của các bạn nhà văn, nhà báo khắp nơi trên thế giới.

Kỳ này, nhân có thêm một số bạn gửi thư tán thành, TK 21 sẽ đăng lại danh sách cập nhật, cùng một số "tiếng vọng" về nội dung cũng như hình thức của "Thư ngỏ." Nếu mở rộng ra, "Thư ngỏ" có thể trở thành một đề tài thảo luận hào hứng trong nhiều kỳ báo! Nhưng, xin dành đề tài đó cho một dịp khác (vì liên quan tới nhiều bạn không là độc giả hoặc văn hữu của TK 21). Bây giờ, nói chuyện "nhà."

Tòa soạn Thế Kỷ 21 dự trù tổ chức một cuộc thảo luận, góp ý, viết bài, về đề tài "Tại sao anh(chị) viết văn?"

Qua thăm dò sơ khởi, toà soạn đã được một số bạn trẻ nhận lời điều hòa một "Bàn Tròn Văn Học" vào lúc 2 giờ chiều ngày Chủ Nhật 19 tháng Mười Hai 1993, về đề tài trên. Xin thân ái mời các bạn ở quanh đây (và từ xa, nếu đúng dịp đó có mặt trong vùng) tới ngồi quanh "bàn tròn," tại trụ sở báo Thế Kỷ 21, số 14901 đường Moran, thị xã Westminster, California.

Nếu không về "ngồi" được, xin các bạn gửi bài, ý kiến, tài liệu, v.v...đóng góp cho đề tài. Thế Kỷ 21 sẽ đăng đúc kết "bàn tròn" trong một hoặc nhiều số báo, và nếu điều kiện tài chánh cho phép, in toàn bộ tài liệu thành một tập sách.

Gần đây, tòa soạn và trị sự có một cố gắng nữa: hồi âm ngay tất cả những thư đến — ngắn gọn, bằng một mẫu in sẵn, với những chi tiết cần thiết. Cố gắng này được các thân hữu và độc giả tán thưởng, vì biết chắc thư của mình đã tới nơi và không bị bỏ quên.

Mặt khác, tòa soạn cũng được bạn đọc nhắc nhở một khuyết điểm chưa sửa: không thông báo và/hoặc cáo lỗi mỗi khi có sơ suất, hoặc khi cần gác lại một bài nào đó (thậm chí có bài đã in tựa ra ngoài bìa báo mà không có trong số báo đó!) Những nhắc nhở, trách cứ đó đúng, chỉ hiềm nỗi "cái khó bó cái khôn." Tòa soạn chỉ có vài người, vào những giờ phút chót trước khi báo lên khuôn thường lu bu hơn (những lúc lu bu thường lệ!) Tòa soạn kêu gọi (tuyển?) nhân viên thiện nguyện, có bạn nào gần đây xung phong không?

Rất mong tin các bạn. Chúc các bạn luôn vui.

THẾ KỶ 21

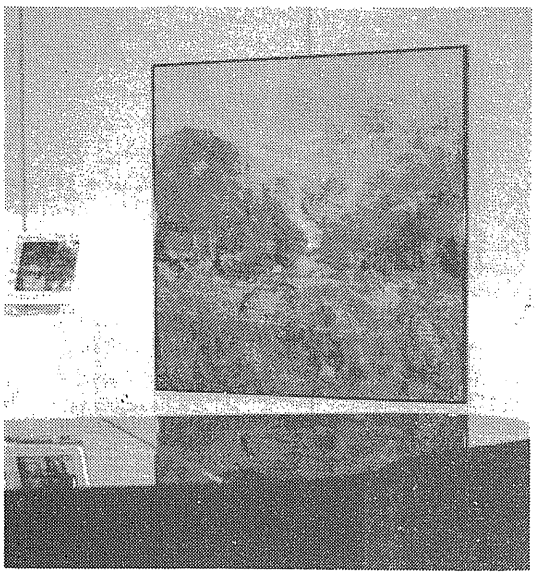

Tranh bìa: *Thung lũng mùa xuân, tranh của Trương Bửu Giám, trưng bày trong cuộc triển lãm (từ 2 đến 14-11-1993) tại Câu lạc bộ VAALA.*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp.*
Minh họa: *Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Đinh Cường, Khánh Trường, Nguyễn Hữu Nhật.*
Hí họa: *Vẹt, Babui, Hiếu.*
Nhiếp ảnh: *Đông Nguyên, Lý Kiến Trúc, Nguyễn Xuân Hoàng, Đinh Cường, Lê Tam Ca.*
Kỹ thuật: *Thanh Diễm*

MỤC LỤC

Số 56 • Tháng Mười Hai 1993

Phần Anh ngữ (English Section)

A letter to UNHCR, 45 * Ngan Khoi Chorus, by DANCHI NGUYEN, 46 * The Vietnamese Wisdom in some tradition culinary techniques, by LÊ VĂN LÂN, 48 * 1968: Birth year of peace songs of Vietnam, by PHU BUI, 51 * Vietnamese profile: Henry D. Fahman (Pham Dac Hien), by DANCHI NGUYEN, 52 *

Phần Việt ngữ

Thư Tòa Soạn, 2 * Bạn đọc viết, 4 * Tòa soạn và bạn đọc, 5 * Cũng cần một giải pháp quốc tế cho Việt Nam, LÊ DOÃN KIM, 7 * Thư Việt Nam: Gửi ra từ trong tù, ĐOÀN VIẾT HOẠT, 11 * Hồ Nguyên Trừng: một người Việt lưu vong..., PHẠM CAO DƯƠNG, 13 * Những nẻo đường văn chương, BÙI HẠNH NGHI, 17 * Nghệ thuật tạo hình: Lên Boston xem tranh Nguyễn Trọng Khôi, ĐINH CƯỜNG, 22 * Tuổi trẻ nghĩ gì: Nhân kỳ đại hội y khoa thế giới, MÂY BAY và NGÂN UYÊN, 25 * Tiếng đàn tự do của Đặng Thái Sơn, CUNG TIẾN, 29 * Trò chuyện với Mai Thảo, NGUYÊN NAM ANH, 34 * Bản trường ca giống nòi trong tiểu thuyết Toni Morrison, ĐÀO TRUNG ĐẠO, 38 * Khoa học: Chân trời biến cố, SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH, 55 * Kết, mở, VÕ PHIẾN / NGUYÊN XUÂN HOÀNG, 58 * Đọc sách: Miền đất hứa của Trà Lũ, LƯU TRUNG KHẢO * Về một cái chết, VÕ DOÃN NHẪN, 65 * Thơ: Đêm trước đèn..., VƯƠNG TRỌNG TÀI, 67 * Thơ: Thủy Tinh, HÀ HUYỀN CHI, 68 * Tình dục và nghệ thuật, PHẠM XUÂN ĐÀI, 72 * Nhục tình ca, PHẠM DUY, 73 * Truyện: Băng tuyết, HÀ KỲ LAM, 74 * Thơ: Hôm qua, PHẠM TRUNG DƯƠNG, 76 * Thơ: Cẩm Thành, TRẦN HỒNG CHÂU, 77 * Thơ: Kinh cầu, ĐỖ THỊ KÊNH G; Mong manh, TUYỀN SƠN, 79 * Thơ: Tiếng thơ, TRÙNG QUANG, 81 * Hái Sim, NGUYỄN VĂN CƯỜNG, 82 * Tâm sự với vầng trăng, NGUYỆT TRÌ, 83 * Thế sự thăng trầm, VŨ ÁNH, 86 * Vòng chân trời văn học nghệ thuật, LÊ TAM CA, 89 * Sách báo trong tháng, NGUYÊN NAM ANH và LÊ TAM CA, 92 * Tiếng vọng: Quyền trả lời, 94 * Danh sách nhà văn, nhà báo ký tên cho "Thư ngỏ" về quyền trả lời, 95 *

Báo khó vào trại cấm

Với hoàn cảnh khắc nghiệt trại Cấm hiện nay báo chí rất khó vào được trại, duy nhất là gửi bưu kiện bảo đảm.

Thưa anh, mong anh thông cảm với hoàn cảnh của anh em tôi và đồng bào tị nạn. Hiện nay, báo chí vô cùng cần thiết nhưng khổ một nỗi "kinh tế" đã buộc đồng bào phải đói đọc! *Thế Kỷ 21* là một tờ báo đã nhiều năm được đồng bào yêu mến, kính phục vì báo có chất lượng cao đẹp.

Tôi muốn, thay mặt một nhóm anh chị em trong trại, hỏi thể lệ hợp tác với tòa báo. Nhờ các anh hướng dẫn.

Cùng thư này, tôi gửi các anh mấy bài thơ để các anh xem có đăng được không.

Lê Hồng Anh
Section 3. WHDC

Chúng tôi rất thông cảm hoàn cảnh của các bạn. Đã gửi báo cho một vài bạn, hy vọng các bạn đọc chung. Tòa soạn đang đọc và sẽ chọn đăng một vài bài thơ. Có sáng tác văn, thơ, họa, hoặc tin tức, cứ gửi về Thế Kỷ 21.

Người cao niên thường nhớ (chuyện) cũ

Tôi rất mừng khi nhận được thư và hai tập *Thế Kỷ 21*. Cám ơn lắm. Và xin có lời ca ngợi công trình làm báo và hội bạn của tiên sinh. *Thế Kỷ 21* quả tình là một hội bút sáng giá. Tôi nhớ đến Nguyễn Hoài Vân, người bạn vong niên đã gần tôi nhiều nhất về mặt văn hóa, cũng có nói với tôi về *Thế Kỷ 21*.

Từ ba, bốn năm qua, tôi đã ngừng viết lách vì trí nhớ không vững và không đủ sức khỏe. Trong hai mùa thu đông, tôi sẽ không ra đường. Cũng may năm nào cũng có bạn từ các nước tới thăm, làm tôi quên già phần nào.

Tôi xin tán đồng bức thư ngỏ của ông Tâm. Tôi thích danh xưng "Lão Ký Giả", xin dùng nó vậy. Người cao niên thường nhớ cũ. Rất tiếc là tôi không còn sức ngồi trên một giờ để viết lách, vả lại có viết cũng lủng củng rồi. Mấy ông già trên đường mười mươi có muốn viết cũng khó làm mình vừa lòng.

Xin cho tôi thân chúc chư hữu mọi thành công trong nghiệp văn bút và tụ hợp thêm đông bạn.

Trần Văn Ân
Rennes, Pháp

Trước hết, thành thực với bản thân mình

Người ở phía miền Bắc, tôi cũng không chịu được các "nhà cách mạng" đổi màu nhanh như con kỳ nhông. Mới hôm qua còn đứng trong "đội ngũ tiên phong của Đảng" nay đã chửi Đảng như hát hay. Tôi chưa bao giờ chịu hạ mình viết đơn xin vào Đảng CS, nhưng chửi Đảng như vậy chắc tôi cũng ngượng mồm. Dù ít dù nhiều, sinh ra, lớn lên ở miền Bắc đều có chịu ít nhiều liên hệ với chế độ, ít nhiều đều bị ngộ độc chính trị, mà sự giải độc nào cũng đau đớn cả, đâu có nhơn nhơn như vậy được. Như ông Mai Kim Ngọc viết: cô Irina Zismann nói không có liên hệ tinh thần gì với chế độ, nghe nó cũng trơn như lươn. Con người chỉ thực sự được giải độc khi người ta dám nhìn thẳng vào sự thực, dám thành thực, trước hết là với bản thân mình.

Thanh Vũ
Berlin

Dịch bài TK 21 sang tiếng Hòa Lan

Nhận thấy tờ *Thế Kỷ 21* có nội dung phong phú, nên tôi xin đặt mua từ số báo tháng 10 năm 1993.

Tôi hiện nay đang làm việc tại Đại Học Leiden Hòa Lan và Học Viện Bang Giao Quốc Tế Clingendael, vì thế nếu bài nào có nội dung súc tích, tôi xin phép các anh cho tôi được chuyển ngữ qua tiếng Hòa Lan, và những bài này được làm tài liệu ở Học Viện và được đăng trên báo "Vietnam Revue" do Bộ Phát Triển Hòa Lan tài trợ.

Chúc các anh vui và nhiều thành công trong việc truyền thông tại hải ngoại.

Ngô Văn Tuấn
Hòa Lan

Cám ơn anh đã ủng hộ TK21. Anh có thể dịch các bài trong báo, chỉ cần ghi rõ tác giả và xuất xứ thôi.

Đề nghị và đề nghị

Tôi xin đề nghị với anh là *Thế Kỷ 21* nên tăng cường mục phân tích thời sự liên quan đến Việt Nam và cộng đồng người Việt ở hải ngoại mà độc giả Việt Nam không tìm thấy nhiều trong các báo chí tiếng Anh hoặc tiếng Pháp ngoại trừ tờ *Far - Eastern Economic Review*. Tin tức quốc tế đã được các báo này đề cập đến khá đầy đủ. Một đề nghị nữa là phần mục lục nên trở lại khuôn khổ cũ. Nghĩa là các bài trong một số được phân loại theo từng tiết mục. Khuôn khổ hiện nay của phần mục lục tiết kiệm được giấy nhưng làm độc giả khó nhận ra các đề tài và khó lựa chọn bài để đọc.

Nguyễn Quốc Khải
Potomac MD

Michael Jordan học lớp mấy?

Nhân đọc một đoạn nhỏ "Bệnh mù... sách" của tác giả Bùi Bảo Trúc trên tạp chí *TK21*, số 54, tôi xin có một vài ý kiến cùng ông. Trong bài viết, ông viết *"và thần tượng của họ, những thứ như Michael Jordan, là những người mà khả năng, và trình độ học chỉ ở lớp 4 hay lớp 5."*

1/ Trong tạp chí *Newsweek*, Special Issue, ấn hành vào tháng October, November 93, tựa chủ đề

"The Greatest Ever," nói về khả năng và thành tích của Michael Jordan. Trang 9, trong một bức tranh họ có phụ chú "Airborne, *freshman Jordan* hit a winning supper with 17 seconds left to give North Carolina the NCAA crown," và nếu nhìn rõ hơn thì có thể hiểu là M. Jordan đã học ở đại học North Carolina vào năm 1982, chơi cho đội Tar Heels của trường đại học này, và đưa đội bóng rổ trường này vào chức vô địch của giải NCAA. Cũng vào năm đó M. Jordan đang học năm thứ nhất. Trang 50, trong tựa đề "Hang up the RECORD book" nói về những thống kê thành tích của M. Jordan, trên cột trái phía đầu bài viết họ có ghi rõ, Jordan tham dự cho đội bóng Tar Heels của trường đại học North Carolina, trong ba niên khóa 81-82, 82-83, 83-84, và sau đó chuyển sang đội bóng nhà nghề Chicago Bull, do đó ít nhất trình độ học vấn của M. Jordan là senior, có nghĩa là năm thứ tư đại học, không phải là lớp 4, lớp 5 như ông B.B.T. quyết đoán.

2/ Nói rộng hơn nữa, những tay chơi thể thao nhà nghề và có số lương cao, được nhiều người ưa thích và nhắc nhở, chắc chắn không thể ở trình độ lớp 4, lớp 5. Thường thường, họ phải chơi thể thao ở bậc Trung học. Dựa vào thành tích ở cấp này, họ sẽ được tuyển lựa vào các đội thể thao tại các trường đại học. Nếu chơi xuất sắc, họ có thể quyết định đổi và xin vào các đội bóng nhà nghề sau năm thứ nhất, như trường hợp Magic Johnson của đội bóng rổ LA Lakers, ông chỉ học một năm tại đại học Michigan State University tại Lansing. Nhưng thường thường, họ quyết định xin dự tranh để được tuyển vào các đội nhà nghề vào năm thứ ba đại học. Đôi khi, nếu xuất sắc, họ có thể xin được dự tranh và tuyển chọn sau khi xong Trung học. Do đó, kiếm những "*thứ*" như Michael Jordan học hết lớp 4, lớp 5 thì có lẽ tìm mãi và tìm chắc không ra tại xứ Mỹ này!

Nguyễn Anh Thăng
Houston, TX 77006

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tòa báo đã nhận được phiếu gia hạn, phiếu tặng báo, hoặc đặt mua dài hạn, của quý vị và các bạn sau đây. Xin cám ơn rất nhiều, và mong quý vị và các bạn cho tin tức, góp bài vở, ý kiến, giới thiệu thêm bạn đọc, v.v...

Bùi Khuyến (Seattle WA, TU giới thiệu), Nguyễn Thị Ngọc Liên (Moorpark CA), Lưu Dung (Sacramento CA, THD tặng), Đặng Văn (Montreuil PH, HKK tặng), Lê Ngọc Minh (La Habra CA), Phạm Đỗ Chí (Washington DC), Lương Văn Lịch (Stanton CA), Nguyễn Duy Lan (Orlando FL, BS tặng),Trần Roanh (Boston MA), Dr Lê Hưu (Yuba Kity CA), Dr Ngô Văn Tuyên (Everett WA, PAD giới thiệu), Foothill Foreign Car (Auburn CA), Jimmy & Kay Fam (San Jose CA), Nguyễn Ngọc Anh (North Hills CA), Nguyễn Văn Khoa (Phoenix AZ), Menzies Library (Canberra AUST), Biblio Ville Montreal (Canada), Fitzroy Public Library (Vic AUST), Nguyễn Minh Tiến (Gaithersburg MD), Đặng Thanh Thúy (Mountain Ter WA, TU giới thiệu), Phan Thị Linh (Panama FL), Sandy Trần (South Gate CA, PAD giới thiệu), Mai Quốc Hưng (Seattle WA, TU giới thiệu), Nguyễn Chánh Nông (Clifton VA), Trần D. Quang, MD (Lowell MA, PAD giới thiệu), Ngô Bá Hoàng (Santa Clara CA), Lê Duy Chánh (San Jose CA), Nguyễn Thu Hằng (Agoura CA), Jenny Hoang (Afton VA, NTH tặng), Phan Viết Phùng (San Mateo CA, NQ tặng), Nguyễn Hoàng Hải (San Jose CA), Nguyễn Quốc Khải (Potomac MD), Nguyễn Cao Hoàng (Pasadena CA), Trịnh Trần (Campbell CA), Dr Ngô Văn Tuấn (Nederland), Nguyễn Hồng Huân (Cornwall ONT), Nguyễn Thanh Tuyền (Montréal PQ), Nguyễn Hữu Thọ (Brossard PQ), Georgetown U Library (Washington DC), Anthony Tien Nguyen (Aliso Viejo CA), Saigon Times (Rosemead CA), Dương Thúy Phương (Torrance CA), Phạm Lệ Hương (Modesto CA, PAD giới thiệu), South Branch Library (Berkeley CA).

Thư bị trả lại (xin quý vị gửi cho địa chỉ mới để chúng tôi tiếp tục gửi báo): Hằng Nga (Moorpark CA), Lê Phước Hòa (Houston TX), Vũ Thị Ngọc Mai (Long Beach CA), Nguyen Dan (Costa Mesa CA), Quân Đinh (New York NY).

- **Phan Thị Trọng Tuyến** (*Nancy PH*): Đã chuyển thư đó cho anh Chung. Và chuyển những lời thăm tới các bạn quanh đây. Mong tin và bài. Thân ái.
- **Thế Uyên** (*Seattle WA*): Cám ơn anh đã giới thiệu các bạn sinh viên trong trường, nơi anh đang dạy. Bài "điểm sách" sao không có "vẻ" điểm sách? Biết anh bận hơn trước nhiều, nên không dục bài. Nhưng nhớ báo Tết đấy! Thân.
- **Trúc Chi** (*Alhambra CA*): Mừng anh "tái xuất giang hồ" và mừng...TK 21 có thêm thơ. Cám ơn anh đã có lời ngợi khen. Sẽ cố gắng. Thân ái.
- **Cao Xuân Tứ** (*Amsterdam*): Đã có thư riêng. Mong nhận được thơ và truyện, cả tiếng Việt lẫn tiếng Anh, của anh. Thân chào.
- **Dương Kiền** *(Na Uy)*: Đã gửi báo cho anh rồi, lại nhận được thư chị nhắc, gửi nữa, thành ra tới hai tờ một lần là vì vậy. Xin điều chỉnh từ số này. Mong tin và bài. Chúc vui.
- **Đỗ Đức Hậu** (*Westminsster CA*): Đã nhận và đang tìm cách chuyển bản nhạc "Em Có Bao Giờ" do anh phổ thơ Võ Đình Tuyết (TK 21 số tháng Năm 1993). Cám ơn anh. Chúc vui luôn.
- **NVK** (*Virginia*): Khi không có ai là vai chính thì tất cả mọi người đều là vai chính. Bạn đòi CB mở cuộc điều tra, nhưng CB ở tận Canada; có phụ tá CB điều tra dùm, thì thấy hãng phim có làm một buổi "ra mắt" rất lớn, ở một chỗ to hơn cái đình nhiều! Thăm và chúc vui.

Kính cáo:

Vì một trở ngại ngoài ý muốn của chúng tôi, bài "Về Quê Ăn Tết" của tác giả Bà Lê sẽ không tiếp tục đăng trên Thế Kỷ 21. Chúng tôi xin thành thật cáo lỗi cùng tác giả và độc giả.■

NHÀ XUẤT BẢN & PHÁT HÀNH
THẾ KỶ

Để đáp ứng nhu cầu "đọc," "nghe," và "xem" của bạn đọc và thân hữu của tạp chí *Thế Kỷ 21*, chúng tôi thực hiện một số dịch vụ về xuất bản và phát hành, với những đặc tính sau đây:

1. Chú trọng chuyển sách báo, băng nhạc, băng hình tới thẳng độc giả và thân hữu (do đó hạ giá thành, và người mua được hưởng giá hạ).

2. Tiến tới thành lập Hợp Tác Xã văn hóa phẩm để độc giả và thân hữu mua được sách, báo, băng với giá sỉ, gửi nhanh và đầy đủ.

3. Nhận phát hành các sách, báo, băng có giá trị nghệ thuật, do các cơ sở hoặc cá nhân sản xuất.

4. Nhận xuất bản sách (và nhiều loại ấn phẩm khác), bằng nhiều phương thức - tùy theo sở thích và điều kiện tài chánh của mỗi tác giả.

●

Từ nay đến hết năm 1993, chúng tôi sẽ cố gắng thực hiện và gửi tới các bạn một "thư mục" sơ khởi, các sách, báo, băng mà hiện *Thế Kỷ 21* đã có, hoặc đã được ủy thác phát hành.

Mặt khác, xin các bạn đón đọc, Thế Kỷ (nhà XB & PH) sẽ ra mắt các tác phẩm sau đây:

1. ĐẤU CỜ TƯỚNG, truyện vừa của Stefan Zweig, do Đỗ Quán Anh phóng tác (đã đăng trên tạp chí TK21).

2. THƠ BÙI GIÁNG, gồm khoảng 100 bài thơ mới nhất (1993) của nhà thơ được mệnh danh là "cuồng sĩ," hiện sống tại Saigon.

3. Tuyển tập TÙY BÚT của PHẠM XUÂN ĐÀI, với những bút ký đã viết hồi còn ở trong nước, và những bài mới viết gần đây ở hải ngoại.

4. NỬA ĐỜI CÒN LẠI, truyện dài của SƠN CA, một tác giả trong nước, một cựu đảng viên Cộng Sản.

5. Tuyển tập truyện ngắn THẾ KỶ 21: những truyện được chọn từ sáu năm báo *Thế Kỷ 21*.

Mọi thắc mắc, thư từ, liên lạc, xin gửi về

THẾ KỶ

Nhà xuất bản & Phát hành

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 USA

ĐT: (714) 894-9021 FAX (714) 894-2752

CŨNG CẦN MỘT GIẢI PHÁP QUỐC TẾ CHO VIỆT NAM

LÊ DOÃN KIM

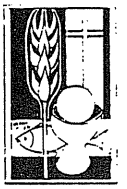

Cuộc đấu tranh quyết liệt, một còn một mất tại Căm Bốt giữa hai phe cộng sản Khmer thù địch, thân Việt và thân Tàu, bắt nguồn từ những tham vọng u tối, từ mối quan hệ căng thẳng, từ những mâu thuẫn và tranh chấp âm ỉ giữa Bắc Kinh và Hà Nội trong thời chiến tranh Việt Nam, coi như đã được giải quyết tạm yên. Một cuộc đầu phiếu tự do, do phái bộ UNTAC của Liên Hiệp Quốc đứng ra tổ chức và kiểm soát đã được nhân dân Miên nhiệt liệt hưởng ứng, bất chấp mọi đe dọa, khủng bố và tàn sát của Khmer Đỏ. Quốc Hội Lập Hiến Kampuchia do dân bầu ra đã hoàn thành bản tân Hiến Pháp và cuối tháng Chín vừa qua đã tấn phong Thái Tử Sihanouk trở lại làm Vua nước Cao Miên. Tương lai Xứ Chùa Tháp chưa rõ sẽ đi về đâu, nhưng trước mắt trông thấy, xem ra "giải pháp quốc tế" được Liên Hiệp Quốc đưa ra áp dụng tại Cao Miên, coi như đã đem lại một kết quả cụ thể, khả quan.

Nay đến lúc cũng cần phải có một "giải pháp quốc tế cho Việt Nam." Vì thật ra cuộc tranh chấp tại Căm Bốt chỉ là "diện", không phải là "gốc". Vấn đề mâu thuẫn và xung khắc quyết liệt giữa Trung Quốc và Việt Nam mới thật sự là "gốc", là căn nguyên chính yếu của tình trạng xung đột căng thẳng trên bán đảo Đông Dương, có nguy cơ lan rộng khắp Đông Nam Á. Nếu không tìm ra một giải pháp quốc tế để giải quyết vấn đề tận gốc thì đến một thời điểm gay cấn nào đó, Bắc kinh sẽ kiếm cớ gây hấn, con Sư tử Tàu bừng tỉnh dậy, sẽ gây kinh hoàng cho thế giới.

Tại Hội Nghị Le Caire 1943, Thống Chế Tưởng Giới Thạch, đã khẳng nhận với Tổng Thống Roosevelt rằng Việt Nam đã **lập văn tự riêng là chữ quốc ngữ** nên khó có thể hội nhập vào xã hội Trung Hoa, do đó cần dành cho Việt Nam một thế đứng độc lập. Trái lại từ thời Mao Trạch Đông đến Đặng Tiểu Bình, Bắc Kinh luôn luôn chủ trương làm suy yếu Việt Nam, thúc đẩy Bắc Việt phải hy sinh làm tròn nghĩa vụ quốc tế, phải lao đầu vào cuộc chiến tranh chống Mỹ đến hao mòn, và trong cái thế "môi hở răng lạnh," phải bảo vệ biên thùy phía Nam cho Trung Quốc. Nhưng sau khi Mao Trạch Đông đã thỏa hiệp được với Nixon vào năm 1971 và sau ngày Huê Kỳ phủi áo ra đi khỏi Nam Việt Nam, Hà Nội đâu có ngờ là "răng lại cắn môi." Răng Trung Quốc lại cắn vào môi Bắc Việt đến sứt môi đổ máu. Từ khi phải rút quân khỏi Bắc Việt sau cuộc xâm lăng năm 1979, Trung Quốc nỗ lực củng cố và hiện đại hóa quân đội, nhằm thể hiện tham vọng từ ngàn xưa là chiếm đoạt Việt Nam, đồng thời thực hiện luôn ý đồ to lớn của Nhật Bản trong thế chiến hai, khi Nhật tiến quân sử dụng bàn đạp Việt Nam để thôn tính vùng Đông Nam Á.

Đã có sẵn một Giải Pháp Quốc Tế Cho Vấn Đề Việt Nam Từ Thế Chiến Hai

Tháng 9 năm 1940, Nhật Bản xâm lăng Việt Nam, và giật lấy Việt Nam từ tay người Pháp. Nhật âm mưu sử dụng Việt Nam, một vị trí chiến lược then chốt trên bàn cờ quốc tế, để làm bàn đạp tấn công thôn tính vùng Đông Nam Á, vùng Thái Bình Dương rồi đến Ấn Độ Dương.

Mùa thu năm 1945, trước ngày Nhật Bản dầu hàng Mỹ, giữa mọi phong trào cách mạng Việt Nam, ông Hồ Chí Minh đã nhanh tay giành được "thế thượng phong" cho Việt Minh và đã được Đồng Minh Huê Kỳ hỗ trợ. Lẽ ra ông Hồ phải nhân đó, **thực sự đoàn kết với mọi đảng phái quốc gia, bám sát Mỹ, đòi Mỹ công nhận nền Độc Lập và thế đứng Trung Lập cho Việt Nam dưới sự quản trị của Liên Hiệp Quốc, theo đúng chủ trương của cố TT Roosevelt**, mất vào tháng 4-1945 sau Hội Nghị Yalta. (Cùng một thời điểm đó, một nhóm chỉ có vài ba lãnh tụ Do Thái đã khôn ngoan, biết vận động để TT Truman chấp thuận việc thành lập một nước Do Thái vào năm 1948. Cũng như lãnh tụ Sukarno, đã khôn khéo khẳng định một thế đứng Trung Lập cho Nam Dương, đã được Huê Kỳ ủng hộ và thừa nhận nền Độc Lập của Nam Dương vào năm 1946. Cả hai đều đã thành công. Do Thái từ chỗ không có lấy một mảnh đất cắm dùi, đã dựng được nước, riêng Nam Dương cũng đã được Huê Kỳ ép buộc Hòa Lan trao trả Độc Lập. Đường lối ngoại vận độc đáo của Sukarno quả đã tiết kiệm không biết bao nhiêu là xương máu cho người dân, cũng như đã giúp cho xứ sở Nam Dương giành được Độc Lập và toàn vẹn lãnh thổ).

Tiếc thay, Việt Nam ta, chỉ vì ý đồ sai lầm muốn áp đặt một chủ nghĩa ngoại lai lên trên sự sống còn của quốc dân và quyền lợi của đất nước, ông Hồ, về mặt đối nội, thay vì đoàn kết nhân dân, lại chủ trương thanh toán các đảng phái quốc gia không chịu theo cộng sản, về mặt đối ngoại, đã cố ý gạ gẫm Huê Kỳ ngã theo ủng hộ xu thế cách mạng của Việt Minh, thay vì xung phong đứng vào hàng ngũ của Mỹ để vận động Mỹ ủng hộ nền Độc Lập và thế đứng Trung Lập của Việt Nam.

Hai sự kiện nêu trên đã chứng tỏ rằng ý chí lạnh lùng của con người cộng sản đã đè bẹp sự khôn ngoan, sự sáng suốt và khả năng vận ngoại của ông Hồ Chí Minh. Nếu ông Hồ cũng hành động như Sukarno, chịu gác vấn đề chủ nghĩa lại, chịu nhân nhượng và hòa nhập vào bàn cờ thế giới với Huê Kỳ, thì Việt Nam hẳn đã Độc Lập ngay khi thế chiến hai kết thúc, và Pháp cũng đã không tài nào trở lại hòng tái chiến Đông Dương. Ông Hồ Chí Minh và những người kế nghiệp đã lãnh đạo nước đúng theo đường lối cộng sản quốc tế, bất chấp mọi hậu quả cùng cái giá mà nhân dân và đất nước phải trả, khi đặt Việt Nam đứng hẳn vào hàng ngũ Nga Sô và Trung Cộng để phải một mình trực tiếp đương đầu với Mỹ trong cuộc cờ tranh chấp giữa hai khối, mệnh danh là "chiến tranh lạnh."

Chính sách cực đoan và giáo điều của ông Hồ Chí Minh đã là đầu mối gây nên cuộc chiến tranh đẫm máu liên tục trong 30 năm qua (1945-1975), hết chiến tranh chống ngoại xâm lại đến chiến tranh ý thức hệ huynh đệ tương tàn.

Chiến tranh Việt Nam nay coi như đã giải quyết xong sau ngày Hà Nội xé Hòa ước Balê 1973, tấn công vào Sàigòn ngày 30-4-1975 để thống nhất đất nước bằng bạo lực. Tuy nhiên, hai mươi năm sau, những hậu quả của đường lối chính trị sai lầm của tập đoàn lãnh đạo cộng sản Hà Nội không những vẫn còn y nguyên đó mà còn tệ hại bội phần hơn. Chính sách chuyên quyền, bạo lực, phản dân chủ, đã khiến cho đất nước ngày càng suy sụp, lạc hậu, nghèo đói, tạo ra một xã hội hỗn loạn, bất công, sa đọa, tham nhũng, thối nát, chà đạp nhân phẩm, gây nên bao nhiêu oán hận, và thất vọng nơi toàn thể nhân dân.

Việt Nam với viễn đồ trước mắt

Ngày nay, đế quốc Nga Xô đã hoàn toàn sụp đổ và chiến tranh lạnh giữa Nga-Mỹ đã dứt khoát ngã ngũ. Lò lửa chiến tranh nóng bỏng, sôi sục ở Trung Đông giữa phe Hồi giáo Palestine và Do Thái, từng bị ngờ sẽ là đầu mối của thế chiến ba, nhờ ở vai trò hòa giải tích cực của Hoa Kỳ, cũng đã được đôi bên đồng tình dập tắt hầu chung sống, xây dựng hòa bình. Tuy nhiên vẫn còn những vùng gay cấn còn sót lại, chưa được giải quyết. Tụ điểm tầm ẩn, âm ỉ, căng thẳng nhất trên thế giới hiện nay cũng như trong tương lai, lại là Đại lục Á Châu. Mọi nước, từ Nga, nhật, Anh, Pháp, Mỹ... đã bắt đầu quan tâm lo ngại trước mưu đồ củng cố tiềm lực kinh tế, quân sự và vũ khí nguyên tử của Trung Quốc, trước nay vẫn tự coi là "cái rốn" của vũ trụ, là trung tâm điểm của thế giới và nhân loại.

Chủ nghĩa cộng sản tại Tổ đình ở Moscow đã tàn rụi từ mùa thu năm 1991, còn cành lá cộng sản ở Hà Nội, tuy héo hon, vẫn chưa kịp khô cháy thành tro bụi. Nhưng có lẽ vì quá nôn nóng, thấy cần phải chuẩn bị đối phó với tình thế bất ổn, đầy đe dọa trước mắt, do chính sách bá quyền và bành trướng của Bắc Kinh, không ai bảo ai, thế giới đã vội vã tranh nhau nhảy vào đầu tư tại Việt Nam, như muốn "củng cố" chính quyền Hà Nội bằng kinh tế trước, quân sự sau, với một **ý đồ cực kỳ đen tối, là âm mưu sử dụng cộng sản Việt Nam trở lại làm vật hy sinh, làm con cờ thí, làm tên lính đánh thuê, làm nút chận**, phòng có ngày con Sư Tử Tàu bừng tỉnh dậy, gây kinh hoàng trên thế giới!

Lịch sử vẫn thường tái diễn. Việt Nam ta, một lần nữa, lại đứng trước một khúc quanh hiểm nghèo, phải đối diện với những vấn đề to lớn trước mắt dở những âm mưu chính trị hiểm độc của các cường quốc trên thế giới toan tính sắp bày. Vấn đề cấp bách đặt ra là:

Âm mưu chuẩn bị hòng **trở lại đưa đất nước và dân tộc Việt Nam lọt vào một "chiến lược toàn cầu" mới, trong vai trò đầu cầu, vai trò nút nhận và trái độn**, liệu có phải là một toan tính hợp thời, hợp tình, hợp lý hay không? Hay chỉ là một tính toán điên rồ, sai lầm về chiến lược, về phương pháp cũng như về tâm lý?

Nhằm vào mục tiêu nói trên, Hoa Kỳ như đang có bước dần đến chỗ giải tỏa cấm vận cho chính quyền Hà Nội. Nhưng bãi bỏ cấm vận và viện trợ kinh tế cho Việt Nam phải nhắm vào mục đích **giải tỏa áp bức bất công, xoa dịu và nâng cao mức sống của người dân Việt, nạn nhân trực tiếp và khốn khổ nhất của chiến tranh kể từ thế chiến hai.** Cấm vận hay bãi bỏ cấm vận, nhất định không thể và không phải là một lợi khí chính trị để trả giá, đặt điều kiện nhằm mục đích tối hậu là củng cố chính quyền Hà Nội, hòng sử dụng, lèo lái cộng sản Việt Nam để đương đầu với cộng sản Trung Hoa.

Trong việc giải tỏa cấm vận, Hoa Kỳ cần phải chứng tỏ thiện chí đối với người dân Việt Nam bất hạnh. Hoa kỳ phải đòi hỏi nhân quyền tại Việt Nam, phải buộc Hà Nội trả tự do cho những tù nhân chính trị, các vị tu sĩ, các nhân sĩ, trí thức và mọi giới, nói chung là những người đã phải chống đối cộng sản chỉ vì công phẫn và tủi nhục trước chính sách cai trị độc tài, bạo ngược của chính quyền Hà Nội, và đẩy đất nước và dân tộc Việt Nam xuống tận hố sâu. Điều kiện tiên quyết để bỏ cấm vận là buộc Hà Nội phải thực thi dân chủ, tự do và nhân quyền cho Việt Nam.

Còn nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội đừng có vội nghĩ lầm rằng điểm bế tắc cho Việt Nam ngày nay là kinh tế. Kinh tế chỉ là hệ quả. Điểm chính yếu và căn bản là **niềm tin từ nhân dân**. Chỉ khi nào có tự do dân chủ và nhân quyền thật sự, thì không cần phải nằn nì, thế giới sẽ tranh nhau đổ dồn yểm trợ kinh tế cho Việt Nam. Điều dễ hiểu là vì Việt Nam là một vị thế kinh tế chiến lược cho vùng Đông Nam Á. Hơn nữa đất nước lại đồi dào tài nguyên tiềm ẩn và người dân Việt lại thông minh, cần cù. Ngoài ra, có tự do dân chủ thì mới có sáng kiến và sự tham dự của quốc dân,

có sự đóng góp và kiểm soát cần thiết của công luận trong việc tái tạo đất nước. Bằng không thì tiền bạc của thế giới đầu tư vào Việt Nam, rốt cuộc chỉ có chạy vào túi tham không đáy của guồng máy tham nhũng và hủ hóa của chính quyền cộng sản, trong lúc tài nguyên đất nước cứ khô cạn dần mà nhân dân lại lầm than, cực khổ, điêu đứng.

Ngày nay cuộc cờ thế giới đã hoàn toàn biến đổi. Đã quy về một mối là Liên Hiệp Quốc. Quả đúng như dự phóng của cố Tổng Thống Roosevelt, người đã có công sáng tạo, đã đặt nền tảng tinh thần và nguyên tắc xây dựng cơ sở và cơ chế quốc tế trên căn bản của Hiến Chương Đại Tây Dương và Hiến Chương Liên Hiệp Quốc. Chấp nhận tinh thần Hiến Chương Đại Tây Dương là cái giá mà các Đế quốc thất sủng Anh, Pháp, Nga... phải trả, trước khi được Hoa Kỳ nhập cuộc để giải cứu Âu Châu, đánh bại phe Trục gây hấn, gây ra thế chiến hai. Đối tượng cao cả và thiết thực của Hiến Chương Đại Tây Dương là khẳng định những nguyên tắc nhằm:

> *Giải thể thuộc địa, chấm dứt thời đại cai trị, bạo động, đàn áp, người bóc lột người, từ bỏ mọi mưu đồ xâm lăng cùng mọi tham vọng lỗi thời của những đế quốc thực dân cũ và mới.*

Văn kiện lịch sử then chốt này là căn bản để đề ra Hiến Chương Liên Hiệp Quốc, giúp TT Roosevelt dự phóng vạch ra một **trật tự mới** trên trái đất, tiến đến việc tạo dựng một cộng đồng nhân loại hòa hợp, công bằng, tự do, hòa bình, nhân ái và cộng tồn trên nền tảng của tổ chức Liên Hiệp Quốc.

Nói tóm lại, cùng với sự tàn rụi của chiến tranh lạnh và sự phục hồi uy tín cùng cương vị của Liên Hiệp Quốc, **thế giới ngày mai** không còn là một thế giới lưỡng cực đối đầu tranh chấp về chính trị và quân sự. Sẽ là một **thế giới đa cực đấu tranh về kinh tế** theo những quy ước quốc tế, mà Liên Hiệp Quốc sẽ đóng vai trò tài phán tích cực.

Phương pháp ôn hòa, thích nghi và ứng nghiệm nhất đã giải quyết ôn thỏa mọi vấn đề gay cấn trên thế giới ngày nay, như cố TT

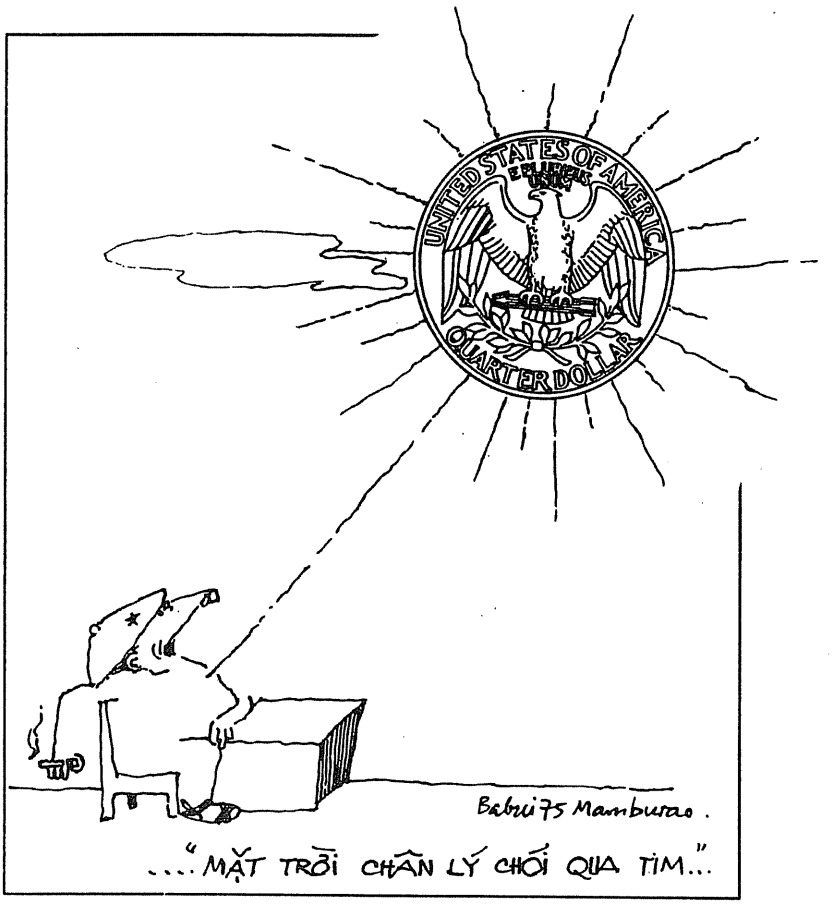

Roosevelt đã trù định sẵn, là phải khởi từ cơ chế Liên Hiệp Quốc. **Vấn đề ngăn chặn và ép buộc Trung Quốc phải tự chế về quân sự, về vũ khí hạt nhân và phải cởi mở về chính trị để đảm bảo, duy trì an ninh tại Đông Nam Á và hòa bình thế giới, phải được đem ra giải quyết bằng các biện pháp quốc tế từ Liên Hiệp Quốc.**

Một Giải Pháp Quốc Tế cho Việt Nam

Song song với vấn đề Trung Quốc là vấn đề Việt Nam. Trở lại thời đệ nhị thế chiến, Nhật Bản trước khi tràn xuống Đông Nam Á để gây hấn với Hoa Kỳ, đã phải đặt chân đến Việt Nam, một bàn đạp chiến lược then chốt. Ngày nay, đối với hiểm họa trước mắt cũng vậy, con sư tử Tàu một khi đã vùng dậy để tóm thâu Châu Á và thế giới, cũng sẽ phải khởi sự chỉa mũi dùi vào Việt Nam trước tiên. Hơn nữa, từ ngàn xưa Trung Quốc vẫn luôn luôn dòm ngó, tìm mọi cơ hội để thôn tín Việt Nam. Việt Nam, vì có một vị thế địa lý đặc biệt, đã phải bao phen can cường hy sinh gian khổ để đẩy lùi mọi cuộc xâm lăng từ phương Bắc, đã từng phải đóng vai trò một tiền đồn ngăn chặn sự bành trướng của Tàu tràn xuống Đông Nam Á.

Ngày nay, **trong một thế giới có tổ chức và công ước quốc tế, Việt Nam nên tìm một "biện pháp quốc tế" từ Liên Hiệp Quốc** để trù liệu và bảo đảm nền Độc Lập, Trung Lập và an ninh cho đất nước và dân tộc.

Then chốt của vấn đề ngăn chặn chiến tranh ở Đông Nam Á là nỗ lực áp dụng đúng mức "kế hoạch Roosevelt" cho Việt Nam. Có nghĩa là Trung Lập Hóa với đầy đủ mọi bảo đảm an ninh và một quy chế quốc tế cho Việt Nam, do Liên Hiệp Quốc chủ trương và cam kết đảm bảo. Bất cứ một nước nào, kể cả Trung Quốc, dù chỉ âm mưu hay đã trắng trợn xâm phạm lãnh thổ Việt Nam, đều cũng bị xem như đã vi phạm vào "quy chế của Liên Hiệp Quốc dành cho Việt Nam", và Liên Hiệp Quốc phải lãnh trách nhiệm chận đứng, đối phó, trừng trị.

(Đừng lầm tưởng cái "chiêu

bài Trung Lập" Đông Dương của Tướng De Gaulle với **giải pháp Quốc Tế Hóa và Trung Lập Hóa Việt Nam** của cố Tổng Thống Roosevelt. De Gaulle chỉ đưa ra chiêu bài Trung Lập với hy vọng sẽ hất Mỹ ra khỏi Việt Nam, gỡ danh dự cho Pháp, năm 1954 đã phải rút lui khỏi Đông Dương sau trận Điện Biên Phủ. Nếu De Gaulle thực sự tin tưởng vào giải pháp Trung Lập thì khi hội kiến với TT Truman tại Tòa Bạch Ốc cuối tháng 8 năm 1945, De Gaulle đã phải đề nghị Hoa Kỳ áp dụng Kế Hoạch Roosevelt cho Việt Nam. Trái lại De Gaulle đã yêu cầu Truman thuận cho Pháp trở lui lại Đông Dương. Lỗi lầm tai hại của TT Truman là đã làm ngược lại đường lối của người tiền nhiệm là cố TT Roosevelt, từng quyết chí không để cho thực dân Pháp có cơ hội trở lại Đông Dương hòng cai trị và bóc lột một cựu thuộc địa mà Pháp không những đã không khai hóa mà còn để mất vào tay Quân Phiệt Nhật).

Tóm lại, kế hoạch Trung Lập Hóa Việt Nam theo tinh thần Roosevelt, là **biện pháp chính trị tinh vi, hữu hiệu và ít tốn kém nhất để cầm chân Trung Quốc.** Cũng như việc trù liệu một quy chế quốc tế cho Việt Nam sẽ có tác dụng thiết thực và hữu ích cho nhân dân Việt Nam hơn là củng cố Việt Nam về mặt quân sự, hòng đối đầu ngăn chặn Trung Quốc.

Việt Nam ở ngày mai nên cam kết không để cho bất cứ một thế lực nào xử dụng lãnh thổ Việt Nam hòng áp đảo nền an ninh của bất cứ nước nào, nhất là nhắm vào Trung Quốc. Việt Nam của ngày mai nên chủ trương không võ trang bằng vũ khí hạt nhân, sẽ không là một mối đe dọa cho bất cứ quốc gia lân bang nào. Việt Nam nên chủ trương chung sống Hòa Bình với mọi quốc gia trên thế giới và nhất là với mọi quốc gia trong vùng; nền quốc phòng của Việt Nam sẽ chỉ nên nhắm vào mục đích phòng thủ và tự vệ, không nhằm tấn công ai cả.

Trong lúc mọi nước trên thế giới đang nỗ lực hợp tác thành lập những khối liên minh kinh tế vùng, như ECC cho Âu Châu, NAFTA cho Bắc Mỹ Châu, Việt Nam trong tương lai cũng sẽ phải là thành viên tích cực cho liên minh kinh tế vùng Đông Nam Á. Nhưng cũng chỉ là một sự liên minh thuần túy kinh tế để cạnh tranh kinh tế với thế giới. Việt Nam nhất quyết đứng hẳn ra ngoài mọi liên minh quân sự, sẽ không còn là "tiền đồn quân sự" để chống lại hay chống bất cứ cái gì.

Việt Nam trước kia, chỉ vì nằm lọt vào giữa cuộc cờ của thế giới lưỡng cực, đã phải hy sinh làm "con cờ thí" và đã trở thành nạn nhân trực tiếp và thê thảm nhất của cuộc tranh chấp giữa các siêu cường, đã từng phải làm tiền đồn "chống Mỹ", "chống cộng", làm cái "nắp xì hơi an toàn" trong cuộc chiến tranh lạnh để cho thế giới được an hưởng hòa bình vui sống trong suốt mấy chục năm qua. Tuy bị gọi là "chiến tranh lạnh", nhưng đối với người Việt Nam, cuộc chiến tranh ấy lại cực kỳ "sôi bỏng", đẫm máu, kinh hoàng... Vũ khí tối tân, tối độc mà cả hai khối đối đầu Mỹ-Nga đã ồ ạt tải đến võ trang cho hai miền Nam và Bắc Việt Nam để thử nghiệm, quần thảo, dọ sức nhau, thử xem "ai thắng ai", chẳng những đã sát hại nhân dân mà còn làm tan nát cơ đồ nước Việt ròng rã mấy chục năm liền, di hại đến nhiều thế hệ mai sau.

Ngày nay, cuộc cờ đã tàn và ngã ngũ ai thắng ai thua. Việt Nam đã học được một bài học quá đắt và cay đắng trong chính sách theo chân các siêu cường. Việt Nam nhất quyết sẽ không để lọt vào cái thế đơn độc phải biến thành tiền đồn "chống Trung Quốc", dem nhân dân Việt Nam ra làm bia đỡ đạn hòng ngăn chặn hiểm họa vùng dậy của con Sư tử Tàu, **đe dọa toàn thể thế giới và nhân loại** chứ chẳng phải riêng gì Việt Nam mà thôi!

Suốt trong thời gian chiến tranh lạnh, người dân Việt tại hai miền Nam Bắc đã phải điêu đứng trong cuộc chiến tranh sôi bỏng trên đất nước Việt Nam, trong lúc nhân loại vui hưởng hòa bình. Ngày nay, nhân dân Việt Nam có quyền được sống, vươn lên và an hưởng thái bình, an lạc. Liên Hiệp Quốc và thế giới có trách nhiệm phải trù liệu một biện pháp quốc tế cho vấn đề Trung Quốc và Việt Nam, phải đáp ứng thỏa đáng nguyện vọng hòa bình chân chính của người dân Việt.

"Kế hoạch Roosevelt cho Việt Nam" là con đường tương lai xán lạn và an toàn cho đất nước và dân tộc Việt Nam. Quốc tế hóa và Trung Lập Hóa Việt Nam còn là một đảm bảo để củng cố an ninh tại ba nước ở Đông Nam Á, tại Đông Nam Á và duy trì hòa bình thế giới. Thế giới và bất cứ chính quyền nào ở Việt Nam, nếu còn mưu toan bố trí, sắp đặt cho Việt Nam trở lại làm con chốt thí một lần nữa, là phản lại ước vọng hòa bình chính đáng của người dân Việt và nghịch với quyền lợi sống còn của đất nước Việt Nam.■

3-10-1993

Đón Đọc

THƠ BÙI GIÁNG

Tuyển Tập Mới Nhất

Một thời gian dài sau năm 1975 chênh mảng với Nàng Thơ, từ năm 1992 qua nửa đầu năm 1993 nhà thơ Bùi Giáng bỗng bắt lại nhịp sáng tác dồi dào.

Hàng trăm bài thơ trong một cơn *bùng nổ sáng tạo* đầy yêu thương, đau khổ, siêu thoát...

Làm thơ hay nhất đất trời
Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên
Cái khùng cũng vậy tuy nhiên
Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay...

Bùi Giáng

Saigon Tháng Năm — 1993

GỬI RA TỪ TRONG TÙ

ĐOÀN VIẾT HOẠT

Đoàn Viết Hoạt, Saigon 1992

LTS — Cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại đã nhất loạt lên tiếng phản đối nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam về việc kết án và giam cầm ông Đoàn Viết Hoạt và các bạn của ông trong nhóm Diễn Đàn Tự Do. Gần đây, cuốn sách "Đoàn Viết Hoạt và nhóm Diễn Đàn Tự Do" do nhà Trăm Hoa tại Hoa Kỳ xuất bản, đã tập trung đầy đủ tài liệu về "vụ án" này để giới thiệu rộng rãi tới người Việt trên khắp thế giới.

Biết được tất cả các cố gắng đó của cộng đồng Việt Nam hải ngoại, từ trong trại tù Hàm Tân, ông Đoàn Viết Hoạt đã viết một bức thư vào ngày 1 tháng Chín 1993. Bức thư đã chuyển được ra ngoài, và sau đây là nội dung bức thư đó:

Chúng tôi rất cảm động và phấn khởi được biết cộng đồng người Việt hải ngoại đã tích cực vận động, bênh vực anh em chúng tôi trong những ngày vừa qua. Chính nhờ những cố gắng ấy mà lương tâm dân tộc và thế giới đã được báo động về số phận khó khăn của những người dân chủ trong nước. Không gì quý hơn cho các tù nhân lương tâm chúng tôi là được biết rằng mình không bị bỏ quên trong cuộc tranh đấu gian lao này. Các áp lực quốc tế bênh vực dân chủ và nhân quyền đã giúp đỡ anh em chúng tôi rất nhiều. Xin các bạn gửi lời cảm ơn của chúng tôi đến các chính phủ, các tổ chức nhân quyền quốc tế đã bênh vực chúng tôi nhân danh những giá trị phổ cập của loài người.

Cá nhân của mỗi người trong chúng tôi, nhất là cá nhân tôi, chẳng có gì đáng kể. Tôi hiểu rằng anh chị em đã tranh đấu trước hết vì nhân quyền và dân chủ. Đó là niềm vui lớn cho chúng tôi bởi vì không có gì quý báu hơn được có những người cùng chia sẻ lý tưởng mà chúng tôi đã đem chính đời mình để thực hiện.

Tổ quốc đang trải qua một giai đoạn chuyển tiếp quan trọng. Chủ nghĩa cộng sản đang cáo chung nhưng tương lai đất nước vẫn còn mờ mịt. Với sự hình thành của một nền kinh tế tư bản man dại, tuy một số tiến bộ ngoài mặt đã thấy được, nhưng trong chiều sâu đất nước đang tổn hại trầm trọng về vật chất cũng như tinh thần. Giáo dục, văn hóa, y tế đều phá sản. Xã hội bị phân hóa, các giá trị đạo đức bị băng hoại. Chênh lệch giàu nghèo lộ liễu như chưa bao giờ thấy và vẫn còn đang gia tăng mau chóng. Buôn lậu, tham nhũng đã ngự trị trên đất nước ta như một nếp sống. Chủ quyền kinh tế đang mất dần vào tay người ngoại quốc và chẳng bao lâu với đà này chủ quyền quốc gia cũng chỉ còn là hình thức. Sự phồn vinh giả tạo hiện nay đã chỉ phục vụ cho quyền lợi ngắn hạn của một thiểu số, và vì chỉ dựa trên một nền tảng bệnh hoạn nên sẽ khựng lại sau khi đã gây nội thương trầm trọng cho đất nước.

Cho đến nay, những tiếng nói báo động không được lắng nghe mà còn bị bóp nghẹt. Những bản án chính trị thô bạo đối với nhiều người, trong đó có anh em chúng tôi, đã chứng tỏ rằng chính quyền này chỉ có một quan tâm duy nhất là duy trì độc quyền chính trị. Một liên minh giữa đảng cộng sản và giới tài phiệt trục lợi đang hình thành. Nếu cuộc vận động dân chủ không đủ mạnh, để liên minh này thành công, thì tương lai đất nước sẽ vô cùng đen tối. Trong lịch sử của mọi quốc gia đều có những giai đoạn nghiêm trọng đòi hỏi sự dũng cảm và sáng suốt của mọi người, trước hết là những người trí thức. Chúng ta đang ở giai đoạn đó.

Đất nước ta do xương máu, mồ hôi và nước mắt của ông cha tạo ra và để lại cho con cháu cùng xây dựng và cùng gìn giữ. Chúng ta không thể để một phe nhóm nào chiếm đoạt làm của riêng. Dù phải hy sinh đến đâu, chân lý này không thể nào dời đổi.

Trong suốt dòng lịch sử hơn bốn ngàn năm của nước ta, biết bao anh hùng liệt sĩ đã đem đời mình để bảo vệ bờ cõi và chủ quyền dân tộc. Ngày hôm nay, vấn đề của chúng ta là dân chủ hóa. Cho nên chúng ta càng phải chấp nhận mọi cố gắng và mọi hy sinh để đất nước có dân chủ. Ý thức được sự cần thiết tuyệt đối của dân chủ và cũng ý thức được hiểm họa độc tài đang đe dọa đất nước, chúng tôi đã hành động theo tiếng gọi của non sông và theo mệnh lệnh của lương tâm. Không có sự đày đọa nào có thể làm chúng tôi nhụt chí. Nhất là khi chúng tôi biết chắc chắn rằng chúng tôi không đơn độc.

Nếu trong nhất thời bạo lực có tỏ ra áp đảo, chúng ta cũng không thể vì thế mà nao núng. Mặt khác, chúng ta cũng không vì phải chịu đựng sự hung bạo mà rời bỏ tinh thần hòa giải và bao dung và đường lối tranh đấu ôn hòa bất bạo động. Trong tất cả mọi tình huống, chúng ta đừng bao giờ quên rằng cuộc đấu tranh của chúng ta là cuộc đấu tranh cho lẽ phải, cho lòng thương yêu và cho hòa bình. Lý tưởng cao đẹp ấy phải được theo đuổi bằng những phương thức và những tình cảm xứng đáng với nó. Nhân nghĩa sẽ thắng hung tàn. Không kìm kẹp nào thắng nổi khát vọng chính đáng của cả một dân tộc 72 triệu người. Nanh vuốt của độc tài thực ra không đáng sợ lắm. Nếu chúng ta chưa thành công thì cũng chỉ vì cuộc vận động dân chủ chưa đến được một cách đầy đủ với mọi người. Đó là việc mà chúng ta phải tiếp tục làm với tất cả kiên trì.

Đồng thuận về dân chủ đa nguyên đã có. Thắng lợi của dân chủ đa nguyên sẽ rất gần nếu chúng ta giữ vững được lòng tin và vượt được lên trên những trở ngại để đoàn kết trong một cuộc vận động dân chủ có phối hợp.

Xin gởi các bạn lời chào chí hữu trong mục tiêu hướng tới một nước Việt Nam dân chủ và bao dung.■

Tìm đọc

ĐOÀN VIẾT HOẠT
và nhóm
DIỄN ĐÀN TỰ DO

Nhà xuất bản
TRĂM HOA, 1993

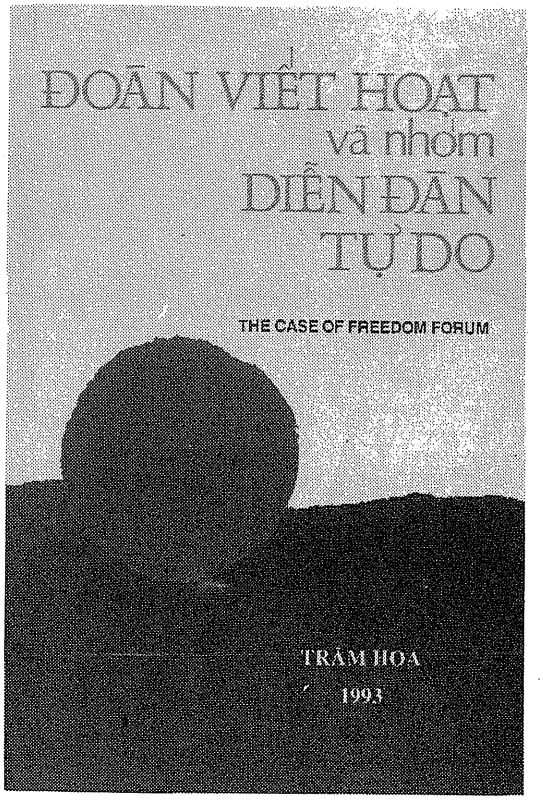

NHÌN LẠI LỊCH SỬ VIỆT NAM THẾ KỶ XV

HỒ NGUYÊN TRỪNG: MỘT NGƯỜI VIỆT LƯU VONG Ở HẢI NGOẠI hay NGƯỜI TÀU ĐÃ HỌC ĐƯỢC NHỮNG GÌ Ở NGƯỜI VIỆT?

PHẠM CAO DƯƠNG

viết cho tuổi trẻ Việt Nam ở hải ngoại

"Người Việt đã học được rất nhiều ở người Tàu, đã chịu ảnh hưởng của người Tàu rất sâu đậm. Điều đó ai cũng biết, không còn gì phải bàn cãi nữa. Nhưng nếu nói rằng người Việt là hay, là giỏi thì người Tàu có học được điều gì từ người Việt hay không? và sách sử có nói gì về điều này hay không?"

Câu hỏi có vẻ nghịch lý và gần như trêu chọc, mỉa mai này đã hơn một lần được những người trẻ hỏi tôi trong những buổi thuyết trình và thảo luận về văn hóa Việt Nam mà tôi có dịp tham dự. Tôi biết có em chỉ hỏi tôi cho vui và cho có chuyện để hỏi, nhưng cũng có em thiệt tình muốn biết và muốn giải tỏa những ấm ức ở trong lòng về khả năng của dân tộc mình, một dân tộc một mặt rất hãnh diện về nhiều ngàn năm lịch sử của mình, nhưng mặt khác đã bị nhìn như thiếu khả năng sáng tạo, thiếu những cái nhìn về tương lai, do đó chỉ sinh tồn giỏi mà không tiến bộ, không phát triển và không đóng góp được gì vào nền văn minh chung của nhân loại. Các em đã không tin rằng người Việt chỉ có khả năng bắt chước, dù là bắt chước để tồn tại và đã hỏi với một sự tin tưởng rằng tôi sẽ tìm ra một giải đáp nào đó, dù sớm hay muộn. Câu hỏi này nhất thời đã không được tôi trả lời một cách ổn thỏa, mặc dù tôi đã có dịp đọc một số truyện liên hệ từ hồi còn ở quê

nhà. Tất cả chỉ là những khất lần cho qua chuyện, qua chuyện dối với những người trẻ ngồi trước mặt tôi trong những buổi hội thảo kể trên, nhưng sau đó đã trở thành một mối ám ảnh và vô cùng bực bội cho riêng tôi.

Cuộc sống tị nạn của tôi ở một vùng quê mùa về phương diện văn hóa. Mặc dù là một vùng của kỹ nghệ và kỹ thuật cao của Mỹ tôi đã không tìm ra được những gì tôi cần, đặc biệt là vào lúc người Mỹ muốn, hay rõ hơn, cố tình quên đi chuyện Việt Nam, ít ra là cho đến những năm gần đây. Thật là, trái hẳn với một số vùng ở miền đông hay miền Bắc nước Mỹ, nơi một người bạn tôi khi bàn về việc mở các lớp về Việt học ở các đại học Mỹ đã nói dùa là có đủ thứ nhưng không có "khứa", còn vùng tôi ở thì có "khứa" nhưng thiếu đủ thứ. Tại đây muốn kiếm gì chuyên môn một chút về Việt Nam, tôi phải qua Pháp, sang các đại học miền Đông hay liên lạc với thư viện Quốc hội Mỹ, hay ít nhất phải lên đại học Berkeley. Nhưng ngay tại đại học Berkeley, từ năm 1986, khi tôi khởi sự viết bài để trả lời câu hỏi kể trên, và lên đây kiếm tài liệu, tôi đã không còn thấy một số những gì tôi thấy trên các giá sách ở thư viện khảo cứu của trường này trong mấy năm trước nữa. Hỏi ra tôi được biết là các tài liệu này đã được cất vào kho ở Richmond và muốn có tôi phải yêu cầu lấy ra và phải chờ. Lý do là vì Việt Nam hồi đó không còn được coi là khu vực ưu tiên nữa. Điều dáng buồn là Berkeley là đại học công lập lớn nhất California và cũng như ở nhiều đại học khác trong tiểu bang này ta có những con số sinh viên Việt Nam không phải là nhỏ. Môn học không được giảng dạy, sách vở đương nhiên bị coi là không cần thiết. Những gì đã có, người ta không mua nữa vì không có nhu cầu, chưa kể tới tình trạng bị cạnh tranh. Trong khi đó, sinh viên Việt Nam, ngoại trừ một vài trường hợp lẻ loi và vô cùng cô đơn, và cộng đồng Việt Nam, không bao giờ đòi hỏi và ngay cả hỗ trợ cho cố gắng của các nhân viên giảng huấn để có được những gì lẽ ra cộng đồng nói chung và giới trẻ Việt Nam phải có.

Nhiều người Mỹ hồi cuối thập niên sáu mươi hay đầu thập niên

bảy mươi chọn học về Việt Nam, sau đó đã khởi sự giảng dạy về Việt Nam nhưng cuối cùng đã phải bỏ nghề hay bỏ đi nước khác vì không có học trò. Một số trong những trường hợp mà tôi biết rõ là trường hợp của một vị trưởng ban sử học ở một đại học ở California. Ngay từ đầu thập niên tám mươi, ông muốn thấy sử Việt Nam được dạy ở ban ông, nhưng để mở đầu, ông muốn sinh viên Việt Nam đứng ra yêu cầu như trường hợp của những lớp khác tương tự. Ông đã tự đi kiếm số điện thoại của ban đại diện sinh viên Việt Nam, gọi người chủ tịch để đưa ý kiến. Sau đó trong một thư riêng gửi cho tôi và trong một lần điện đàm, ông đã lạc quan, khen người sinh viên là thông minh, là thiện chí, đủ thứ. Sau đó tất cả đều chìm vào quên lãng. Ba năm sau, gặp lại ông, ông cho biết rằng không ai hỗ trợ ông cả, nhưng ông muốn làm lại từ đầu mặc dù ông không còn làm trưởng ban nữa. Tôi giải thích cho ông rằng người Việt Nam, ít ra là cho đến năm ông có ý định tốt đẹp đó, vẫn thấy mình là tị nạn và không quen đòi hỏi; vả lại ở Việt Nam mọi chuyện thường phát xuất từ trên xuống , nhất là trong phạm vi giáo dục, nếu ông thấy cần làm điều gì, cứ thực hiện trong cương vị của mình, không nên trông đợi ở bà con, anh em của tôi, mặc dù lúc ấy tôi nghĩ tới những vận động thành công của các bạn bè tôi ở vùng Hoa Thịnh Đốn cho các chương trình tị nạn. Sau đó tôi đem truyện này kể lại cho nhiều người nghe, trong đó có một số anh em trẻ, nhưng hầu hết mọi người đều tỏ vẻ thờ ơ, lạnh nhạt. Những lớp về văn hóa lịch sử Việt Nam, ngôn ngữ Việt Nam và văn chương Việt Nam, về người Việt Nam ở Mỹ có vẻ không hấp dẫn với đa số các anh em trẻ hồi đó và nhiều khi bị coi là không cần thiết. Trong khi đó thì đi đâu người ta cũng nói tới chuyện bảo tồn văn hóa, duy trì nguồn gốc, giữ gìn tiếng nói, đi đâu người ta cũng than phiền về các nhà báo, các nhà làm phim Mỹ cố tình bóp méo hay không hiểu về lịch sử và văn hóa Việt Nam.

Cũng trong khi đó thì một số các diễn giả người Việt đi thuyết trình cho người Mỹ về văn hóa Việt Nam đã không nói gì hơn trong 45 phút hay một giờ là lập đi lập lại các yếu tố của văn hóa Tàu một cách cứng nhắc rồi sau đó dùng khả năng Anh ngữ của mình để pha trò bằng những truyện bịa đặt. Có người lại giải thích rằng chữ *thị* trong tên người đàn bà Việt Nam có nghĩa là chợ vì người đàn bà có nhiệm vụ lo việc chợ búa, hay Việt Nam không có một triết lý giáo dục nào v.v.... Đó là những người thông thạo tiếng Anh và đối với người Mỹ chỉ cần là người Việt Nam, có bằng cấp và nói được tiếng Anh là xong, không cần người đó có học hỏi hay biết gì về văn hóa Việt Nam hay không. Cuối cùng thì lịch sử Việt Nam bị cưỡng hiếp bởi một số nhà báo, các tác giả và các nhà làm phim Mỹ, còn văn hóa Việt Nam thì bị hiếp bởi một số thông ngôn người Việt. Trong khi đó thì ta có không biết bao nhiêu các nhà giáo, các học giả lão thành vì không thông thạo Anh ngữ, ít ra là trong những buổi đầu hay vì lý do tính nhún nhường cố hữu đã không bao giờ được hỏi tới hay không muốn dính dáng tới các hoạt động tương tự.

Trở lại với câu hỏi "Người Tàu đã học được những gì của người Việt?". Trước đây mỗi khi bị hỏi tôi chỉ tạm thời mách các anh chị em trẻ là nếu nhìn vào danh sách các cống phẩm mà triều đình nước Tàu thường đòi hỏi các vua chúa Việt Nam gửi sang cho họ ta có thể tìm thấy phần nào câu trả lời vì ngoài các đồ quí giá và các sản phẩm địa phương, ta còn thấy có học trò, thầy thuốc, thầy số, thầy bói, các thợ khéo và luôn cả các nhà sư nữa. Nước Tàu là nước đông dân, nhân tài chắc chắn không thiếu, thế mà người Tàu lại bắt dân ta phải cống nạp các hạng người kể trên, phải chăng là họ đã tìm thấy ở dân ta những khả năng hiếm có có thể phục vụ hay truyền dạy cho họ được?

Phải chăng đó là một hình thức thu hút chất xám và làm giàu cho văn hóa, khoa học và kỹ thuật của Trung Quốc, một hình thức học kiến thức và kỹ thuật của người Việt một cách khôn khéo, học mà không nhận học, học một cách trịch thượng của người Tàu. Riêng về trường hợp của các tu sĩ Phật Giáo ta cũng cần phải để ý là ngay từ thời Bắc thuộc đã có những nhà sư người Việt như Phụng Đình Pháp Sư và Duy Giám Pháp Sư sang giảng kinh trong cung vua Đường. Sau này vào cuối thời nhà Trần, nhà Minh nghe nói pháp thuật của sư Nam giỏi hơn sư Bắc nên đã sai sứ sang đòi cống các sư. Trần Đế Hiện đã sai tuyển hai mươi vị sư đưa sang Kim Lăng cống cho nhà Minh. Điều này không có gì là lạ. Phật Giáo Việt Nam đã rất thịnh dưới thời nhà Lý và trước đó cũng đã phát triển mạnh nhờ ở vị trí đặc biệt của nước ta, một vị trí trung gian giữa Trung Hoa và Ấn Độ, tiếp giáp với Chiêm Thành nơi chữ Phạn được dùng, trong khi người Việt lại rành chữ Hán. Điều này giải thích tại sao nhiều kinh điển Phật Giáo đã được dịch lần đầu tại Việt Nam thay vì ở Trung Quốc. Vấn đề nguồn gốc Phật Giáo Việt Nam do đó đã được các nhà nghiên cứu xét lại.

Trở lại với câu hỏi người Tàu đã học được những gì của người Việt. Nếu chỉ kể ra được những sự kiện kể trên mà thôi, tôi thấy chưa ổn nên vẫn để ý tìm kiếm. Gần đây, nhân soạn lại một bộ sử cho giới trẻ của ta ở hải ngoại và có dịp đọc kỹ lại bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* do Quốc Sử Quán triều Nguyễn biên soạn, tôi thấy các tác giả có dẫn lại một đoạn trong tác phẩm *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn nói về việc người Tàu bắt chước người Việt tổ chức lại quân đội của họ. Vì các nhà san định bộ *cương mục* không nói rõ là Lê Quý Đôn đã căn cứ vào đâu để nói như vậy nên trong phần châu phê vua Tự Đức đã cho là nói khoác. Tôi không tin như vậy vì Lê Quý Đôn là một nhà Nho học rộng, nhớ giỏi lại làm việc rất cẩn thận nên đã kiếm đọc lại *Vân đài loại ngữ*. Trong tác phẩm này, quyển thứ tư, nhan đề "Vựng diễn loại", Lê Quý Đôn đã chép lại không những truyện này từ *Tống Sử* mà còn chép thêm cả truyện nhà Minh học được phép chế các thứ súng gọi là thần cơ sang pháo của người Việt từ thiên "Binh chí" trong *Minh sử*. Cả hai bộ *Tống sử* và *Minh sử* đều là những chánh sử của người Tàu. Do đó nếu phê bình như vua Tự Đức là quá vội vã và là phản ảnh của một tinh thần nô lệ, quá tôn sùng người Tàu của các vua nhà Nguyễn cũng như của các nhà Nho ta đương thời. Sau đây là những đoạn Lê Quý Đôn đã trích và đã ghi lại trong *Vân đài loại ngữ* (bản dịch của Phạm Vũ và Lê Hiền, Nhà Xuất Bản Miền Nam ấn hành tại Saigon năm 1973).

"*Tống sử*" chép: *Thái Duyên Khánh là tri châu ở đất Hoạt thường học được phép tổ chức quân đội của An Nam, xin bắt chước qui chế chia làm từng bộ phận. Chia chính binh, cung tiễn phủ, nhân mã đoàn làm chín phủ. Hợp trăm đội chia ra làm tả, hữu, tiền, hậu bốn bộ. Mỗi đội có trì chiến (đóng quân để đánh), thác chiến (đi đánh), khác nhau. Tướng nào cũng có lịnh bộ, quân kỷ, khí giới, chỉ lấy nhân mã phiên binh mà phân biệt. Tất cả đều tùy chỗ đóng mà chia. Số chư tướng không bằng nửa số chính binh. Còn về sự kiềm chế thì cho quân già yếu ở thành trại, tùy xa gần mà chia giữ, không cho binh Phiên và binh Hán ở lẫn với nhau cho khỏi sinh biến. Vua Thần Tông nhà Tống khen mãi.*

Ấy binh pháp của nhà Lý nước ta được triều Tống bên Trung Quốc bắt chước như thế.

Nước ta về triều Lý phía Bắc giáp châu Ung, châu Liêm, phía Nam đánh nước Chiêm, nước Lào, đánh đâu được đấy là bởi lý do đó." (tr. 241)

"Binh chí trong *Minh sử* nói: *Ngày xưa gọi súng đại pháo là lấy tên gọi máy bắn đá ra.*

Nhà Nguyên được súng pháo của Tây Vực, đem đi đánh Thái Châu nước Kim, mới dùng lửa, nhưng phép chế tạo không truyền lại, sau cũng ít dùng.

Đời vua Thành Tổ nhà Minh (1403-1424), đánh nước Giao Chỉ được phép đúc thần cơ sang pháo (các súng máy dủ cỡ). Lúc bấy giờ mới đặt ra đội súng thần cơ. Phép chế ấy dùng đồng đỏ, một nửa là đồng nguyên chất, một nửa là đồng đã nấu lẫn lộn. Dùng sắt mà đúc thì sắt Phúc Kiến mềm tốt hơn. Thứ nhì đến sắt Tây Vực. Súng có nhiều cỡ, lớn nhỏ không đều. Lớn thì kéo bằng xe, nhỏ thì dùng giá gỗ hay vác trên vai. Súng lớn lợi cho việc chiếm giữ, súng nhỏ lợi cho việc chiến đấu, tuy tiện mà dùng. Súng là một thứ binh khí cần cho việc hành quân.

"Sách *Thông kỷ* nói: *Lúc đầu quốc triều chỉ có năm quân doanh. Ấy là trung, tiền, tả, hữu, hậu. Năm Vĩnh Lạc xưa (1403-1424), lấy 3,000 quân kỵ rợ Hồ đặt dưới lá cờ rồng, lập ra Tam thiên doanh. Sau khi Nam phạt (đánh về phía Nam), bắt được Hồ Quý Ly, biết được phép chế thần sang, bắn bằng tên lửa, thì lập ra thần cơ doanh. Thế là ba đại doanh." (tr. 238)*

Riêng về trường hợp của Hồ Quý Ly, Lê Quý Đôn có ghi chép thêm từ các sách Tàu như *Cô thụ biều đàm, Thù vực chu tư lục*, và *Minh sử* như sau:

"*Sách* Cô thụ biều đàm *nói: Nhà Minh cho Lê Trừng, là con Quý Ly làm Hộ bộ thượng thư. Trừng khéo chế súng, chế ra thần sang cho triều đình, cho đến nay tế binh khí đều phải tế Trừng." (tr. 238-239)*

"Sách Thù vực chu tư lục *chép: Em Hồ Hán Thương là Lê Trừng tìm ra phép chế thần sang; vua hạ chiếu cho Trừng làm quan. Ấy là binh khí nước Nam truyền sang Trung Quốc thực sự từ Lê Trừng trước."*

"Minh sử *chép: Năm Vĩnh Lạc (1403-1424), các tướng ngoài biên lập ra Thần Sang Cục. Vua cho là "Chế hỏa khí ngoài biên sợ truyền tập tiết lậu, bất phải thôi." Ấy đối với thần sang thận trọng như vậy." (tr. 239)*

Những đoạn chép trong chánh sử của Trung Quốc và các sách chính của người Tàu kể trên tưởng là quá đủ để chứng minh rằng trong sự tương giao giữa người Tàu và người Việt không phải chỉ có người Việt là học người Tàu mà ngược lại người Tàu cũng học được của người Việt nhiều điều quan trọng. Đồng thời không phải là về phương diện văn minh lúc nào người Tàu cũng tiến bộ hơn người Việt. Một điều chúng ta cần lưu ý ở đây là tinh thần học hỏi và cách sử dụng nhân tài của người Tàu. Thấy người hay lạ họ bắt chước dù đó là từ một nước chư hầu của mình;

thấy người giỏi là họ trọng dụng, dù đó là tù binh của mình và dùng vào những chức vụ quan trọng. Trường hợp của Lê Trừng chắc chắn chỉ là một trong nhiều trường hợp mà thôi, vì ngoài Lê Trừng, trong lịch sử người ta còn thấy nhiều nhân vật Việt Nam khác đã lưu lạc sang Trung Quốc và đã được triều đình Trung Quốc dùng, chưa kể những người bị bắt và bị gửi sang cống như những học trò, những nhà sư, những thầy thuốc, những thầy tướng số, những thợ thuyền giỏi vân vân... Những người này sau đó đã sống ra sao, đã làm những gì và đã có những ảnh hưởng gì tới việc bang giao giữa hai nước là một đề tài quan trọng người học sử có thể khảo cứu được. Riêng về trường hợp Lê Trừng, sách *Cô thụ biểu đàm* nói là ông được phong làm Hộ bộ thượng thư và *Minh sử* thì chép là ông được phong làm Binh bộ thượng thư. Hai chức vụ tuy khác nhau và chức vụ sau có nhiều phần đúng hơn, nhưng tất cả đều là những chức quan cao cấp của triều đình Trung Quốc (1). Điều này chứng tỏ việc làm của ông đối với triều đình Trung Quốc nói riêng và đối với Trung Quốc nói chung là vô cùng quan trọng vì nó liên hệ mật thiết tới an ninh, quốc phòng của nước này. Điều đáng tiếc là Lê Trừng đã không được phục vụ đất nước của mình. Những cuộc tranh chấp nội bộ của người Việt vào cuối thế kỷ XIV và đầu thế kỷ XV, ngay cả vào lúc quân Minh đã xâm nhập vào lãnh thổ của dân tộc, đã đưa ông đến chỗ phải lưu vong và phục vụ người ngoài. Điều nên nhớ là Lê Trừng hay Hồ Nguyên Trừng thực sự là anh của Hồ Hán Thương chứ không phải là em của Hồ Hán Thương như sách *Thù vực chu tử lục* chép. Là anh nhưng Hồ Nguyên Trừng đã không có tham vọng làm vua, cho là mình chỉ có tài nhỏ giúp nước mà thôi. Quan điểm này đã được ông biểu lộ trong câu đối ông đối lại câu của Hồ Quý Ly lấy đề tài "cái nghiên" đã ra cho ông. Hai câu đối này như sau:

Câu của Hồ Quý Ly ra: "Thử nhất quyền kỳ thạch, hữu thời vi văn, vi vũ dĩ nhuận sinh dân" có nghĩa là viên đá nhỏ bằng nắm tay, có lúc làm mây, làm mưa để thấm nhuần cho nhân dân. Câu này tỏ khí độ của người làm vua.

Câu của Hồ Nguyên Trừng đối lại: "Giá tam thốn tiểu tùng, tha nhật tác đống, tác lương kham phò xã tắc" có nghĩa là cây thông nhỏ chừng ba tấc, sau này làm cột, làm xà để phù trì xã tắc. Câu này tỏ ý hướng của kẻ làm tôi.

Vì Nguyên Trừng đối như vậy nên Hồ Hán Thương đã được Hồ Quý Ly cho nối ngôi thay vì Hồ Nguyên Trừng. Nhưng cuối cùng thì tất cả đều đã bị thất bại, bị bắt và bị đưa về Tàu (2).

Viết tới đây tôi nghĩ tới trường hợp của những người Việt hiện lưu vong ở hải ngoại, đặc biệt là những người trẻ hiện đang đem tâm, đem óc của mình ra phục vụ những tổ quốc không phải là Việt Nam. Nhưng dù sao thì Nguyên Trừng hay những người trẻ này cũng còn được trọng dụng, còn có những vốn liếng về văn tự, về kiến thức để sống cuộc sống ở nước ngoài, và đặc biệt vào cuối thế kỷ hai mươi này thì việc giao thông, liên lạc đã trở thành vô cùng nhanh chóng, dễ dàng. Trường hợp của những người thợ khéo, những thầy bói, thầy thuốc... bị tuyển lựa và bị bắt đưa sang cống cho triều đình nước Tàu mới thực sự là thê thảm. Hãy tưởng tượng vào một ngày nào đó họ đang sống một cách yên bình với cha mẹ, vợ con, làng xóm nơi quê nhà, bất chợt bị bắt và bị đày đi xa hàng ngàn dặm, phải sống với và phải phục vụ những người hoàn toàn xa lạ, hầu như không bao giờ nhận được tin nhà cho đến mãn đời. Cho đến nay khi đọc đến những chi tiết này, tôi còn thấy lạnh người. Chúng ta, những người Việt lưu vong khắp thế giới sau biến cố 30 tháng Tư, 1975, hãy còn may mắn hơn các vị tiền bối này rất nhiều. Chúng ta còn có thể liên lạc được với nhau, chúng ta còn có thể liên lạc được với quê nhà không lâu sau đó, nhiều người đã có thể về thăm nhà. Có những bạn trẻ nhiều lần than với tôi rằng các em đã phải sống cô độc một mình, tối tối tự tay mở cửa và bật đèn phòng riêng của mình, hồi còn ở Việt Nam các em không bao giờ phải làm như vậy. Tôi muốn nói rằng các em hãy còn may mắn lắm. Điều đáng lo là sau này những kết quả của sự vận dụng trí thông minh của các em, của những đêm dài cặm cụi học hành, tìm hiểu, tập tành của các em có được dùng để phục vụ cho đồng bào và đất nước của các em hay không, hay chỉ đổi lấy miếng cơm sống qua ngày mà thôi. Tôi không được biết khi làm quan to cho triều đình Trung Quốc, Lê Nguyên Trừng đã nghĩ gì. Tuy nhiên có hai điều tôi tin là đúng. Điều thứ nhất chắc chắn không khỏi có lúc ông đã nhớ và thương về quê hương đất nước của mình, bằng chứng là sau này ông đã lục lọi trí nhớ của mình để viết sách. Tôi muốn nói tới cuốn *Nam ông mộng lục* của ông. Điều thứ hai, điều này đúng một trăm phần trăm, là ông không bao giờ phải viết tên mình là Trừng Lê, Trừng Nguyên Lê, Trừng Nguyên Hồ hay Trừng Hồ cả. Chúng ta, những người Việt sống ở Mỹ không có cái may mắn đó, chưa kể tới chuyện được làm quan to, được liệt trong niên biểu của "thất khanh" của người Tàu như ông.■

(1) Sau khi viết xong bài này, người viết có dịp đọc bài tựa đầu sách của chính Hồ Nguyên Trừng viết vào năm 1438, sau đó là bài tựa cuối sách (hậu tự) do Tống Chương viết vào năm 1442. Cả hai tài liệu này đều ghi chức vụ của Nguyên Trừng là Công bộ tả thị lang. Điều này phù hợp với chức vụ của ông được ghi trong *Dictionary of Ming Bibliography* (xem chú thích số 2) là senior vice minister of Works. Sách này cũng ghi là ông mất ngày 2/8/1446 và danh vị thượng thư bộ Công chỉ là truy phong mà thôi. Xin xem thêm *Thơ văn Lý Trần*, tập III, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1978.

(2) Về Hồ Nguyên Trừng, ngoài các tài liệu đã đề cập trên đây, các bạn rành Anh ngữ có thể kiếm đọc thêm trong *Dictionary of Ming Bibliography* (Minh đại danh nhân truyện) do L. Carrington Woodrich và Chaoying Fang soạn và do Cambridge University Press, New York ấn hành vào năm 1976.

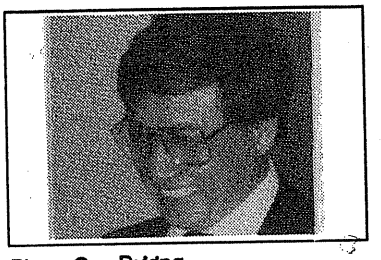

Phạm Cao Dương

NHỮNG NẺO ĐƯỜNG VĂN CHƯƠNG

(ĐẠI HỘI VĂN BÚT QUỐC TẾ KỲ THỨ SÁU)

BÙI HẠNH NGHI

Với chủ đề "Những nẻo đường văn chương" (the Roads of Literature, les Chemins de la Littérature), Đại Hội Văn Bút Quốc Tế (P.E.N. International) kỳ thứ 60 đã được tổ chức trong tháng Chín vừa qua tại Santiago de Compostela, thủ đô của tiểu bang tự trị Galicia thuộc Tây Ban Nha. Santiago (= St Jacques, St James, phiên âm tiếng Việt là Thánh Gia Cô Bê), là tên một thánh địa hành hương danh tiếng nhất của Công Giáo, và người ta thường gọi những lộ trình hành hương từ khắp nơi trên thế giới về thành phố này cũng như những lộ trình hành hương tại đây là những "nẻo đường của thánh Gia Cô Bê." Và khi chọn mấy chữ "Những Nẻo Đường Văn Chương" làm chủ đề cho đại hội, hẳn ban tổ chức cũng có ngụ ý xem Đại Hội Văn Bút như một cuộc hành hương tinh thần, tụ hội các văn thi sĩ từ khắp các nẻo đường thế giới. Ý nghĩa hành hương đã được tân chủ tịch P.E.N. quốc tế nhấn mạnh trong bài diễn văn nhậm chức. Ông cho rằng đời người cầm bút là một cuộc hành hương trường kỳ hướng về nơi thánh địa của tâm hồn, nơi đó con người được giải thoát khỏi mọi niềm lo sợ, nhất là sợ những hành vi đàn áp khủng bố của tất cả mọi thứ bạo quyền.

Theo truyền thống từ trước tới nay, các ngôn ngữ chính thức được sử dụng tại đại hội P.E.N. là Pháp, Anh và ngôn ngữ của địa phương nơi tổ chức đại hội, trong trường hợp này là tiếng Galicia, ngôn ngữ riêng biệt của người Galicia, na ná tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

Đại Hội được long trọng khai mạc dưới sự chủ tọa của thủ hiến tiểu bang Galicia. Tháp tùng thủ hiến có bộ trưởng văn hóa giáo dục. Vì uy tín của P.E.N. và của nhiều văn sĩ thành viên nổi tiếng nên chính quyền các nước luôn tỏ ra ưu ái đối với P.E.N., không những ủng hộ và tài trợ tổ chức đại hội mà các nhân vật cao cấp như tổng thống, thủ tướng hoặc tổng trưởng thường đến chủ tọa khai mạc hoặc bế mạc và mở tiệc khoản đãi tại tư dinh.

Trong bài diễn văn khai mạc, đương kim chủ tịch Gyorgi Konrad nhắc lại tôn chỉ của P.E.N. là bảo vệ tự do tư tưởng tự do ngôn luận, chống lại mọi hình thức độc tài chuyên chế và tranh đấu cho tự do của các văn thi sĩ bị bạo quyền đàn áp. P.E.N. không theo đuổi mục đích chính trị, không ủng hộ một phe phái chính trị nào. Konrad cho biết ông lo ngại cho tình đoàn kết trong nội bộ của Văn Bút Quốc Tế vì, theo ông, có một vài trung tâm quá nặng tinh thần quốc gia muốn lạm dụng P.E.N. như một diễn đàn đấu tranh cho lập trường chính trị của quốc gia mình. Vì P.E.N. hội tụ nhiều trung tâm từ nhiều quốc gia, trong đó có ít nhiều quốc gia thù địch (như Do Thái và Palestine, hoặc các nước thuộc cựu Yougoslavia...) nên phải đề phòng họ biến P.E.N. thành môi trường tranh chấp chính trị. Mặt khác, tinh thần khoan dung và chủ trương đối thoại của P.E.N. đã tạo môi trường thuận lợi cho nhiều trung tâm từ những nước hay những phe đối nghịch ngồi lại với nhau. Trong cuộc họp báo kết thúc đại hội, chủ tịch Konrad vui mừng nhắc lại tin Do Thái và Palestine sắp đi đến thỏa hiệp, và ông đã thêm rằng mấy năm trước đây khi mà chưa ai dám hy vọng sẽ có sự hòa giải giữa Palestine và Do Thái thì ngay trong nội bộ P.E.N., hai kẻ thù không đội trời chung này đã ngồi lại được với nhau. Biến chuyển chính trị quốc tế ngày hôm nay đã biện minh cho quan điểm hòa giải đó và "bây giờ chính trị đã đuổi kịp văn chương."

Trong những vấn đề quan trọng được biểu quyết tại đại hội đồng đại biểu, cần ghi lại những điểm sau đây:

- Bầu tân chủ tịch và phó chủ tịch: Đương kim chủ tịch G. Konrad, nhà văn Hung Gia Lợi nổi danh đã được nhiều giải thưởng quốc tế, không muốn tái ứng cử sau khi mãn nhiệm kỳ ba năm (lý do theo ông cho biết là để có thì giờ viết xong cuốn tiểu thuyết đang viết dở). Tân chủ tịch là nhà văn Ronald Harwood, hiện là chủ tịch Văn Bút Anh và là một kịch tác gia và tiểu thuyết gia rất danh

tiếng. Hai vị được bầu làm phó chủ tịch là G. Konrad, chủ tịch vừa mãn nhiệm và Thomas von Wegesack, chủ tịch Ủy Ban Văn Sĩ Bị Cầm Tù cũng vừa mãn nhiệm.

- Quyết nghị phản đối việc Trung Cộng xin tổ chức Thế Vận Hội tại Bắc Kinh và gửi kiến nghị yêu cầu Ủy Ban Thế Vận Hội đừng chấp nhận đơn xin của Trung Cộng vì lý do Trung Cộng trắng trợn vi phạm nhân quyền điển hình nhất là tại Thiên An Môn. Trung Cộng cũng là nước đứng hàng đầu trong việc bỏ tù văn sĩ chống đối. Điều đáng ngạc nhiên là vấn đề này không do Đài Loan đưa ra mà lại do Trung Tâm Ba Lan và một số Trung Tâm khác đề nghị. Lúc ra ngoài tiếp xúc riêng hỏi đại biểu Đài Loan vì sao thì họ cho biết, có người khác làm rồi thì mình khỏi làm. Nghe ra cũng phần nào hợp lý nhưng riêng bản thân tôi thì vẫn cho rằng việc của mình mà khoán cho người khác thì vẫn có cái gì không ổn. (Khi viết những giòng này thì Ủy Ban Thế Vận Hội đã chọn Sydney làm địa điểm Thế Vận Hội năm 2000). Tuy hài lòng vì Trung Cộng bị loại nhưng vẫn cảm thấy nhức nhối vì Trung Cộng chỉ thua Sydney một phiếu. Đúng ra ta có thể chờ đợi một tổ chức thuần túy thể thao như Ủy Ban Thế Vận Hội không bị những quyền lợi kinh tế và chính trị ràng buộc phải sáng suốt hơn và phải đặt nặng hơn những tiêu chuẩn nhân bản và luân lý. Nhưng thực tế đã cho thấy sự chờ đợi ấy chỉ là ảo tưởng. Vì những người có trách vụ bỏ phiếu chọn lựa hoặc là không chịu tìm hiểu đến nơi đến chốn hoặc tệ hơn nữa là coi nhẹ vấn đề nhân quyền và bị chi phối bởi những thế lực tài phiệt và chính trị là những giới luôn sẵn sàng bán rẻ nhân quyền cho quyền lợi kinh tế. (Helmut Kohl, Thủ Tướng Đức, nhân cuộc viếng thăm của Nữ Bộ Trưởng Kinh Tế Trung Cộng Wu Yi mới đây đã tuyên bố: "Bây giờ đã đến lúc tiến một bước nhảy vọt trong việc giao thương với Trung Quốc." "Bước nhảy vọt" đó đã được cụ thể hóa bằng 11 hợp đồng bán hàng cho Trung Cộng trị giá 3.8 tỉ Mark. Đáng buồn thay cho sự đơn độc — và bất lực — của những người cầm bút chiến đấu cho nhân quyền và tự do).

- Quyết nghị lên án một số văn sĩ Serbia (cựu Nam Tư) đã lợi dụng uy tín của mình để gây hận thù và cổ võ chiến tranh.

- Thành lập Ủy Ban Sarajevo để yểm trợ và giải cứu các văn sĩ bị kẹt tại Sarajevo. Thành phố này được tặng danh hiệu "Thủ Đô Văn Hóa của Âu Châu" trong vòng một tháng. (Danh hiệu này đã được tặng cho Lissabon, Bồ Đào Nha trước đây).

- Nhận thêm năm trung tâm mới trong đó có Trung Tâm Các Văn Sĩ Cựu Nam Tư (Yougoslavia). Đây là một trong những vấn đề tranh cãi lâu dài và gây cấn tại đại hội. Những người đề nghị lập trung tâm này lúc đầu muốn đặt tên là Trung Tâm Những Văn Sĩ Yougoslavia Lưu Vong nhưng đã gặp phải sự chống đối của một số đại biểu. Những đại biểu này cho rằng bây giờ thực thể Yougoslavia không còn tồn tại và sẽ không bao giờ được tái lập, nên không còn căn bản pháp lý để tạo ra một trung tâm lưu vong, vả lại đa số các văn sĩ đứng tên trong danh sách đệ trình vẫn còn cư ngụ tại một trong những nước thuộc cựu Nam Tư nên không có lý do gì để gọi họ là lưu vong. Mặt khác P.E.N. Quốc Tế cũng đã có một Trung Tâm Các Văn Sĩ Lưu Vong, có thể làm chỗ "dung thân" cho các văn sĩ cựu Nam Tư, khỏi cần tạo thêm một trung tâm mới. Nhưng cuối cùng đại hội cũng biểu quyết đồng ý việc nhận trung tâm mới này vào đại gia đình P.E.N.. Câu chuyện này chứng tỏ P.E.N. Quốc Tế cân nhắc rất kỹ lưỡng trước khi nhận trung tâm mới và cũng nhắc chúng ta nhớ đến công trình của những văn hữu khởi xướng việc thành lập Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại sau biến cố 75 và đã thành công trong việc vận động cho VBVNHN được gia nhập P.E.N. Quốc Tế. Song song với việc nhận trung tâm mới, đại hội cũng đã đặt vấn đề loại trừ một vài trung tâm, như Hy Lạp vì lý do mấy năm liền không đóng niên liễm và không cử đại biểu đi dự đại hội và nhất là có thái độ kỳ thị đối với những văn sĩ Hy Lạp không ủng hộ chính quyền. Nhờ sự can thiệp của một đại biểu đọc lên trước đại hội một văn thư của trung tâm Hy Lạp cáo lỗi vì trường hợp bất khả kháng nên đại hội đã quyết định tạm hoãn việc khai trừ. Còn Trung Tâm Ai Cập thì Đại Hội không khai trừ nhưng được công bố là không còn hiện hữu vì không tham gia các sinh hoạt của P.E.N. quốc tế và cũng không có dấu hiệu gì cho biết trung tâm còn hoạt động.

Ngoài ra còn rất nhiều quyết nghị khác được thông qua, đại đa số là những quyết nghị lên án các chính thể độc tài đàn áp tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và bỏ tù các văn nghệ sĩ chống đối bất bạo động... Những quyết nghị này đã là những hồi chuông báo động được giống lên về sự tiếp tục và gia tăng chà đạp nhân quyền và bách hại văn nhân của mọi thứ bạo quyền chính trị và tôn giáo. (Theo thống kê của Ủy Ban Văn Sĩ Bị Cầm Tù thì hiện nay ba nước vi phạm quyền tự do tư tưởng do ngôn luận dữ dội nhất và bỏ tù văn nghệ sĩ nhiều nhất là Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ và Trung Cộng).

Vấn đề sát hại và khủng bố văn sĩ bởi những người hoặc nhóm cuồng tín tôn giáo đặc biệt là tại những nước như Thổ Nhĩ Kỳ và những nước Ả Rập nhất là Algeria đã được nhiều trung tâm đề cập tới. Tại Thổ Nhĩ Kỳ có 15 nhà báo bị sát hại trong thời gian từ tháng 2/92 đến tháng 6/93. Từ tháng 3/93 đến tháng 7/93 có 20 nhà văn nhà báo bị bắt và bị tra tấn. Biến cố gây chấn động dư luận quốc tế là vụ đốt khách sạn tại Sivas, Thổ Nhĩ Kỳ trong tháng Bảy vừa qua. Nhân một buổi sinh hoạt văn hóa với sự hiện diện của nhà văn Aziz Nesin là người đã bênh vực cho Salman Rushdie và đang chuẩn bị xuất bản cuốn The Satanic Verses tại Thổ Nhĩ Kỳ, một số đông người Hồi giáo cuồng tín đã bao vây khách sạn và cuối cùng châm lửa đốt khiến 37 người thiệt mạng trong đó có tám văn, thi sĩ và một số nghệ sĩ âm nhạc và kịch nghệ.

Riêng về Việt Nam vấn đề các văn sĩ thuộc nhóm "Diễn Đàn Tự Do" của Đoàn Viết Hoạt đã được sự chú ý đặc biệt của P.E.N. quốc tế. Tháng Giêng năm 93 Chủ Tịch Konrad đã gửi văn thư cho Võ Văn Kiệt đòi trả tự do cho nhóm Diễn Đàn Tự Do. Và vụ phúc thẩm tháng 7/93 đã được

P.E.N. xem là một thắng lợi vì các bản án đã được giảm xuống (Đoàn Viết Hoạt giảm từ 20 năm xuống 15 năm). Những đại biểu Việt Nam đã lưu ý đại hội rằng bản án mới vẫn còn quá nặng và quá bất công và tựu trung chỉ là một trò hề vì tuy giảm xuống 15 năm nhưng lại thêm 5 năm quản thúc tại gia. Nên đại biểu Việt Nam đã đưa ra đại hội quyết nghị đòi trả tự do cho nhóm "Diễn Đàn Tự Do" — hai Trung Tâm Đức và Ba Lan đã nhận lời đứng tên chung với Việt Nam trong quyết nghị này — đồng thời lên án bạo quyền Việt Cộng chà đạp nhân quyền, vi phạm tự do tư tưởng và tự do tín ngưỡng. Quyết nghị này đã được toàn thể đại hội thông qua. (Theo thông lệ thì các quyết nghị phải được gửi tới văn phòng trung ương của P.E.N. vài tháng trước ngày khai mạc đại hội để họ có thì giờ in vào tập tài liệu phát cho tham dự viên nhưng vì Ban Chấp Hành VBVNHN bận rộn với nhiều vấn đề nội bộ nên mãi đến phút chót mới cử đại biểu đi phó hội. Do đó quyết nghị của phái đoàn Việt Nam đã không được gửi trước đến văn phòng mà phải chờ đến đại hội mới được đưa ra với tính cách "In-session-resolution" (quyết nghị tại chỗ). Khi đã được thông qua rồi thì những "in-session-resolutions" cũng có giá trị như những quyết nghị khác. Nhưng có một điều bất lợi là những quyết nghị "tại chỗ" thường chỉ được đưa ra vào buổi họp chót của đại hội nên đã có vài trường hợp những quyết nghị này không được mang ra biểu quyết vì "hết giờ"). Khi trình bày quyết nghị trước đại hội đại biểu Việt Nam đã cực lực tố cáo chính sách đàn áp Phật Giáo, chà đạp quyền tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận và tự do báo chí của chính quyền Việt Cộng, đồng thời cũng đã lưu ý đại hội về tình trạng bi đát của một số văn nghệ sĩ bị khước từ tị nạn tại Hồng Kông.

Vấn đề được thảo luận sôi nổi và lâu dài nhất tại đại hội là vấn đề Dubrovnik. Theo quyết định của đại hội đồng đại biểu tại Đại Hội Rio de Janciro tháng 11 năm 93, Đại Hội kỳ thứ 59 được dự định tổ chức tại Dubrovnik, Croatia thuộc cựu Nam Tư vào mùa xuân năm 93. Nhưng sau đó chiến tranh leo thang, nhiều người lo ngại vấn đề an ninh không được bảo đảm và nhất là sợ rằng trong tình trạng rối ren về chính trị tại cựu Nam Tư, tổ chức đại hội nơi này sẽ bị hiểu lầm là thiên về một phe tham chiến, điều mà P.E.N. Quốc Tế rất muốn tránh. Vì thế rất nhiều trung tâm văn bút viết thư về trung ương yêu cầu hủy bỏ đại hội này. Nhưng vì trung tâm Croatia quả quyết vấn đề an ninh vẫn được bảo đảm và yêu cầu P.E.N. quốc tế cứ tổ chức đại hội, vừa để tôn trọng quyết nghị của đại hội tại Rio vừa để tỏ tình liên đới với các văn sĩ thuộc trung tâm Croatia và những nạn nhân chiến tranh tại nơi này. Rút cục đại hội Dubrovnik vẫn được tổ chức dầu chỉ là trong khuôn khổ hạn hẹp (không họp hội đồng đại biểu mà chỉ có những sinh hoạt thuần túy văn chương). Những người chống đối việc tổ chức đã đưa vấn đề ra tại đại hội Santiago để mổ xẻ và tranh luận. Để làm dịu bớt tình trạng căng thẳng và chận đứng một cuộc khẩu chiến không thể nào đi đến đồng thuận, một số đại biểu ôn hòa đã khuyến cáo đại hội hãy cho qua những gì thuộc về quá khứ để giữ tình đoàn kết trong nội bộ văn bút và nhất là để tránh sự lạm dụng của nhiều phe phái chính trị muốn biến Văn Bút thành diễn đàn đấu tranh chính trị.

Một vấn đề khác tuy không gây sôi nổi tại đại hội nhưng cũng đáng cho ta ghi nhận và suy nghĩ. Đó là trường hợp của nhà văn Đại Hàn Hwang Suk-Young. Là công dân của Nam Hàn ông đã bất chấp luật lệ của quốc gia mình, ngang nhiên đến Bắc Hàn (qua một nước đệ tam) để tổ chức đại hội các nhà văn vừa Bắc vừa Nam, nhằm mục đích "đẩy mạnh trao đổi văn hóa nghệ thuật giữa hai miền." Sau đó ông đến Bá Linh và trở thành phát ngôn viên của cái mà ông gọi là "Pan-Korean Alliance for Reunification" ("Liên Minh Đại Hàn tranh đấu cho thống nhất"). Sau một thời gian cư trú tại Mỹ, ông hồi hương và đã bị bắt ngay tại phi trường và sắp bị đưa ra tòa về tội vi phạm đạo luật An Ninh Quốc Gia và tuyên truyền cho cộng sản Bắc Hàn. Là nạn nhân của cộng sản, chúng ta có thể hiểu được quan điểm của Nam Hàn. Nhưng dưới mắt P.E.N. trường hợp Hwang Suk-Young cũng tương tự như trường hợp Đoàn Viết Hoạt, nghĩa là bị bỏ tù vì có tư tưởng và ngôn ngữ không phù hợp với chính sách của nhà cầm quyền. Do đó một số đại biểu — đa số gồm những nhà văn được may mắn sống trong những nước tự do, hòa bình, chưa hề nếm mùi độc tài cộng sản, và không hiểu rõ tình hình tại những nước như Đại Hàn và Việt Nam nên luôn chủ trương ôn hòa và khoan dung, không bao giờ chấp nhận quá khích — đã đưa ra quyết nghị lên án chính phủ Nam Hàn và đòi trả tự do cho Hwang.

Dĩ nhiên phái đoàn Đại Hàn đã phản đối quyết nghị này nhưng tiếc rằng họ chỉ phản đối bằng những lập luận mà trong môi trường P.E.N. Quốc Tế dễ bị hiểu lầm là quá khích, là chống cộng cực đoan. Đa số đại biểu tại hội trường cho rằng phái đoàn Đại Hàn thay vì tranh đấu cho tự do ngôn luận theo tôn chỉ của P.E.N. thì lại bênh vực cho cường quyền (?) đã bỏ tù một văn nhân có tư tưởng và ngôn ngữ không phù hợp với chính sách của chính quyền. Đại biểu Đại Hàn đã không nhấn mạnh là Hwang, một nhà văn Nam Hàn, đã công khai tuyên truyền cho chính thể Bắc Hàn là một chính thể ngang nhiên chà đạp quyền tự do ngôn luận và như thế tức là Hwang đã hành động ngược với tôn chỉ của P.E.N.. Trái lại đại biểu Đại Hàn chỉ loay hoay với những lý lẽ bào chữa cho đạo luật "An Ninh Quốc Gia," bào chữa cho những biện pháp cưỡng bức do tình trạng chiến tranh lạnh giữa Bắc và Nam Hàn đòi hỏi. Cho nên lúc biểu quyết chỉ có hai phiếu chống (Đại Hàn và Việt Nam) và một phiếu trắng (Nhật Bản). Ngay cả những nước láng giềng như Thái Lan, Đài Loan, Phi Luật Tân mà mình cứ nghĩ là đồng minh cũng bỏ phiếu thuận. Đại biểu Phi Luật Tân khi bình luận trong giờ giải lao còn quả quyết rằng bây giờ trên thế giới đã hết cộng sản rồi (?) làm gì còn có chuyện chiến tranh giữa Bắc và Nam Hàn, bỏ tù một văn sĩ vì lý do họ viếng thăm Bắc Hàn để vận động thống nhất và tuyên bố những điều mà họ xác tín tức là chính phủ Nam

Hàn đã vi phạm quyền tự do ngôn luận (!). Cho hay trên trường đấu tranh chính trị quốc tế, có chính nghĩa — dầu là chính nghĩa với ánh sáng chói lòa mà mình cứ ngỡ là bất cứ ai có chút đầu óc cũng phải nhìn thấy — chưa hẳn đã thắng cuộc mà còn phải có sách lược đấu tranh và lập luận hợp với từng môi trường. Nhìn sự thật bài học chua cay của Đại Hàn mà mình không khỏi ngậm ngùi nhớ lại trường hợp những nhà văn nằm vùng như Vũ Hạnh trước đây.

Nhân nói đến Đại Hàn tưởng cũng nên nói qua về việc một số thành viên P.E.N. quốc tế đang ráo riết vận động một số văn sĩ thành lập Văn Bút Bắc Hàn. Dựa vào kinh nghiệm tốt đẹp trong quá trình hoạt động của những Trung Tâm Văn Bút các nước cộng sản Nga và Đông Âu, họ hy vọng rằng Văn Bút Bắc Hàn sẽ thực hiện tôn chỉ của P.E.N. ngay tại Bắc Hàn để tranh đấu cho quyền tự do tư tưởng tự do ngôn luận tại đó. Những người cổ võ cho việc này đã không nhận ra sự khác biệt giữa cộng sản Nga Sô, Đông Âu và cộng sản Á Châu và đã không nghĩ xa hơn một chút để đặt câu hỏi là với việc thành lập Văn Bút Bắc Hàn và cho gia nhập Văn Bút Quốc Tế không biết có thực hiện được tôn chỉ cao quí của P.E.N. không hay chỉ là mở đường cho một nhóm văn nô của cộng quyền lợi dụng diễn đàn quốc tế này để tuyên truyền láo khoét.

Song song với các buổi họp đại biểu chính thức có những buổi họp riêng từng Ủy ban chuyên môn (Ủy Ban Văn Sĩ Bị Cầm Tù, Ủy Ban Phụ Nữ, Ủy Ban Hòa Bình, Ủy Ban Dịch Thuật và Bảo Vệ Các Ngôn Ngữ Thiểu Số) để tường trình hoạt động trong năm qua và đề ra chương trình hoạt động cho năm tới.

Quan trọng nhất là các buổi họp của Ủy Ban Văn Sĩ Bị Cầm Tù. Mỗi phái đoàn được dịp trình bày về tình trạng văn sĩ tại quê hương mình. Những tin tức, tường trình về các văn sĩ bị bắt bớ, đàn áp, sát hại chiếm một phần thời gian khá quan trọng và được theo dõi một cách chăm chú và quan tâm không những trong các buổi họp Ủy Ban mà cả trong những buổi họp đại hội đồng đại biểu. Ví dụ trường hợp của nhà văn Anem Demaci ở Kosovo, người chống lại việc kỳ thị ngôn ngữ Albania tại cựu Nam Tư, bị giam cầm từ 25 năm nay và năm 92 đã được giải thưởng nhân quyền của Quốc Hội Âu Châu. P.E.N. Quốc Tế đã mời ông tới tham dự kỳ đại hội này với tư cách khách danh dự, nhưng nhà cầm quyền đã không cho ông đi phó hội. Tại hội trường mọi người đã rất xúc động khi ông tổng thư ký đọc lên bức thư của Demaci gửi đại hội trình bày thảm trạng của ông và tố cáo chính sách kỳ thị ngôn ngữ và đàn áp văn sĩ tại Kosovo.

Ngoài bản tường trình hoạt động dày cộm, Ủy Ban Văn Sĩ Bị Cầm Tù còn in một cuốn sách dày 100 trang với tựa đề "Case List" ghi lại các trường hợp văn sĩ bị bách hại với đầy đủ chi tiết về tiểu sử và về từng trường hợp bị bắt, bị kết án, bị khủng bố, bị giết v.v... Ba nước chiếm nhiều trang nhất là Trung Cộng, Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam. Riêng Việt Nam, tập hồ sơ này đã ghi lại 14 "trường hợp chính thức" (main cases), năm trường hợp còn dương điều tra và ba trường hợp bị quản chế tại gia. Tài liệu còn ghi thêm việc nhà văn Nguyễn Mậu từ trần trong tù tháng Giêng năm 92. Ngoài ra tài liệu còn ghi trường hợp của sáu văn sĩ bị từ khước tị nạn tại Hồng Kông.

Nói chung thì Việt Nam là một trong những nước được Ủy Ban lưu tâm và giúp đỡ nhiều nhất và các trung tâm bạn đã nhận nhiều văn sĩ Việt Nam làm hội viên danh dự để vừa nâng đỡ tinh thần vừa yểm trợ vật chất. Riêng Văn Bút Đức trước đây đã nhận Nguyễn Chí Thiện làm hội viên danh dự theo lời đề nghị của tôi và vẫn tiếp tục giúp đỡ nhà thơ của chúng ta hàng tháng, nay lại nhận thêm Phạm Đức Khâm thuộc nhóm Đoàn Viết Hoạt. Lúc đầu Văn Bút Đức định nhận Đoàn Viết Hoạt nhưng sau vì có Trung Tâm Ba Lan cũng ngỏ ý muốn nhận ông nên Văn Bút Đức đã nhường lại và đổi sang Phạm Đức Khâm. Hiện nay còn có hai văn nghệ sĩ Việt Nam là Nguyễn Xuân Đông và Tô Huy Cơ chưa được trung tâm nào nhận. Tôi đã thương lượng với phái đoàn Thái Lan và Nhật thì họ đồng ý nhận trên nguyên tắc nhưng còn muốn bàn lại với ban chấp hành của họ và yêu cầu chúng ta gửi thư chính thức về việc này. Trước những nghĩa cử này có lẽ cũng nên đặt câu hỏi là bấy lâu nay mình chỉ nhận mà chưa hề cho, trong hoàn cảnh của mình có thể làm gì để tỏ tình liên đới với các văn sĩ nạn nhân trên thế giới. Dĩ nhiên mình phải nghĩ đến mình trước và trong lúc mình còn vô số vấn nạn, dốc toàn lực mà vẫn chưa giải quyết xong thì lấy đâu thì giờ và sức lực để đi giúp người khác. Nhưng chẳng lẽ chỉ xin và chỉ nhận mà chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện cho. Điều chúng ta có thể làm được — và vấn đề này cũng được chủ tịch Ủy Ban nêu ra trong một buổi họp — là xung phong nhận một văn sĩ ngoại quốc đang bị cầm tù làm hội viên danh dự của trung tâm mình, để tỏ tình liên đới và cũng để gọi là "có đi có lại," đâu chỉ là một hành động tượng trưng.

Trong một buổi tiếp xúc với chủ tịch Ủy Ban Thomas von Wegesack, ông phàn nàn những tin tức ông được cung cấp về các văn nghệ sĩ Việt Nam không được chính xác và nhiều khi sai sự thật. Ông kể lại có một lần can thiệp với nhà cầm quyền Việt Nam, Ủy Ban đã bị phía Việt Nam quật lại bằng một dẫn chứng cụ thể là những dữ kiện Ủy Ban đưa ra không đúng sự thật. Ông Wegesack không nói rõ trường hợp cụ thể nào chỉ nói thêm rằng những tin tức không chính xác này do Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại cung cấp mà do những nguồn tin khác. Ông ngỏ ý mong muốn Ủy Ban Văn Nghệ Sĩ Bị Cầm Tù của VBVNHN cộng tác với P.E.N. Quốc Tế chặt chẽ hơn và cung cấp thêm nhiều tin tức sau khi đã kiểm chứng.

Trong buổi họp Ủy Ban Dịch Thuật, sau khi nghe tôi trình bày trở ngại lớn nhất trong việc giới thiệu văn chương một nước nhược tiểu với độc giả quốc tế là khó tìm ra nhà xuất bản ngoại quốc cho các dịch phẩm, chẳng hạn từ Việt ra ngoại ngữ, ông tổng thư ký P.E.N. Quốc Tế đã đề nghị gửi cho ông một dịch phẩm tiêu biểu cho văn chương Việt Nam đồng thời trình bày những lý do vì sao đã chọn tác phẩm này, rồi ông sẽ can thiệp với UNESCO để yêu cầu đảm trách việc xuất bản dịch

phẩm này. Thiết tưởng đó là một lời hứa chúng ta nên tận dụng để phổ biến vài văn phẩm Việt Nam.

Bên cạnh các buổi họp đại biểu và họp các ủy ban chuyên môn còn có những buổi hội thảo hào hứng về các đề tài xoay quanh chủ đề "Những Nẻo Đường Văn Chương" như:

Phụ Nữ và Văn Chương
Văn Chương và Xã Hội
Văn Chương và Dân Tộc
Văn Chương và Truyền Thông
Văn Chương và Phê Bình Văn Học
Văn Chương Quốc Gia và Văn Chương Thế Giới

Ngoài ra còn có nhiều buổi đọc tác phẩm của các tác giả nổi danh quốc tế. Rất tiếc là phạm vi bài này không cho phép đi vào chi tiết của các buổi hội thảo và các buổi thưởng thức văn thơ. (Vì là đại biểu duy nhất của Việt Nam, tôi đã phải dành hết thì giờ cho các phiên họp đại hội đồng đại biểu và các buổi họp Ủy Ban nên chỉ tham dự được hai kỳ hội thảo. Nhân dịp này tôi muốn đề nghị với Ban Chấp Hành VBVNHN mỗi kỳ đại hội cố gắng vận động hai văn hữu đi phó hội với tư cách đại biểu. Đành rằng đó là một hy sinh — thì giờ và tài chánh — nhưng đi hai người có nhiều điểm lợi: vừa có người để bàn bạc lúc cần phải quyết định tại chỗ vừa có thể chia nhau tham dự tất cả những sinh hoạt của đại hội mà không quá vất vả).

Biến cố "giật gân" nhất của Đại Hội năm nay là sự viếng thăm bất ngờ của Salman Rushdie, nhà văn đã bị Iran lên án tử hình vì tác phẩm The Satanic Verses. Được bảo vệ bởi một hàng rào an ninh không kẽ hở, ông đã đột xuất tới tham dự đại hội và nói chuyện tại hội trường gần hai tiếng đồng hồ. Mặc dầu mạng sống treo sợi chỉ mành, ông vẫn tỏ ra lạc quan, đôi khi còn đùa cợt một cách hài hước dí dỏm. Ông nhấn mạnh rằng không nên quá chú trọng đến trường hợp đặc biệt của ông mà lãng quên vô số trường hợp bạo quyền đàn áp bách hại văn nhân trên toàn thế giới. Ông chỉ là điển hình của một trận chiến giữa bạo quyền và người cầm bút. Ông nhắc tới những đồng nghiệp người Iran bị bách hại vì chống đối sự cuồng tín tôn giáo và sự hà khắc vô nhân đạo của chính thể. Ông đưa ra một câu hỏi khiến mọi người suy nghĩ: "Tôi được cả thế giới bảo vệ, còn ai bảo vệ cho những đồng nghiệp Iran có khi còn bị nguy hiểm và bị đe dọa hơn tôi?"

Đại Hội đã được kết thúc bằng buổi dạ yến từ biệt tại tư dinh Thủ Hiến Tiểu Bang. Khi chia tay mọi người hẹn nhau sẽ tái ngộ trong kỳ đại hội tới tại Prag, Tiệp Khắc vào đầu tháng 11 năm 94 với một chủ đề cũng rất tiêu biểu cho tinh thần của P.E.N. Quốc Tế: "Văn Chương và Sự Khoan Dung".■

Đón đọc ở số sau:
Ký sự *"Bên Lề Đại Hội Văn Bút Quốc Tế"* của Tường Lam

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ...
trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về chính mình và về đất nước mình, muốn biết những vấn đề cũng như những giải pháp đề nghị về chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, khoa học...

TÌM ĐỌC THẾ KỶ 21
THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

Tạp chí thời sự, khoa học, văn nghệ ra mỗi đầu tháng, phát hành khắp thế giới. Mua dài hạn $32.40 / một năm. Thơ từ, tiền bạc, bài vở, đề và gửi cho: THẾ KỶ 21.

P.O. Box 2054-H39, Westminster, CA 92683. Tel. (714) 894-9121 • Fax: (714) 894-2752

LÊN BOSTON XEM TRANH NGUYỄN TRỌNG KHÔI (*)

ĐINH CƯỜNG

Đinh Cường và Nguyễn Trọng Khôi tại nơi triển lãm: Boston City Hall.

Buổi sáng thứ Bảy ở Harvard Square, thành phố Cambridge. Quán *Au bon pain*. Những mặt bàn sắt đen còn đọng sương mưa lạnh. Tôi và Nh. H. xuống tàu lúc mười giờ sáng. Tàu từ Washington D.C. đến Boston muộn hơn mọi khi H. đi. H. rất yêu và luôn trở về thành phố này. Thành phố và quán café đã thân quen những năm H. còn học ở Harvard. Lần này có thêm tôi — vì phòng tranh của bạn mà lên — Cũng vì muốn xem tận mắt bức tranh dài của Gauguin mà tôi rất thích: "Chúng ta từ đâu tới. Chúng ta là ai? Chúng ta đi về đâu?" vẽ năm 1897, hiện treo tại Museum of Fine Arts, Boston. Bức tranh như một lời kêu gọi triết học đau thiết của thế kỷ chúng ta, trước cái bí mật mãi mãi của sự dính líu con người và vũ trụ...

Chúng tôi đi métro từ nhà ga qua công trường đại học. Hẹn gặp Nguyễn Trọng Khôi ở đó. Khôi đã chờ sẵn ở quán café. Chúng tôi ngồi với nhau mà nhớ lại những buổi sáng cũ, café lề đường Đakao. Sau đó có cả vợ chồng Chân Phương đến. Được ngủ lơ mơ qua đêm trên tàu, nên sáng ra đã cùng nhau rong chơi phố thị. Rời quán *Au bon pain* bên này đường, bên kia đường là cổng vào đại học Harvard. Dạo một vòng trong sân trường trong cái nắng gió se lạnh đầu thu rất ư là thư thái. Lại H., chỉ con đường mòn cạnh bờ tường cao mà H. mê lắm, và tượng đồng đen người sáng lập ra trường, trông xa như một chàng hippy ngồi...

Harvard có rất nhiều thư viện, có riêng một tòa nhà chứa nhiều sách quí hiếm và một Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật. Ghé vội qua phòng *École de Paris*. Những tranh dầu cỡ nhỏ của Picasso, Braque, Chagall, Matisse... — những đường viền trên bức khỏa thân xám nhỏ của Matisse làm nhớ những đường viền thô và màu xám bệch trong tranh khỏa thân cỡ nhỏ của Bùi Xuân Phái — là những đường cọ của bậc thầy — trông dễ và khỏe không, nhưng không thể nói là ai cũng có thể vẽ như vậy được. Nhìn cho ra cái nét xiêu đổ đó với tâm hồn của người nghệ sĩ là có thể bắt gặp được nghệ thuật — nghệ thuật thật sự bao giờ cũng hiếm hoi.

Tôi nói Khôi về ở đây là phải. Tôi rất yêu những thành phố đại học, với những quán báo lâu đời, nhất là những tiệm sách cũ... Những khuôn mặt luôn khuất lấp sau những trang báo, trang sách, dễ gây cho ta một sự ấm cúng tinh thần. Hạnh phúc hơn nữa lại có thêm một dòng sông, làm nhớ sông Hương của Huế. Ở đây là sông Charles. Bên này bờ là Cambridge, bên kia là Boston. Mùa thu vàng rực trên những tàng cây tung reo lao xao, lấp lánh theo chiều gió. Mùa của rừng lá muôn màu. Người ở đây và ở xa đến, đi New Hampshire xem lá vàng. Như lên Skyline Drive ở Virginia vậy. Xem lá vàng — thanh bình và thơ mộng làm sao. Thơ mộng như những dòng văn Doãn Quốc Sỹ ghi lại trong tập truyện Sầu Mây, năm nào anh qua đây, mùa thu vàng Đông Bắc. Để rồi bên này, Mai Thảo có lúc đi qua rừng cây mà nhớ bạn:

"Thu Hoa Kỳ bất hủ ở Sầu Mây
Lá đỏ thắm, cành đi cảo máu..."

(Rừng Doãn Quốc Sỹ. TA THẤY HÌNH TA NHỮNG MIẾU ĐỀN. Thơ Mai Thảo 1989, trang 27).

Và chúng tôi đến Tòa Thị Chính, ngang qua khu Quincy Market náo nhiệt, vào xem tranh Nguyễn Trọng Khôi. Đây là một phòng tranh được chăm sóc rất kỹ. Vẫn dập vào mắt tôi là màu đỏ trên tranh của Khôi. Màu đỏ ửng của lá thu ngoài kia khác với màu đỏ trên chiếc lưới cá trong bức "Ngoài Biển"

(40" x 48") thật lạ. Tạt cả một vùng sáng đỏ tươi xuống bãi cát, hắt cả qua chiếc áo trắng bó sát người thiếu nữ. Bố cục và hình thể rất chắc. Toàn bức tranh như toát ra một màu nắng rực, đầy sức sống của biển và của người (bức này thấy ghi do ông Trần Văn Thành — giáo sư Boston College mua). Màu đỏ chiếm diện tích khá lớn trong tranh còn thấy ở bức "Người Mẫu" (40" x 40")... Cùng đề tài biển, ngược lại, bức "Tiếng Thét" (35" x 40") với đứa bé trơ trọi, một mũi thuyền và vùng tối xanh đen trên biển, rờn rợn một màu tang... làm nhớ đến đứa bé ngồi một mình bơ vơ, hốt hoảng trên đống tro tàn Hiroshima trong tranh của Siqueiros. Hai bức là hai tông màu chỏi nhau: nóng và lạnh.

Ông Bruce Rossley, ủy viên đặc trách văn hóa của Tòa Thị Chính Boston, được sự cố vấn của nhà sưu tập tranh nổi tiếng Jack Mc. Laudhlin mua hai bức: "Vũ Nữ" (23" x 31") và "Vô Đề" (36" x 48"). Không gian trên hai bức tranh đó đều được chẻ ra với rất nhiều mảng kỷ hà — dấu ấn mới trên tranh Nguyễn Trọng Khôi — phảng phất cái không khí hư ảo, siêu thực. Tôi cho đó là những mảng âm thanh đã in sâu trong tâm hồn người vẽ tranh mê âm nhạc này. Những mảng kỷ hà như xô đẩy, như mây, như sóng, như biết bao kỷ niệm được gọi dậy... Con người đứt lìa trong "Vũ Nữ" với khuôn mặt, những đầu vú, những tay, những chân, được nối lại bằng những đường viền mỏng manh, con chim xanh nhỏ bên góc, và màu ửng hồng trên *fond* rất lãng mạn.

Một bức "Vô Đề" (16" x 20") khác (dành riêng cho Dược sĩ Nguyễn Thị Gấm), màu sắc rực rỡ, nhiều chi tiết hơn, với rất nhiều cụm màu xô giạt tình cờ, được gạn lọc lại với chim, hoa, những thiếu nữ khỏa thân, như một bài thơ của Chagall.

Bức tôi thích nhất trong phòng tranh là: "Âm Bản và Dương Bản" (30" x 32") khổ vuông, chất sơn dày, quí. Tông nâu, ửng màu vàng đất và xám hồng

Vô đề (36" X 48") (Sưu tập của Mr. Bruce Rossley)

rất chắc. Nhân vật như nhân vật kịch, với cái khuôn mặt rất "tragique", cặp mắt chiếu qua âm bản thấy rõ một tâm trạng. Tranh khác với truyện kể, nhưng đây là một bố cục lạ. Trong cái tĩnh của hội họa vẫn

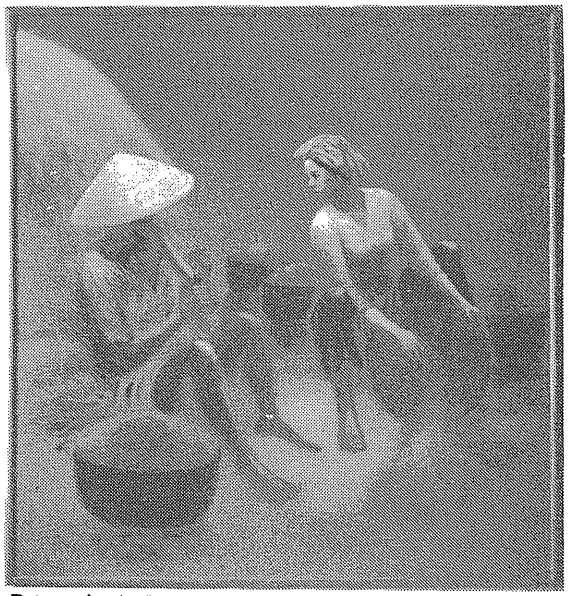

Được mùa (48" X 50") sưu tập của Bà Thùy Phương

nghe vang vọng dâu đây mật ngôn của con người. Nghệ thuật là sự trầm tư về con người, về chính mình, với trái tim thật thà rung động.

Bức này có thể kể là dấu mốc mới của Khôi, từ ngày rời xưởng vẽ ở Đakao, cách đây năm năm. Thấy ghi dưới tranh do Don Brown mua. (Khôi kể đây là một giáo sư hội họa người Mỹ, cứ muốn lấy tranh đi ngay, ông nói để lâu lỡ bị trầy trụa...). Bức "Được Mùa" (48" x 50"), bức tranh khá lớn (do bà Thùy Phương, phó hiệu trưởng trung học Harvard — Kent mua), còn vướng vất cái không khí tranh vẽ giai đoạn những năm trước. Với bố cục về thôn nữ sàng gạo này, thấy ở Nguyễn Phước (cũng sắp đến Mỹ) cái không gian phẳng dẹt, thoáng, và "mới" hơn. Bức "Mái Tranh" (24" x 30") với đứa bé trần truồng, ngửa mặt hứng giọt nước từ trời, là một bức vẽ kỹ. Cho thấy sự trau chuốt về kỹ thuật của Khôi: phân biệt được chất men sành của chiếc lu, cái gáo dừa, và chất thô nhám của những thành gỗ. Làm nhớ một người bạn thân khác: Đỗ Quang Em, tỉa đến cùng một vạt giường tre đã lên nước, cái chén sành đựng chút nước cặn, chiếc lọ Chàm nâu... nhất là người mẫu, với sáng tối trên những nếp áo dài, chiếc khăn quấn đầu... và, bắt buộc phải là "bà xã" ngồi mẫu chứ không ai khác. Đỗ Quang Em vừa được một nhà sưu tập tranh Hồng Kông mua toàn bộ tác phẩm với số tiền khá lớn. Mừng các bạn trong nước ở thời bán tranh sung mãn nhất...

Những bức "Người Mẫu", "Nữ Tu", "Mùa Hè"... đã thấy ở triển lãm trước, với lối vờn mây thủy tinh. Ngược lại, với "Sầu Xa Xứ" (tranh ba tấm ghép lại) (48" x 90") là một dạ khúc hoài nhớ quê hương, mang tâm trạng khắc khoải của họa sĩ:

"Chữ với nghĩa có đâu là lối thoát
dặm đường dao, nhát cọ cũng hư, không"

(thơ ở thời của những người không tuổi trẻ.

Chấm dứt luân hồi em bước ra. Thơ Du Tử Lê 1993)

Tôi vẫn luôn yêu con chuồn chuồn, như một hóa thân trên nhiều bức tranh của Khôi, nay gặp lại trong "Tự Họa" (36" x 36"), con chuồn chuồn đỏ, cánh trắng mỏng, hay đôi cánh mỏng manh của tâm hồn người nghệ sĩ đậu lửng giữa không gian muôn trùng. Dù cho không gian là một miền quê nào đang lụt lội, đau xót và thảm khốc, ở miền Trung Việt Nam, hay cái không gian thanh bình, vàng rực lá thu trên miền Đông Bắc nước Mỹ này. Trái tim họa sĩ vẫn là trái tim biết rỉ máu...

Con chuồn chuồn lá mạ
từ đồng cỏ mùa xuân
bay suốt qua mùa hạ
rồi trở về mùa đông

(Tuần Hoàn. Thơ Trần Tuấn Kiệt 1963, trang 5).

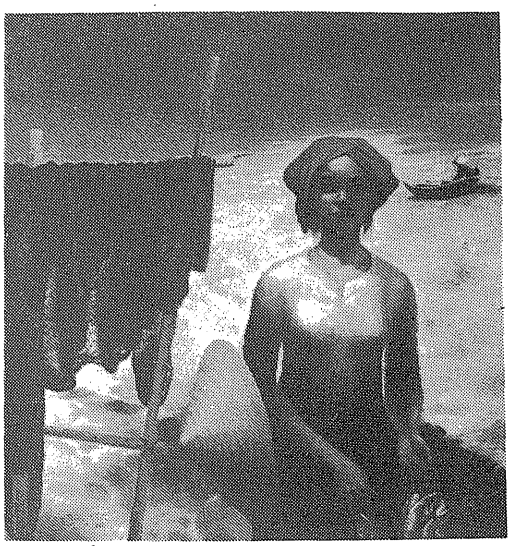

Ngoài biển (40" X 48")
(Sưu tập của Mr. Trần Văn Thành)

Mái tranh (24" X 30")

Trước hai mảng tường treo tranh của Khôi, còn bắt gặp được "Hồ Hoàn Kiếm" (26" x 34"), mơ hồ như nhìn ra, bắt gặp lại, cái vóc dáng gầy yếu của người họa sĩ vẽ phố cũ Hà Nội đáng yêu nhất đã không còn nữa.

Với hai mươi mốt bức tranh trong lần triển lãm này, Nguyễn Trọng Khôi đã có một biến chuyển về cách nhìn rõ rệt hơn lần triển lãm cách đây ba năm. Những ước lệ thời cũ đã mất dần để đến gần với hội họa thế giới hiện đại hơn.

Hỏi Khôi về những suy nghiệm mới, Khôi nói là sáng tác thấy dễ dàng hơn xưa, không còn băn khoăn quá lắm, vì như Khôi đã chợt tìm ra cho mình một hướng đi: **"Tôi chợt nghiệm ra rằng từ "trường phái" chẳng qua là một sự định đặt của các nhà phê bình. Tôi tin rằng Picasso, Chagall, Salvador, Dali, Braque và hiện nay là Bacon... khi vẽ họ không định rằng họ sẽ vẽ theo một ước lệ nào đó... Sự chọn lựa của tôi về cái gọi là "Trường Phái Hiện Thực Huyền Ảo" (Réalisme Fantastique) chẳng qua là một quá trình làm việc, tôi có một cái nhìn ở một góc độ riêng tư thành ra một đặc tính thế thôi. Cái đặc tính đó là sự nhìn nhận Vô Thể trong Hữu Thể."**

Phát biểu ra một lý thuyết gia lắm! Và cuộc triển lãm được kể là thành công. Sáu tấm tranh do những khách sành nghệ thuật sưu tập hôm chiều khai mạc là một niềm vui cho bạn. Khôi còn được dịp gặp, trao đổi với các họa sĩ Mỹ ở Boston đến cụng ly chúc mừng. Gặp Benda Pizzo và Kevin Tringale chủ Eclipse Gallery ở đường New Bury, khu nổi tiếng về sinh hoạt nghệ thuật của Boston. Họ hẹn gặp lại và mời Khôi bày tranh ở đó vào năm tới. Tới luôn đi bác tài!

Nguyễn Trọng Khôi, với Mai, người vợ đảm đang, không được "... bà ấy nuôi như người ta nuôi cá vàng làm cảnh" như Nghiêu Đề, nhưng đã từ Connecticut về cùng nhau ở Boston, giúp Khôi yên tâm hơn. Đi làm tám giờ một ngày, còn ngồi vẽ tranh được lầ đáng quí. Biết đâu, cái thành phố cổ kính, có nhiều tượng đồng của nhà điêu khắc người Anh nổi tiếng Henry Moore, sẽ nuôi dưỡng người họa sĩ Việt Nam bền gan, trì chí làm việc, sau này sẽ được nhắc nhở tới... như Yves Tanguy, họa sĩ Pháp, đã lang bạt qua đất Mỹ, cũng tạt về vùng này, thành công dân Mỹ, những năm 1940, sống biệt lập trong một nông trại tại Connecticut, trở thành một họa sĩ siêu thực, có tên trong lịch sử hội họa hiện đại...

Cuối cùng vẫn là buổi chia tay. Không quên cái đêm ấm cúng, chân tình tại cái phòng khách rộng ở nhà Khôi. Có chị Trần Thị Kim Lan, tác giả tập truyện "Gió Đêm" với lời văn thông minh, nhân ái, tôi rất quý mến. Các vị linh mục trẻ tuổi, dấn thân, thích thú trao đổi về triết học với Nh. H. Và những người bạn đã hết lòng giúp Khôi trong cuộc triển lãm.■

Virginia 10-1993
ĐINH CƯỜNG

(*) Triển lãm từ 6 đến 31 Oct. 1993 tại Scollay Square Art Gallery Boston City Hall

NHÂN KỲ ĐẠI HỘI Y KHOA THẾ GIỚI

Ý: MÂY BAY

NGÂN UYÊN viết lại

Thế là con lại lót tót tháp tùng ba mẹ đi dự đại hội Y Khoa. Lần này là lần thứ tư rồi đó cô Năm! Chuyến nào ba cũng bảo:

"Các con nay đã lớn, ráng đi chơi chung với ba mẹ thêm một lần nữa, mai mốt các con ra trường, mỗi đứa mỗi đường, gia đình mình chắc ít còn có dịp đi chung đâu. Kỳ này, sau khi tham dự đại hội, có đi chơi cruise thêm bốn ngày nữa, nghe nói vui lắm."

Thế là con cá Quyên Quyên bị mắc câu ngay, suốt ngày nó lục lọi tài liệu về con tàu sắp đi, nó thuộc làu làu từng chi tiết như trọng lượng bao nhiêu, tàu cao mấy tầng, chứa được bao nhiêu khách, có bao nhiêu nhân viên phục vụ, trên tàu có gì vui chơi giải trí, xuống đảo nào thì nên đi chơi, đi thăm viếng chỗ nào, bãi biển nào trong, bãi nào đục...

Còn còn thì con đã quyết định, chuyến này tham dự đại hội là chuyện chính đó cô Năm, chứ không phải theo ba mẹ để đi chơi bên lề đại hội như các chuyến trước đâu.

Cô Năm ơi, hình như con đã lớn rồi, đã trưởng thành rồi, hai mươi ba tuổi rồi còn gì nữa, sang năm sẽ ra trường, con chim nhỏ bé của cô đã đủ lông đủ cánh, sẵn sàng bước vào trường đời đầy chông gai cạm bẫy.

Từ hồi con lên đại học, con có nhiều bạn Việt Nam hơn. Chúng con cũng như các sinh viên thuộc các sắc dân bị bắt buộc phải bỏ đất nước ra đi như Do Thái, Palestine, Cambodge, ngoài chuyện học hành, còn có những vấn đề khúc mắc hơn sinh viên bản xứ.

Chúng con đã thành lập hội đoàn, ngoài việc giúp đỡ lẫn nhau trong lãnh vực học hành, chúng con còn có những buổi bàn cãi, thảo luận về quê hương xứ sở. Bây giờ thì con đã biết đọc và viết rành rẽ tiếng Việt. Biết rõ ràng quê hương của mình, một giải đất hình chữ S, một giang sơn cẩm tú với nhiều tài nguyên bên kia bờ Thái Bình Dương. Con đã từng tự hào với lịch sử oai hùng của tổ tiên, và cũng đã đau lòng khi biết rõ cuộc chiến tranh tương tàn gần đây, cuộc chiến đã xô đẩy con rời khỏi quê hương đến sống tạm bợ trên mảnh đất xa lạ lạnh lẽo này. Bây giờ con đã ý thức rõ ràng và chắc chắn được vị thế của con trong xã hội này. Cô Năm ơi, những điều con biết được không phải do con nghĩ ra cả đâu, đó là kết quả của biết bao nhiêu buổi sinh hoạt trong các hội sinh viên của chúng con thành lập.

Con đã tâm sự với cô quá nhiều, thôi để con kể chuyện đại hội cho cô Năm nghe cho đỡ chán.

Ngày ra đi, mới năm giờ sáng ba đã đánh thức cả nhà dậy, sửa soạn lên đường, tụi con sau mấy tuần nghỉ hè, đã quen tật ngủ nướng, ngáp lên ngáp xuống trên xe.

Đến phi trường, gia đình các bác bạn ba đã đến đông đủ, chuyện trò vang rần. Sau các thủ tục check in, quan thuế, lên phi cơ là con nằm thẳng cẳng ngủ một lèo, mặc cho con Quyên Quyên léo nhéo với bạn bè bên tai.

Phi cơ đến Orlando khoảng hai giờ trưa. Vừa ra khỏi phi cảng, một cơn gió lốc nóng hực làm con muốn dội người vào. Ba cười cười:

"Nóng như thế này đã ăn nhằm gì so với Việt Nam, ban tổ chức năm nay với chủ đề "hướng về tương lai" thì lựa Orlando là đúng lắm, với cái nóng này ai cũng thấy gần gũi với Việt Nam hơn, biết chừng đâu đại hội kỳ tới sẽ được tổ chức tại một nước Việt Nam tự do!"

Về đến khách sạn, check in, tắm rửa xong, cả nhà dẫn nhau qua khu họp đại hội. Ghi danh xong thì gia đình con rã gánh, ai theo bạn nấy, ba đi đường ba, mẹ đi đường mẹ, Quyên Quyên thì theo đường Epcot Center, còn con thì thơ thẩn dạo thăm phòng ốc.

Ban tổ chức kỳ này thật quá chu đáo, cái Convention Center này quả đúng với kích thước một đại hội quốc tế. Phòng lớn để khai mạc đại hội rộng rãi khang trang. Các phòng họp phụ đâu ra đấy, con còn nhớ rõ phòng họp của buổi Hội Thảo Giới Trẻ, room 23D, chính chỗ này ngày mai là chỗ con sẽ sinh hoạt với các bạn mới.

Một giờ sau, con trở lại chỗ ghi danh, một vài bạn mới đến lân la chào hỏi, chỉ thoáng một chốc là tụi con chuyện trò vui vẻ cởi mở ngay.

Con thấy ba đang tay bắt mặt mừng, vui vẻ trò chuyện cùng các bác. Có bác con còn nhớ mặt trong những kỳ đại hội trước, còn những bác khác hình như ba mới được gặp lại, sau này con mới biết

bác Sơ Đông, bác Hưng, bác Vọng bác Trường, bác Đôn Đất...

Cô Năm ơi, con nhìn kỹ lại ba và các bác, con bỗng thấy ai cũng già đi nhiều so với những kỳ đại hội trước, quả thực thời gian đã chậm rãi xâm chiếm dần, không chừa một ai.

Xem ba con kìa, mái tóc đã bắt đầu hoa râm, vài nếp nhăn trên trán, bên khóe mắt lúc cười. Ánh mắt tuy vui vẻ cũng không dấu được nét mệt mỏi, già nua. Thỉnh thoảng ba nhăn mặt, nhíu mày bóp các ngón tay, con biết sức nóng và độ ẩm của xứ này đang hành hạ các khớp xương với chứng phong thấp kinh niên của ba.

Hơn một năm nay con đã để ý quan sát ba, hình như ba đang bị một cơn khủng hoảng nào đó, hoặc ba đang tìm một lối thoát, một đường hướng cho những năm sắp tới của đời ba. Ba bất mãn với mọi người, mọi chuyện và ngay cả với chính ba nữa.

Ba bỏ bê viết lách, thờ ơ với những cuộc hội họp mà ba là thành viên trong ban chấp hành. Thôi, đó là chuyện của ba, thế nào ba cũng phải tìm ra được lối thoát.

Tối đến là buổi họp khóa của lớp ba ngay tại khách sạn. Đáng lý chỉ có khoảng 100 người tham dự, ngờ đâu giờ chót, ai cũng thấy vui nên xông vào ngồi đại, căn phòng chật cứng như nêm, làm ban tổ chức, nhất là bác Út James Dean, tái mặt tái mũi, chạy bở hơi tai, hết năn nỉ ỉ ôi, rồi đổ quạu la hét om sòm mà cũng không dẹp được loạn. Vừa bắt được bà này ngồi xuống, thì ông nọ lại vùng dậy chạy đi ôm vai hót cổ một người bạn thân sau mấy năm tìm kiếm. Nhưng con thấy thế mà vui, và chắc chắn là không ai giận hờn, chê trách ban tổ chức đâu.

Ăn xong ba và các bác lại xúm xít một góc, chụp hình, quay film, chuyện trò không rứt ra được.

Mẹ phải bỏ lên phòng trước, còn con thì ra hall ngồi với các bạn mới, để mặc cho ba sống lại những năm tháng trẻ trung ngày xưa.

Sáng thứ bảy, mới tám giờ mà hội trường đã đông nghẹt, sau khi chào quốc kỳ, các phái đoàn tham dự được giới thiệu. Đến phiên Canada, con thấy ba cầm cờ lên, phất lia lịa.

Sau đó các quan khách lên đọc diễn văn, chung chung vẫn là chống cộng triệt để, phát triển tình đồng nghiệp, tình tương thân, tương ái, xây dựng cộng đồng, yểm trợ các phong trào tranh đấu cho tự do của quê hương.

Sau đó con đến tham dự buổi hội thảo của giới trẻ. Thú thực, con hơi thất vọng khi thấy Tham luận đoàn, Thuyết trình viên, điều hợp viên "không được trẻ" như con tưởng tượng. Vả lại, buổi hội thảo hình như phải theo một chiều hướng nào đó, có những người lớn tuổi cầm chịch chỉ đường, sửa sai, làm cho lớp trẻ như con ngại ngùng không dám phát biểu ý kiến.

Chúng con đã quen sinh hoạt trong khung cảnh và tinh thần dân chủ và thân mật hơn nhiều.

Trong các đề tài thảo luận, con chú ý nhất là đề tài "Vai trò của người trẻ hải ngoại với quê hương Việt Nam." Còn các đề tài khác thì tại địa phương, chúng con đã có dịp thảo luận nhiều rồi.

Khởi cần úp mở, các câu hỏi đã được đặt thẳng ra, giới trẻ có nên:

- Trở về Việt Nam phục vụ không?
- Lúc nào? Ngay bây giờ hay hậu Cộng Sản?
- Về với tư cách gì?
- Với những điều kiện tiên quyết nào?

Hình như các câu hỏi đều không có đáp số, hoặc chỉ được trả lời một cách mơ hồ, cho xong chuyện. Rõ ràng là đối với lớp người lớn tuổi, vấn đề trở về phục vụ quê hương là một sujet tabou, ai cũng né tránh.

Cô Năm ơi, những câu hỏi trên đã ám ảnh con mấy năm gần đây.

Có lần con đọc một bài báo do một chị bác sĩ mới ra trường nêu lên vấn đề có nên về Việt Nam để giúp đỡ đồng bào hiện đang nghèo đói bịnh tật ngay không, sau khi tham khảo ý kiến các bậc làm cha mẹ trong Ban Chấp Hành chị đã được trả lời:

"Chưa về được, phải đợi chế độ Cộng Sản tan rã đã."

"Vậy bây giờ phải làm gì?"

"Không làm gì cả, cứ đợi."

Chị đã không đồng ý lắm với những câu trả lời trên, và muốn có một đường hướng tích cực, dấn thân hơn nên đã viết bài báo trên để than thở.

Một lần khác, có một chị ở Toronto về Việt Nam phục vụ. Trở lại Canada chị cho biết là chị đã về thôn quê khám bịnh, cấp thuốc cho dân làng, khi chị vừa đi xong thì cán bộ địa phương đến tịch thu lại hết thuốc men với lý do là thuốc đó chưa biết là thuốc gì, cần phải kiểm chứng lại, rõ ràng là chính quyền địa phương đã ăn chận và sự giúp đỡ nhân đạo đã không đến tay đồng bào.

Con có bàn cãi với ba về các câu chuyện trên.

Ba nói:

"Trường hợp cô bác sĩ được khuyên không nên về Việt Nam phục vụ lúc này: Đó là những lời khuyên thiết thực do những người lớn tuổi, có kinh nghiệm nhiều với Việt Cộng, họ sợ tuổi trẻ với bầu nhiệt huyết muốn xây dựng lại đất nước càng sớm càng tốt, với bất cứ giá nào, nên có thể bị bọn Cộng Sản lợi dụng."

Rồi ba cười chua chát:

"Câu trả lời "bây giờ không làm gì cả, đợi cho Cộng Sản đổ rồi hẵn hay" là một liều thuốc an thần cho những y sĩ thuộc lứa tuổi của ba, muốn làm một cái gì mà không dám làm, sợ cực sợ khổ, sợ đủ thứ, thỉnh thoảng lương tâm cũng lóe lên một vài tia sáng rồi tắt ngấm ngay, nay được nghe câu "bây giờ không làm gì cả," thì còn gì sướng hơn.

"Theo ý của ba, trên lãnh vực y tế thuần túy, các bạn trẻ, con cũng vậy, có thể trở về quê hương phục vụ nếu các con nhận thấy đó là điều tốt, với điều kiện là luôn luôn đề cao cảnh giác, tham khảo ý kiến các bậc đàn anh. Những người đã trở về phục vụ đất nước nếu không lập được một hội thì cũng nên gặp gỡ trao đổi những kinh nghiệm với nhau thường xuyên. Kết quả tốt hay xấu khó mà nói trước được. Và dù có sai lầm một lần đi nữa, vẫn là cơ hội để thu thập kinh nghiệm. Sự dấn thân của giới trẻ chúng con, theo ba quả là một điều may mắn cho đất nước trong tương lai."

Ba nói tiếp:

"Còn trường hợp cô Bác Sĩ về phục vụ và thấy bị lợi dụng, ta có thể nhìn dưới hai khía cạnh:

Tiêu cực, thì bỏ cuộc, muốn giúp dân mà chỉ tổ cho cán bộ lợi dụng quả là vô lý.

Tích cực mà nói, thì rõ ràng

đó là một trường hợp Việt Cộng vi phạm trắng trợn nhân quyền, bóc lột nhân dân, nếu ta có chứng cớ rõ ràng năm, bảy trường hợp, ta sẽ đem phanh phui, trình bày trước dư luận quốc tế, cơ quan Liên Hiệp Quốc... chắc chắn thế nào cũng có tiếng vang lớn. Con thấy đó, muốn về phục vụ đất nước một cách bất vụ lợi thì phải kiên trì, và chắc chắn là nếu con làm việc riêng rẽ thì sẽ thất bại và thất vọng ngay. Đối đầu với chế độ Cộng Sản rất phức tạp và khó khăn, nếu giới trẻ muốn dấn thân, phải qui tụ nhau lại thành một khối trước đã, rồi mới lập kế hoạch rõ ràng trước khi về nước hoạt động."

Cô Năm ơi, con đã lan man lạc đề quá xa rồi, thôi thì lâu lâu cô cũng ráng nghe tâm sự của con cháu đang sục sạo vào đời. Con kể tiếp chuyện đại hội đây.

Gala được tổ chức vào tối thứ Bảy, cái đỉnh của đại hội đó cô Năm, có cả hơn ngàn người tham dự. Mẹ và tụi con diện dẫm ra gì, cả gia đình con vào trước cả giờ để dành chỗ tốt, nhưng rồi ba mẹ lại tách ra ngồi với các bác, còn tụi con thì tụ tập với giới trẻ tận đàng sau, cười nói vang rân.

Ăn uống xong là đến màn trình diễn văn nghệ. Nghe nói có hơn 150 người ghi tên tham dự giúp vui, làm ông bầu trưởng ban muốn điên luôn cái đầu. Nếu ai cũng lên trình diễn thì đến sáng chưa chắc đã xong, còn muốn cắt bỏ bớt thì biết lựa ai bây giờ, đâu có biết ai hay ai dở. Con không ngờ thế hệ của ba mẹ lại còn nhiều máu văn nghệ đến thế.

Đến gần hai giờ sáng mà chưa quá một phần ba chương trình, phe muốn nhảy nhót lên tiếng lầu bầu, thế rồi vấn đề giải quyết dễ dàng, ai hát thì cứ hát, ai nhảy cứ nhảy. Cả làng đều vui vẻ hẳn ra.

Sáng Chủ Nhật, con dậy sớm định qua tham dự tiếp buổi thảo luận giới trẻ, ai ngờ đại hội như buổi chợ chiều, lác đác ngoài hành lang vài người lật đật qua lại. Cũng như các lần đại hội trước, lễ bế mạc kết thúc một cách sơ sài tẻ nhạt, âu cũng là một điều đáng buồn.

Con trở về khách sạn rồi cùng các bạn đi thăm một khu giải trí nổi danh như Disneyland, Sea World, Epcot Center...

Còn ba mạ và các bác thì tà tà bát phố rồi đi xem cá sấu, nghe nói có bác định xô vợ xuống hồ nuôi sấu, may mà ba con chụp lại kịp.

Thế là xong ba ngày đại hội ở Orlando, tối đó tụi con ngủ sớm vì sáng mai phải dậy từ năm giờ để lo mọi thủ tục trước khi xe bus trực chỉ Miami để lên tàu.

Trên đường đi ba mẹ cứ trầm trồ:

"Các con xem kìa, phong cảnh sao mà giống Việt Nam quá hà." Con nhìn, cây cối ruộng đồng một lúc rồi ngủ gục lúc nào không hay.

Đến Miami sau các thủ tục, con lên tàu nằm đừ cả tiếng đồng hồ, tắm rửa khỏe khoắn xong, con rủ các bạn đi thăm thú tàu, tàu này thuộc hạng vừa thế mà cao đến mười từng, như một cái building di động. Từng nào cũng trang hoàng lộng lẫy choáng lộn sạch như bong. Gần bảy tám trăm nhân viên phục vụ cho trên một ngàn hành khách chứ ít sao.

Chiều đến, con lên boong tàu, nhìn tàu chậm rãi ra khơi, mặt trời xuống dần, thành phố Miami với những cao ốc xa dần, trước mặt con là đại dương xanh biếc.

Đến tối, con xuống phòng ăn, cả một tầng tàu được bày biện sang trọng, bồi bàn ăn mặc nói năng thiệt lịch sự, lại có ban nhạc giúp vui.

Bọn trẻ chúng con ngồi thành từng bàn riêng. Buổi đầu tụi con còn ra điều làm khách, gọi món ăn vừa phải. Những lần sau tụi con, nhất là các anh con trai ăn mạnh như tằm ăn dâu, mỗi buổi thứ hai, ba món chính rồi khen rối ra rối rít cả lên, làm ông chủ bếp hể hả tuyên bố, từ trước tới nay chưa có nhóm nào biết thưởng thức và chiếu cố tận tình các món ông nấu đến như vậy.

Tụi con cũng cảm động hẹn năm sau gặp lại, nhưng ông vội nói:

"Thôi, năm tới xin mời quí vị thử đi tàu hãng kia kìa, tàu tôi lần này chắc khánh tận mất."

Ăn xong rồi, được đi coi show, có show quá hay nhưng phần nhiều thì cũng vừa phải thôi.

Đến 12 giờ đêm, ba tuyên bố, bây giờ là giờ tự do, ai muốn đi đâu, làm gì thì làm. Mẹ và các bác gái thì đi xem các gian hàng, còn ba và các bác trai thì nói:

"Tuần này không khám bịnh,

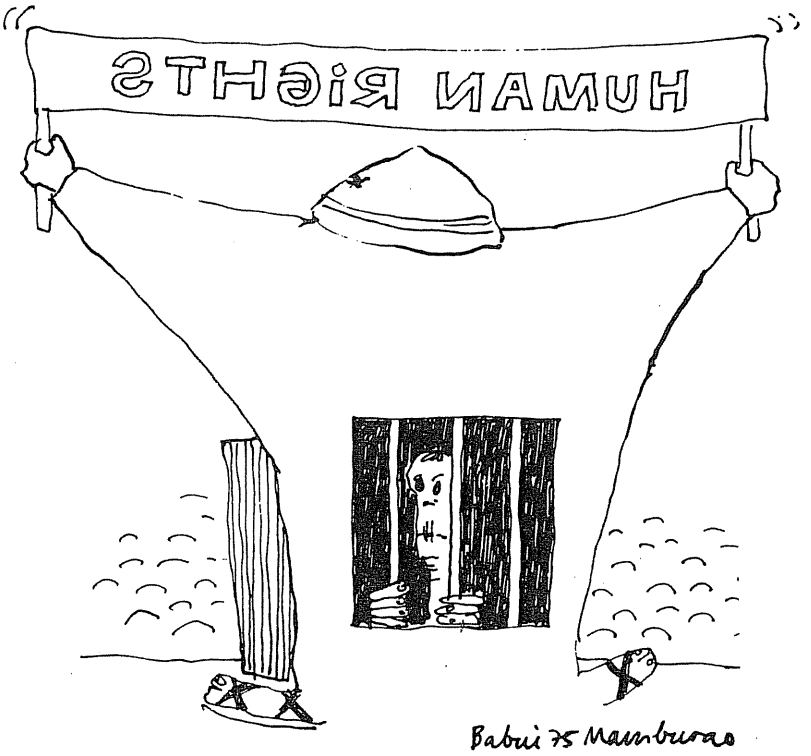

bây giờ phải đi làm việc kiếm tiền."

Nói xong ai nấy đều hớn hở ôm vai bá cổ nhau đi như bay.

Con thì thơ thẩn lên boong tàu chơi, ngắm trăng nhìn nước. Có bữa con thấy hai chị lớn tuổi hơn con một chút, mặt mày buồn xo, đứng cạnh mạn tàu, tay mân mê một chiếc bình thật đẹp hồi lâu, rồi từ từ thả nhẹ xuống nước. Hai chị đứng tần ngần, ngơ ngẩn cả giờ, con thấy lạ, lân la đến hỏi chuyện. Một chị cho biết:

"Đó là di hài của má chị, trước khi mất, má chị có trối trăn là ước chi tro cốt được thả xuống biển với hy vọng linh hồn cùng tro tàn trôi về quê cha đất tổ."

Có bữa con đang đứng ngắm những làn sóng lao xao đùa giỡn dưới trăng, có đứa bé chừng mười tuổi chạy đến ôm chầm lấy con rồi rối rít:

"Chị Hai, chị Hai, chị Hai đó hả? Má với anh Ba đâu rồi?"

Con còn đang bối rối, thì có một bác đứng tuổi hối hả chạy đến, bồng cô bé lên rồi chậm rãi nói:

"Xin lỗi cô, con tôi nhận lầm cô là chị Hai nó."

Rồi ông ta kể lại thảm cảnh vượt biên, trong chuyến ra đi đó gia đình ông chết hơn phân nửa. Thỉnh thoảng đứa bé lên cơn, cứ bắt ông đưa ra biển đón mẹ và anh chị nó, ông đi chuyến tàu này cũng vì nó.

Tối nay, ông thuyền trưởng mở cuộc tiếp tân. Hành khách phải mặc đạ phục đàng hoàng. Các bà tha hồ mà diện. Rồi đến màn chụp hình chung với thuyền trưởng. Các bác phó nhòm tươi cười đứng hốt bạc từng bó.

Con đứng nhìn hơn năm trăm hành khách Việt Nam đang tươi cười hớn hở rồi nghĩ ngợi vẩn vơ. Giá con có phép thần thông đọc được tâm sự của mỗi người thì chắc con sẽ viết được nhiều cuốn tiểu thuyết hay lắm, vì người ty nạn nào mà không có những tâm sự, những ẩn ức, những khổ đau, những hy vọng tiềm ẩn trong tiềm thức, phải không cô Năm?

Cô Năm chắc đang nghĩ sao bữa nay con nhỏ này cứ đem những chuyện buồn ra kể hoài à. Thì cũng có chuyện vui chứ cô Năm!

Tụi trẻ chúng con thường tụ họp ở một góc nào đó trên tàu để trò chuyện, cũng có lúc đi nhảy disco ban đêm. Ban ngày thì kéo nhau xuống các đảo dạo chơi, tắm biển, đùa nghịch.

Bốn ngày sống trên tàu rồi cũng qua nhanh. Sáng thứ Sáu tàu ghé bến Miami rồi ai về nhà nấy.

Cô Năm ơi, kết luận nhanh như vậy chắc cô không bằng lòng rồi, cô sẽ cằn nhằn là con nhỏ này nhác nhớm muốn viết đại cho xong.

Thú thực với cô chuyến đi này con vui ít mà buồn nhiều. Cô ơi, có phải trưởng thành là đồng nghĩa với sự nhận thức được sự khổ đau của chính mình, của đồng bào, đồng loại mình, và đồng thời cũng là sự ý thức được trách nhiệm mình phải gánh vác, trách nhiệm thật là nặng nề trên vai những người trẻ tuổi di tản đang hướng về quê hương đất nước như tụi con phải không cô?

Thôi con xin giã từ thời con gái ngây thơ, vô tư từ đây.■

(...) "Tuần trước tôi đã nhận được cuốn Nho y Nguyễn Đình Chiểu anh gửi cho. Sách in đẹp, giản dị mà thể thống. Quả là An Tiêm vẫn giữ được truyền thống trước 75 ở Saigon.

Cũng tuần trước, tôi được thư Anh Lê Châu (*) từ Sàigòn gửi qua, trong có câu: "Tôi được đọc Sự Muôn Năm Cũ của Tích và rất ngạc nhiên thấy Tích lao vào văn học cũng ngon lành như xưa kia khảo về Đông Y vậy."

01-08-1993
VÕ PHIẾN

NHO Y NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Biên khảo văn học của TRẦN VĂN TÍCH

AN TIÊM xuất bản, VĂN NGHỆ phát hành

Giá bán: 10 Mỹ kim

Sách có bày bán tại các nhà sách hoặc liên lạc về:

TRẦN VĂN TÍCH

Laerchenweg 23

32805 Horn Bad Meingberg, Germany - Tel: (05234) 9437

(*) Nguyên Chủ Nhiệm Tạp chí Bách Khoa tại Saigon trước 1975.

NHỮNG GHI CHÚ MUỘN TẶNG BẠN SAU KHI NGHE

TIẾNG ĐÀN TỰ DO CỦA ĐẶNG THÁI SƠN

CUNG TIẾN

Bắc cảnh phố,
Hồng hoa tỉnh,
Thiên thanh thủy bang,
Mỹ-lệ Hợp chủng quốc

Ngày 11 Tháng Mười, 1993

Gửi người bạn thiết phương xa,

Bang Minnesota của hàng vạn hồ nước mấy tuần nay vào thu đã không còn cái màu thiên thanh của địa danh thổ dân Sioux ấy nữa. Mây thu trắng đục ôm ấp mặt hồ, lãng đãng tưởng như khói, như sương. Nắng thu mượn cái tâm sự phai tàn của rừng phong, rừng thích, rừng sồi ở đây độ này để rực rỡ, như lần chót được rực rỡ. Và mưa thu thì không "thánh thót" như lời ca một bài hát nào mình nghe hồi nhỏ, mà lất phất sầu thảm. Đấy, trong cái không gian buồn rượi nhưng "rất thơ" ấy chiều hôm qua tôi đã đi nghe, lần đầu tiên, tiếng đàn pianô của Đặng Thái Sơn. Và nhớ đến bạn. Rất nhiều.

Phòng hòa nhạc nhỏ, ấm cúng, thân quen, nằm trong khuôn viên Đại học Macalester thuộc thành phố Saint Paul, thủ phủ bang này. Thân quen, bởi mấy năm nay chính chúng tôi cũng đã làm những đêm biểu diễn tại phòng hòa nhạc đó. Ấm cúng, bởi nó đã được dựng lên để đón tiếp loại âm nhạc thính phòng (*chamber music*), là loại nhạc viết cho một hay vài giọng hát, một hay vài cây đàn, hay một đội nhạc công chừng dưới mười người. Nhỏ, vì nó chỉ chứa được khoảng bốn trăm khách đi nghe. Dù sao, chiều hôm qua, ngó chung quanh, tôi không thấy một ghế trống. (Khách đi nghe đã được báo trước rồi; Trên cửa ngoài dẫn tới phòng hòa nhạc, Hội Frederic Chopin -- cơ quan tổ chức buổi diễn tấu của Sơn -- đã dán giấy cho biết "Buổi nhạc hôm nay đã hết vé bán").

Mặc dù đã được gặp và sinh hoạt với người nhạc sĩ trẻ này đêm hôm trước, khi Sơn nhanh nhẹn bước ra sân khấu tôi vẫn ngạc nhiên thấy đó là một gã thư sinh với một hình hài thật nhỏ nhắn. Đàn pianô "có đuôi" cỡ lớn, chiếm gần một phần ba sân khấu, bỗng nhiên dưới mắt tôi hiện thành một loài dã thú khổng lồ đang ở trong tư thế chờ đợi được gã thư sinh kia chinh phục.

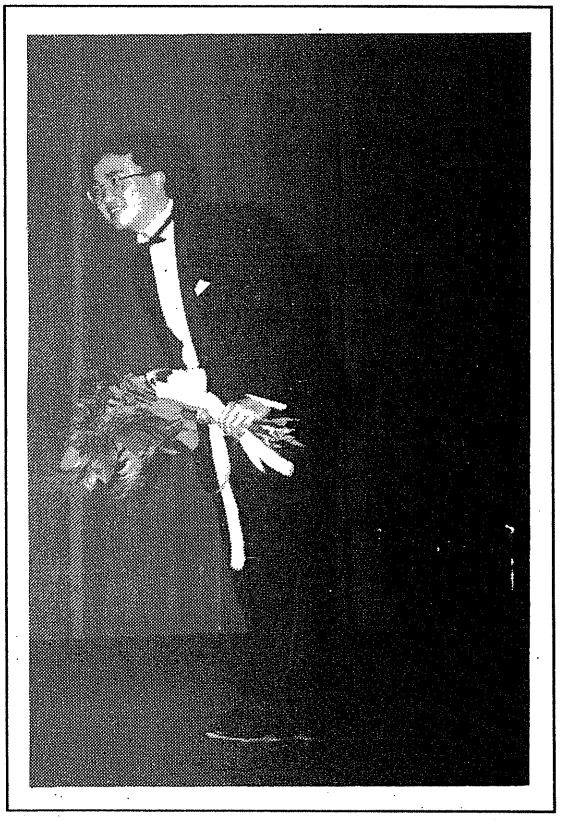

Đặng Thái Sơn

Như đã được loan báo từ trước, chương trình đơn tấu của Đặng Thái Sơn trong buổi "*début*" ở Minnesota gồm hai phần. Phần đầu là nhạc Frederic Chopin (1810-1849), nhà soạn nhạc và danh cầm Ba-lan thời Lãng mạn; phần hai là nhạc Maurice Ravel (1875-1937), nhà soạn nhạc người Pháp thời Ấn tượng.

Sơn mở đầu phần nhạc Chopin với hai *Dạ khúc* ["Nocturnes"] phổ biến nhất trong toàn bộ 21 dạ khúc của nhà soạn nhạc này: Tác phẩm 15, Số 2, cung Fa# Trưởng, và Tác phẩm 27, Số 1, cung Do# Thứ. Thể nhạc dạ khúc -- nguyên thủy do dương cầm gia và soạn nhạc gia người Ái-nhĩ-lan John Field (1782-1837) sáng chế và đặt tên hồi đầu thế kỷ 19 -- nói chung gồm những đoản khúc độc lập có giai

điệu trong sáng trữ tình lướt trên phần đệm là những "hợp âm rải" [*arpeggios*] được chơi với bàn đạp [*pedal*], rung ngân cảm xúc. Nhưng trong tay Chopin, thì chúng đã trở thành những giấc mộng nhỏ đầm đầm ánh trăng.

Với Sơn, thì đó cũng là những khúc "tay quen" nhuần nhuyễn: Bảy năm trước đây ông đã cho hãng đĩa Victor Musical tại Nhật thâu toàn bộ 21 dạ khúc Chopin trên đĩa cô đọng [CD].

Dạ khúc mở đầu buổi nhạc, có chuyển động *Larghetto* nhịp 2/4 rất chậm, là một thể ca khúc đơn giản ba đoạn ("A-B-A"), giống như hầu hết những nhạc khúc nhỏ khác Chopin viết cho pianô. Vì là ca khúc, nên nó phải có phần "ca" và phần nhạc "đệm phụ họa". Trong tay phải của Sơn thì giai điệu dạ khúc này, với nhiều luyến láy tô điểm và tính khí thay đổi bất thường của một mỹ nhân, đã được "hát" lên một cách vô cùng say mê, mà trong sáng. Và phần phụ họa, tay trái, thì nâng đỡ và dìu dặt bước theo mỹ nhân, chừng mực thôi, như nâng đỡ một người tình đang mải mê trò chuyện huyên thuyên dưới một trời mưa trưa nào miền nhiệt đới. Nhưng cũng không hẳn luôn luôn chỉ lặng lẽ nâng đỡ, dìu dặt bước theo người tình, mà đôi khi còn góp tiếng vào cái huyên thuyên của nàng nữa (giọng nhạc nằm giữa giai điệu và phần đệm trong đoạn "B" của dạ khúc).

Dạ khúc thứ hai, tôi nghe và tưởng tượng như một gặp gỡ của một cặp tình nhân đêm khuya âu yếm (đoạn "A", chậm, nhẹ), rồi bốc lửa (đoạn "B", nhanh hơn nhiều, mới đầu cường độ nhẹ, sau tăng dần lên cực điểm, *fff*), rồi thì thầm trò chuyện (đoạn "A" được lặp lại nhưng giọng hạ thấp, *sotto voce*). Chopin đã đề tặng dạ khúc này cho Bà Bá tước d'Appony.

Khúc Boléro tiếp theo (Op. 19), Chopin viết năm 1833, khai thác tiết tấu nhịp ba đặc trưng của vũ điệu tên ấy, xuất xứ từ Tây-ban-nha[2]:

Dưới hai bàn tay Sơn, khách nghe với trí tưởng tượng mạnh có thể nhìn thấy dáng dấp một cặp diễn viên múa Tây-ban-nha nồng nàn nhưng lại có những điệu bộ lễ nghi của đôi loan phượng, tay rung catanhét, chân nhảy những bước vô cùng phức tạp của vũ điệu này, và sau mỗi câu nhạc lại hất đầu ngẩng mặt kiêu hãnh (được minh họa trong các nhịp

5, 11, 16 vv., của phần *Allegro vivace*).

Thể nhạc Chopin dùng nhiều nhất trong cuộc đời sáng tác ngắn ngủi của ông là vũ điệu dân gian Ba-lan mazurka: ông đã viết cả thảy 55 khúc, từ lúc ngoài hai mươi, mới tốt nghiệp nhạc viện, cho tới hai năm trước khi qua đời. Nếu như vũ điệu *polonaise*-- nguyên thủy cũng của Ba-lan -- đã được những giai cấp thượng lưu và triều đình Âu châu trong các thế kỷ từ 16 đến 19 lấy dùng để khiêu vũ những đêm trà dư tửu hậu, thì *mazurka* thời Chopin vẫn chỉ là một điệu nhảy dân gian, được ưa chuộng trong tầng lớp chân lấm tay bùn của xứ sở này. Là một cái khung để Chopin khoác lên những vòng hoa giai điệu rực rỡ nhất và hòa âm sặc sỡ nhất, độc đáo nhất trong toàn bộ tác phẩm ông, điệu nhảy bình dân *mazurka,* vì thế, đã khởi đầu một phong trào quan trọng trong nhạc sử Tây phương thế kỷ 19: chủ nghĩa dân tộc, mà Chopin là vị lãnh tụ đầu tiên ở Âu châu.

Hơn nữa, những khúc *Mazurkas* của Chopin sau này còn được các nhà nhạc học, mượn chữ của Baudelaire, gọi là "những đóa hoa khổ đau" ["*les fleurs du mal*"], bởi lẽ đó là nơi ông đã gởi gấm tâm sự cay đắng (*zal*, tiếng Ba-lan) không những vốn đã là đặc tính của nòi Slave, mà còn của một người mất nước: Ba-lan từ 1831 tới 1918 đã bị Nga chiếm làm

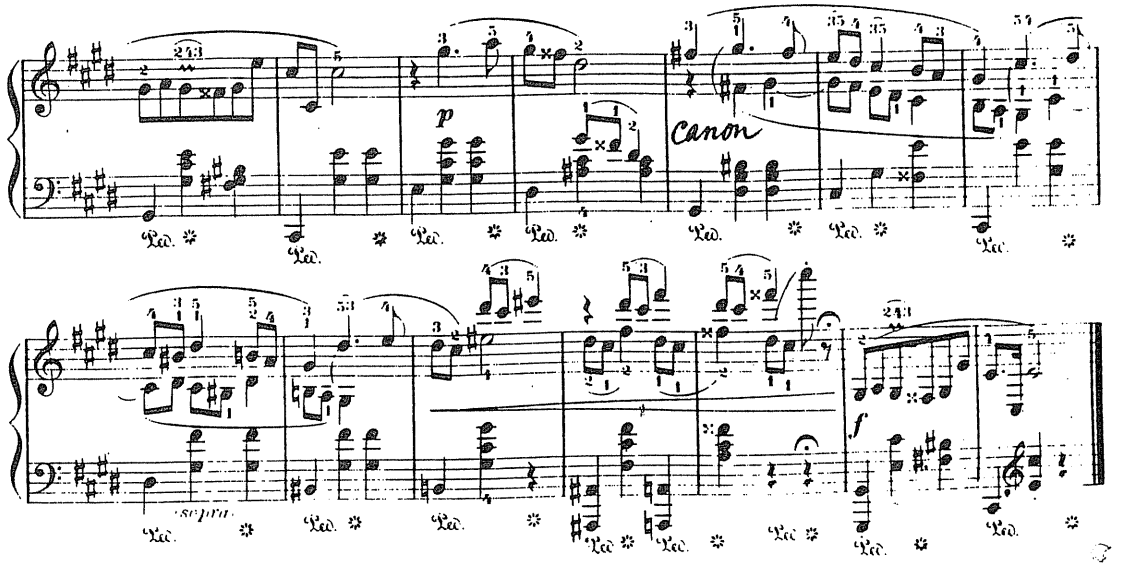

thuộc địa.[3]

Trong tiết tấu điển hình, vũ điệu *mazurka* mang nhịp ba (3/4 hay 3/8), và được nhấn mạnh ở phách hai hoặc phách ba (thay vì phách một như điệu Valse). Về mặt giai điệu, nó mang những nét đặc trưng của nhạc Đông Âu, như thang âm điệu thức [*modal scales*], thang âm pha điệu trưởng lẫn điệu thứ [*major & minor modes*], "thang âm Hung-gia-lợi[4]" với các quãng đặc thù là quãng hai và quãng bốn mở rộng [*augmented seconds, fourths*], những quãng bảy trưởng [*major sevenths*], v.v. Đó là những chất liệu âm thanh Chopin sử dụng rất tự do để tôn vinh vũ điệu dân gian này.

Buổi đơn tấu chiều hôm ấy Đặng Thái Sơn đã chơi liên tiếp năm khúc *Mazurkas* Chopin viết trong quãng đời lưu vong: *Op.* 33, Số 1 & 3 (xuất bản năm 1838), và *Op.* 63, Số 1, 2, & 3 (năm 1847). Ngón tay nhẹ và thay đổi động lực bất thường của Sơn trong các nhạc khúc này cho khách nghe thưởng thức được thế nào là "màu sắc" của đàn pianô trong tay một nghệ sĩ hàng quốc tế. Cả năm khúc thảy là năm hạt châu: có hạt trông tươi tắn ấu thơ (*Op.* 33, Số 3, C trưởng), có hạt trông hoen mờ sầu thảm (*Op.* 33, Số 1, G# thứ), có hạt trông khỏe khoắn đầy nhựa sống (*Op.* 63, Số 1, B trưởng). Nhưng hạt châu trong sáng hơn cả, theo tôi, là *Op.* 63, Số 3, cung C# thứ, mà mấy nhịp chót của nó đã được Sơn tấu thật mạch lạc đặng cho khách nghe thưởng thức lối Chopin viết đối âm tài tình, rất "bác học"[5] trong một thể nhạc rất "bình dân":

Scherzo[6], nếu chỉ kể từ cuối thế kỷ 18, là một phần (thường gọi là "chuyển động", "*movement*") trong một nhạc phẩm dài, nhiều phần, *viết cho nhạc cụ*[7]. Nó được viết theo nhịp 3/4 với tốc độ nhanh, và mang đặc tính có thể từ vui tươi, đùa cợt, nhẹ nhàng, đến hung hãn, khủng khiếp, quái đản. Với Beethoven (1770-1827), lãnh tụ đầu tiên của trường phái nhạc Lãng mạn Âu châu, nó đã được dùng làm nhạc thể thay thế phần *minuet* trong những tác phẩm nhiều-phần trước kia của giới soạn nhạc thuộc trường phái Cổ điển[8], như Haydn (1732-1809) và Mozart (1756-1791). Nhưng khi phong trào Lãng mạn thế kỷ 19 thực sự rộ nở, thì *scherzo* không còn chỉ giữ chức phận là một trong nhiều phần của cấu trúc một tác phẩm dài nữa, mà đã trở thành một nhạc thể độc lập.

Để chấm dứt phần đầu buổi diễn tấu, Sơn đã chọn hai khúc Chopin viết theo thể *scherzo*: một nắng chan hòa và lộng gió (*Op.* 54, E trưởng, xuất bản năm 1843), một bão tố và mù mịt mây đen (*Op.* 39, C# thứ, xb. năm 1840).

2.

Chuyển từ không gian âm nhạc Chopin nặng chĩu, sôi nổi những xúc cảm, tình tự và tâm sự cá nhân, sang không gian âm nhạc Ravel, nơi mà mỗi nốt đàn hay mỗi hợp âm dường như chỉ tượng trưng cho một mùi vị, một hương thơm, một màu sắc vô tình cảm, là một kinh nghiệm thưởng ngoạn nghệ thuật thích thú khó quên.

Nếu như Chopin đã muốn khách nghe chia sẻ với ông những riêng tư vui buồn của mình, thì Ravel

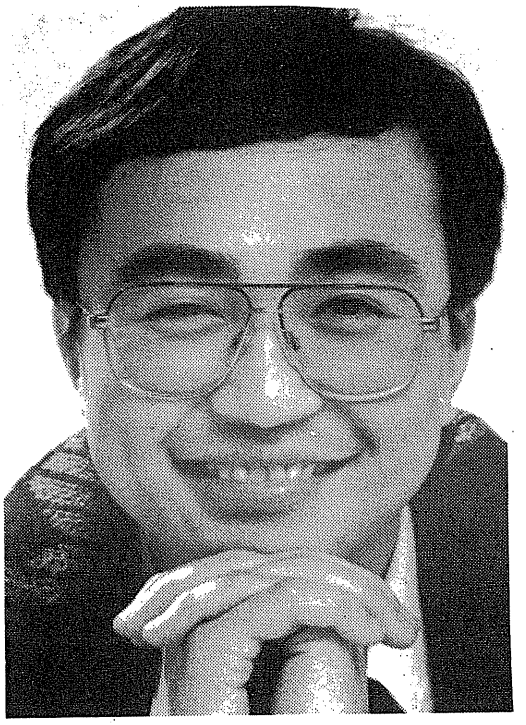

Đặng Thái Sơn

dường như không muốn khách nghe vui hay buồn, mà chỉ nên chiêm ngưỡng, nếu muốn, những nhiệm màu của nhạc thanh trong trời đất mà ông đã tìm thấy và tái tạo bằng rất nhiều công phu. Giới phê bình âm nhạc Tây phương thường chỉ trích Ravel là một con người máy móc, lạnh lùng: một kẻ sáng tạo dửng dưng vừa dửng nhìn tạo phẩm của mình vừa dũa móng tay. Đối với Ravel, nghệ thuật không có một giá trị thực dụng hay vị lợi (utilitarian) nào hết; trang đầu tập vũ nhạc *Valses nobles et sentimentales* ["Luân vũ khúc quý phái và tình cảm"], ông đã lấy câu sau đây của Henri de Régnier[9] (1864-1936) làm đề từ: *"le plaisir délicieux et toujours nouveau d'une occupation inutile"* ["cái khoái lạc ngọt ngào và luôn luôn mới của một việc làm vô ích"]. Ấy chính là một số đặc điểm của trường phái ấn tượng trong văn học và nghệ thuật Pháp, nhất là hội họa và âm nhạc, những năm cuối thế kỷ 19.

Có thể vì lúc thiếu thời tôi yêu tranh Monet, Pissaro, Renoir, và Cézanne, những họa sĩ Ấn tượng Pháp, cho nên nhạc soạn, hoặc biên soạn, cho pianô của Ravel trong phần hai chương trình đơn tấu Đặng Thái Sơn là phần tôi thích hơn cả. Một trong những nhà soạn nhạc hàng đầu của thế kỷ 20, đoạn tuyệt với truyền thống Lãng mạn thế kỷ 19, Ravel viết ít nhưng tác phẩm của ông sau gần 100 năm nghe vẫn luôn luôn "hiện đại" như mới hôm qua. Sơn đã chọn tập *Gương soi* ["Miroirs"] của nhà soạn nhạc Ấn tượng này, gồm năm bức tranh bằng âm thanh với những tên đặt rất thơ là "Bướm đêm", "Chim rũ cánh", "Một chiếc thuyền con trên đại dương", "Khúc nhạc tỏ tình sớm mai của một anh hề", và "Thung lũng chuông" ["Noctuelles, Oiseaux tristes, Une barque sur l'océan, Alborado del gracioso, La

Vallée des cloches"].

Ravel coi tác phẩm này của mình như mốc đường đánh dấu một "thay đổi khá lớn trong quá trình tiến hóa về hòa âm của tôi". Nói chung, nhất là hai khúc đầu của tập nhạc, đó là hòa âm cấu tạo trên những thang âm nửa cung [*chromatic scales*], với những âm trung tâm rõ rệt để tập trung sự chú ý của người nghe. Nhà soạn nhạc và phê bình âm nhạc lão thành Mỹ gốc Nga Nicolas Slonimsky (sinh 1894) thì gọi tổ khúc này là "mẫu đẹp nhất trong những tác phẩm ấn tượng chủ nghĩa viết cho đàn pianô". Tập nhạc được viết trong hai năm 1904-1905, và mỗi khúc đề tặng cho một người bạn thân trong nhóm bạn nhạc của ông lấy tên một bộ lạc thổ dân Bắc Mỹ, "Les Apaches".

"Bướm đêm", tên lấy từ một bài thơ của Léon-Paul Lafargue, và đề tặng nhà thơ này, dưới hai bàn tay tinh thuật rất nhẹ của Sơn cho ta nhìn-nghe thấy những chập chờn bay, đậu bất thường của những loài bướm đêm trong một không gian đóng kín. Những chập chờn ấy được mô tả bằng những nhịp tiết thay đổi bất thường (3/4, 3/8, 6/8, 2/4, 5/8, 5/4, vv.), trong những thời khoảng một vài nhịp với một tốc độ rất nhanh (một nốt đen bằng lối 128 phách mỗi phút). Tiêu biểu cho kỹ thuật soạn nhạc của Ravel, đoạn chậm khúc này nhấc đi nhấc lại một nốt nhạc [*ostinato*]: đó là âm F, rồi âm BẾ, ở giọng *bass*. Riêng kỹ thuật viết cho pianô của Ravel ở đây thì mang ảnh hưởng lối viết rực rỡ pháo hoa của Liszt cho một *virtuoso*.

"Chim rũ cánh" là khúc nhạc Ravel yêu nhất trong tổ khúc này, và, theo lời tác giả, "gợi lên [hình ảnh] những con chim bay lạc vào một cánh rừng âm u bơ thờ trong cơn hè thiêu đốt"[10]. Tôi cho rằng (nếu không quá vội vã) mô-típ tiếng chim kêu than mở đầu, và những tiếng kêu hốt hoảng lo sợ của chúng trong các nhịp sau khúc nhạc, là thí dụ thứ nhất trong nhạc sử thế kỷ 20 dùng đàn pianô minh họa những phát biểu bằng âm thanh của loài chim, mà sau này nhà soạn nhạc Pháp quá cố Messiaen (1908-92) nghiên cứu khắp năm châu và rồi sử dụng như những chất liệu chủ yếu trong nhiều tác phẩm quan trọng của ông.

Khách nghe yêu nhất âm thanh những ngọn sóng nhấp nhô và chiếc thuyền chòng chành ngất ngây trên biển sóng của khúc "Một chiếc thuyền con trên đại dương", một đại dương lúc thì êm ả, lúc thì bão tố. Tài đàn của Sơn ở đây cho khách nghe nhận thức được sự độc lập hầu như tuyệt đối giữa hai bàn tay ông: cả hai thay phiên nhau lúc thì chạy hợp âm rải, lúc thì láy rền [*tremolo*], nhưng luôn luôn giữ một nhịp tiết nhẹ nhàng và làm nổi bật những âm tiết [*accents*] cần thiết của bản đàn.

Sau khi gợi lên âm thanh khô đàn ghi-ta Tây-ban-nha, và giọng hát đam mê của một anh hề si tình sớm mai tới trước cửa sổ nhà người đẹp tán tụng trong khúc "Alborado del gracioso", Ravel cho ta nghe những hồi chuông khác nhau rung ngân rộn rã một buổi chiều (tôi nghĩ thế) trong khúc "Thung lũng chuông". Khách nghe những hợp âm quãng bốn, năm, những mẩu giai điệu ngũ âm, ngỡ rằng mình đang nằm mơ trong một buổi chiều tịch mịch, cô đơn, màu nhiệm của chùa chiền Việt Nam. Nhưng Ravel bảo rằng bốn hồi chuông đổ chấm dứt tập nhạc (gồm hợp âm năm nốt G-C-G-C-F , từ trầm tới cao) chính là tiếng bộ chuông lớn Savoyarde của nhà thờ Sacré CŒur ở Montmartre, Paris.

Bản đàn chót trong chương trình đơn tấu Đặng Thái Sơn là bản *La Valse* [Luân vũ khúc] Ravel chuyển biên cho pianô từ tập nhạc cùng tên soạn năm 1919-20 cho dàn nhạc giao hưởng, mà ông gọi là "bài thơ bố trí vũ nhạc ballet" *[poème chorégraphique*]. Tập nhạc được quan niệm như một giấc mơ nhớ lại một điệu luân vũ khúc thành Viên [Wien] nghe thấy tại một Triều đình Hoàng đế Áo khoảng 1855. Mở đầu, ta nghe được nhịp *valse viennoise* rất nhẹ với những cặp khiêu vũ thấp thoáng trong những lớp sương mù lãng đãng. Rồi đèn sân khấu sáng dần, sương tan, để lộ một căn phòng khiêu vũ vĩ đại với một đám đông đang say mê quay tít, nhưng nhạc tấu vẫn nhỏ. Cảnh trí sáng thêm, rồi những đèn lustre trên trần bật lên rực chói và điệu valse nổ tung với cường độ *ff*:

Khúc nhạc dài và rất khó này đã cho Sơn cơ hội trổ tất cả những ngón diêu luyện của một danh cầm quốc tế.

Đáp lại sự hưởng ứng cảm kích của khách nghe, nhiều nhất là Mỹ và một số rất nhỏ gốc Việt, Sơn đã chơi thêm hai bản "*encore*" là *Vocalise* ["Nguyên âm"] của Rachmaninov, do Zoltán Kocsis (nhà soạn nhạc và dương cầm thủ Hung-gia-lợi) chuyển biên, và điệu dân ca phổ thông *Lý ngựa ô,* do cố nhạc sĩ Hoàng My (dương cầm thủ và nguyên học trò yêu của thân mẫu Sơn) chuyển biên.

Ra về trong mưa thu hiu hắt nhưng tai vẫn còn vang vang những tiếng đàn tự do mà rất Á đông của Đặng Thái Sơn, khi đục khi trong, lúc sôi nổi lúc mơn trớn, tôi chỉ đau đáu tiếc đã không có bạn ngồi bên để cùng chia sẻ những âm thanh trác tuyệt ấy.■

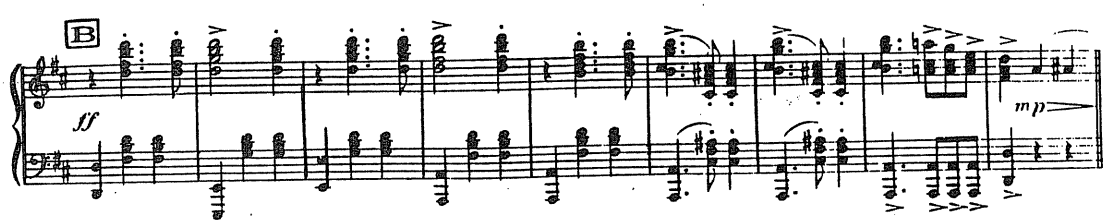

CHÚ THÍCH

(1) Cho tới nay, Đặng Thái Sơn đã thâu được tám đĩa cổ động, do ba hãng đĩa phát hành là Japanese Victor (Nhật), Analekta (Canada), và Musical Heritage Society (HK). Dưới nhãn Japanese Victor: *Chopin Favourites, Chopin Piano Concertos Số 1 & 2* (với Dàn nhạc Sinfonia Vác-xô-vi), *Chopin Waltzes, Chopin Ballades, Boléro & Tarentelle,* và *Debussy Préludes Quyển I & Estampes*; dưới nhãn Analekta: *Chopin Préludes & Barcarolle, Chopin Nocturnes*; dưới nhãn Musical Heritage Society: *Mozart & Mendelssohn Concerti for Two Pianos* (với Andrei Gavrilov và Dàn nhạc Thính phòng Moscova).

(2) Đừng lầm với vũ điệu cùng tên nhưng xuất xứ từ Cuba, có *nhịp đôi* chậm, là thể nhạc phổ thông thành thị ở Cuba cũng như hầu hết các xứ Mỹ La-tinh từ thế kỷ 19 cho đến ngày nay.

(3) Tuy nhiên Chopin rời nước năm 1830, trước khi có cuộc Nổi dậy Tháng 11 cùng năm (bất thành) khiến đưa tới sự sáp nhập lãnh thổ Ba-lan dưới quyền thống trị Nga Hoàng. Sau khi biểu diễn dương cầm tại các nước Trung Âu, ông qua Pháp tỵ nạn năm 1831 và sống tại Paris cho tới khi qua đời.

(4) Thí dụ trên nốt C: C-D-Eb-F#-G-Ab-B#-C. Còn có tên là thang âm "gipsy", tên gọi tập thể dân tộc lưu động di cư từ Bắc Ấn qua khắp Âu châu khoảng thế kỷ 15.

(5) Từ kỹ thuật đối điểm là "luân xướng phỏng mẫu toàn hảo" (*"perfect canon"*). Ở đây Chopin soạn luân xướng quãng tám, và giọng sau "nhái lại" giọng trước cách nhau một thời khoảng bằng nốt đen (*canon in the octave at the quarter note*).

(6) Từ Ý, do động tự *scherzare*, có nghĩa là đùa nghịch, bỡn cợt, trêu chọc để cười.

(7) Như một bản giao hưởng (*symphony*), một tổ khúc (*suite*), một bản đơn tấu-xô-nát (*sonata*) — , một bản tam/tứ/ngũ... tấu (*trio/quartet/quintet...*).

(8) Thí dụ một bản giao hưởng thời Cổ điển, điển hình với nhóm soạn nhạc gia dưới triều đình Mannheim (tây nam Đức) từ thập kỷ 1740 trở đi, gồm bốn chuyển động: Nhanh — Chậm — Vũ điệu *minuet* — Nhanh. *Minuet* là một vũ điệu chậm, thanh lịch, nhịp ba, vô cùng thịnh hành trong triều đình Louis XIV (1643-1715), Pháp quốc.

(9) Nhà thơ, nhà văn, và một trong các lãnh tụ trường phái thơ tượng trưng Pháp.

(10) *"J'évoque dans cette oeuvre des oiseaux perdus dans la torpeur d'une sombre forêt durant les heures torpides de l'été"*.

Đã Phát Hành

tho DUTU le

CHẤM DỨT LUÂN HỒI EM BƯỚC RA

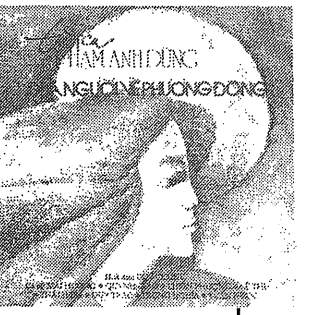

Phải có ngay trong tủ nhạc của bạn: những tiếng hát tuyệt vời của Mai Hương, Quỳnh Giao, Lệ Thu, Thiên Phượng, Thái Hiền, Duy Trác, Tuấn Ngọc, Trọng Nghĩa, trong

Tình Ca Phạm Anh Dũng
với CD "ĐƯA NGƯỜI VỀ PHƯƠNG ĐÔNG"
và Tập Nhạc "TÌNH KHÚC HỒI HƯƠNG"

☐ CD $12.00 ☐ Tập nhạc $6.00 ☐ Mua cả hai $15.00 .
Mua nhiều có giá sỉ. Ngoài nước Mỹ xin trả bằng USD International Money Order.

Mọi thư từ, tiền bạc xin gửi về:
DAN PHAM, 4697 Stillwell Rd.,
Santa Maria CA 93455. ĐT (805) 937-7655.

GRAND PRIX DES MEILLEURS ROMANS D'AMOUR

KHUNG CỬA HẸP

(in lần thứ sáu)

Tác phẩm được đọc nhiều nhất từ trước tới nay của André Gide

Phát hành tại Hoa Kỳ: Nhà VĂN NGHỆ - P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 - USA

TRÒ CHUYỆN VỚI NHÀ VĂN MAI THẢO

NGUYỄN NAM ANH

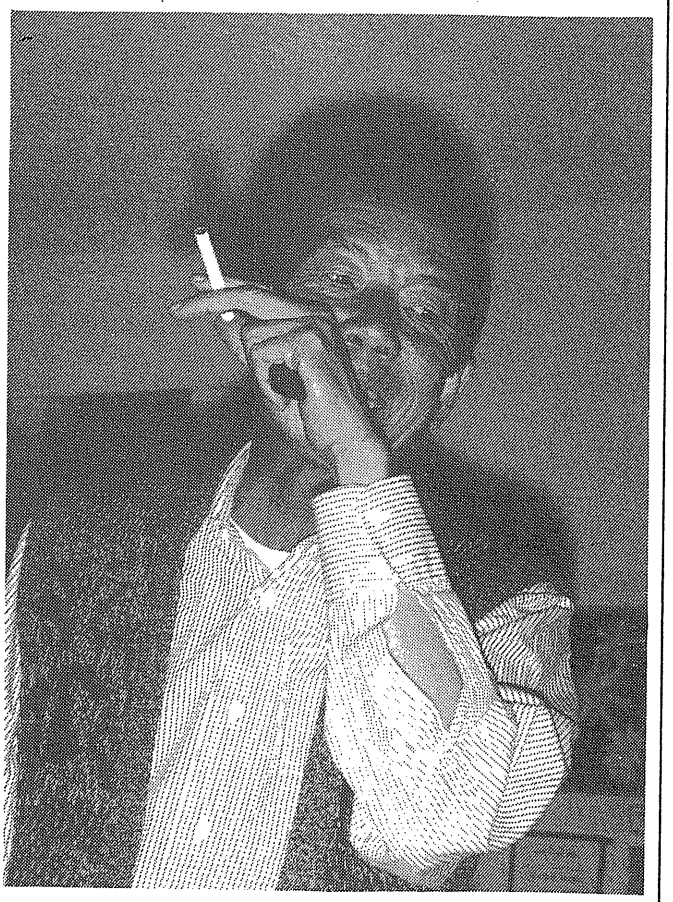

Mai Thảo

Nhà văn Mai Thảo, một trong những tác giả lớn của văn chương Việt Nam, hiện nay đang trông coi tạp chí *Văn*, một tờ báo văn nghệ phát hành hàng tháng tại Hoa Kỳ. Tác giả của *Tháng Giêng Cỏ Non*, của *Đêm Giã Từ Hà Nội*,... đã từng một thời làm say mê người đọc Việt Nam trong thập niên 50, 60.

Giờ đây trên một "bàn viết lữ thứ," trong một căn phòng nhỏ nằm ngay giữa trung tâm Little Saigon, nơi ông vừa dùng làm toà soạn vừa làm chỗ ở của mình, Mai Thảo đã cầm bút trở lại. Sức sáng tạo của ông tuy không còn mạnh như xưa, nhưng điều đó không có nghĩa là ông chịu vứt bút, nghỉ tay. Trên tạp chí *Văn* hải ngoại qua mục Sổ Tay hàng tháng Mai Thảo đã ghi chép lại những biến cố liên quan đến sinh hoạt văn học hải ngoại, một cách đều đặn và bằng một chủ quan mạnh mẽ của một người cầm bút thận trọng. Những người viết văn học sử Việt Nam khi ghi lại giai đoạn 1954-1975 không thể không nói đến một dòng văn học tách ra khỏi "triều đại Tự Lực Văn Đoàn". Người ta nói khi những người Bắc di cư vào Nam, và khi tạp chí *Sáng Tạo* ra đời, một dòng văn học mới cũng bắt đầu chảy vào sinh hoạt văn chương Việt Nam. Nhà văn Mai Thảo lúc đó là một trong những người dựng lên bảng hiệu *Sáng Tạo*, đã thổi vào văn học nghệ thuật Việt Nam một hơi thở mới, một đời sống mới.

Từ ấy đến nay, sau những thăng trầm của thời thế, nhà văn Mai Thảo vẫn tiếp tục "ở" với văn chương Việt Nam chúng ta. Ông đã đến Hoa Kỳ như một thuyền nhân, và ông sống tại miền Nam California như một văn nhân thời thế.

Chúng tôi đến thăm ông vào một buổi sáng Chủ Nhật. Cái quán ăn quen thuộc Song Long, nằm trên đường Bolsa, giữa hai con đường Bushard và Magnolia, là "cổng vào" nhà trọ của ông. Căn phòng của một người đàn ông , cầm bút, lớn tuổi, độc thân, sao mà ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ như lau như ly đến vậy. Một chiếc giường dơn, một bàn viết, một kệ sách, mấy tấm ảnh treo trên tường, ảnh của chính tác giả, ảnh của Vũ Hoàng Chương...

Chúng tôi ngồi bệt dưới sàn nhà, tựa lưng vào thành giường. Ông Mai Thảo rót rượu vào chiếc ly thủy tinh, uống một ngụm nhỏ. Ông nhắc lại thời kỳ chúng tôi làm báo *Văn* tại Saigon. Thời chủ

nhiệm Nguyễn Đình Vượng còn sống, thời Trần Phong Giao làm Thư ký toà soạn, và thời Nguyễn Xuân Hoàng...

NNA: Ông Mai Thảo, ông có thể nói gì về công việc làm của ông hiện nay?

MT: Sau khi cộng sản Hà nội vào Saigòn, ít lâu sau tôi vượt biên đến Mỹ và tôi đã tục bản lại tờ báo *Văn* ở California từ năm 1982. Cho tới nay tờ báo đã sống được mười một năm với trên một trăm số báo phát hành đều đặn và liên tục không bị đứt đoạn một tháng nào. Đó là do nơi tôi đã quen với tờ báo từ bên nhà và cái công việc của tôi làm ở Mỹ về tờ Tạp chí thì được sự hỗ trợ rất tốt đẹp về nhiều mặt của bạn đọc cũng như của các thân hữu hợp tác.

N*NA: Trên tạp chí* Văn *có một mục mới mà ở quê nhà trước năm 1975 tờ báo này không có, đó là mục Sổ Tay Mai Thảo. Ông có thể cho biết ông đã viết Sổ Tay trong một chiều hướng nào ?*

MT: Các bài Sổ Tay Hàng Tháng mà tôi viết chỉ có một mục đích rất là đơn giản, như là một tấm gương để soi vào những sự việc xẩy ra ở trong tháng, ghi chép lại những sự việc đó, chủ yếu là sinh hoạt về văn học nghệ thuật. Chỉ có vậy mà thôi. Tôi thấy điều gì, biết được điều gì thì tôi ghi lại điều đó ở trong Sổ Tay. Thường thường là nó chiếm một chỗ nhất định, nó có một chỗ để tôi luôn luôn nhắc tới bằng hữu khắp nơi qua những chuyến đi của tôi về các địa phương, tôi thích nhắc tới những sinh hoạt của các địa phương như ở San Jose, hoặc Texas, hay là Hoa Thịnh Đốn chẳng hạn. Mục đích của Sổ Tay là chỉ để cho người đọc thấy được một phần nào của sinh hoạt văn học nghệ thuật của chúng ta ở ngoài nước.

NNA: Nhân ông nói đến những chuyến đi và những thành phố nơi ông đến nó thường phản ảnh được trong Sổ Tay của ông. Ông có thể cho biết thêm về những chuyến đi xa hàng năm của ông. Thời gian ông đi là bao lâu và các chuyến đi ấy có ảnh hưởng gì trong việc viết lách cũng như trong việc điều hành tờ Văn?, B Nói cách khác, phải chăng chuyện đi dừng của ông còn có ý nghĩa là tạo cho sức khỏe ông có dịp tiếp xúc với một môi trường khí hậu khác, tiếp xúc với những người bạn cũ, những thân hữu của ông, hay là những chuyến đi ấy còn có ý nghĩa như là một tìm kiếm cho những phiêu lưu, những hiểu biết, mở cái cửa cho một số tác phẩm mà ông dự trù có thể viết để gởi đến người đọc.

MT: Hồi ra khỏi nước tới giờ, nhịp viết của tôi không còn được mạnh mẽ, phong phú như thời trước ở Việt Nam nữa. Tôi cũng chỉ viết, và làm những công việc mà tôi phải làm chứ không còn viết ngày này qua ngày khác như là lúc tôi còn viết văn, còn làm báo ở Việt Nam. Cho nên cái việc đi đến các địa phương, chỉ là những cuộc thăm viếng bằng hữu mà tôi có rất đông ở Mỹ cũng như ở Âu châu và các nơi khác. Thường là anh em đón tới chơi, mà tôi đi sang chơi cũng không có chỗ nào là ở lâu cả. Một tuần, quá lắm là mươi ngày thôi, thời giờ để làm tờ báo *Văn* cũng không bị cản trở bởi những chuyến đi đó. Và những chuyến đi đó cho tôi thấy được sinh hoạt của từng địa phương mà tôi sẽ không thấy rõ nếu không tới tiếp xúc với anh em của từng địa phương một. Tôi thích nói về những chuyến đi này bởi vì ở trong đó có tình bằng hữu, có một sự quen biết, phần lớn là đã rất lâu rồi, từ ba, bốn mươi năm trước ở nhà và sự gặp lại nhau ở trên quê người là một cái điều không phải của riêng tôi mà tôi nghĩ là tất cả mọi người đều rất yêu thích .

NNA: Ông có biết là những chuyến đi xa của ông là một sự ao ước của nhiều người cầm bút ở hải ngoại. Họ muốn được đi như ông, muốn được đến những nơi bạn bè cũ như ông. Nhưng vì đời sống của họ khó khăn, công việc của họ bề bộn, sự ao ước đó cũng chỉ là mơ tưởng thôi. Ông có nghĩ là ông hạnh phúc không?

MT: Nếu mà tự tôi, tôi không có thể đi nhiều như tôi đã đi trong mười mấy năm nay. Nhưng phần lớn có thể nói là tháng nào cũng có những bạn hữu ở vùng này hoặc là ở vùng khác gọi điện thoại nói cho tôi biết là họ muốn mời tôi đến chơi và dài thọ tất cả những chi phí chuyển dịch như máy bay, ăn ở. Bởi vậy tôi mới có thể đi một cách dễ dàng như thế được. Chứ nếu tôi bỏ tiền túi ra, thì cũng không có thể đi bất cứ lúc nào muốn đi là đi được. Về tờ báo *Văn*, trong 11 năm nay, đã được làm ở một nhà in có thể gọi là một nhà in của nhà, mặc dầu tôi không phải là chủ nó nhưng mà nhà in đó rất thân thiết, đó là nhà in Kim Printing bây giờ ở Los Angeles. Nhà in đó đã làm tờ báo *Văn* cho tôi 11 năm nay. Họ rất biết công việc của tờ báo được thực hiện như thế nào và tôi chỉ có việc là chọn lựa bài vở rồi gửi lên cho nhà in đánh máy, rồi in, gần như là một chuyện có thể nói là tôi làm lấy một mình từ đầu nhưng rất nhàn hạ. Do vậy mà tháng nào tôi cũng có thể đi vắng mươi ngày mà tờ báo vẫn ra được đúng thời hạn.

NNA: Hiện nay ông có dự trù cho ra một tác phẩm mới nào không?

MT: Tôi có hai truyện dài viết cho một tờ báo mà người chủ nhiệm như một người em gái của tôi. Đó là tờ \f3Sàigòn Nhỏ \f2do Hoàng Dược Thảo làm chủ nhiệm. Hai truyện đó viết đã xong, tôi đã nhận lời bán cho hai nhà xuất bản ở đây nhưng họ chưa in và tôi cũng chưa đưa bản thảo chung kết cho họ. Bởi vì nếu đưa thì tôi phải sửa chữa lại một số những chương, những đoạn ở trong hai tiểu thuyết đó. Ngoài ra, các truyện tôi in ở hải ngoại, so với ở nhà thì không có nhiều. Ngày xưa tôi in ở nhà nhiều lắm. Ở đây, từ hồi sang mười mấy năm, mới có độ năm, sáu tập truyện ngắn và một tập thơ được in mà thôi. Còn hai truyện dài như tôi vừa nói, vì tôi đã nhận lời bán cho hai nhà xuất bản thì thế nào cũng phải giao cho họ, saukhi đã sửa chữa lại một chút.

NNA: Ông vừa nói đến một tập thơ. Với tư cách một người đọc, chúng tôi thấy tập thơ Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền được rất nhiều người ưa chuộng. Một số nhà phê bình cho rằng thơ ông trội hơn văn ông. Ông nghĩ sao? Ông có thể nói tại sao từ một người viết tiểu thuyết ông đã nhảy sang làm thơ?

MT: Thời kỳ còn trẻ tuổi, tôi làm rất nhiều thơ nhưng khi vào tới miền Nam Việt Nam, viết văn, làm báo, trở thành một người tiểu thuyết gia thì tôi ngưng việc làm thơ lại. Tới khi sang đến nước Mỹ, đời sống ở Huê Kỳ có những lúc nó trống vắng quá, không biết

làm gì cả, thì trong những khoảng trống, tôi làm ít thơ để chơi thôi. Hoặc là ở trên những chuyến xe buýt, hoặc là trong những buổi chiều một mình, tôi làm thơ theo thể tứ tuyệt, thể bốn câu hai mươi tám chữ. Những đoạn thơ ngắn như vậy cũng đã có nghĩa là làm những đoạn thơ đó để chơi thôi. Chứ tôi không phải là một thi sĩ toàn phần. Thí dụ như nhà thơ Thanh Tâm Tuyền, nhà thơ Tô Thùy Yên, hay nhà thơ Nguyên Sa. Tôi không phải là những người đó. Thế nhưng không ngờ những bài thơ của tôi lọt mắt xanh của anh Đỗ Đình Tuân, giám đốc nhà xuất bản Văn Khoa. Anh ấy rất thích những đoạn thơ của tôi và nằng nặc đòi tôi phải thâu thập lại để cho anh xuất bản thành một tập sách. Do đó mới có tập thơ được in ra. Chứ nếu không có nhà xuất bản hỏi thì ý định in tập thơ không bao giờ đến với tôi hết.

NNA: Trong thời gian ông sống tại Hoa Kỳ, ông đọc và thích tác giả nào nhiều hơn cả. Tại sao? Và qua tạp chí Văn *hải ngoại những tác giả nào đã được ông khám phá ra khi ông chọn tác phẩm họ để giới thiệu cho người đọc và những người viết đó hiện nay có còn tiếp tục cầm bút hay không?*

MT: Tờ tạp chí Văn từ đầu tới bây giờ, khi có tôi đứng coi sóc là một tờ diễn đàn tự đặt nó thành một điểm khởi hành cho những người viết mới và nó đã làm công việc từ ở Việt Nam cho tới bây giờ. Nói rằng là tôi thích một nhà văn nào hoặc là đã thành danh hoặc nằm ở trong những người viết mới, thì miễn cho tôi câu trả lời đó bởi vì người nào tôi cũng quý trọng ngang nhau hết. Nhưng tôi đặc biệt yêu mến một lớp nhà văn trẻ khởi viết từ ở hải ngoại bởi vì đó là một điều rất bất ngờ đối với tôi. Thoạt đầu, tôi nghĩ là những người trẻ tuổi cũng có ở trong đời sống hải ngoại với dòng mưu sinh chật vật bây giờ và với những chân trời mới của những người trẻ tuổi, nó không phải là cái chân trời của văn chương, mà chân trời đó đã có một cách rất tốt đẹp với những lên đường số nhiều, ở trong đó có một đặc điểm là rất nhiều những nhà văn phái nữ. Họ viết rất được, họ là những người chưa từng viết ở Sàigòn bao giờ. Sang đến bên này, chẳng những họ không hề quên ngôn ngữ của tiếng Việt mà lúc viết ra thành văn, trở thành nhà văn thì họ trở thành một nhà văn mới rất là xuất sắc với văn chương của họ, không thua gì những người viết ở nhà hồi trước. Đó là tôi nói chung chứ nói riêng biệt ra một người nào thì tôi không muốn kể ra ở đây, bởi vì kể thì tôi phải kể rất nhiều người trong cùng một lúc. Còn những người đã cùng, từng làm văn học nghệ thuật với tôi ở bên nhà thì bây giờ tôi rất là vui thích có nhiều người tuổi đã cao nhưng vẫn còn làm văn học nghệ thuật khiến cho cái dòng văn học nghệ thuật ở hải ngoại của chúng ta có cả lớp người trước, có cả lớp người mới đã là một điều rất là đặc biệt.

NNA: Ông có đọc hay theo dõi đời sống văn học trong nước không?

MT: Cái đọc một đời của tôi, ưu tiên là đọc những bằng hữu của tôi trước đã. Những bằng hữu đó, trong suốt mấy chục năm vừa qua, đã phải đi vào con đường khổ hình gọi là đi tù. Cộng sản bắt đi tù, họ không còn viết được gì nữa, hoặc là những điều họ viết ra đều không được nhắc, in ra, không được phép phổ biến. Bây giờ thì một phần lớn đã sang đây, tôi đã gặp lại họ. Còn văn chương ở ngoài Bắc thì tôi chỉ đọc một số những sách, báo mà người ta đem đến cho tôi mà thôi, chứ không có chuyện tìm đọc những sách, báo đó. Mặc dầu tôi biết ở Pháp, ở Canada, có chỗ phổ biến những sách báo của Hà Nội. Chỉ bởi vì tôi không thích. Trong một chế độ như chế độ vô sản chuyên chính ở Hà Nội tôi coi văn chương có ở trong chế độ đó là thứ văn chương phục tòng chế độ, không có tự do. Cho nên nếu nói chung, thì những sách báo của Hà Nội tôi đọc ít thôi, không có nhiều. Đọc lại những cái của Nguyễn Bính, của Quang Dũng, của Văn Cao, là những người tôi đã yêu mến họ từ thời kỳ Tiền chiến, đọc tôi còn thấy thích, thấy lại họ sau bao nhiêu năm với văn chương, chữ nghĩa của họ. Còn những người sau này thì tôi đọc rất ít, mà tôi cũng không có ý kiến gì cả. Bởi vì cái đọc của tôi đã như vậy thì những nhận xét của tôi cũng không thể nào tới nơi tới chốn được.

NNA: Ông nói ông ít có dịp đọc những tác phẩm trong nước, điều này cũng có thể hiểu là ông đã có đọc qua đôi cuốn. Xin ông cho biết ông đã đọc những cuốn nào và nếu có thể ông cho biết ý kiến của ông?

MT: Tôi có đọc mấy cuốn tiểu thuyết của Dương Thu Hương, một hai cuốn của Phạm Thị Hoài, một vài truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp. Đó là những người đang được ở trong nước và cả ngoài nước, nhắc đến họ như là những nhà văn có một tinh thần đối kháng nào đó đối với chế độ. Một số những sách của những tác giả vừa kể tôi thấy cũng là được thôi. Chứ không có gì là xứng đáng để gây một chấn động hết. Và tôi chỉ thích có mỗi một điều là những lúc được ở trong văn của họ thì rất giống với văn chương mà họ gọi là "văn chương nguỵ" của miền Nam Việt Nam. Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài..., cái lúc được nhất của họ là cái lúc họ ở gần chúng tôi nhất... Tôi không nghĩ rằng mình nói như vậy là hơi quá, nhưng tôi nghĩ một phần như vậy là vì họ đã bắt chước cái cách viết tiểu thuyết, cách viết truyện ngắn của những nhà văn ở miền Nam Việt Nam trước năm 1975.

NNA: Theo ông, có một thứ văn chương trong nước và văn chương ngoài nước hay không? Và có chăng một dòng văn chương phản kháng trong nước?

MT: Ở ngoài nước, trong thời gian gần đây thôi, chứ trước không có chuyện ấy, có một số tạp chí, tờ báo, đã đề xướng một chủ trương như là không còn có biên giới, không còn có biên thùy giữa trong nước với ở ngoài nước nữa, và đưa ra cái gọi là trình bày và phổ biến một số các bài báo, hoặc là một số các tác phẩm của những người ở trong nước. Nói cho rõ là của những người chuyên làm báo ở Hà Nội. Công việc đó, tôi không làm và tôi cũng không đồng ý . Bởi vì tôi cho rằng công việc đó chưa tới lúc làm được, chưa đem lại được một kết quả tốt cho ở trong nước lẫn ở ngoài nước. Bởi vì chế độ ở nhà vẫn là một chế độ chúng ta không thể chấp nhận được. Và những khi nói về Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, hay Phạm Thị Hoài, nói đó là những tác phẩm chống đối chế độ, thì sự

chống đối đó chưa được rõ rệt. Điều thứ hai sự chống đối đó, theo như tôi thấy, bây giờ lại gần như là bị ngưng đọng lại rồi. Bởi vì nó không đến đâu, hoặc là những nhà văn đó không có bản lĩnh, một bản lĩnh chống đối tới cùng, hoặc là những sự chống đối đã bị đè bẹp bởi chế độ. Nhưng việc làm của những tờ báo ở đây, ở trên chiều hướng đó, tôi cũng không có ý kiến gì. Mỗi người làm một việc, thực hiện một diễn đàn thì phải chịu trách nhiệm với công việc của mình. Mà những anh em làm báo đối với tôi là quen biết hết cả. Tôi chỉ có nói với họ như vậy mà thôi. Nghĩa là làm điều gì, chủ trương một chủ trương nào, thì phải suy nghĩ cho kỹ về cái hơn thiệt cho công việc chung. Tôi nhắc lại điều đó, tôi cho rằng các trao đổi, các giao lưu ở trong nước với ở ngoài nước phải có ở trong một không khí mới, là một không khí cởi mở rõ rệt. Ở trong nước cũng như ở ngoài nước, phải có tự do cho con người, phải có quyền sống, quyền làm người cho con người mới được. Chứ còn các chữ nghĩa của Hà Nội, họ cho phép được in ra, thì nhiều khi do một mục đích ngắn hạn của họ để họ tạo ra một ảo tưởng đã có cởi mở hay cởi trói gì đó. Họ tạo ảo tưởng đó mà thôi, chứ họ muốn dẹp đi là họ dẹp, chứ không phải là đã có các thay đổi hoặc đã có những cởi mở đích thực. Điều đó tôi không hề tin, cho đến giờ phút này, tôi thấy không hề có.

NNA: Ông vừa nói đến mấy suy nghĩ về người viết tiểu thuyết trong nước, ông có thể đưa ra một cái nhìn về văn chương Việt Nam hải ngoại. Ông bi quan hay lạc quan, về những ngòi bút mới mà họ vừa xuất hiện trong những năm ở hải ngoại. Ông nghĩ họ sẽ đóng góp như thế nào trong nền văn chương Việt Nam?

MT: Thời gian mấy năm trở lại đây, có một số anh em ở Mỹ và ở các nơi có viết những bài nói về sự bế tắc của những người làm văn học nghệ thuật Việt Nam ở hải ngoại, gióng lên những tiếng chuông báo động về sự bế tắc đó. Tôi không hề đồng ý với chuyện đó bao giờ. Tôi thấy rằng từ 1975 ra đến nước ngoài, văn học nghệ thuật hải ngoại của chúng ta dẫu chưa làm được tất cả những điều mà nó muốn làm, nó đã tạo dựng những điều chính là có một nền văn học nghệ thuật hải ngoại đích thực ở đây. Chúng ta coi thường văn học nghệ thuật của Hà Nội, của chế độ ở nhà là có lý do để coi thường nó, bởi vì chúng ta có một nền văn học nghệ thuật ở đây, tôi cho là hơn nhiều đối với nền văn học nghệ thuật xuất phát đi từ Hà Nội. Tôi không có bi quan gì hết, tôi hiểu những khó khăn của tất cả mọi người qua những trở lực của chính bản thân và tôi cho là chúng ta không nên đòi hỏi gì nhiều quá. Hãy để nguyên như vậy đi, rồi nó lên từ từ. Những người không biết nhìn không thấy là văn học nghệ thuật hải ngoại của ta mỗi một ngày một tốt đẹp hơn lên, đâu có điều gì là phải bận tâm hay phải báo động. Chúng ta không có một bế tắc nào cả. Nhưng ở đây, hoàn cảnh làm việc, hoàn cảnh sinh sống đều rất khó khăn, cho nên văn học nghệ thuật hải ngoại của ta trên từng địa hạt này, địa hạt nọ, có những lúc không phát triển được, bởi vì những người ở trong bộ môn đó đang gặp những khó khăn về mưu sinh, đang gặp những khó khăn về đời sống, nhưng đâu phải như vậy là văn học của ta ở ngoài nước là đi xuống, là bế tắc! Không, tôi không nhìn thấy điều đó bao giờ mà tôi cho là nói chung, rất được, rất đáng khen ngợi bởi vì hoàn cảnh và thị trường chữ nghĩa của chúng ta từ bao nhiêu năm nay ở ngoài nước, không thuận tiện cho công việc làm của tất cả mọi người mà chúng ta đã cố gắng làm tất cả những gì chúng ta có thể làm được.

NNA: Tôi chia sẻ sự lạc quan ấy của ông. Xin được trở lại chuyện những bài thơ của ông, ông có thể đọc những câu thơ mới nhất, hay những câu thơ thích nhất của ông?

MT: Câu hỏi này cũng hơi kẹt cho tôi, bởi vì tôi tối kỵ đọc thơ của mình kể cả trong lúc sinh hoạt thân mật nữa. Bây giờ lại đọc thơ đó cho biết bao nhiêu người nghe nhưng tôi cũng nể anh Nguyễn Nam Anh tới đây, tôi đọc bốn câu thôi. Bốn câu thơ ở trong thơ mà tôi đã nói là những câu thơ làm chơi lúc cuối đời cho đỡ buồn, chứ không phải tôi là một thi sĩ toàn phần nên bốn câu thơ nằm ở trong tập Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền:

Em đi vừa khuất trên đầu phố
Anh đuổi theo sau bóng đã nhòa
Đứng sững mới hay lìa cách đã
Sơn cùng thuỷ tận giữa đôi ta.

NNA: Xin được hỏi ông một câu sau cùng, ông có nhắn nhủ gì với những người viết mới hiện nay ở hải ngoại cũng như những người cầm bút ở trong nước?

MT: Những anh chị em mới viết ở ngoài nước và các anh chị em nếu còn viết được ở quê nhà, tôi chỉ muốn nói một điều duy nhất: ở với văn chương, ở suốt cuộc đời, không làm thơ, không viết văn nữa nhưng ở với văn chương thì ở đến hết cuộc đời của mình. Đó là một điều tuyệt diệu. Cố gắng ở với nó, sẽ thấy nó là một điều tuyệt diệu, nếu ta ở được với nó không phải chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, mà tôi nhắc lại là ở với nó đến suốt cuộc đời.■

NGUYỄN NAM ANH
thực hiện

BẢN TRƯỜNG CA GIỐNG NÒI TRONG TIỂU THUYẾT TONI MORRISON

ĐÀO TRUNG ĐẠO

Edward Said nhà lý luận và phê bình văn học người Palestine cho rằng chính lưu đày đã tạo thành bản chất của văn học nghệ thuật hôm nay: lưu đày ở đây được hiểu theo nghĩa là sự đáp ứng có tính phê phán khi tiếp cận những quyền lực bá chủ đã được thiết định (institutionalized hegemonies) ngay trên cái xứ sở mình đang cư ngụ, có thể là chính quê hương hoặc ngoài quê hương. Lưu đày đã mở ra một không gian văn chương hậu hiện đại. Ta tìm thấy không gian văn chương này trong các tác phẩm tiểu thuyết độc đáo nhất của những năm cuối thế kỷ 20 bước sang 21, nơi những nhà văn độc đáo nhất của thời đại ở khắp nơi trên thế giới như Salman Rushdie, Carlos Fuentes, Gabriel Garcia Marquez, Julio Cortasar, Julian Rios, Cabrera Infante, Juan Goytisolo, Severo Sarduy, Maxine Hong Kingston, Milan Kundera, ...Không gian và ngôn từ của nền văn chương xa xứ có sức mạnh làm chấn động sụp đổ những giá trị văn hóa của thời hiện đại (modern) vốn chỉ là sự nối dài của triết lý Ánh Sáng chủ trương một hình tượng điển hình độc tôn con người (nam, da trắng, Tây phương) đảm đương vận hành lý trí đem lại sự tiến bộ cho nhân loại. Văn chương ngày nay là sự tháo gỡ những bản viết chủ trị trung tâm, đảo nghịch vị thế chủ thể nhận thức, tìm ra những dấu vết (traces, differance) trong quyển sách nhân loại đã viết. Chúng ta tìm thấy những nét điển hình kể trên trong văn chương Toni Morrison. Tiểu thuyết của bà là một câu trả lời cho quyền lực đang trị vì đối với người Mỹ da đen, mở ra một không gian văn chương nguyên ủy giống nòi với những cảnh (những nơi chốn xa xưa) những người (trong những cộng đồng cưu mang cá nhân nay đã bị tiêu hủy) và một ngôn từ nhằm đối thoại với cái quyền lực thiêng liêng ẩn chứa trong ngôn ngữ dân tộc. Viết, đối với Toni Morrison là một cách giữ được sự gắn bó tinh thần và thân xác với thế giới, với truyền thống, dân tộc. Và viết cũng là "lau sạch bụi" ngôn ngữ, một nỗ lực phục hưng và nâng cao giá trị thuật diễn ngôn, cách nói năng diễn tả của cộng đồng da đen. Văn chương của Toni Morrison mô tả một người Khác (the Other) đối nghịch với đa số mọi người trong xã hội Bắc Mỹ. Người da đen ở Mỹ có đời sống mang những đặc điểm của lưu đày. Một nền văn hóa khác. Một truyền thống khác. Luôn luôn phải đương đầu với những thế lực nhằm nuốt chửng những giá trị căn bản tạo thành bản thân. Ngoài lề. Vừa phải gia nhập tham dự vào nền văn hóa của xã hội mình sống vừa phải phê phán những định chế chủ trị của nền văn hóa này. Đi lại giữa hai biên giới như Edward Said đã tự bạch. Trở về là một khả hữu không cần thiết trong cả đời sống lẫn trong bản viết, và bản viết hôm nay tự nó mang trong mình văn cảnh (context) thế giới hậu hiện đại.

Cuốn tiểu thuyết đầu tay The Bluest Eye (1970) của Toni Morrison sớm gây được sự chú ý của cả độc giả lẫn giới phê bình. Đó là câu truyện của ba thiếu nữ da đen trong hai gia đình McTeer và Breedloves. Chủ đề là tiêu chuẩn sắc đẹp nữ giới trong nền văn hóa trắng cùng với sự kỳ thị chủng tộc đã biến người phụ nữ đen thành những nạn nhân. Người kể chuyện là bé gái chín tuổi Claudia trong gia đình McTeer. Ngay từ thời thơ ấu người phụ nữ đen đã bị đặt dưới sức ép của những giá trị trắng về mọi mặt của đời sống lấy tiêu chuẩn là giới trung lưu trắng. Nhất là về tiêu chuẩn làm sao cho đáng giá con người, đối với phụ nữ thì trên hết là tiêu chuẩn về sắc đẹp. Gia đình đen cũng chấp nhận những tiêu chuẩn đó và ép buộc con cái phải theo. Trong hai chị em thì Frieda chấp nhận kiểu đẹp theo mẫu trắng nhưng Claudia nổi loạn chống lại. Từ bé Claudia đã thù ghét những con búp bê làm theo mẫu da trắng, nó rạch mặt mọi mắt nhổ tóc con búp bê cha mẹ cho nó làm kiểu mẫu đẹp. Nó khinh bỉ bé gái Maureen Peal tuy cũng da đen nhưng có nước da "sáng nhờ" nên được cô giáo và bạn bè trong trường học ưa thích. Tuy gia đình McTeer phải đấu tranh sống còn với những khó khăn do kỳ thị và phân chia giai cấp nhưng cuối cùng tuy nhiều khi thất bại nhưng cũng đã sinh tồn. Ngược lại gia đình Breedloves lại là những nạn nhân .Người cha của gia đình là Cholly từ thơ ấu bị mẹ đào tẩu và cha ruồng bỏ đã bị vong thân toàn phần tuy được bà cô nuôi lớn. Khi trưởng thành Cholly lại bị hạ nhục khi hai người đàn ông da trắng bắt gặp đang làm tình với người bạn gái trên cánh đồng trống ban đêm đã buộc Cholly phải tái diễn pha làm tình dưới ánh đèn pin trong tay hai tên da trắng chiếu từ phía sau. Việc buộc phải phục tòng này đã làm hủy hoại thêm con người Cholly.Tuy hắn cố gắng hàn gắn đời mình trong sự tìm kiếm tình yêu nơi người vợ tên Pauline và di cư về Miền Bắc sống nhưng cũng không thể tìm được sự kính trọng và tình yêu nên hắn đã có những

hành động hủy hoại như say sưa, không chịu trả nợ nần, đánh nhau với vợ. Cholly kẻ khao khát tuyệt vọng cho và nhận tình yêu cuối cùng đã rơi vào thảm kịch cưỡng hiếp chính con gái mình là Pecola. Vợ của Cholly là Pauline từ nhỏ bị tật đi khập khễnh rất đau khổ vì không được nhìn nhận bởi cả gia đình lẫn xã hội nên càng ngày càng tự từ chối bản thân, cả đời chỉ còn một lạc thú duy nhất là tự nhận mình giống hệt hai ngôi sao màn bạc Jean Harlow và Greta Garbo cho mãi đến khi vô ý cắn quá mạnh vào một thanh kẹo cứng làm rụng mất một cái răng cửa lúc đó mới thực sự nhận ra mình xấu xí. Khi đã phải nhận chịu mình xấu xí Pauline bất cần giá trị chính đời mình nữa, bỏ bê gia đình con cái. Pecola con của Cholly và Pauline ở nhà thì bị cha mẹ chửi mắng hành hạ, bị chứng kiến những trận cha mẹ đánh lộn, đến trường thì bị bạn bè và cô thày chê cười vì xấu xí nên nó ước mơ khấn nguyện sao cho mình có được đôi mắt xanh thật xanh thì đời mình sẽ khác. Nhưng đó chỉ là mơ tưởng có bao giờ là hiện thực. Đang tuyệt vọng lại còn bi cha đẻ hãm hiếp và rồi đứa hài nhi tội lỗi lại chết yểu Pecola trở thành điên cuồng và tìm đến với Elihue Micah Whitcomb (được mang hỗn danh Soaphead Church) một tay phù phép trị bệnh vì Pecola tin tưởng rằng tên này có khả năng biến cặp mắt xấu xí của mình thành cặp mắt thật xanh.

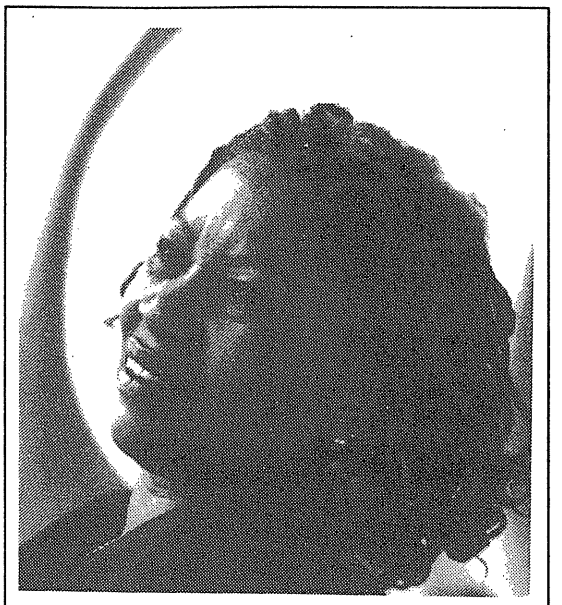

Toni Morrison

Đặc điểm về kỹ thuật tiểu thuyết của The Bluest Eye là Toni Morrison đã dùng tiếng nói trung gian của người kể chuyện là bé Claudia để làm nổi bật tính nhị nguyên (duality) của ý thức người da đen.

Với Sula (1973) Morrison tuy vẫn đưa ra những nhân vật thuộc loại người bị bỏ quên, những kẻ bất thường nhưng họ không phải là những kẻ bị động hứng chịu những áp lực từ bên ngoài mà là những kẻ tự định đoạt cho mình một bản ngã, một giá trị khi sống trong cộng đồng có một truyền thống văn hóa với những giá trị của nó. Hai nhân vật nữ Nel Wright và Sula Peace là đôi bạn từ thời thơ ấu cho đến khi trưởng thành vẫn tìm thấy ở nhau những sự khác biệt mà mình không có nên rất thương nhau. Một điểm chung của cả hai từ hồi còn nhỏ là cả hai quyết nổi loạn chống lại những ước muốn và kỳ vọng của cha mẹ, tự chọn lựa thái độ hoàn toàn vứt bỏ những giá trị được cộng đồng chấp nhận và tích cực tự đặt ra những giá trị thể hiện bản thân của rêng mình. Từ nhỏ Nel đã nhất định không chịu ngồi "lưng thẳng thấn", mặt ngước lên theo kiểu mẹ cô và Sulathì không chịu theo gương bà và mẹ là những người có phong thái lúc nào cũng thong dong chậm rãi. Nhưng khi đến tuổi trưởng thành Nel lại tự đặt mình vào khuôn khổ những giá trị cộng đồng chấp thuận về người phụ nữ : lập gia đình, sinh con và chăm sóc con cái, giúp đỡ người bịnh hoạn và người già yếu lân bang. Phần Sula nàng bỏ làng ra tỉnh học đại học, cố gắng sống một đời sống đối mới ngoài vòng kiềm tỏa của cộng đồng. Nhưng cuối cùng Sula cũng trở về làng cũ không phải để tuân theo những giá trị của cộng đồng, đầu hàng cộng đồng mà ngược lại cô ta trở về để lật đổ những qui chế của cộng đồng: nàng đến lễ nhà thờ không mặc đồ lót, ngủ với chồng của Nel, tống mẹ vào nhà dưỡng lão, và tệ hại nhất đối với cộng đồng, la ngủ với đàn ông da trắng.Sula cương quyết làm sao cho mình khác hẳn với các phụ nữ trong cộng đồng. Ngay cả khi hấp hối trên giường bệnh Sula vẫn tuyên bố với Nel "Tao biết rõ lắm mỗi người phụ nữ đen trong cộng đồng này đang làm gì....Đang chết. Y hệt như tao. Nhưng cái khác biệt là ở chỗ họ chết như một gốc cây mục, còn tao thì d9ổ xuống như một thân gỗ quí." Tuy Sula đối xử với cộng đồng như vậy nhưng cộng đồng tuy giữ khoảng cách với nàng để tránh liên lụy nhưng không hề xua đuổi ruồng bỏ nàng. Mọi người chấp nhận không những chỉ một Sula mà còn cả một đám những kẻ kỳ khôi khác như Shadrack, nhà Dewey, Tar Baby, những đứa trẻ mồ côi ương ngạnh, v.v...Họ coi ân sủng hay tội lỗi đều xứng đáng được đối xử như nhau "để mặc cho nó đi theo lộ trình của nó, hoàn tất tròn đầy và họ chẳng bao giờ sáng chế ra những cách thức hoặc làm nó đổi khác, trừ khử nó hoặc...ngăn chặn chúng khỏi xảy ra nữa."

Sula được đón đọc khen ngợi nồng nhiệt nhất la đối với giới phê bình văn học nữ quyền, được đề nghị trao giải National Book Award 1975.

Phải chờ đến năm 1977 khi Toni Morrison cho ra đời Song of Salomon thế giá của ngòi bút nữ da đen này mới thực sự được nhìn nhận như là một tiếng nói mới mẻ và độc đáo trong văn chương Mỹ. Chất liệu để xây dựng tiểu thuyết này là kết quả công trình biên soạn và ấn hành bộ Black Book trong nhiều năm của Toni Morrison.

Song of Salomon là bản trường ca di sản giống nòi nhắc nhở thế hệ thanh niên hôm nay đang buông xuôi chạy theo đời sống vật chất cá nhân chủ nghĩa của nền văn hóa trắng. Đây là câu truyện của chàng trai trẻ tên là Milkman Dead đi tìm bản ngã. Là con trai độc nhất của gia đình và được mẹ nuôi nấng trong tình yêu thương

đậm đà Milkman được cha khuyến khích trở thành một thương nhân giàu có giống như ông là một chủ nhân bất động sản ưa khoe khoang trong cộng đồng. Cha Milkman còn tuyệt đối cấm ngặt con cái không được liên hệ với Pilate vốn là chị ông sống cách biệt khỏi gia đình, ăn mặc như người giả điên giả dại, miệng luôn nghêu ngao hát những bài hát truyện tích đời mình và bán rượu lậu mưu sinh cùng với người con gái và đứa cháu ngoại. Pilate là một người sinh ra từ đất, không có rốn, sống một cuộc đời hiếm họa những lạc thú của đời sống hiện đại nhưng lại được cưu mang nâng đỡ bởi sự hiểu biết lịch sử truyền thống tổ tiên và tình yêu thương gia đình. Vì có hình dạng quái đản nên từ trẻ Pilate không tìm kiếm sự nhìn nhận bản ngã mình nơi người khác trong xã hội và tự đặt ra cho mình những tiêu chuẩn sống ở đời cho riêng mình.

Milkman trưởng thành trong hai môi trường, một bên là nền nếp gia đình trung lưu và một bên là đời sống phường phố của thằng bạn chí thân Guitar. Guitar đã dẫn dắt Milkman làm quen với mọi mặt của đời sống phức tạp này từ liên hệ với phụ nữ tới những cuộc trả thù như một phương tiện chấn chỉnh những việc làm sai trái của kỳ thị chủng tộc. Guitar từ nhỏ là một tay chân của nhóm Bảy Ngày vốn là một nhóm da đen cuồng nhiệt trả thù mạng đền mạng, nghĩa là cứ mỗi một người da đen bị giết chết vì sự thù hận khác biệt màu da là bọn này tìm giết một mạng da trắng. Milkman không bao giờ nhập bọn nhóm này nhưng cũng đã trải qua mhững thử thách của Guitar đặt ra và cuối cùng đã từ bỏ con đường lấy bạo động đáp lại kỳ thị chủng tộc. Mặc dù bị cha ngăn cản cuối cùng Milkman cũng tìm gặp được cô Pilate, sống quanh quẩn bên cô, giúp cô làm rượu, nghe cô kể chuyện gia đình, và yêu say đắm người em gái họ là Hagar. Từ Pilate Milkman đã cảm thức được ý nghĩa việc tự thể hiện bản thân, đã hiểu được ý nghĩa tình yêu gia đình, lòng khao khát gắn liền bản thân với quá khứ giống nòi. Theo lời cha của Milkman cho biết thì trong nhà Pilate có dấu một túi vàng lớn, treo đâu đó trên trần nhà và ông ủy thác Milkman phải đi lấy túi vàng này. Khi Milkman tìm thấy chiếc túi đó thì ở trong không phải đựng vàng thì lại đựng những khúc xương khô, Milkman quyết định tìm trở về nơi bản xứ của gia đình để tìm vàng trong những hang động ở Virginia. Tới nơi Milkman cũng không tìm thấy vàng nhưng lại tìm được những huyền thoại, những bài ca, và những truyện cổ tích về giòng giõi gia đình mình. Milkman sung sướng khi biết được tổ nội Salomon c là người biết bay,và quả thực người đã bay khỏi chế độ nô lệ đang đe dọa tiêu hủy đời trai tráng của mình.

Song of Salomon được ngợi ca là một bản anh hùng ca dân tộc có ngôn ngữ tuyệt vời, phong phú về mặt văn hóa với những bài dân ca, huyền thoại, tính thuyết phục cao cả cổ võ cho chủ trương ôn hòa không ngả theo đường lối thăng tiến về tiền bạc cũng không tán thành đường lối bạo động trả đũa kỳ thị chủng tộc mà đề ra con đường trở về với những giá trị truyền thống đen. Kể từ sau Invisible Man của Ralph Ellison và Native Son của Richard Wright chưa có tác phẩm nào cu3a các nhà văn da đen được ca ngợi như Song of Salomon.

Cuốn tiểu thuyết thứ tư Tar Baby xuất bản năm 1981 "ngỏ lời" (address) về mối quan tâm của Toni Morrison đối với ảnh hưởng của nền văn hóa duy vật cá nhân chủ nghĩa trên người phụ nữ da đen. Nhân vật chính Jadine Childs không phải là một kẻ bình dân dị dạng như trong những truyện trước mà là một phụ nữ đen trẻ đẹp, kiểu dân xuất thân đại học Sorbonne của Pháp (Jadine được chủ nhân của cô chú cấp học bổng). Sau khi tốt nghiệp Jardine toan kết hôn với một người dàn ông Pháp giàu có cầu hôn nàng nhưng vì bị ám ảnh bởi tình cảm phản bội nền văn hóa giống nòi nếu như mình lấy chồng khác giống nên Jardine bỏ về với gia đình nơi hải đảo Isle de Chevaliers với hy vọng môi trường sống êm đềm này sẽ giúp nàng có được một quyết định dứt khoát. Sống chung với cô và chú hiện là quản gia cho một nhà sản xuất kẹo nay đã về hưu trong căn nhà lớn trên đường Valerian , Jardine gặp gỡ và yêu một chàng trai da đen đẹp trai tên William Green (vẫn được gọi tắt là Son). Nhưng khốn nỗi mối tình của hai người thành trắc trở vì nhân sinh quan quá khác biệt. Trong khi Son là một người yêu thích cuộc sống dạm bạc, gắn bó với gia đình, và chỉ cảm thấy mình vững mạnh khi sống trong cộng đồng da đen ở tỉnh nhà vùng Eloe thuộc Florida thì Jardine lại chỉ thích đời sống ào ạt ở thành phố. "Kẻ có quá khứ, người có tương lai, mỗi người trong tay mang nặng nền văn hóa của mình để cứu sống giống nòi. Hỡi anh chàng da đen được mẹ nuông chiều thành hư đốn kia, anh có sẽ cùng trưởng thành một lúc với tôi? Hỡi người thiếu nữ da đen tâm thân mang nặng văn hóa kia, cô đang mang nặng nền văn hóa của ai vậy?" Vì không thể dung hòa những khác biệt nên mối tình của hai người phải tan vỡ nhưng cả hai đều hiểu đã hiểu biết thêm nhiều về giá trị của nhân sinh quan của tha nhân hơn tuy không thể cùng đi tới một sự thỏa hiệp nào.

Trong Tar Baby rõ ràng Toni Morrison có phần nghiêng về những giá trị văn hóa của truyền thống trong quá khứ, chê trách Jardine "đã quên mất những đặc tính cổ xưa của mình" và dàn trải câu truyện trong một khung cảnh rất huyền bí thời gian ngưng đọng, gắn liền với gốc rễ cội nguồn, không hề bị lay chuyển bởi những ảnh hưởng của đời sống hiện đại. Thiên nhiên như một bản hợp tấu có mây có bướm có con sâu cái kiến sinh hoạt làm nền cho thảm kịch tình yêu mỗi lời nói yêu đương như còn vang vọng mối ràng buộc bền lâu giữa quá khứ và hiện tại. Chính từ quyển này Toni Morrison đã đưa vào tiểu thuyết của bà nét huyễn ảo huyền thoại của văn chương Mỹ châu La tinh một cách rất tài tình bằng một ngôn ngữ tự nhiên trong sáng để làm nền cho những ý tưởng khô khan trong những vấn đề như sự phức tạp về phối ngẫu dị chủng, những tác động ảnh hưởng của trào lưu kết hợp xã hội, trách nhiện của từng thế hệ trong việc bản thân mang nặng một nền văn hóa nào đó.

Cho mãi tới năm 1987 Toni Morrison mới cho ra đời cuốn sách được mọi người mong đợi đã lâu là quyển Beloved. Chính tác

phẩm này đã khiến cho vị thế của bà trong "căn nhà tiểu thuyết" nói chung và trong nền văn chương Mỹ hiện nay được vào cuộc thử thách với thời gian. Trước đây khi còn làm chủ biên bộ sách The Black Book khi đọc tài liệu về cuộc đời của Margaret Garner bà rất xúc động vì tính chất nhân bản và điển hình của câu truyện này. Nguyên Margaret Garner là một phụ nữ da đen nô lệ ở Kentecky đã cùng với bốn người con chạy trốn về Cincinnati thuộc bang Ohio mong thoát ly kiếp nô lệ. Dọc đường cả gia đình bị bắt lại bà đã tìm cách giết chết hết đàn con để chúng khỏi bị ném trở lại kiếp nô lệ nhưng bà đã chỉ thể cắt cổ họng giết được một đứa. Trường hợp của Margaret Garner đã làm toàn quốc chú tâm vào năm 1850, những người chủ trương giải phóng nô lệ thì bênh vực cho quyền công dân của Margaret Garner trong khi những chủ nô lại muốn dùng vụ án này để thử xem Luật Lẩn Tránh Nô Lệ có được tuân thủ không. Margaret Garner tuy bị giải về Kentucky lại nhưng không bị chuyển về Ohio chịu án. Đối với Toni Morrison đây là một câu truyện điển hình nói lên chế độ nô lệ đã ảnh hưởng đến đời sống nội tâm con người như thế nào và làm sao một người phụ nữ như Margaret Garner đã không thể cho phép xã hội đương thời từ chối quyền làm mẹ của mình. Theo Toni Morrison người phụ nữ này đã hành động cực kỳ can đảm: quyết nắm trong tay mình số phận của những đứa con. Thảm kịch này không những chỉ chứng tỏ sự bạo tàn của ch61 độ nô lệ trong việc phủ nhận quyền làm mẹ mà còn chứng tỏ không có cách chi chế độ nô lệ có thể phủ nhận nền đạo đức riêng biệt của người da đen. Để làm tài liệu cho quyển sách này Toni Morrison đã bỏ công nghiên cứu nhiều nguồn sử liệu nhưng đồng thời cũng tận lực vận dụng trí tưởng tượng phong phú và kiến thức về văn hóa da đen để xây dựng đời sống nội tâm của các nhân vật.

Nhân vật chính trong Beloved là Sethe sau khi giết chết đứa con và bị ở tù một thời gian ngắn trở về sống ở nhà mẹ chồng tại Cincinnati, căn nhà số 124 Đường Bluestone. Sau khi bà mẹ chồng Baby Suggs chết đi và hai người em trai chồng bỏ nhà ra đi vì quá sợ hãi hồn ma đứa con gái Sethe đã giết chết trở về đòi mạng. Sethe ở căn nhà này cùng với đứa con gái tên Denver. Hồn ma đứa con bị giết thường trực trở về riết đến nỗi hai mẹ con Sethe cũng quen đi. Paul D. vốn là kẻ quen biết Sethe từ thời còn làm công nhân nô lệ ở Sweet Home Plantation vừa trốn được khỏi nơi này và đến tìm Sethe. Paul D. đã xua đuổi được hồn ma khỏi căn nhà nhưng lần này nó trở lại nguyên bằng xương bằng thịt là một thiếu nữ trạc tuổi bé gái bị giết, tự gọi tên mình là Beloved.Từ một đứa bé ốm đau đói khát không nơi nương tựa xa lạ khẩn cầu xin được cưu mang, sau một thời gian ở với gia đình Sethe nó trở thành một kẻ mà sự hiện diện của nó là mối ám ảnh kinh hoàng cho mẹ con Sethe tuy Beloved không là một mối nguy hại gì. Nó thường hỏi những câu hỏi về những đồ vật và những biến cố chẳng ai có thể hiểu nó nói gì. Cuối cùng Beloved biến đổi thành một hồn linh keo kiệt và đầy đe dọa đi tìm kẻ đã giết mình để trả thù. Denver phải đi cầu viện cộng đồng giúp đỡ mẹ mình. Các phụ nữ trong xóm tuy thận trọng nhưng cũng rất cương quyết giúp đỡ, lòng họ tha thứ cho Sethe cả việc đã giết con lẫn việc khư khư giữ một lòng kiêu hãnh quá lớn. Họ giải trừ được sự hiện diện quỉ ám đầy phá hoại của Beloved bằng những lời khẩn nguyện.

Có thể coi Beloved là một tiếng nói cao cả của ký ức giống nòi tưởng niệm hơn sáu chục triệu người gồm cả đàn ông, đàn bà lẫn trẻ thơ đã mất mạng vì chế độ nô lệ. Hình tượng Beloved siêu nhân nhắc nhở những nạn nhân này phải được hồi tưởng và để tang thương tiếc bởi chính những kẻ trước đây không hề biết đến sự kinh hoàng của kiếp nô lệ, và buộc những kẻ giết hại họ phải xin được tha thứ. Quyển sách này theo Toni Morrison là một nơi chốn ghi lại dấu tích lịch sử chế độ nô lệ, một nơi chốn duy nhất vì ngày nay ta không còn thể tìm được một dấu tích nào khác, một nơi chốn một đền dài để tưởng niệm nào trên toàn nước Mỹ này nữa. Tiểu thuyết trở thành con đường hành hương vang vang bản trường ca giống nòi. Hai trang sách cuối kết thúc Beloved với một điệp khúc được nhắc đi nhắc lại ba lần " Đây chẳng phải là một câu truyện để lưu truyền" và kết thúc ở một nhịp mạnh, ngắn gọn như tiếng kèn đồng bùa thiêng khúc Jazz vắng dứt "BELOVED" là một nhịp cầu nối liền cái quá khứ không chịu bị lãng quên băng vượt cái hiện tại dồn dập hơi thở xô dạt một tương lai hướng tìm những vết chân đã mất hút trong ký ức giống nòi. Ngôn từ tiểu thuyết trầm tịch mở ra một không gian hồi tưởng xanh thẳm mơ và thực, thế giới và ngôn ngữ vượt qua biên giới trong ngoài trong những khoảnh khắc của niềm im lặng vô ngôn.

Trong cuộc phỏng vấn với Tom LeClair (1981) khi bàn về ngôn ngữ trong tiểu thuyết của bà Toni Morrison có nhắc tới cái ngữ cảnh và so sánh ngữ cảnh trong văn chương đen với nhạc Jazz : một mặt nó mở rộng toang ra mặt khác nó vừa đa tạp vừa ngăn lối. Sau Beloved năm 1992 Toni Morrison xuất bản cuốn tiểu thuyết thứ sáu Jazz. Khác với khung cảnh ở những cuốn sách trước là những vùng quê xa thẳm Jazz lấy khung cảnh đô thị làm nền cho một truyện tình xảy ra vào thời điểm những năm hậu chiến (thế chiến I) người da đen ồ ạt tràn về những đô thị với niềm hy vọng "Cuối cùng, cuối cùng, mọi thứ ở phía trước kia." Đây là câu truyện tình ngang trái xảy ra trong một cộng đồng đen nơi đô thị. Joe Trace, một người đàn ông da đen được hầu hết mọi người trong xóm quí mến đã nổ súng giết chết người tình trẻ tuổi Dorcas. Joe đã ngoài năm mươi và Dorcas chưa tốt nghiệp trung học. Joe đã có vợ là Violet nhưng cả hai không có con. Joe kẻ đi bán mỹ phẩm rong trong khu xóm được phụ nữ săn đón đã vì một lời nói thầm quí ám bên ngưỡng cửa trao đổi với Dorcas trước khi ra về sau những giờ phút vui vầy tại nhà cô của Dorcas là Alice Manfred cùng mấy bà hàng xóm. Họ sống trong Thành Phố tràn ngập nhạc Blues những năm từ 1926. Thành Phố như một bùa mê tràn đầy những ảo tưởng, những hy vọng và những tuyệt vọng. Những thảm kịch. Trong đám tang Dorcas ở nhà thờ Violet

thình lình xuất hiện bất thần dùng một con dao nhỏ xông đến thi hài Dorcas rạch mặt tử thi. Một đường dao oan nghiệt như cuộc tình Joe/Dorcas. Những thanh niên có nhiệm vụ khiêng quan tài can thiệp ném Violet ra khỏi nhà thờ. Sau những giờ lang thang trong hoang tưởng Joe trở về căn chung cư ngồi khóc không thôi. Violet thì đi tìm kiếm tung tích di vật và những lời truyền miệng về Dorcas rồi trở về nhà thả hết lồng chim bấy lâu coi là bè bạn, kể cả con vẹt yêu quí biết nói "I love you". Cuộc tình giữa Joe và Dorcas chỉ kéo dài vài tháng và đã kết thúc cũng nhanh chóng như một chớp mắt đời người tuy nhiên lại rất hư hư thực thực ngay với cả người còn sống lẫn người đã chết. Người kể chuyện trong Jazz là một tiếng nói vô hình sẽ được hình dung tùy theo trí tưởng tượng của người đọc. Cấu trúc của cuốn tiểu thuyết có tính đột khởi như thể điệu Jazz. Violet (cũng có thể được gọi là Violent) lân la rồi trở thành thân thuộc với Alice, xin được một tấm hình Dorcas đem về để ở bệ lò sưởi trong phòng khách nhà mình để rồi cả Joe lẫn Violet đều không dứt ngắm nghía hoang mang. Cộng đồng và ngay cả những kẻ trong cuộc đã đối xử với những hậu quả của cuộc tình này như thế nào mới thực sự là nội dung của Jazz. Cái địa chỉ khu chung cư nằm trên Lenox Avenue trong Thành Phố có thể giống như muôn vàn địa chỉ những cuộc tình đã đi vào quên lãng. Tổ uyên ương tạm bợ của Joe và Dorcas không ở đâu xa mà nằm ngay phía từng trên căn chung cư của hai vợ chồng Violet. Cũng như tất cả những người da đen khác đã đến và lưu lại trong cái thành phố này Joe và Violet cũng như Alice và Dorcas đã đem theo cả một phần đời quá khứ ngập tràn bóng tối. Họ là những sinh vật di hoang trong thành phố vừa thân thương vừa xa lạ. Cuộc sống tan loãng vào thời tiết bốn mùa. Những ám ảnh chập chờn không thể dứt bỏ về một người mẹ đã xô đẩy Joe làm kẻ tội đồ cho Dorcas hay chính Joe đã biến Dorcas thành kẻ tội đồ cho nỗi đam mê yêu đương khắc nghiệt của mình? Hay đó chẳng qua cũng chỉ là những vang vọng trong tâm thức Violet lời kể của Mẹ Già True Bell về một người phụ nữ da trắng xinh đẹp quyền quí tên Miss Vera Louise lỡ mang thai với một người đàn ông da đen nên trọn kiếp sống lưu đầy biệt tăm ngay chính trên quê hương mình và đã sinh ra đứa con trai mang tên Golden Gray có nước da không đen nhưng chẳng thể là thuần trắng và mái tóc óng vàng tuyệt đẹp khi trưởng thành đã quyết tâm lên đường tìm người cha biệt tăm để giết chết? Truyện kết thúc bằng lời người kể đan chéo với tự sự của Felice, người bạn gái thân thiết của Dorcas về cuộc tình giữa Joe và Dorcas dưới cái nhìn của Felice và hiểu theo những lời đối thoại giữa hai người bạn gái với nhau cũng như về người yêu mới rất vô tình của Dorcas là Anton, về phút hấp hối của Dorcas, về chiếc vòng bạc mẹ Felice đã một lần duy nhất trong đời cố tình đánh cắp khi cảm thấy bị người đàn ông da trắng trông cửa tiệm xúc phạm khi có ý nghi ngờ bà để rồi đem cho con gái mình nhưng cái vòng lại rất thích hợp trên cổ tay Dorcas nên Felice đã cho bạn mượn để cùng đi dự một đêm khiêu vũ cuồng nhiệt của bọn trẻ cùng lứa. Cuối cùng khi Felice biết được chiếc vòng bạc đã nằm chung với Dorcas dưới mồ sâu Felice tần ngần không biết có nên nói cho Joe biết những chuyện về Dorcas mà cô nghĩ rằng sẽ giải thoát được Joe ra khỏi nỗi u sầu tội lỗi. Kết thúc cuốn truyện tình là những lời thầm thì của người kể chuyện "Tôi chẳng thể nói cho ai hay rằng từ bấy lâu tôi vẫn đợi chờ dịp này suốt cả đời tôi và rằng được chọn lựa để chờ đợi là lý do giúp tôi đã có thể đợi chờ. Nếu như tôi đã có thể nói ra được. Nói tạo nên tôi, tái tạo tôi. Bạn tự do nói ra đi và tôi tự do để bạn nói ra bởi hãy nhìn xem kìa, hãy nhìn xem kìa. Hãy nhìn xem hai bàn tay bạn đặt ở đâu. Ngay bây giờ."

Ở trên truyện tình ký tên Toni Morrison, người được chọn lựa nói ra, vinh danh ngôn từ tình yêu trong Quyển Sách.

Nếu như văn chương trong nửa đầu thế kỷ 20 là bản viết hiện thực cái tương quan con người với thế giới trong những hoàn cảnh đặt ra vấn đề thân phận con người và những khả tính của chủ thể, chẳng hạn nền văn học hiện sinh mang những dấu ấn ảm đạm bi thiết của một nhân loại đang hấp hối và sau đó nền văn học cấu trúc tỏ ra lãnh đạm một cách tàn nhẫn trước cơn hấp hối này thì ngược lại nền văn học hậu hiện đại đã tìm lại được một âm điệu vừa đùa cợt, vui tươi, vừa thân thương ấm cúng. Đùa cợt, khôi hài cái ngôn từ của chủ nghĩa hiện đại (modernism) và những siêu thuyết (metarecits - J-F. Lyotard), trước hết là chủ nghĩa nhân bản tự do và chủ nghĩa cộng sản. Vui tươi vì tự trong bản thân văn chương chỉ là niềm im lặng của thời khắc gần kề cái chết nên vận dụng khả năng của ngôn từ tinh khiết mở ra một không gian xanh tươi, phơi lộ những khả tính hỗ tác vô hạn của viết/đọc, mở hội giả trang ảo thuật biến hóa ẩn hiện bên ngoài biên giới trong/ngoài,đem đến cho người đọc cái lạc thú hòa nhập với văn cảnh của bản viết thế giới. Thân thương ấm cúng để dắt ta thân thuộc trở lại với thế giới truyện kể tưởng đâu đã vắng bóng người kể kẻ nghe, chờ đợi niềm khát khao được đong đầy. Trong bối cảnh chung của văn chương đó tiểu thuyết chiếm ưu thế vì tiểu thuyết trước hết là kể chuyện (narrative), và tiểu thuyết gia bao giờ cũng là người khách lạ trong bản viết nhằm nghiệm sinh thuật kể chuyện trên suốt dọc lộ trình của lịch sử thể loại văn chương này vạch phô diễn những biến thiên khôn cùng của một thủ pháp thượng thừa.

Toni Morrison buổi đầu ta tiếp cận có thể là một ngườiƯ xa lạ nhưng khi lắng nghe cái ngôn từ trầm mặc đó vẳng lênÔ từ những bản viết lấy khởi điểm ở một nơi chốn ta chẳng hề hay biết trước, khơi động từ đáy sâu ký ức nhân loại những tình cảm đã bị chôn vùi quên lãng trong mộ chí của những ý (tưởng) niệm trơ mòn, đưa ta trở về cội nguồn tinh khiết, thì ta hiểu được rằng những dấu chân tưởng như đã bị bạo động lịch sử xóa lấp biệt tích vẫn có thể tái hiện trong những trang sách nhân loại.■

Tháng 10, 1993

Orange County, California, USA

Thuh Beauty Institute

BOLSA MARKETPLACE

9600 Bolsa Ave., Suite E,
Westminster, CA 92683

Tel. (714) 531-1220
Beeper: (714) 346-3260

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

ĐẶC BIỆT: BỚT 25% CHO NỮ NGHỆ SĨ ĐẾN LÀM FACIAL.
Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có lận da tươi mát và mịn màng

The Company You Keep®

Lise Dieutrang Vo
Agent

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, #330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 # 13
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-291-4222

HOÀNG OANH CD8

DÂN CA VIỆT NAM
3 MIỀN NAM-TRUNG-BẮC

HOÀNG OANH
MUSIC CENTER
P.O. Box 9541
Fountain Valley, CA 92728
(714) 964-7591

NAM ◦ TRUNG ◦ BẮC
HOÀNG OANH CD8

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA LASER BỆNH TRĨ

* Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt
* Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh
* Không cần nằm bệnh viện
* Không ra máu, không đau

* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU.

Bác Sĩ TRẦN TIỄN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

* Tốt nghiệp Bằng Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát (American Board of Surgery) tại University Pittsburgh
* Tốt Nghiệp Siêu Chuyên Khoa Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa tại Ferguson Clinic, Michigan
* Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon
* Hội Viên Hiệp Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Huê Kỳ (Fellow American College of Surgeons)
* Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột Và Trĩ Khoa Huê Kỳ (American Society of Colon and Rectan Surgeons)

14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 898-1177

NHẬN MEDICAL * MEDICARE
TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

7151 LINCOLN AVE., # A
BUENA PARK, CA 90260
(714) 527-2777

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.
DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

9091 EDINGER AVE., SUITE A, WESTMINSTER, CA 92683 *(Góc đường Edinger và Magnolia)*

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đổi ống dẫn trứng
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện thoại:
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

THẾ KỶ 21
The 21st Century

NEWS • TECHNOLOGY • ARTS & LETTERS
A source for Vietnamese studies

PUBLISHER,
ENGLISH SECTION EDITOR
Le Dinh Dieu

EDITOR
Vuong Huu Bot (Do Quy Toan)

MANAGING EDITOR
Nguyen Xuan Hoang

OFFICE MANAGER
(Administration, Circulation & Advertising)
Vu Duy Tu

ADVISORS & CONTRIBUTORS
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Do Ngoc Yen • Hoang Ngoc Tue • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Nguyen Thien Co • Phan Huy Dat • Phan Ly • Ruth Talovich.

THE KY 21 (The 21st Century) is published monthly in Westminster, California, USA, and distributed worldwide. Subscription rates: inside the US $28.00 a year (bulk rate), $43.00 a year (first class); outside the US: see subscription form printed inside. Send check/money order, inquiries and all mail to: THE KY 21, PO BOX 2054-H39, WESTMINSTER, CA 92684. Tel (714) 894-9021; Fax (714) 894-2752. All rights reserved.

ISSN 1056-4640

A LETTER TO THE UNHCR

November 12, 1993

Madame Sadako Ogata
UN High Commissioner for Refugees
Case Postale 2500
CH-1211, Geneva 2 Depot
Switzerland

Dear Madame Ogata:

We strongly urge that you take immediate action to investigate and put to an end the deprivation policy advocated and used by UNHCR's regional and local offices against Vietnamese boat people.

Vocational training, language classes, and high school classes above 9th grade have been cut in Indonesia. In Malaysia, all language classes have been forced to close, even those run by volunteers. In Thailand, remittances from overseas have been restricted. In all camps communication with the outside world has been severely curtailed. These measures, and some more, are either initiated by the UNHCR or implemented with the connivance and even encouragement of the UNHCR.

In UNHCR report "Social services Mission to the Philippines", dated 3 December 1992, Ms Christine Mougne, UNHCR Senior regional Social Services Officer, indicates that the UNHCR has its own hidden agenda regarding the implementation of the Comprehensive Plan of Action (CPA).

"In line with CPA policy and UNHCR's regional approach to educational programs, it is recommended that in 1993 the HTC (Holy Trinity College) program be cut to include only primary level courses (grades 1-5)."

Intentionally cutting its own support to the boat people is already objectionable; preventing other charity organizations from providing humanitarian aid to the boat people is simply unconscionable:

"It is further recommended that once the Philippines government has agreed to a clear position with regard to the future of the Palawan population, that their support be enlisted to encourage CADP (Center for Assistance to Displaced Persons) to significantly reduce its educational programs, in particular the high-profile ESL and skills training programs...(because) UNHCR can have little impact on CADP without government support since their operation is entirely self-funded."

Along the same line, the report recommends that *"the issue of remittances be raised with the appropriate authorities to look into the possibility of imposing limits on the amount each individual may receive per month, as is the current practice in Thailand."* The UNHCR has clearly erred far from its humanitarian principles and protection role. Another recommendation, rivaling the others in impropriety, suggests the *"introduction of a curfew restricting movement outside the camp (Palawan, Philippines) between dusk and dawn, and tighter restriction on daytime movement out of the camp"*.

We call on you to investigate the conduct and activities of UNHCR's regional and local offices and to immediately redress wrongdoing committed against the boat people. Failure to act promptly will forever tarnish the UNHCR's image and betray the humanitarian spirit of the CPA.

We look forward to your response on this matter of greatest humanitarian concern.

Sincerely,
A Vietnamese refugee in Orange County.

NGAN KHOI CHORUS

By DANCHI NGUYEN

Founded by Dr. Nguyen Thi Nhuan and Dr. Nguyen Thi Ngoc Suong, the Ngan Khoi Chorus has performed to enthusiastic audiences across California since its Orange County debut in 1990. A live recording of this premiere performance is available on cassette and video tapes.

The chorus began when a group of people who sang together in a chorus in Vietnam wanted to recapture the joy they had shared. Here in California, they gathered together to form the Ngan Khoi Chorus.

"We loved it so much when we were young, singing together in a chorus in Vietnam, that four years ago, we all decided to do it again," says Dr. Nguyen Thi Nhuan.

In the beginning, Ngan Khoi had only 15 members. Then, as people who attended concerts liked what they heard and decided to join the chorus, 15 members became 45.

What makes Ngan Khoi unique is the fact that its members are all amateur singers. In daily life, these people are doctors, dentists, pharmacists, engineers, seamstresses,

Ngan Khoi Chorus and the Angeles Festival Symphony Orchestra at Plummer Theatre

Lê Văn Khoa

students and so forth, but because they love music, they meet once a week to rehearse at VAALA Club in Little Saigon. Even in the practice sessions, the diligence and dedication of the members is obvious.

The Ngan Khoi Chorus appeals not only to Vietnamese music enthusiasts, but also to first-time listeners who are struck by the beauty and mystery of the music. While the modern music of Vietnam is the basis of the repertoire, Ngan Khoi proves its versatility by adding Vietnamese folksongs and Western music to its collection.

Dr. Nguyen Thi Nhuan says that because "Vietnamese folk songs used to be sung in the paddy fields where people worked, [they] do not necessarily require any kind of accompaniment. But here, we try to create a richer sound by performing them with an orchestra. We want to make them sound closer to Western music, so that Western audiences can appreciate them as well."

It should be mentioned that most of the profits that Ngan Khoi Chorus makes through its concerts are given to charities, and all of its members volunteer their time and talent to make each performance an unforgettable experience for the audience.

Under the direction of Tran Chuc, Ngan Khoi Chorus flourishes in beauty.

Tran Chuc, who is the musical and artistic director of the chorus, has an impressive reputation for dedicating his life's work to the research and performance of Vietnamese music. He has written several arrangements for Ngan Khoi, and in the four years he has directed the chorus, he has explored and presented Vietnamese music in its richness.

At each rehearsal, Tran Chuc patiently encourages each singer to give his or her best. He himself is an accomplished tenor and has performed in Ngan Khoi's concerts.

Le Van Khoa, whose compositions are often performed by Ngan Khoi, is one of the finest arrangers of Vietnam. He has done numerous arrangements for both orchestra and chorus. In his works, Le Van Khoa presents Vietnamese music at its best to world-wide audiences.

Ngan Khoi's audiences are more than fortunate to hear the music of both Le Van Khoa and Tran Chuc.

Ngan Khoi also has a trio, a quartet and a quintet; and in the fourth annual concert, the new Ngan Khoi Children's Chorus made its debut.

Ngan Khoi's fourth annual performance took place on November 13 at the Plummer Auditorium, Fullerton, California. It featured a performance of a complete song cycle, "Con Duong Cai Quan" (The National Main Road) by Pham Duy, the acclaimed Vietnamese composer and musicologist. The chorus has been rehearsing this cycle over a period of two years.

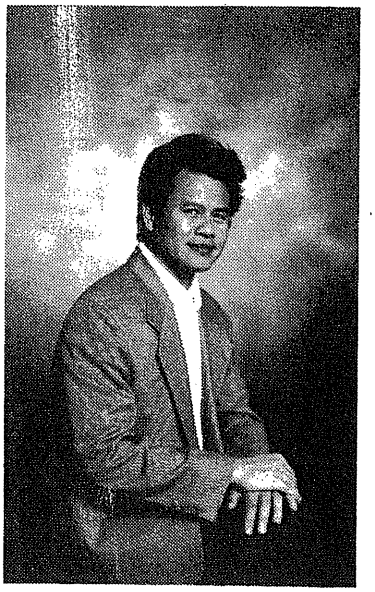

Trần Chúc

The National Main Road depicts a voyager's musical journey from northern Vietnam, along central Vietnam, and ends in southern Vietnam. On this musical trip, the audience experienced the sounds and the culture of each region.■

CORRECTIONS

In Dr. Nguyen Manh Hung's article, "Journalistic Distortion: Neil Sheehan's Portrait of the Vietnamese in A Bright Shining Lie (1988)," The Ky 21, No 55, November 1993, page 50, column 3, line 30, there is an error. The second part of the sentence (after the comma) should have read: "it is equally erroneous to regard him as a [missing part in italic] clearheaded observer of the subject."

Moreover, the article is reprinted with permission from the Journal of the Vietnam Veterans Institute.

The Ky 21 apologizes to the Vietnam Veterans Institute, Dr. Hung and its readers.

THE VIETNAMESE WISDOM IN SOME TRADITIONAL CULINARY TECHNIQUES

LÊ VĂN LÂN, M.D.

Culinary behaviour is a unique attribute of Man

Man is virtually a unique creature in the world that observes rules about food. These rules are specific attributes that brand him as quintessentially "humans who think" i.e. HOMO SAPIENS.

Kawai (1965) mentioned about the Japanese macaque monkeys that used to wash potatoes in the sea water before eating. But this eating habit is rudimentary in comparison with the culinary behaviour of man.

There are four components that make up what is called a "cuisine":

1- The first component is the very limited number of foods selected from the natural environment. Man must select what is available and what can provide him with nutrients in proportion to the energy he spends to obtain it.

2- The second is the way to process food.

3- The third component is to flavour it.

4- The fourth is the rules of eating (number of daily meds, the company of other people eating together, food taboos, etc...)

Vietnamese wisdom among others in the world

In the world — over the centuries or even through the millennia — every ethnic group has developed their own cuisine. Each human group has stored their own experience in transforming potential food into real food because this behaviour is closely linked to their survival.

Over the course of human evolution, food selection has been intimately involved in the frame work of cultural systems. In several circumstances, humans have to overcome serious biological limitations that are naturally present in the foods being eaten. Within the range of available edible things, some contain a very toxic substance, others are indigestible or deficient in a number of essential nutrients.

In order to deal with these basic life interferences, each culture has developed its distinctive experiences of detoxifying or improving food nutrition before consumption. The Vietnamese culture, over the centuries, as a matter of fact developed its own wisdom of processing food. However, in some aspects, it is of very striking interest to observe a coincidental similarity between the Vietnamese way and that of other countries. Elizabeth Rozin (The structure of cuisine) is right in her statements: "there are many diverse solutions to the problem of transforming food but the inclination and the ability to deal with it appear to be universal."

XÔI BẮP (Glutinous corn breakfast)

This is a very popular Vietnamese breakfast that fits everybody's pocket money, it is also a healthy and nutritious meal. Corn together with yam (sweat potatoes) and manioc is a staple food in Vietnam in time of famine. It is normally labelled as a food of the poor and working class.

Corn and maize (Zea mays) were introduced in Vietnam "clandestinely" with sesame seeds by a Vietnamese ambassardor, Phùng Khắc Khoan, during his diplomatic mission in China in the 17th century. Since then, the corn cultivation has been expansively encouraged throughout the country.

Corn was discovered in American Antilles in 1492 and brought back the same year to Spain by Christopher Columbus. It was imported in China in the late Ming dynasty (early 17th century), and along with other western crops, corn became basic crop in China during the Ching (1644-1908). Although not being an amphrodisiac, corn caused a tremendous "population explosion" from 150 million people in early 1700 to about 450 million by the mid 19th century!

Corn kernels are hard to cook and indigestible. It is also deficient in the aminoacide **lysine** without which the human body cannot utilize the plant's protein.

In order to overcome this culinary disadvantage, the Vietnamese used to soak corn overnight in nước vôi (solutions of lime or calcium hydroxide) and cook it the morning after. Lime helps in softening the hard corn kernels, shortening the cooking time and thereby saving fuel. The Vietnamese lay people also explained that lime speeds the popping out of corn grains, makes them digestible, tasty and nutritious. This Vietnamese technology is strikingly similar with that of the American Indians and the Mexicans in preliminarily treating corn with lime in making tortillas. Solomon H. Katz collected data from over 50 American Indian Societies in which there is a remarkable relationship between the use of alkali processing technique and the consumption of maize.

Scientifically speaking, it has been demonstrated that the practice of boiling corn in lime makes the corn much more suitable as a staple food for these two reasons:

Firstly, lime as an alkali solution liberates

NIACIN from an indigestible complex and significantly improve, the amino acid quality of the digestible protein fraction of the Zein and germ.

Secondly, lime introduces more calcium to an otherwise low calcium diet (the Vietnamese do not raise the livestock for dairy products and milk). The Vietnamese XÔI BẮP (glutinous corn breakfast) consists of stewed corn in a harmonious and abundant mixture of đậu xanh tán (purée of mung bean - or phaseolus mingo). The whole dish is flavoured with MỠ HÀNH (fried pork fat or oil and minced scallions), MUỐI MÈ (roasted sesame ground salt) and sugar.

Corn is deficient in lysine but eaten in combination with the lysine rich mung bean and other nutritrious ingredients, the nutritional deficiency is therefore not only compensated but much more improved and taste enhancing.

For the Vietnamese in-exile in foreign lands, they have of course plenty of meat protein in their daily meals... but in their heart they still miss a healthy and delicious stewed corn for their breakfast. For those who pretend to forget or despise this popular old time poor homeland food, and ask "where's the beef" they are exhorted to remember this Vietnamese folklore poem:

"In the old time, edematous and pale as you were, you had to take in one hand a bowl of medicine and in the other a slice of lemon... Nowadays, how healthy and handsome you are, you run after a new love affair and you forget me unscrupulously!"

"Ngày xưa anh bủng anh beo
Tay cầm chén thuốc tay đèo múi chanh
Bây giờ anh tốt anh lành
Anh mê duyên mới, anh đành phụ tôi."

Bitter Manioc: An adaptive behaviour

During recent years in Vietnam, a few cases of fatal intoxication by manioc have occurred among the peasants or the political prisoners of reeducation camps. Starving from their famine meals these innocent victims got to dig for wild roots to eat when working out in the fields or deep in the jungle. They were not aware of the age old foraging wisdom of their Vietnamese ancestors regarding the eating of manioc.

Manioc or cassava is an extraordinary productive and hearty root crop in Vietnam. However, there are two distinctive kinds of manioc: the common and benign manioc is manihot utilissima, the wild and bitter manioc is the manihot esculenta. The bitter manioc contains cyanate which is bound to glycosides distributed throughout the tubes pulp. Strikingly like the traditional South American Amerindian, in their preparation of bitter manioc (cassava) into Cassaree, the traditional Vietnamese used to bruise the manioc pulp and squeeze it in water then cook before eating. This processing is an adaptive behaviour of human food selection in the environment, universally observed in the biocultural evolution of mankind.

Because the effects of the cyanide in manioc can be quite noticeable, it is very hard to figure out why humans persist in manioc use long enough to discover the elaborate detoxification procedure... one can guess that manioc may have been domesticated for reasons other than its nutrition value. Manioc may have been used as a poison in catching fish (Sauer 1970) or as a medicine like other human experience in discovering pharmacological active agents in spices or herbs... The bruising and leaching out the manioc may be purposely done primarily to remove the unpleasant bitter taste that comes at least in part, from the toxic cyanogenic glycoside.

Nowadays, one can explain the basic effect of the traditional detoxification of manioc: It has been demonstrated that "any physical damage to bitter manioc releases a potent glycosidase which immediately acts to free small amounts of cyanide (HCN). Hence, bruising the pulp and squeezing releases glycosidasis, which in turn break the glycosidic bonds. This process frees the HCN and cooking the juice and pulp volatarizes the HCN into the air (Katz-Food, Behaviour and Biocultural Evolution p. 233 AVI Publishing Co., Connecticut 1982).

Man is a unique creature that from his very beginning rejected the eating of raw food (omophagia) and use fire to cook. Besides several beneficial effects, fire boiling helps to deactivate some toxic agents in food... Most victims of bitter manioc died because they eat raw or inadequately cooked.

The Vietnamese wisdom is also observed in the making of tapioca flour (bột báng). So called since manioc has several names in Vietnamese: sắn, khoai mì or khoai báng. Even in regards of the domesticated and benign kind, manioc is carefully rasped or grated into a container of water. The top water is then removed, only the bottom is collected. This macerating and grating technique is also applied for several other kinds of tuber roots, to leach out the toxins such as khoai mài, a kind of dioscorea, the pulp of which is rich in nutrient but may cause itching because of its sulphur contents.

Like the traditional Chinese or other people, the traditional Vietnamese during the course of history, have developed "foraging wisdom," because the search for food is a "must" for survival. Their way of eating is characterized by a notable flexibility and adaptability according to their needs for food. The traditional Chinese and Vietnamese peasants have acquired an amazing knowledge about their wild plant resources... the famous Chinese Materia Medica -- Ban thao cuong muc (Pen t'sao Kang Mu) -- listed thousands of medicinal plants along with specific notations about their edibility. Most plants are not ordinarily eaten in times of food affluence but they may be easily adapted for consumption in time of famine. The knowledge of a large variety of "famine plants" was carefully handed down as a living culture... The Vietnamese peasants traditionally mention about củ nâng (Dioscorea hispida) that becomes only edible after a series of ten succession

times of boiling and leaching out its toxins!

Soybeans: An extraordinary history of cultural processing in Asia

Nowadays soybeans (Glycine max L.) provide an immensely important source of nutrition throughout Asia because of their leading richness in protein. However, an anecdote is told notably about these grains. By the end of World War II, soybeans were shipped in large quantities to Korea, Japan and Germany. The Korean and Japanese populations thrived on soybeans. But the German got very sick every time they ate them with symptoms of weight loss and other ill effects. The situation was so serious that within a short period of time the United States had to stop shipping soybeans to Germany.

It has been later found out that without an appropriate processing, soybeans are essentially inedible. The food scientists and nutritionists made several investigations into the traditional ways of soybeans processing in Chinese people for many centuries.

Soybeans were considerd as the fifth of five cereals of China in Chou dynasty (including wheat, millet, barley, rice, soybeans). The earliest technique of processing in the Shang Nung Materia Medica (2838 BC) was stir roasting and decocting soybeans as a medicine rather than as a food (nước đậu nành rang). And in Chou dynasty (1134-24G BC), soybeans began to be fermented in making đậu xị (soybean relish) or soysauce (tương): the first mention of the use of toufu (beancurd) appeared in the Han dynasty (205 BC - 220 AD) (The T'ang pharmacologists claimed to have discovered different health effects of soybeans according to the processing ways: stir-roasted, soybeans excessively heating (nóng), boiled, they were too chilling (lạnh), made into a relish (đậu xị) they were very cool (Mát) but pickled led and made into sauce (xì dầu) they were balanced (tính bình). The food scientist indicated that soybeans contained a potent antitrypsin factor needing to be deactivated by an appropriate processing.

High temperatures in stir-roasting or in prolonged boiling deactivated the antinutritive factor within soybeans but also destroyed much of the nutritive value of the beans. For this reason, the most adequate and practical technique is that the antitrysin factor could be only separated from the other soy proteins by precipitating with a divalent cation such as magnesium or calcium (Katz and Ricci 1981). The antitrypsin factor remains in the supernatant and the high quality soy proteins in the precipitate. So we can conclude that the processing of soybeans via the divalent precipitation in making toufu is the optimal way for food resource. The divalent calcium used in China was abundantly available in the form of gypsum (thạch cao) a calcium sulfate compound. In case when gypsum is not available like Korea, Japan, magnesium salt is used in the ingredient of nigari whose preparation consists in evaporating seawater to sea salt, and then placing it in cloth sacks and hanging for collecting the drippings which are rich in magnesium (Shurtless and Yogi 1975). The Vietnamese ingredient for precipitating solution in making đậu hũ is secret acid solution "nước chua" (or "nước giấm") (Nguyễn Văn Ba - Thịt Tam Tạng in Cây trái quê mình written in collaboration with Dr. Huỳnh Hữu Cửu 1992).

The Vietnamese used to eat a kind of "soybeans curd gel" also called đậu hũ in summer time that they believe to be refreshing. The secreat of making this jellylike soybeans curd is to use the gratings of the soft shell of the sea squid as precipitating ingredients. (This is an experience of my mother-in-law).

It has been also demonstrated that the Vietnamese as well as other people in the world have developed an instinctive wisdom in regulating the balance in dietary nutrition or "nutritional complementarity such as the eating of lysine deficient corn with lysine rich beans, the consumption of methionine - rich rice with methionine deficient bean curd. It has been also found that in their traditional agricultural technology. The people in a large variety of ethnic groups have been developing series of equilibria for their food production chain. Take the Vietnamese people's case for a typical example: Besides the major rice crops they have known that a number of other food plants complement one another in their habits of cultivation. Beans, like other legumes, enrich the soil for other crops such as corn or gourds by means of nitrogen fixing bacteria that are supported by their roots; the spreading leaves of gourds or pumpkin shade the soil against loss of moisture and suppress the growth of weeds.

The cultivation of beans and other supplementary crops alternatively with rice cultivation is routinely regulated in the Vietnamese agricultural calendar year as described in a number of folklore songs:

"The first lunar month is the month of entertainment, the second is for cultivating beans, yams and aubergines. By the 3rd month, beans are ripe, ready for picking up and drying... when the fourth month begins, it is time to purchase cattle for the preparation of the 5th month rice crop."

Tháng Giêng là tháng ăn chơi
Tháng Hai trồng đậu, trồng khoai trồng cà
Tháng Ba thì đậu đã già
Ta đi ta hái về nhà phơi khô
Tháng Tư đi tậu trâu bò,
Để ta sắp sửa làm mùa tháng Năm.

or:

"The last lunar month of the year is the month of sweet potatoes, the 2nd month is that of bean cultivation, the 2nd is for the aubergines when the 3rd month is coming, the soil is plowed. The fifth month is the optimal time for growing baby rice plants because of plenty of rainfalls over the fields!"

Tháng Chạp là tháng trồng khoai
Tháng Giêng trồng đậu tháng Hai trồng cà
Tháng Ba cầy vỡ ruộng ra
Tháng Tư làm mạ, mưa sa đầy đồng.

As an open ended conclusion

All cuisines, like other cultural systems, are sets of rules about the human behaviour for feeding for instinctive survival and satisfaction. Learning the rules that underlie any culturally transmitted system or tradition of behaviour needs to be developed into a new science with a thorough anthropological understanding of the origins and evolution of food selecting and processing, flavouring technology. The Vietnamese wisdom in some of its culinary techniques which has evolved over many centuries therefore would deserve further attention and deeper insight researches from food scientists and nutritionists.■

REFERENCES

1- The Psychology of Human Food Selection, edited by Lewis M. Barker AVI Publishing Inc. 1982.

2- Food in Chinese Culture. Anthropological and historical perspective, edited by K.C. Chang Yale University Press 1977.

3- Cây Trái Quê Mình by Huỳnh Hữu Cửu and Nguyễn Văn Ba, Bình Minh 1992.

1968: BIRTH YEAR OF PEACE SONGS OF VIETNAM

by PHU BUI

It was early morning of the second day of Tet. As part of the New Year's tradition, people were gathering at street corners to gamble. Firecrackers had been going off since New Year's Eve to welcome the Year of the Monkey, but this morning, they sounded somehow sharper, more shrill. While everyone was enjoying the games, a man in his fifties suddenly sprung from the crowd and proclaimed that the city was under attack. He confirmed that the strange popping sounds were from AK-47 machine guns. Then, he told everyone to disperse and go home. The festive spirit of Tet quickly evaporated, and an eerie atmosphere took over. The New Year's celebration was over. The Vietnamese remember Nineteen Sixty-Eight by bloody "Tet Offensive," or *Tet Mau Than.*

In early May, the Viet Cong launched a second wave of attacks. The battle spread to the north entrance of Tan Son Nhat Airport, which is very close to my home. One late afternoon, I witnessed a "Skyraider" attack plane swooping down and releasing two bombs. After several loud explosions, a piece of shrapnel landed right in front of my house. Playfully, I grabbed the hot piece of metal, and then feeling the intense heat, dropped it immediately. The war destroyed hundreds of homes. My junior high school became a refugee center. When the fighting stopped, hundreds of dead Viet Cong soldiers an civilians were buried in a mass grave.

The battle at the airport took the life of Air Force Colonel Luu Kim Cuong, whose death was immortalized in a song by Trinh Cong Son, entitled *Cho Mot Nguoi Nam Xuong* — "For A Friend Who Just Died". With Trinh Cong Son playing guitar and Khanh Ly singing, the song touched millions of Vietnamese and made them a very popular duo. In fact, they were known then as the Bob Dylan and Joan Baez of Vietnam. Son's music was so profound that as a teenager, I determined to learn to play the guitar.

During the Offensive, Trinh Cong Son was in Hue and survived the massacre. His experiences during the aftermath of the battle inspired him to write the following lines from his sorrowful ballad about the tragedy at Hue: "Which one is my brother, among the human body floating in the river, displayed in the field, on the roofs of buildings, or in the trenches?"

The Tet Offensive gave birth to his album, *Hat Cho Que Huong Viet Nam* — "Singing for Vietnam," which includes songs about the suffering of the Vietnamese in time of war and their love of peace as performed by Son's longtime companion, Khanh Ly. It instantly became a top hit. The Vietnamese see themselves in his songs. During the war, they were played on university campuses, in cafes, and on the streets from the cities to the countryside. Many young Vietnamese considered this album to be a symbol, even a kind of bible of the war. Ironically, the South Vietnamese government censored his songs, which they claimed to have pro-communist and anti-war overtones.

According to Son, singing is a form of mourning for the dead, for a country at war. His poetic and humanistic lyrics are the sobbing cries of the widows who have lost their husbands, the mothers who have lost their sons, and the sweethearts who have lost one another in the midst of war. His music carries the irony of a funeral procession, a column of living survivors escorting the dead to their final resting place, being blown up by a mine on a country side road. With so many tragic deaths, he simply called for the people of North and South Vietnam to reconcile and stop the senseless slaughter of brother against brother with foreign-made weapons.

On the morning of April 30, 1975, while the communist tanks were rolling into the city, Saigon Radio broadcast Son's most popular title, *Noi Vong Tay Lon* — "Joining Hands to Make a Great Circle" — to inspire a feeling of peace and reunification in the land. This song celebrates the coming of a new dawn in Vietnam, in which people enthusiastically join hands to rebuild the war-torn country. The event also marks the separation between Trinh Cong Son and Khanh Ly.

Remaining in Vietnam after the war, Son was ap-

pointed temporary head of the Cultural Office in Hue before falling out of favor with the new government. He had stayed behind, only to face the banning of his albums by the communists and to witness the deaths of tens of thousands of young Vietnamese during the Cambodian war four years later. He was ultimately sent to a new economic zone, where he spent several years under harsh conditions, and many of his friends and artistic counterparts were sent to re-education camps.

Khanh Ly had left Vietnam just hours before Saigon fell. She continued to faithfully sing Trinh Cong Son's songs, even sending money to Vietnam to support him, but encountered bitter protests from some spectators, who ironically blamed Son for contributing to the demoralization of the South Vietnamese people. However, his music expresses only a deep-rooted love of country and the aspirations of the people for peace and freedom, as opposed to hatred and political motives.

In the past several years, Hanoi has initiated the policy of *Doi Moi*, which, like *Glasnost* in the former Soviet Union represents a more tolerable stance towards artists. In Saigon today, Trinh Cong Son is finding his artistic activities, in his own words, more "breathable," but he confines his song writing to love songs. He and Khanh Ly had a chance to meet each other in Canada and in France, but they did not appear together in public.

I hope someday Trinh Cong Son and Khanh Ly will come together hand in hand, singing their favorite tunes to celebrate a new era for Vietnam. In the meantime, I still love to pick up the guitar and play Trinh Cong Son love songs with nostalgic feeling — and his peace songs to remind myself of the Vietnamese aspiration for liberty, justice, and humanity.■

Phu Bui currently teaches public school in Oakland. He worked with the Peace Corps in Africa and the United Nations in Southeast Asia.

VIETNAMESE PROFILE

HENRY D. FAHMAN (PHAM DAC HIEN)

By DANCHI NGUYEN

Located in the midst of some of the largest Vietnamese corporations in Little Saigon is Providential Securities Inc., the first Vietnamese investment banking and securities brokerage firm in the US; Henry D. Fahmen is president.

Before Fahman founded Providential Securities, he had worked with several American investment banking firms. He was also branch manager for a firm based in New Jersey, and in 1990, he opened their branch office in Orange County.

After two years with them, in March, 1993, Fahman established his own company with the approval of the Securities and Exchange Commission (SEC), and the National Association of Securities Dealers (NASD).

According to Fahman, a Magna Cum Laude graduate from UC Berkeley, financial investments and services cover a wide spectrum: "Anybody you talk to, from a little kid to an old person, all have financial needs, and I see a great need to help the Vietnamese community understand investments in a clearer and more orthodox way."

Providential Securities can provide the Vietnamese community with an alternative to placing money in the bank where it earns a fixed interest of about 3% a year.

Fahman said that many people are so vulnerable that they are willing to go into anything that offers speculation, such as currency trading, commodity indices, and the like. In the past, there have been a few currency trading companies in the Little Saigon area, but all are currently out of business. Many of their clients lost money because they lacked knowledge of investments.

Fahman brings to the Vietnamese community a professional trust and integrity which, coupled with proper understanding of investments, can improve the client's financial welfare.

Through seminars he conducts, at which representatives from different companies speak to the Vietnamese people, Fahman opens doors to investment opportunities as the people learn.

Fahman works with three registered representatives and is training a class of about 10 people to become stock brokers.

As for branching out, Providential Securities is planning to open offices in San Jose (CA), Portland (OR) and Dallas (TX).

Even though Providential Securities is a small firm compared to Merrill Lynch or Prudential, it has access to any kind of product that is currently available on the market and over the counter: listed stocks, foreign stocks, options, mutual funds, and a broad spectrum of other investment vehicles. Also, Providential Securities has connections with the New York Stock Exchange and other principal exchanges.

Investors who do business with Providential can enjoy the best of both worlds: the personal attention that clients get from full-service brokerage firms, and the low commission rates that only deep discounters are able to provide.

Providential Securities serves a variety of clients — Americans, Chinese, Koreans and other ethnic groups, but its main interest is the Vietnamese community.

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

AS CERTIFIED AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER) (714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + $7 CERT.

VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA
2 WHEEL $25 MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:

Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.

☆ Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chẩn dealers.

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.
- Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.
- Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.
- Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.
- FREE ESTIMATE.

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $50.00 EVACUATE EXTRA

THANH BUI (GENERAL MANAGER) Kính Mời

AIR CONDITIONING SPECIALIST

- Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System
- Máy lạnh thổi không ra hơi
- Hơi thổi ra không đúng chỗ
- Hệ thống lạnh bị xì
- Xe bị nóng khi xài máy lạnh
- Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

THẾ KỶ 21
PO BOX 2228-260, WESTMINSTER, CA 92683
ĐT: (714) 894-9021. FAX: (714) 894-2752

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

I. BÌA (lọc màu):

- Bìa sau:.....$640.00
- Bìa trong (trước/sau):.....$520.00

II. TRANG TRONG GIẤY LÁNG (lọc màu):

- 1 trang:.....$460.00

(không có cỡ nhỏ hơn)

III. TRANG TRONG (trắng đen):

- 1 trang:.....$200.00
- 1/2 trang:.....$110.00
- 1/4 trang:.....$60.00
- 1/8 trang:.....$40.00

Thêm màu đỏ (bất cứ cỡ nào):...thêm $40.00

CHƯỚC GIẢM:

— 05% cho 4 lần.
— 10% cho 8 lần.
— 20% cho 12 lần.
— 25% cho trả tiền trước.

Viễn đông RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam
khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa **Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

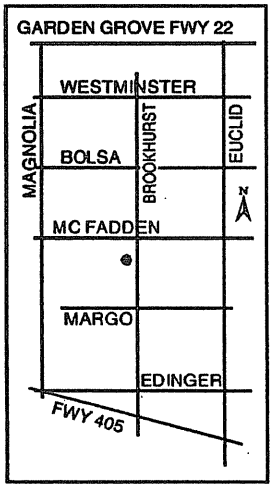

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

CHÂN TRỜI BIẾN CỐ (EVENT HORIZON)

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Khoảng đầu tháng Ba, 1993, các nhà Thiên văn trên thế giới đã xác nhận quả thật có những lỗ đen trong vũ trụ và người ta đã quan sát được những gì xảy ra xung quanh lỗ đen, ở một vùng được gọi là "chân trời biến cố" (event horizon).

Để tìm hiểu chân trời biến cố là gì, chúng ta đành phải điểm qua một chút lịch sử về những lý thuyết của môn vũ trụ học, và những diễn tiến từ khoảng 30 năm gần đây.

Ngôi sao biến thành lỗ đen

Vào cuối những năm 1920, thuyết tương đối tổng quát của Einstein đã được chứng minh là đúng. Theo thuyết này, trọng lực hay sức hấp dẫn của các thiên thể — Mặt Trời hút Trái Đất, Trái Đất hút Mặt Trăng v.v... — là bởi vì không gian và thời gian ở xung quanh các thiên thể đó xoắn lại, đến độ ánh sáng chạy gần đó cũng bị cong đi.

Người ta đã thí nghiệm là đúng, bởi vì ánh sáng của các ngôi sao khi chạy gần sát qua cạnh Mặt Trời quả nhiên đã bị cong đi. (Hình 2)

Năm 1965, nhà bác học Vật lý thiên thể Mỹ Roger Penrose nghiên cứu hiện tượng gọi là sự sụp đổ của các vì sao. Như ta đã biết các ngôi sao sáng trên trời là những quả bom khinh khí khổng lồ đang nổ, nghĩa là một quả cầu hơi khinh khí nổ giây chuyền, khiến khinh khí kết hợp lại với nhau thành nguyên tử nặng hơn là helium. Hết khinh khí (hydrogen) thì chính các nguyên tử helium lại phải tiếp tục sứ mạng, nghĩa là chính chúng cũng kết hợp với nhau để biến thành các nguyên tử nặng hơn nữa. Chu kỳ cứ thế tiếp diễn cho đến khi toàn bộ quả cầu hơi đó trở thành một thứ vật chất rất nặng.

Lúc đó ngôi sao đã tắt, nhưng hình thù của nó đã thu nhỏ lại và hiện tượng lạ xảy ra: càng ngày các vật chất nặng trên ngôi sao càng nén vào với nhau.

Vào năm 1968, nhà bác học Mỹ Wheeler lần đầu tiên đưa ra từ ngữ "black hole" (lỗ đen), vì khi các ngôi sao khổng lồ sụp đổ, co lại thành một khối rất nhỏ, sức hút của nó mạnh đến độ ánh sáng cũng không thoát ra ngoài được, thành ra không nhìn thấy gì nữa. Kết quả là một lỗ đen ngòm.

Nhưng đó chỉ là cách để nói thôi. Thật ra lỗ đen không... đen. Bởi vì xung quanh lỗ đen là một lò... bát quái, mọi vật chất bị hút vào đó sẽ rực lửa, và cả ánh sáng cũng chạy quanh đó, tựa hồ như một bong bóng bọt xà bông của trẻ em thổi.

Thế tại sao lỗ đen không hút cả ánh sáng rực lửa và cả cái lò cừ đó vào bụng mà đen ngòm đi?

Đây chính là lý do tại sao có "chân trời biến cố."

Nhưng trước khi tìm hiểu lý do này, chúng ta hãy hỏi: Thế tại sao Mặt Trời của chúng ta không biến thành... lỗ đen. Câu trả lời giản dị: Mặt Trời đang cháy ở chu kỳ đầu, nghĩa là hiện nay ở trên đó, khinh khí đang biến thành helium. Phải hàng tỷ năm nữa, chu kỳ này mới hết. Mặt Trời của chúng ta tuổi còn là... thanh niên. Cho dầu cháy hết mọi chu kỳ, Mặt Trời tắt ngúm trở thành nặng, cũng vẫn không thể trở thành lỗ đen được, bởi vì Mặt Trời chỉ lớn vào cỡ trung bình. Phải có những ngôi sao lớn hơn nhiều, đến lúc chết mới có thể biến thành lỗ đen được.

Còn Trái Đất sao không tự hút mà thành lỗ đen. Dễ hiểu thôi, Trái Đất chỉ là một hạt cát quá nhỏ, một cục đá. Mặt Trời của chúng ta tuy nhỏ mà cũng đã lớn gấp cả triệu lần Trái Đất rồi. Vả lại Trái Đất đã thành cục... đất trơ, không có phản ứng gì lớn lao mà thành lỗ đen được.

Khoa học giả tưởng: Trái Đất thu nhỏ

Trái Đất chỉ có thể thu nhỏ lại theo... khoa học giả tưởng. Và để giải thích "chân trời biến cố" chúng ta hãy tưởng tượng Trái Đất thu nhỏ, để làm thí dụ.

Trái Đất của chúng ta là một quả cầu tròn, đường bán kính đo được 6,500 cây số. Trái Đất có sức hút, tức là trọng lực. Bạn đứng lên cân, bạn thấy cân chỉ 140 pao. Đó là cơ thể của bạn đứng ở mặt đất này, bị sức hút Trái Đất kéo xuống mạnh bằng 140 pao. Tôi nhẹ hơn, ốm hơn bạn, Trái Đất chỉ hút tôi có 120 pao thôi. Điều này thật quá thông thường.

Bây giờ tôi đóng một phi thuyền không gian, tôi muốn bay lên và bứt ra khỏi sức hút của Trái Đất, tôi phải làm thế nào?

Bất cứ con tàu nặng bao nhiêu, bất cứ có bao nhiêu người và máy móc ở trên đó nặng như thế nào, chỉ cần có một sức mạnh đẩy được con tàu đó bốc lên khỏi mặt đất với tốc độ 11 cây số một giây đồng hồ, con tàu không gian sẽ cứ thế bay ra khỏi Địa Cầu, không quay trở lại nữa.

Người ta gọi đó là "vận tốc thoát ly" (escape velocity).

Bây giờ nếu có một phép lạ nào — giả tưởng — thâu nhỏ Trái

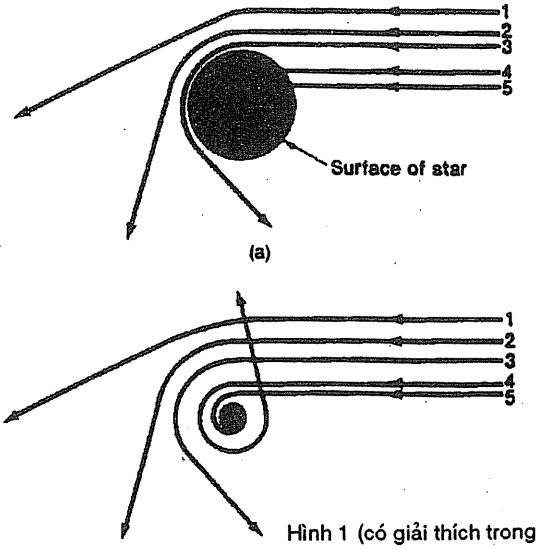

Hình 1 (có giải thích trong bài rồi)

Đất lại, đường bán kính Địa Cầu chỉ còn 3,250 cây số, sự việc sẽ ra sao? Trước hết điều đó có nghĩa là mặt đất của ta đã tụt xuống đất đen, thấp hơn mặt đất cũ là 6,500 - 3,250 = 3,250 cây số.

Ở vị trí mới này, trên mặt Địa Cầu đã thu nhỏ, muốn thoát ly khỏi sức hút, chúng ta cần đến một sức mạnh lớn hơn: "Vận tốc thoát ly" sẽ là 15.6 cây số một giây đồng hồ. Tại sao vậy? Địa Cầu nhỏ đi, sao còn có sức hút mạnh thêm để đòi hỏi một "vận tốc thoát ly" lớn hơn mới ra thoát?

Đó là vì Địa Cầu tuy thu nhỏ, kích thước tuy nhỏ lại, nhưng "khối lượng" (mass) của nó vẫn vậy, nói dễ hiểu là tuy có nhỏ đi nhưng nó vẫn nặng như cũ.

Cứ như vậy, càng thu nhỏ, sức nặng vẫn y nguyên chẳng nhẹ đi chút nào, chỉ có mật độ (density) của vật chất ở Địa Cầu càng thu hẹp, càng dày đặc hơn mà thôi: Và theo luật Tương đối tổng quát của Einstein, càng vào gần trung tâm sức hút càng gia tăng. Thí dụ Trái Đất thu hẹp chỉ bằng một quả banh, "vận tốc thoát ly" ở trên mặt trái banh đó chắc chắn là lớn hơn vận tốc ánh sáng, nghĩa là trên con số 300,000 cây số một giây đồng hồ. Cố nhiên ánh sáng cũng không thoát ly nổi, vì ánh sáng chỉ có vận tốc đúng 300,000 cây số một giây. Ánh sáng đã bị kéo ngược trở lại. Đó là lỗ đen.

Chân trời biến cố trên lỗ đen

Chúng ta chỉ cần nhớ một điều: kích thước thâu nhỏ, nhưng khối lượng vẫn thế, không thay đổi. Và khi khối lượng vẫn như cũ thì càng vào trung tâm, thoát ly càng khó.

Năm xưa cây thiết bổng của cụ Tề Thiên Đại Thánh trong truyện Tây Du cũng vậy. Khi còn là cây cột chống trời khổng lồ, nó nặng muôn vạn ức cân ở dưới Thủy Cung, đó là khối lượng rất lớn rất nặng. Nhưng khi cụ Tề Thiên Đại Thánh thu nhỏ để làm cây côn, gọi là thiết bổng, thì nó cũng vẫn nặng muôn vạn ức ký. Và khi cụ Tôn thu nhỏ nó bằng cây tăm để gài mái tóc trên lỗ tai, nó cũng vẫn nặng y nguyên như vậy.

Nhưng chúng ta hãy bỏ chuyện đem vật lý học hiện đại vào Tây Du Ký, để trở lại với lỗ đen của chúng ta.

Mặt Trời của chúng ta là một khối hơi khổng lồ, kích thước là 696,000 cây số đường kính, (Trái Đất chỉ có 6,500 cây số) và khối lượng là... 1.9 tỷ tỷ tỷ tấn (ba lần tỷ), hay viết thành số là 19 với 26 số zero ở sau. Vậy mà Mặt Trời của chúng ta vẫn chưa đủ khối lượng để rút thành một lỗ đen vào đoạn chót của cuộc đời.

Theo sự tính toán của nhà bác học Stephen Hawking một ngôi sao có khối lượng gấp 10 lần khối lượng của Mặt Trời, khi sụp đổ, sẽ thu lại thành một trái cầu có 30 cây số đường bán kính, thì lúc đó vận tốc thoát ly sẽ là trên 300,000 cây số một giây và ngôi sao biến thành lỗ đen, vì không có vật gì bay nhanh hơn ánh sáng để bay ra ngoài.

Thí dụ nếu ngôi sao nói trên tiếp tục co rút nữa mà nhỏ thành một nắm tay, hay bằng một hạt đậu thì sao? Lỗ đen vẫn chỉ có 30 cây số đường bán kính mà thôi, không thể nhỏ hơn được nữa. Tại sao vậy?

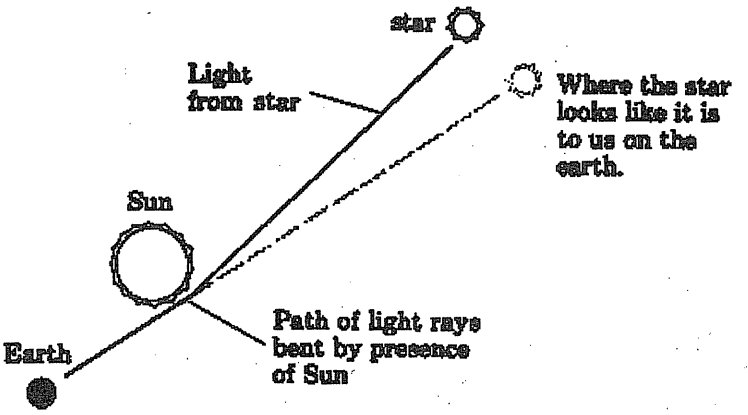

Hình 2 Ánh sáng của ngôi sao bị cong đi khi chạy sát khối lượng Mặt Trời

Bởi vì khối lượng của ngôi sao vẫn chỉ có thể không thể nào tăng thêm hay bớt đi, còn vận tốc của ánh sáng cũng chỉ có 300,000 cây số một giây, không thể nào tăng thêm hay giảm bớt.

Thí dụ về một lỗ đen 30 cây số đường bán kính cho ta thấy lỗ đen là một trái cầu... rỗng, ở giữa là một cái lõi, có thể thu nhỏ thêm, nhưng trái cầu vẫn có kích thước đó.

Bề mặt trái cầu đó là một nơi mà ánh sáng không vượt qua ra ngoài được. Người ta gọi cái vỏ của trái cầu vô hình đó là "chân trời biến cố."

Lỗ đen cũng bức xạ

Ở cái vỏ đó việc gì xảy ra? Sau khi mọi vật chất bị hút vào bên trong rồi, còn gì nữa? Cố nhiên còn ánh sáng từ muôn vàn galaxy, muôn vàn ngôi sao trong vũ trụ bay trong không gian, đụng vào lỗ đen. Nên nhớ đây là ánh sáng rất yếu, chan hòa khắp nơi, chớ không phải một tia sáng mạnh như đèn rọi. Nhưng dù bất cứ loại ánh sáng nào đụng vào lỗ đen, kết quả cũng giống nhau mà thôi.

Trước hết (xem hình 1a), thí dụ ánh sáng bay đến một ngôi sao. Ánh sáng số 1 chạy hơi cách xa ngôi sao một chút, nó chỉ bị cong đi thôi. Ánh sáng số 2, sát ngôi sao hơn nên bị cong nhiều hơn. Ánh sáng số 3 cong gấp như bị bẻ quặt. Ánh sáng số 4 và số 5 lao thẳng vào ngôi sao bị hút luôn.

Khi ngôi sao bị co lại và biến thành lỗ đen (hình 1b), vì khối lượng của nó không đổi, nên sức hút của nó cũng không đổi (mặc dù kích thước nhỏ đi), nên các tia sáng số 1, 2 và 3 cũng không thay đổi, tia số 4 bay cách lỗ đen một chút nên bị bẻ ngoặt đi. Riêng tia số 5 nhằm trúng vào sát cái vỏ lỗ đen nên nó bị xoay đi chạy vòng vòng, không thoát ra ngoài được, cũng chưa đủ sâu lao thẳng vào lỗ đen đến độ bị hút luôn vào đó.

Cái vỏ trái cầu lỗ đen có ánh sáng chạy vòng vòng đó chính là "chân trời biến cố" vậy.

Thế nhưng ánh sáng chỉ chạy vòng vòng như lũ ngựa đua, chớ có chạy đến mắt ta đâu mà ta nhìn thấy?

Ta vẫn thấy lỗ đen như thường, không phải thấy bằng cách "nhìn", nghĩa là ánh sáng đập vào mắt ta, mà thấy bằng cách đo những tia bức xạ từ lỗ đen phát ra. Đây là việc mà các nhà Thiên văn học đang làm.

Kỳ lạ! Ánh sáng cũng là hạt, là sóng điện từ (electro-magnetic), tức là các tia bức xạ (radiation). Ánh sáng đã không thể thoát ra ngoài lỗ đen, vậy còn có thứ bức xạ nào thoát ra ngoài được nữa?

Vậy mà vẫn có đó. Đây chính là chỗ kỳ diệu nhất của lý thuyết Stephen Hawking đã đem Vật lý lượng tử (Quantum Physics) vào lỗ đen, tức là nối liền được cái cực nhỏ với cái cực lớn, đặt lý thuyết Tương đối của Einstein về lực hấp dẫn trong vũ trụ (vĩ mô) vào chung một gói với cơ học lượng tử (vi mô).

Nhưng để tìm hiểu vấn đề này, chúng ta bắt buộc phải đi sâu thêm nữa vào lý thuyết lượng tử, nguyên lý bất định và sự hiện diện của phản vật chất, điều mà chúng tôi sẽ cố gắng trình bày trong bài kế tiếp.■

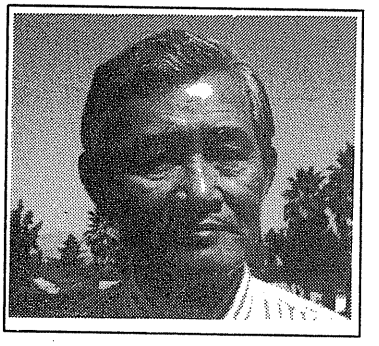

Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh

The Company You Keep®

Pascal Dung Gia Nguyen
Agent
New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst St. #330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714 962-4440 Fax 714 964-0545
Pager 714 568-5006

Registered Representative for NYLIFE Securities Inc.
1 City Blvd. West, #1121
Orange, CA 92668

MỜI CÁC BẠN
CÙNG VIẾT!

Thế Kỷ 21 hoan nghênh mọi đóng góp của thân hữu và bạn đọc khắp nơi.

Xin đừng chờ xây dựng và hoàn tất một "công trình văn học hoặc báo chí" rồi mới gửi cho *TK21*.

THE KY 21

Đã Phát Hành

NGUYÊN SA

NGHỆ SĨ VIỆT NAM
Ở HẢI NGOẠI

* PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG * PHẠM DUY * ANH BẰNG * KHÁNH LY * LỆ THU * HẢI LÝ * NGỌC CHÁNH * DUY TRÁC * THANH THÚY * LÊ VĂN THIỆN * HƯƠNG LAN * LYNDA TRANG ĐÀI * TRẦN QUỐC BẢO * TRẦN DUY ĐỨC * TRỌNG NGHĨA-MỘNG LAN * KIM ANH * TUẤN VŨ * DIỄM PHÚC * ĐỨC HUY.

Cuốn I
300 trang - Giá $15

Liên lạc: Đời, P.O. Box 4658, Irvine CA 92716, USA

KẾT, MỞ

VÕ PHIẾN & NGUYỄN XUÂN HOÀNG

NGUYỄN XUÂN HOÀNG- Hôm nay ta giã biệt ti-vi chứ ông? Nói gì thì nói, chắc chúng ta không cần trở lại với nó nữa.

VÕ PHIẾN.- Hôm nay giã biệt tất cả. Năm cùng tháng tận rồi. Chuyện gì cũng phải có lúc chấm dứt chứ. Dịp này không chịu ngừng thì còn chờ đến bao giờ nữa?

N.X.H.- Cuối kỳ vừa rồi, ông đề cập tới thơ trình diễn. Tôi nghĩ đó là bắt đầu một phần mới: phần nói về các hình thức văn nghệ trong tương lai, những hình thức thích hợp với hoàn cảnh mới.

V.P.- Đâu có! Đâu dám thế. Cái gì là cái thích hợp với hiện tại, cái gì là cái thích hợp với tương lai? Tôi đâu biết? Ai mà biết? Chúng ta chỉ dám thò thẻ về dăm bảy cái không còn thích hợp trong hoàn cảnh mới. Thế thôi. Nói về cái không còn thích hợp thì chỉ cần quan sát và nhận xét. Còn tiên liệu cái gì sẽ thích hợp, như thế cần có óc sáng tạo, có sự sáng suốt, có hiểu biết rộng rãi. Ối, mình làm gì có nhiều thứ vậy?

Tôi nhặt ra món thơ trình diễn, nêu nó lên, chẳng qua là nêu một sự kiện, một hiện tượng, nêu để chứng minh một xu hướng tâm lý mới, một phản ứng gần đây của giới sáng tác cũng như của giới thưởng ngoạn nghệ thuật. Còn hình thức ấy thực sự đã thích hợp chưa? rồi có tồn tại được không? Tôi không dám nhạy mồm nhạy miệng nhé.

N.X.H.- Chúng ta không nói chút ít về chuyện ấy, hoá ra cuộc đàm thoại không đi đến đâu, không có kết thúc. Phác qua hoàn cảnh mới là để mà suy tìm đường hướng mới, nếu không thì nói về hoàn cảnh làm chi?

V.P.- Thôi, ông thay đổi thái độ rồi. Hồi đầu năm, mở đầu câu chuyện, ông đã qui định giới hạn cuộc đàm thoại, là nên ngừng lại ngay nơi vấn đề nhận định hoàn cảnh mà thôi, đừng phiêu lưu... Hồi đó ông thận trọng dè dặt quá trời!

Võ Phiến

N.X.H.- Vậy hả? Đúng, tôi vừa nhớ ra.

V.P.- Lâu quá mà. Cả năm rồi, mọi việc đều đổi dời, mình có thay đổi ý kiến chút ít, dâu có sao? Hồi mới gặp nhau, Khổng Minh trình bày kế hoạch ba chân vạc. Lưu Bị lấy làm đắc ý vô cùng. Về sau, củng cố được thế ba chân rồi, Lưu Bị lên làm một ông vua rồi, thì cả Lưu Bị lẫn Khổng Minh đều nhất định xông lên đòi đánh gãy một vài cái chân "thừa". Rốt cuộc, cả hai đều mất mạng trong cố gắng tham lam ấy. Mình dại gì!

N.X.H.- Chẳng qua ngon trớn ưa làm tới. Lúc đầu có kế hoạch, nói chuyện riết rồi cứ theo đà, bị lôi cuốn...

V.P.- Bị lôi cuốn kiểu ấy, cũng thường tình thôi. Nhưng trót bị cuốn mạnh về phía tương lai thì mình tội gì cố gắng đích thân tiên tri cho nó vất vả? Hãy xem người khác tiên tri, thích hơn. Trong thiên hạ thiếu gì kẻ bốc đồng?

N.X.H.- Chẳng hạn?

V.P.- Chẳng hạn Chế Lan Viên. Ông ta từng viết:

"Tôi tiếp cận trang giấy ngày mười sáu tuổi.

Bây giờ sáu ba".

(*Hồi ký bên trang viết*).

Những câu đó viết năm 1983, sáu năm sau ổng mới qua đời. Vậy ổng làm thơ suốt 53 năm, hơn nửa thế kỷ. Lại từng suy nghĩ rất nhiều về văn nghệ, đã cho xuất bản nào *Kinh nghiệm tổ chức sáng tác, Phê bình văn học, Suy nghĩ và bình luận, Nghĩ cạnh dòng thơ,* nào *Nói chuyện*

thơ văn, Vào nghề, Ngoại vi thơ v.v...

Người như thế, nói chuyện tương lai của thơ...

N.X.H.- Thử xem...

V.P.- Trước hãy xem cái cách ông ta nói về hiện tại:

"Thế kỷ 20. Nôn mửa thành cổ điển
Và phá phách vào Hàn lâm viện
Họ chia ra buồn tiền chiến và say hậu chiến
Biến chén rượu hạt mít và cái ao nhà thành ra biển,
Dựng cặp đùi lên thành Khải hoàn môn
Giết hết hoa sen để vạn tuế buồn
Họ lao trượt ái tình như trẻ con chơi cầu trượt...
Đồ vật là chúa tể mà.
Nhân loại sắp hoàng hôn.
(*Mô-đéc*)

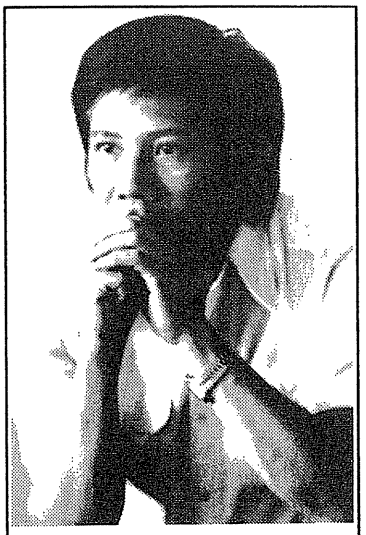

Nguyễn Xuân Hoàng

Này, theo ý ông thì những chữ "họ" trong bài chỉ vào ai? Chế Lan Viên miệng mồm độc địa, có tính chiến đấu cao. Nếu "họ" ấy không nhằm thẳng vào văn nghệ sĩ Miền Nam thì cũng chỉ chung chung văn nghệ tư bản, đồi trụy và bế tắc chứ gì? Thơ ấy viết ra năm 1988, có giá trị tiên tri ngời ngời: năm sau, 1989, thì Nga xô rã. Còn "sắp hoàng hôn" nỗi gì nữa?

N.X.H.- Nhưng đây không riêng về thơ. Đây là cái "mô-đéc" chung chung, là cả xu hướng tinh thần thời đại.

V.P.- Ông muốn những câu nói riêng về thơ bây giờ, về thơ của "đoạn cuối thế kỷ" này phải không? Có đấy, có đấy:

"Tôi cùng thế kỷ này già như nhau.
Tôi chết trước.
Thế kỷ chết rồi, đẻ ra thế kỷ non hơn, 21.
Tôi chết rồi, thơ sau đó sẽ xanh hơn
Cố nhiên đó là thơ nhân loại khác.
Nếu có luân hồi, tôi sẽ về, sẽ đọc,
Sẽ nâng làn cỏ lạ lên môi hôn.
Nếu không có, đã đi là đi mất
Chỉ tôi mất thôi, nhân loại đang còn
Và chắc chi thế kỷ sau còn yêu thơ nữa?
Cầu cho đừng dại dột như thế kỷ này thơ ít mà nhiều bom
Cầu cho đừng khôn vặt như thế kỷ này
Để nuôi sống xác thân, đem làm thịt linh hồn."
(*Đoạn cuối thế kỷ*)

N.X.H.- Trong toàn bài, sự tiên đoán về hậu vận thi ca chỉ nằm trong mấy chữ: "thơ sau đó sẽ xanh hơn". Nhưng ý tưởng nhiều chỗ lủng củng. Khi thì xác quyết thơ sau sẽ xanh hơn khi lại ngờ vực chắc chi sau còn yêu thơ nữa? Đã ngờ sau hết yêu thơ tức nghĩ rằng hiện thời thơ đang được yêu; thơ được yêu, sao thơ lại ít mà bom nhiều; thơ đã được yêu lại có ít tại sao "đoạn cuối thế kỷ" chẳng ma nào chịu mua thơ, sách thơ cứ ế cứ ương, không bán nổi? v.v...

V.P.- Ấy! Chế Lan Viên mồm mép không vừa, ông mà bắt bẻ kỹ quá ông ta nổi dóa không chừng dám vùng dậy cãi nhau da.

N.X.H.- Tôi dâu ngán?

V.P.- Có lý. Ông là "người đi trên mây", Chế Lan Viên là kẻ đã nằm kỹ dưới mặt đất. Khó dụng độ thật. Dù sao, nên để những chỗ lủng củng ra một bên, mà đọc bài "Thơ thế kỷ 21".

N.X.H.- Đó chính là bài đang chờ.

V.P.- Thì đây:

"Thơ không thế cù lần
Các chữ hóa thần
Các chữ thành thiêng
Mà thơ cần cà chớn
Đấy là một cách da nghi thơ.
Ưng bay trên đầu người, trong khí quyển
Ta lôi thơ xuống bùn, chạm vào đất đen
Nói chuyện thường ngày, vặt vãnh quàng xiên
Lột trần áo bào và mũ triều thiên
Thơ cầm bị gậy đi ăn xin ở bên đường nhân loại trẩy...
Thơ thế kỷ 21 mà!
Làm sao có thể hồn nhiên
Sau hai ngàn năm tìm tòi phá phách
Râu dưới cằm và lông trong nách
Tóc trên đầu hay bóng người trên vách...
Thơ cũng nói hết rồi!
Hàng ngàn năm nghiêm trọng đủ rồi!
Giờ thơ thử chơi!
Chơi! Nghịch. Đùa. Thế tục.
Thượng đế có tên: Cậu Huế."

Trong những bài thơ vừa đọc thì bài đầu chưa hoàn tất, các bài sau còn ở dạng phác thảo; tất cả đều nằm trong các tập *Di cảo thơ*. Thơ chưa kịp hoàn chỉnh, vậy chúng ta không nên quan tâm về hình thức. Có lẽ chỉ nên chú trọng vào ý thơ.

N.X.H.- Xét về ý, tôi thấy đối với Chế Lan Viên từ hôm nay sang ngày mai, từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, ở thơ có sự thay đổi về thái độ: trước thơ già héo sau thì thơ xanh thơ non; trước thơ cù lần trịnh trọng, sau thơ đùa nghịch chịu chơi; trước thơ tung hô thần thánh, sau thơ báng bổ thánh thần v.v...

Lý do tại sao? Không thấy giải thích. Có phải vì Mỹ cút ngụy nhào mà đời hóa tươi non thơ héo hoá xanh? Hay vì các chế độ cộng sản sập đổ ào ạt mà mọi cái đều tươi xanh ra? Có phải tư tưởng khoa học giết chết Thượng đế nên thơ thành thơ thế tục? Hay vì không còn chuyên chế kèm kẹp nên bỏ được thái độ xưng tụng cù lần?

V.P.- Còn nhiều lủng củng, ông ơi. Chẳng hạn: Cũng chính Chế Lan Viên đã nói về cái mô-đéc hôm nay, thế kỷ 20: nào nôn mửa, nào phá phách, nào buồn, nào say, nào dùi Khải hoàn môn, nào chén rượu bể cả v.v... Vậy không đủ gọi là cà chớn rồi sao?

Thôi thôi. Mình lướt qua thôi, Trong thiên hạ chán vạn người nheo mắt nhìn về chân trời. Trong những ngày cuối cùng của J.P.Sartre, bà Simone de Beauvoir xách máy ghi âm theo hỏi ông về

hậu thế. Ông bảo: "Tôi không biết. Đôi khi tôi có cảm tưởng chúng ta đang sống vào một thời đại sắp xảy ra những đại biến cố làm thay đổi hẳn quan niệm văn học; sẽ có những nguyên tắc khác, và tác phẩm của chúng ta sẽ chẳng còn ý nghĩa gì đối với lớp hậu sinh." Xem ra trong khoảng thu hè năm 1974 con người từng "tiếp cận trang giấy" trọn đời còn lờ mờ quá lắm về tương lai văn học: chỉ cảm thấy sẽ thay đổi lớn thôi.

Nhưng trước đó một năm, một tác giả Pháp bé hơn J.P.Sartre, tức Claude Aveline đã có tác phẩm (*Le haut mal des créateurs*) luận về nền văn học nghệ thuật vào khoảng những thế kỷ... thứ 25 thứ 26!

Đại khái chín người mười ý. Chẳng hơi đâu theo cho cùng. Chẳng qua chú ý ông Chế Lan Viên vì những câu thơ ngộ nghĩnh, chú ý ông triết gia lớn vì thái độ dè dặt, chú ý ông văn sĩ bé vì tham vọng táo bạo v.v...

Tựu trung ông táo bạo, ông khiêm cung, ông ngộ nghĩnh, ông nghiêm túc v.v... chia làm hai cánh. Một cánh nhắm vào những thay đổi về nội dung, một cánh quan tâm đến những thay đổi về hình thức của các bộ môn văn nghệ.

Khi J.P.Sartre nói đến "những đại biến cố làm thay đổi làm thay đổi quan niệm văn học", chắc là ông ta nghĩ đến các diễn biến ý thức hệ. Bởi vì tiếp theo câu ấy ông nhắc đến thái độ của Nga xô và của Trung hoa trong việc đánh giá lại các giá trị văn học quá khứ. Ông Chế Lan Viên bảo thơ lúc cù lần lúc cà chớn, lúc bay bổng trong khí quyển lúc chạm đất xuống bùn v.v..., ấy cũng là vấn đề nội dung.

Thiết tưởng chuyện ấy dễ hiểu: ý thức hệ dẫn đạo xoay hướng nào nội dung văn nghệ xoay theo chiều nấy, tự nhiên thôi. Thuở cụ Khổng là thánh, thì trong truyện các nhân vật nam lấy trung hiếu làm đầu nhân vật nữ lấy tiết hạnh làm câu sửa mình. Thời dân chủ tư sản, trong không khí tự do, thi văn chan chứa tình cảm cá nhân. Thời chuyên chế cộng sản, giai cấp tính với đảng tính là xương sống của nghệ phẩm... Gì chứ sự thay đổi ấy không biết bấm độn cũng thấy rõ.

Cái thay đổi trong hình thức các thể loại mới thật là khó lường. Hồi thời các ông Tản Đà ông Phan Khôi có ai ngờ chỉ ít lâu sau đó câu thơ Việt nam mới nó lại mọc tám chân? Hồi thời chúa Trịnh, có ai dám nghĩ các điệu hát quan họ phong phú mê ly là thế mà lại sắp tuyệt tự, không còn sinh sôi nẩy nở nổi nữa? Trước đây nửa thế kỷ ở Pháp có ai mà ngờ loại tiểu thuyết nó lại có ngày kỳ hình dị dạng như tân tiểu thuyết? v.v...

Đối với hạng lãnh đạo văn hoá như Trường Chinh, như Đặng Thái Mai... thì nội dung, lập trường, là quan trọng: hỏng cái đó là mệt. Nhưng người sáng tác làm theo họ, khổ ngay. Thí dụ bây giờ mà ông cặm cụi suốt đời chuyên làm những bài phú, dù là phú đúng lập trường y chang, có phải phí cả tài trai không? Đối với người sáng tác, một tác phẩm chỉ được có cái lập trường thì... thà không có nó. Có nó, phải có dưới hình thức thể hiện thích nghi.

Hình thức thế nào là thích nghi lúc này? "Người đi trên mây" đặt vấn đề ra, tôi mệt ngay. Mệt vì nghĩ đến những chuyện đã xảy ra, trước đây...

N.X.H.- Chẳng hạn?

V.P.- Chẳng hạn chuyện ông Nguyễn Vỹ làm thơ mười hai chân. Cái đinh nó mang nhân sinh quan từ Tây phương sang làm thay đổi xã hội ta. Nguyễn Vỹ nhận thấy rõ thơ cần đổi mới, trường thơ Bạch Nga của ông xướng lên cái thơ mười hai chân: hỏng bét. Thơ mười hai chân vừa ló đầu ra là chết tươi; và bấy giờ làm sao biết được rằng nó chỉ cần rụng bớt đi bốn chân là sống khỏe sống hùng cho đến ngày nay?

Nguyễn Vỹ là văn nghệ sĩ, chỉ

GIÁO DỤC

LỚP HỌC TRÊN XE LỬA

Không ở đâu đời sống thừa tiện nghi mà lại thiếu thì giờ như ở Mỹ. Và người ta tiếc thì giờ đến độ phải tìm mọi cách dùng 24 giờ một ngày, không chịu bỏ phí một phút. Số thời giờ thường bị bỏ phí nhiều nhất là thời gian di chuyển từ nhà đến nơi làm việc và trở về.

Nghe nhạc, nghe tin tức, nghe đọc sách bằng băng cát-xét trên xe hơi đã trở thành một việc bình thường trong nếp sống Mỹ. Đọc sách, đọc báo, đọc truyện trên những chuyến xe lửa, xe buýt cũng không có gì lạ.

Mới đây, trường đại học Dean College ở gần Boston, phối hợp với Cơ quan Chuyển vận vùng Vịnh Massachusetts (MBTA), đưa ra sáng kiến tổ chức lớp học trên xe lửa cho những hành khách đáp tàu từ ngoại ô phía Nam Boston đi làm, mỗi buổi sáng — đoạn đường dài, đo bằng thời gian, 60 phút.

Khóa đầu tiên của lớp học trên xe lửa này có 12 học viên, phần lớn ở tuổi trung niên, học môn "Nguyên tắc Quản trị" để có thể tiến tới hoàn tất chương trình Cao học Quản trị Kinh doanh (MBA) — nếu có đủ kiên nhẫn.

Giáo sư Robert Anzenberger, thuộc Đại học Northeastern, cho biết ông phải dùng máy phóng thanh nhỏ, với bộ phận vi âm đeo ở cổ, vừa giảng bài vừa... múa dẻo (lắc lư con tàu đi!). Nhưng cả thầy lẫn trò đều thích thú, vì họ cảm thấy mỗi tuần ba buổi học trên tàu là số thì giờ hữu ích. Các học viên còn cảm thấy hào hứng hơn nữa nhờ ở việc học buổi sáng, chiều về lại thảo luận với nhau chứ không phải ngồi nhìn... gáy người khác suốt một tiếng đồng hồ, như từ cả... thập niên qua! (LTC)

là một thường dân văn hoá, ông đúng ông sai, riêng ông chịu lấy. Về sau Lưu quý Kỳ làm chi hội trưởng chi hội Văn nghệ Nam bộ lại xướng xuất một loạt thay đổi: cấm vọng cổ; bãi bỏ tả tình tả cảnh, viết truyện chỉ lo kể truyện mà thôi; dẹp hết cổ tích thần thoại v.v... Trật lất hết. Lưu quý Kỳ là lãnh đạo văn hóa, nắm quyền trong tay, mệnh lệnh hùng hổ, vậy mà vọng cổ, tả cảnh, cổ tích, thơ tự do..., những món đó cứ còn sống nhăn.

Muốn giết một thể loại, một hình thức văn nghệ, không dễ giết được. Mà muốn cứu nó, muốn phục hồi một hình thức đẹp đẽ của quá khứ: cũng lại không làm được. Có một độ, ông Hồ Hữu Tường cho rằng chương hồi tiểu thuyết là một hình thức truyện rất được quần chúng ở ta ưa chuộng, rằng đó là hình thức văn nghệ thích hợp cho dân tộc ta, nên phục hồi nó. Ông có ra tay tự viết một số tác phẩm theo hướng này. Rốt cuộc ông không thành công trong địa hạt tiểu thuyết, mà xung quanh ông cũng không ai theo gương ông. Năm 1969, trên tạp chí *Tân văn*, ông Nguyễn văn Xuân kêu gọi phục hồi hình thức truyện thơ (như các cuốn *Truyện Kiều, Lục Vân Tiên, Nhị độ mai* v.v...) Ông muốn "cứu vãn một thể truyện rất thành công của ông cha ta". Ông cha ta thành công rực rỡ, không ai chối cãi được. Nhưng đến thời ta, thì không ai thấy tiện mó đến loại truyện ấy nữa. Ngay ông Nguyễn văn Xuân vốn cũng thường viết truyện, thế mà từ 1969 đến nay, gần hăm lăm năm rồi chưa thấy ông thử dùng hình thức truyện thơ lần nào.

Sau những câu chuyện như thế, liệu ông còn có hứng thảo luận về những hình thức văn nghệ trong hoàn cảnh mới không. Nếu ông muốn cùng tôi xướng xuất năm bảy thứ mới, chúng ta đứng tên chịu trách nhiệm chung và ông chia xẻ với tôi 50% vinh quang nhé.

N.X.H.- Ấy! Không có gì gấp đâu. Hãy thong thả. Rồi có dịp chúng ta sẽ nghĩ đến.

V.P.- Ông nói đúng ý tôi. Chờ khi những hình thức mới chúng nó xuất hiện xong, chịu đựng các thử thách xong, chúng nó vững chân tồn tại được, bấy giờ chúng ta sẽ "xướng xuất" thì chắc ăn nhất.

Cuộc đàm thoại chỉ nêu lên cái ý thức về sự đổi thay. Nhịp sống đổi, kỹ thuật đổi, xã hội đổi..., sáng tác văn nghệ hãy chuẩn bị, hãy tìm kiếm. Sự đổi thay là không thể tránh khỏi. Người làm lao động trong xưởng ráp xe hơi không hò khoan cũng không hò hụi; người lái đò máy, tắc ráng, không hò mái nhì, mái đẩy; các y tá hộ sinh, các nhà giữ trẻ, không còn hát ầu ơ ru em v.v... Không ai duy trì được cứu vãn được, phục hồi được những hình thức văn nghệ không còn thích hợp với hoàn cảnh sinh sống quanh mình.

Và cũng không ai ngồi suy nghĩ, rồi sáng chế ra những hình thức mới, thích nghi. Chúng nó tự hình thành dần dần qua những tìm kiếm, thí nghiệm của giới sáng tác, chứ không phải trên bàn giấy của nhà lý luận. Càng không phải trên mép của những "nhà"... vô lý luận, như chúng ta.

N.X.H.- Vậy tốt hơn là cuộc đàm thoại này đừng có lời kết thúc.

V.P.- Đừng kết. Hãy mở ra. Bốn buổi chuyện đầu là nêu qua một số dữ kiện của thời đại mới; bốn buổi kế tiếp dùng để suy nghĩ tí chút về ý nghĩa các dữ kiện ấy, về ảnh hưởng của chúng đối với việc thưởng ngoạn và sáng tác văn nghệ; trong buổi cuối cùng chúng ta mở rộng cửa cho mọi sáng kiến tìm tòi.■

Tháng 8-1993.

Bạn muốn hiểu rõ về TÌNH YÊU
Bạn muốn thưởng thức hương vị ngọt ngào cùng bao nỗi đắng cay của TÌNH YÊU
Bạn muốn tận hưởng cái thú vị trong các câu danh ngôn kim cổ cùng các áng văn hay về TÌNH YÊU của các nhà thơ danh tiếng

Bạn nên tìm đọc một trong ba quyển sách do

NGUYỄN HOÀI THƯƠNG sưu tầm và tuyển chọn

TÌNH YÊU
TRONG DANH NGÔN VÀ THI CA

Có thể nói đây là bộ KINH TÌNH YÊU hay nói đúng hơn một TÚI KHÔN về TÌNH YÊU, dùng làm món quà thanh nhã tặng người thân yêu thì không còn gì quí hơn.

Sách dày trên 600 trang giá 25 MK

DANH NGÔN TÌNH YÊU

Gồm trên 2000 câu danh ngôn từ xưa đến nay nói về **tình yêu, đàn ông, đàn bà, hôn nhân và hạnh phúc**

Sách dày 300 trang giá 15 MK

THƠ TÌNH CHỌN LỌC

Gồm gần 300 bài thơ tình hay của trên 150 nhà thơ nổi tiếng Việt Nam và ngoại quốc

Sách dày trên 300 trang giá 15 MK

Ở xa gởi mua sách không phải trả thêm cước phí.

Chi phiếu xin đề cho : NGUYỄN HÙNG TÂM

NHÀ XUẤT BẢN KHAI TRÍ

PO. Box 2301
WESTMINSTER, CA. 92683
Đ.T.# (714) 897-3356

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU
THẾ KỶ 21
(714) 894-9021

MIỀN ĐẤT HỨA CỦA TRÀ LŨ

LƯU TRUNG KHẢO

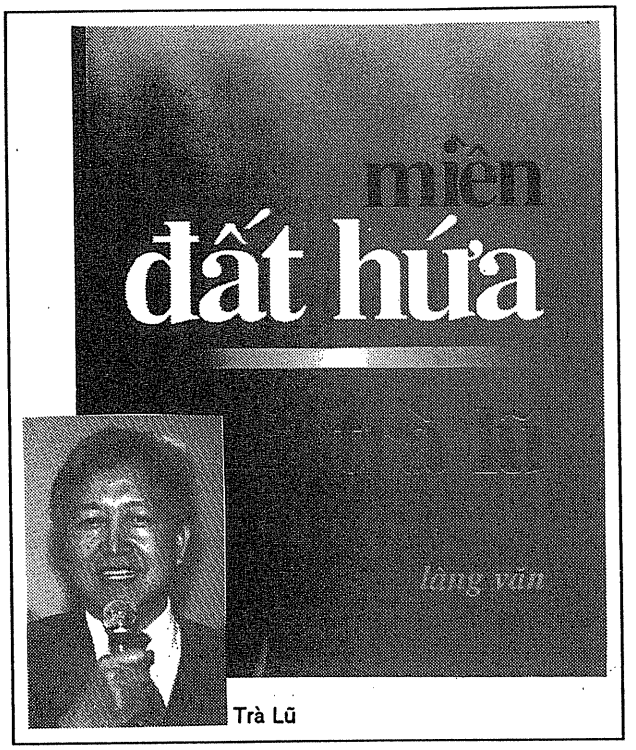

Miền Đất Hứa là một tuyển tập gồm 17 tùy bút của nhà văn đồng thời cũng là nhà giáo Trà Lũ Trần Trung Lương. Sách do cơ sở Làng Văn ở Canada xuất bản và do chính tác giả trông coi việc phát hành. Từ ngày thành lập, cơ sở Làng Văn rất xứng đáng với lòng tin cậy của văn giới và học giới vì những tác phẩm do cơ sở này xuất bản chắc chắn bảo đảm được phẩm chất tốt, nội dung tốt. Bìa ngoài trình bày rất mát mắt. Màu lục chỗ đậm chỗ nhạt như thể hiện được môi sinh huyền dịu của miền đất hứa Canada, nơi mà đất thì rộng, người thì thưa. Vào khoảng năm 1976, người viết tình cờ đọc trên tạp chí Readers' Digest một bài văn viết về bà mẹ thiên nhiên ở Canada. Đọc xong, muốn bỏ xứ Hoa Kỳ mà qua Canada làm bạn với thiên nhiên bên đó. Cái thân phận lưu vong mất quê hương thì ở xứ nào cũng vậy thôi. Thế nhưng mưu sự tại nhân mà thành sự tại thê, nhà tôi vốn yếu chịu lạnh nên nhất định không chịu, thành ra dự định không thành. Ngay cả dự tính qua Canada chơi một chuyến cũng chưa thực hiện được. Thân nhân, bằng hữu, môn sinh ở Canada thiếu gì. Anh chị Trương Tế Trần thị Cẩm cùng các cháu qua thăm mấy lần, lần nào cũng trách yêu và nhắc nợ, nhà tôi và tôi cũng chỉ cười trừ và khất lần. Thành ra đọc Miền Đất Hứa của Trà Lũ mà tiếc hùi hụi. Không tiếc sao được khi biết rằng ngoài bà mẹ thiên nhiên đẹp còn hơn tranh của Canada còn biết bao nhiêu thứ hấp dẫn khác.

Thứ nhất đây là một xứ đa văn hóa. Các sắc dân da đỏ, da trắng, da vàng, da đen, da nâu, da nhờ nhờ, da xanh (1) đều có quyền và có bổn phận giữ gìn ngôn ngữ và văn hóa gốc. Các cấp chính quyền có bổn phận giúp các sắc dân bảo tồn và phát huy văn hóa nguồn cội của họ. Nếu không, ông chính quyền sẽ có thể bị đưa ra tòa vì dạo luật Đa Văn Hóa đã được ban hành vào năm 1988. Do đó mà ở Canada, con cháu bà Âu Cơ mới trình diễn áo dài, y phục cổ truyền, đàn bầu, đàn tranh... mệt nghỉ. Chưa hết: Việt ngữ được công nhận là tín chỉ ở bậc Trung học và Đại học. Nhiều đoàn thể được trợ cấp tiền bạc để làm văn hóa. Nghe nói cũng đủ ham! Chả bù với Hoa Kỳ. Trên giấy tờ thì giáo dục cũng có chương trình song ngữ song các cấp chính quyền bảo thủ ở các địa phương cố tình ém giấu, cho nên chỉ có trên lý thuyết. Học sinh, sinh viên tranh đấu để xin nhà trường dạy cho họ biết nguồn gốc của họ thì cũng chỉ được hứa nhăng, hứa cuội cho qua. Rồi đâu lại vào đó. Cho nên thấy miền đất hứa có luật đa văn hóa là mừng húm. Bèn nghĩ là nếu mình mà ở bên đó, mình sẽ cùng bạn bè soạn thảo một chương trình dạy tiếng Việt đàng hoàng từ a b c lên đến Đại học. Có chương trình rồi phải có sách giáo khoa đi kèm với chương trình nữa chứ. Rồi lại còn phương pháp giảng dạy cũng phải được đồng thuận để mang lại kết quả tốt, để con em thế hệ thứ hai, thứ ba khi hồi hương vẫn còn thấy mình là người Việt Nam, nói tiếng Việt Nam thông thạo, hiểu biết phong tục tập quán Việt Nam chứ không phải là một người Canada da vàng ngu nga ngu ngơ ngọng nghịu ngay trên đất mẹ.

Thứ hai đây là một quốc gia lý tưởng nhất trên thế giới. Theo phúc trình của Liên Hiệp Quốc thì Canada xếp hàng đầu trong số 160 nước trên thế giới. Về tuổi thọ, về giáo dục, về an sinh, về môi sinh cái gì Canada cũng nhất. Nghĩ về quê nhà mà con tim bỗng dưng nhẩy trật nhịp. Không phải chỉ vì những cái lẩm cẩm đó mà Canada được coi là miền đất hứa. Nếu tin ở Trà Lũ thì Canada hấp dẫn còn vì cuộc sống đôn hậu đầy ắp tình người. Người Việt mình ở Canada không nhiều, nhưng sống hòa thuận và thân ái. Người này làm cái gì, người khác tiếp tay. Không có cái cảnh tranh giành, thư rơi, viết báo tố cáo nhau. (Thực ra thì cũng có, nhưng ít thôi so với Hoa Kỳ!). Thế nên Đại Hội Văn Bút kỳ 3 tổ chức ở Toronto mới thành công ngoài sự mong đợi. Thế nên hội nghị Diễn Đàn Chính Trị tổ chức ở Montréal mới được hưởng ứng đông đảo. Thế nên ở thủ đô Ottawa của Canada mới có đường phố mang tên Việt Nam: Saigon. Saigon chứ không phải Ho Chi Minh ville hay Ho Chi Minh City. Mới đây lại thêm một thành tích. Một chúng cư được nhà nước tài trợ xây cất đã được đặt tên là chúng cư Văn Lang. Con đường dẫn vào chúng cư này cũng được mang danh là đường Văn Lang. Cộng đồng người Việt ở Ottawa chỉ có hơn 2000 người mà làm được nhiều việc lớn. Tôi mong có dịp được đến thăm đường Saigon, được thăm chúng cư Văn Lang và được thả bộ trên con đường mang tên quốc hiệu đầu tiên của xứ sở tôi. Tôi vốn là người đa cảm. Hồi nhỏ, nghe bố tôi kể chuyện cụ Phan Bội Châu bôn ba vì nước, kể chuyện ông Nguyễn Thái Học bị Tây chém đầu ở Yên Bái tôi đã khóc ngon lành. Sau này bỏ miền Bắc, theo đoàn Sinh viên Đại học Hà Nội di cư vào Nam năm 1954, lúc đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất, nước mắt tôi đã chảy dài trên má. Năm 1975, đặt chân lên đảo Guam, tôi cũng giọt ngắn giọt dài. Ngày 1-5-1988 vợ chồng tôi qua Boston dự lễ tốt nghiệp của con gái tôi là Lưu Trần Trinh Thục, tôi đã bàng hoàng nhìn quốc kỳ Việt Nam bay phần phật trong sương sớm trước cửa Tòa Thị Chính. Hỏi ra mới biết là cộng đồng Việt Nam ở Boston đã vận động với chính quyền treo cờ Việt Nam trọn một tuần. Tôi thấy tự nhiên miệng mặn mặn thì ra nước mắt đã bò xuống miệng tự lúc nào.

Ngoài hai thứ hấp dẫn chính kể trên, Canada còn nhiều thứ hấp dẫn khác nữa. Chỉ nghe Trà Lũ kể những chuyện hội họp, mạn đàm, những món ăn quê hương là đã thấy mê rồi. Không mê sao được khi sau một tuần lễ làm việc, bạn bè, anh em, bà con ngồi lại với nhau chuyện nở như bắp rang về đủ mọi thứ: chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục... Ngoài những người Gia Nã Đại gốc Việt còn có cả những người Canada chính gốc có vợ Việt Nam chịu ảnh hưởng bên vợ nhiều hơn là bên nội. Mấy ông Canada chính gốc này nói tiếng Việt, thảo luận về văn hóa Việt sâu sắc và bén nhọn còn hơn nhiều ông Việt Nam chính gốc nữa. Kết thúc những buổi họp mặt đó là những bữa ăn với các món ăn thuần túy Việt Nam. Chỉ nghe kể lại mà đã thấy nước miếng ứa ra đầy vòm khẩu cái. Tôi lại cũng thích những đoạn bàn phiếm về ca dao, tục ngữ, thi ca. Nhiều ý kiến xác đáng, vui nhộn, tếu không chịu được. Tuy nhiên cũng có những trích dẫn, những suy diễn không được đúng với sách vở cho lắm. Thí dụ câu tục ngữ *Vợ dại không bằng đũa cong* đúng ra phải viết là *Vợ dại không hại bằng đũa vênh*. Từ ngữ dại và hại vần với nhau. Vênh để chỉ đôi đũa không ăn khớp với nhau, gắp thức ăn rất khó. Bàn về hai câu thơ của Nguyễn Du:

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên

Trà Lũ cho rằng Nguyễn Du đã nhìn Thúy Kiều tắm, nhìn nghiêng nên chỉ thấy một tòa thiên nhiên. Nhận định của Trà Lũ cũng tương tự như của nhiều người chịu ảnh hưởng của lối phê bình văn học Tây phương cái gì cũng phân tích rạch ròi đem sợi tóc chẻ ra làm tư, làm tám mà còn sợ rằng lớn quá. Thực ra thì Nguyễn Du tả người, tả cảnh theo lối phác họa dẫn khởi (description par suggestion) chứ không theo trường phái tả chân để người đọc suy diễn rằng Nguyễn Du dứt khoát tả ngực Thúy Kiều vì tả ngực thì mới trong ngọc trắng ngà chứ tả phía dưới thì làm sao lại trắng ngà được. Như vậy thì làm sao giải thích được cái "trăng trắng như con cúi" mà Nguyễn Khuyến nói tới trong bài Vũng Lội Làng Ngang:

Đàn bà qua đó vén quần lên,
Chỗ thì đến háng chỗ đến gối.
Ông Cuội ngồi trên mỉm miệng cười:
Cái gì trăng trắng như con cúi?

Trích dẫn đôi câu đối của nhà sư trụ trì một cảnh chùa ở đâu đó, với Nguyễn Công Trứ cũng không được chính xác. Theo Trà Lũ vế ra và vế đối như sau:

Đọc ba trăm sáu mươi quyển kinh, chẳng thần chẳng thánh phật tiên nhưng khác tục.

Hay vạn tám nghìn tư mặc kệ, không quân thần phụ tử đếch ra người.

Hai câu này vế trên thừa một chữ, và không đối ở nhóm từ ngữ "chẳng thần, chẳng thánh phật tiên". Nguyên văn đôi câu đối này như sau:

Đọc ba trăm sáu chục quyển kinh, *chẳng phật thánh thần tiên nhưng khác tục.*

Hay tám vạn nghìn tư mặc kệ, không quân thần phụ tử đếch ra người.

Dẫn chứng Nguyễn Gia Thiều tả tình yêu trong cung cấm cũng thiếu chính xác:

Khi ấp mận, ôm đào, gác nguyệt
Ghẹo hoa kia, lại diễu gót sen.

Thực ra hai câu này là:

Khi ấp mận, ôm đào, gác nguyệt
Lúc cười sương, cợt tuyết, đền phong.

Hai câu này đối với nhau, vần với nhau và từ ngữ gác là danh từ chứ không phải là động từ như lời diễn giải của tác giả. Tác giả lại cũng dẫn hai câu Kiều cự tuyệt không để Kim Trọng làm ẩu khi:

Sóng tình dường đã xiêu xiêu
Xem trong âu yếm có chiều lả lơi.

Hai câu đó như sau:

Thưa rằng đừng lấy làm chơi
Rẽ cho thưa hết một lời đã nao

Và tác giả chú giải: "*Rẽ* là tiếng của thời Nguyễn Du. Rẽ là *No*, là *Không*. Kiều bảo Kim Trọng *rẽ ra, có nghĩa rằng anh hãy xích ra, lui ra. Trong Kiều* có hai tiếng *rẽ* câu 502 và 606. Cả hai đều có nghĩa là

kháng cự." Tác giả lại viện dẫn cả Huỳnh Sanh Thông ra cho mạnh thêm. Trong bản dịch, họ Huỳnh dịch là: "*Please stay away from me! Hands off!*" Nghe cứ như là bàn tay Kim Trọng làm chuyện du hành thám hiểm trên cơ thể của Thúy Kiều vậy! Chữ *rẽ* theo định nghĩa của Trà Lũ trong câu thơ này không hợp với định nghĩa trong từ điển truyện Kiều của Đào Duy Anh. Theo Đào Duy Anh thì chữ *rẽ* nôm có hai bản chép khác nhau và và *rẽ cho* nên hiểu là *xin cho, hãy cho*. Hiểu như vậy thì *rẽ cho* không có ý nghĩa kháng cự mà chỉ là lời yêu cầu, năn nỉ. Rẽ cho thưa hết một lời đã nao (câu 502), xin hãy cho thiếp tôi thưa hết một lời trước đã.

Quyết tình nàng mới hạ tình:
Rẽ cho để thiếp bán mình chuộc cha (câu 606)

Lòng đã quyết, nàng mới hạ lời quả quyết: xin hãy cho thiếp tôi bán mình lấy tiền để cứu cha. Cũng lại phải viết thêm là chữ *rẽ* này trong Truyện Thúy Kiều, hai học giả Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim phiên âm thành *dẽ* chứ không là *rẽ*. Dẽ có lý hơn vì phần chỉ thanh là chữ đi.

Ngoài một vài hạt đậu nhọn như vừa trình bày, trong Miền Đất Hứa, những đoạn phiếm luận về chữ nghĩa vui nhộn và tếu hết chỗ chê. Chẳng hạn như ông bố họ Hồ định đặt tên con là Hồ Minh Việt đã được can gián là không nên, vì theo lối viết của người Tây Phương thì Hồ Minh Việt rất hay với người Việt nhưng sẽ trở thành không hay khi được viết là Hồ, Việt Minh. Lối viết này rất phổ thông trong các giấy tờ hành chánh ở Mỹ và Canada. Con ông bà họ Lê thì đừng nên đặt là Lê Chất, Lê Chiến vì người Canada nói tiếng Pháp vùng Québec sẽ đọc thành Le Chien, Le Chat (con chó, con mèo). Con chó, con mèo được người Tây phương quý thật nhưng sao quý bằng con người được. Lại cũng xin mở một dấu ngoặc. Có người Việt Nam tên Lê Đức Tái nhập quốc tịch Pháp xin đổi tên thành Le Duc de Miquy. Tây Đâm tròn mắt tưởng đâu ông là hậu duệ của ông hoàng bà chúa nào. Nhưng nghe ông giải thích, mọi người mới vỡ lẽ. De Miquy là dịch chữ tái, mà tái là nửa sống, nửa chín (demi — cuit). Cũng tương tự như ông Trần Văn Mộc thành Tran van Dubois hay ông Lý Văn Mít thành Ly Van Jacques — Xin được đóng ngoặc. Nói đến Hồ Minh Việt, tưởng cũng cần phải nhắc tới một người họ Hồ nổi danh khác cũng bị văn học dân gian đưa ra giễu cợt:

Một năm ba thước vải thô
Lấy gì che nổi cụ Hồ hỡi em!

Chơi chữ và văn vẻ hơn là hai câu sau:

Chú Võ chẳng còn nguyên giáp *nữa!*
Bác Hồ cũng chẳng chí minh *đâu!*

Nói đến chơi chữ lại nhớ đến đôi câu đối rất đặc biệt được nêu lên trong Miền Đất Hứa. Đó là câu ra:

Gái Củ Chi chỉ cu hỏi củ chi?

Câu này chắc rồi cũng được xếp vào hàng những câu có ra mà không có đối như: Da trắng vỗ bì bạch, hay: Cha con thầy thuốc về quê gánh một gánh hồi hương, phụ tử, hay: Buổi sáng lên núi Sớm trông hoa vàng nhớ cụ Hoàng Hoa, hay: Cô Miên ngủ một mình.

Trong sách *Chơi chữ*, cụ Phùng có ghi hai câu đối mà người viết cho là rất chỉnh trong số những câu đối hóc hiểm:

Vợ cả, vợ hai, hai vợ đều là vợ cả
Con nuôi, con dẻ, dẻ con há cậy con nuôi

Và:

Cô Hồng cởi áo, cô Hồng trần
Anh Bạch mặc quần, anh Bạch diện

Vế hai của câu sau có người đối là:

Anh Bạch tụt quần, anh Bạch đái

Cũng hay và hơi thô đấy nhưng chỉ hiềm vì bạch đái là bệnh của phụ nữ chứ không phải của nam giới.

Tùy bút là một thể văn rất dễ và cũng rất khó viết. Dễ vì thể văn này không đòi hỏi những luật tắc rõ ràng nhất định. Tác giả có thể tùy hứng viết về đủ mọi thứ chuyện bằng đủ mọi thể loại. Nhưng cũng rất khó vì nó đòi hỏi người viết phải có một kiến thức thật rộng rãi và sâu sắc. Đã thế văn phong lại phải vừa chững chạc, vừa duyên dáng. Hai nhà văn nổi tiếng về tùy bút của Việt Nam là Nguyễn Tuân và Võ Phiến. Người viết thích tùy bút của Võ Phiến hơn vì văn tùy bút của họ Đoàn vừa quảng bác, sâu sắc, vừa dí dỏm nhẹ nhàng lại rất đôn hậu cẩn trọng nữa. Văn của Võ Phiến gần với chúng ta hơn. Nguyễn Tuân đã theo ông Hồ về với ông Mác, ông Lê. Nhà văn họa Đoàn đã hai lần giải phẫu để làm by pass. Sức khỏe của ông vẫn còn tốt và văn giới hải ngoại luôn luôn coi ông như một huynh trưởng cả về đức độ lẫn văn tài. Đến nay lại thấy Trà Lũ Trần Trung Lương tiếp nối con đường mà Nguyễn Tuân và Võ Phiến đã đi qua. Với ba tác phẩm đã trình làng, Trà Lũ Trần Trung Lương đã tạo cho mình một vị trí đặc biệt trong văn học Việt Nam. Ba tác phẩm đó là ấn chứng cho một nhà văn có lối viết cũng như lối sống dung dị, hiền hòa, dễ thích ứng, dễ thông cảm với người và cũng dễ để người thông cảm với mình, dễ hòa hợp và ưa khoái hoạt.■

Little Saigon 23-10-1993

CHÚ THÍCH:

(1) Trong một bài ca của Đông Kinh Nghĩa Thục vào đầu thế kỷ này có câu:

Giống vàng, giống trắng tinh anh

Giống đen, giống đỏ, giống xanh ngu hèn.

Hải nội ngoại chư quân tử thấy giống da xanh ở đâu làm ơn chỉ giúp. Xin vạn tạ.

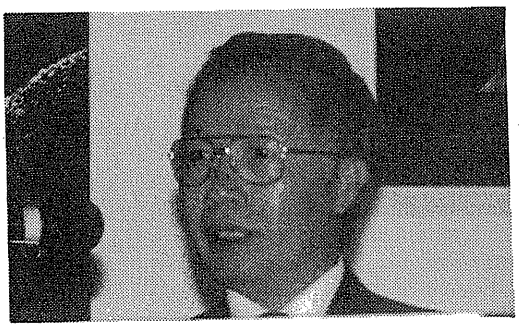

Lưu Trung Khảo

VỀ MỘT CÁI CHẾT

VÕ DOÃN NHẪN

Nhân dứt lời trong lúc Phúc tiếp tục hút thuốc, trầm ngâm. Đã từng đọc lý luận văn học nên anh không vội vàng bác bỏ quan điểm của Nhân, nhưng cũng không dễ dàng chấp nhận. Tạm thời hoài nghi, Phúc bảo vô thưởng vô phạt:

"Đó cũng là một ý kiến đáng được đầu tư suy nghĩ cẩn thận."

"Mình đâu có cần cậu cho ý kiến ngay bây giờ. Mười năm sau cũng được, miễn là hai đứa mình còn sống đến lúc đó. Giờ còn sớm, cậu hãy ngồi chơi và nghe quan điểm của mình về một cái chết khác thường: cái chết của Từ Hải. Vấn đề này có lẽ tạo được thích thú nơi cậu hơn, vì có liên quan đến tình yêu."

"Mình sẵn sàng nghe, nhưng cậu đừng mai mỉa."

"Trước hết mình đặt vấn đề. Vì không thể chiến thắng Từ Hải bằng quân sự vũ lực, Hồ Tôn Hiến đem vàng bạc danh vọng dụ Từ Hải ra hàng. Trong lúc Từ còn đang hồ nghi, "mười phân hồ đồ", thì Kiều, sau khi nhận quà của họ Hồ, khuyên Từ qui thuận. Từ chấp nhận nhưng Hồ đã không giữ lời cam kết, cho phục binh đánh úp, giết Từ ngay giữa trận tiền. Cái chết của Từ là một hiện tượng khác thường: Từ chết đứng.

Kiều phủ phục than khóc dưới chân Từ thì Từ ngã ra chết cái chết bình thường như bao nhiêu cái chết khác ngoài trận mạc.

Trước đây khi còn dạy học, cậu đã giải thích với học sinh thế nào sự kiện chết đứng của người anh hùng ấy?"

"Xưa nay, từ người bình dân đọc truyện Kiều cốt để "mua vui... một vài trống canh", đến các nhà nghiên cứu phê bình văn học, đều có một cái nhìn giống nhau về cái chết của Từ Hải. Người ta giải thích sự kiện chết đứng như một thái độ bày tỏ niềm uất ức của Từ Hải vì bị phản bội, bị lừa gạt, mà đối tượng được nhắm vào là Hồ Tôn Hiến, hoặc là Thúy Kiều. Với Hồ Tôn Hiến, chết đứng là một cái tát vào mặt kẻ mang danh tổng đốc đại diện triều đình mà thực chất là một tên tráo trở. Với Thúy Kiều, chết đứng là một lời oán trách "bởi nghe lời... nên cơ hội này". Nếu Kiều không xen vào việc quân thì Từ đã không bị lừa gạt đến chết như thế."

"Thực ra trong Đoạn Trường Tân Thanh, Nguyễn Du đã không đưa ra một đoạn thơ nào hoặc câu thơ nào khả dĩ biện minh cho lập luận bảo rằng Từ Hải chết đứng để bày tỏ niềm uất ức. Hai câu:

"Lạ thay oan khí tương triền
Nàng vừa phục xuống Từ liền ngã ra"

được sách "Truyện Kiều" của nhà xuất bản Giáo Dục (Hà Nội) giải thích là: "Cái khí oan ức vấn vít lại với nhau. Câu này ý nói giữa Từ Hải và Thúy Kiều hình như có sự linh cảm với nhau". Vậy thì ngay cả với những nhà phê bình văn học ở Hà Nội, tiêu biểu những người chủ trương Từ Hải chết đứng nhằm chửi vào mặt họ Hồ, hai câu thơ trên cũng chẳng phải là luận chứng biện minh lập trường của họ.

Nói khác đi, Nguyễn Du đã không trực tiếp làm công việc giải thích cái chết ấy, được biểu hiện như một thái độ sống của hiện sinh Từ Hải. Mà hiện sinh Nguyễn Du và hiện sinh Từ Hải thì gần như đồng nhất, do đó ta có thể nói Nguyễn Du đã không tự mình giải thích lối sống của mình. Nếu người đời giải thích cái chết của Từ Hải bằng nỗi uất ức vì bị phản bội, thì có lẽ đó cũng là một lối giải thích bằng sự suy diễn thông thường. Người đời tự đặt mình vào hoàn cảnh của Từ Hải, nhưng mang theo tất cả những tham vọng và cá tính của chính mình để thấy mình chết đứng vì uất ức và uất ức vì bị lừa gạt."

Phúc cảm thấy cần phải hỏi một câu:

"Vậy theo cậu, Từ chết đứng vì lẽ gì?"

"Hãng thong thả. Ta cứ xét lại giả thuyết cho rằng Từ Hải chết đứng nhằm nói lên sự uất ức của một con người bị phản vì "tin lời thành hạ yêu mình", để sau đó kết luận rằng chết đứng là cái tát vào mặt kẻ phản trắc."

Ta hiểu người bị lừa gạt trước đó đã tin vào một con người khác và sau đó biết mình đã đặt niềm tin không đúng chỗ. Kiều đã bị Mã Giám Sinh và Sở Khanh lừa vì đã đặt niềm tin vào chúng. Sau đó mới biết chúng là hai tên lưu manh. Nhưng ta hãy trở lại giả thuyết trên cho rằng Từ Hải chết đứng là để bày tỏ sự uất ức vì bị lừa. Nếu giả thuyết này đúng thì giả thuyết đã mặc nhiên buộc ta chấp nhận rằng Từ đã trót tin vào lời dụ hàng của họ Hồ. Và câu hỏi tiếp theo phải được đặt ra là: yếu tố nào, ai, đã thuyết phục Từ để có được niềm tin ấy?"

"Nhân cách Hồ Tôn Hiến không thuyết phục được Từ."

"Cậu nói đúng. Sau khi Hồ tung ra lời chiêu dụ, ta đã thấy thái độ nghi ngờ của Từ:

"Tin vào giữ trước trung quân
Từ công riêng hãy mười phần hồ đồ."

Khi đã "mười phần hồ đồ" thì mười lời của Hồ, Từ Hải chưa tin được một. Mà thật vậy, con người "trí dũng có thừa" ấy là Từ Hải làm sao có thể nhẹ dạ tin dễ dàng những lời đường mật của địch thủ? "Trí" là sáng suốt, khôn ngoan, phân biệt được chân giả, thực hư, chính tà. Đã "trí tri" đương nhiên biết "cách vật". Từ chẳng những biết rõ sự vật mà còn biết rõ con người: Từ biết con người thật của Kiều bên dưới chiếc áo gái lầu xanh là: "mất xanh chẳng để ai vào", lẽ tất nhiên Từ cũng biết con người thật của Hồ Tôn Hiến bên dưới chiếc áo của một viên quan đại thần. Vả, trong cuộc sống, nhất là trong cuộc chiến đấu một mất một còn thì thái độ hoàn toàn tin kẻ khác, tin kẻ thù qua lời nói là một thái độ khờ dại, nếu không muốn nói là ngu xuẩn. Đã từng làm chủ tướng, Từ Hải tất thừa kinh nghiệm về tính chất hư hư thực thực, lộng giả thành chân trong việc điều binh khiển tướng. Lừa gạt nhau để giành phần thắng, để sống còn, để tiêu diệt lẫn nhau là một sách lược thường tình. Trong phạm vi này, người ta chê cười kẻ bị lừa gạt hơn là trách cứ, lên án kẻ lừa gạt. Nhiều người được sử sách ca ngợi là anh hùng thường cũng tráo trở, lật lọng để mưu cầu chiến thắng cuối cùng cho chính nghĩa và sự tráo trở lật lọng ấy được xem là chính đáng qua châm ngôn "cứu cánh biện minh phương tiện": phương tiện nào cũng tốt — kể cả sự tráo trở lật lọng — bởi vì cứu cánh tốt. Vậy nên thiếu cảnh giác thì thiệt thân. Khôn sống mống chết. Nếu Từ Hải không biết tất cả những điều ấy, nếu Từ Hải xem thường những kinh nghiệm bắt buộc phải có ấy, liệu Từ có xứng đáng được xem là bậc trí dũng có thừa hay không? Hỏi tức là trả lời rồi vậy.

Kết luận: Cá tính, bản chất, nhân cách của Từ Hải không cho phép Từ tin lời dụ hàng của họ Hồ. Do đó chúng ta không thể bảo rằng Từ chết đứng giữa trận tiền là vì uất ức bởi mắc mưu họ Hồ và kể cũng khá khôi hài khi giải thích cái chết của Từ như cái tát của một anh hùng trí dũng có thừa vào mặt kẻ thù đã lừa gạt mình!!"

Phúc đưa lời:

"Vậy theo cậu, Từ Hải ra hàng không phải vì sức thuyết phục của họ Hồ mà vì sức thuyết phục của Kiều, phải không?"

"Điều ấy đã quá rõ ràng. Hồ Tôn Hiến là một kẻ gian manh quỷ quyệt, biết lời nói của y ít có tác dụng đối với Từ. Y cũng "biết Từ là đấng anh hùng". Mà đã là anh hùng thì khó mà chiêu dụ bằng những giá trị phù du: tiền tài danh vọng. Nhưng y cũng biết Kiều rất mực được Từ sủng ái và quý trọng. Hơn thế nữa, y còn "biết nàng cũng dự quân trung luận bàn". Thế là y vội vàng sai kẻ tâm phúc đem người đem của đến đút lót Kiều, hòng mong nàng thay y mà thuyết phục Từ ra hàng. Cuối cùng y đã đạt được điều y muốn."

"Nhưng bằng những lập luận nào Kiều đã thuyết phục được Từ?"

"Nói chung, đó là những lập luận thường tình: nào công danh sự nghiệp của bản thân Từ, nào công đức triều đình trên hết là vua, nào tang tóc khổ đau của muôn dân vì chiến cuộc. Khi ca ngợi công đức của triều đình, ân sủng của vua, Kiều đã kín đáo chê trách cuộc nổi dậy tạo loạn của Từ, xem đó là hành động của phường nghịch tặc: "Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào". Trái lại, qui thuận triều đình là một thái độ sáng suốt: "Một là đắc hiếu, hai là đắc trung."

Phúc ngắt lời:

"Liệu tất cả những lập luận trên của Kiều tự chúng đủ sức thuyết phục Từ Hải ra hàng không?"

"Để trả lời nghi vấn của cậu, một lần nữa ta phải nhìn lại nhân cách của Từ Hải dưới ngòi bút của Nguyễn Du:

"Đội trời đạp đất ở đời."

Đó là phong cách của một kẻ ngang tàng, không biết cúi đầu trước một uy quyền nào, không biết sợ hãi trước một bạo lực nào:

"Dọc ngang nào biết trên đầu có ai."

Và sức mạnh của đồng tiền, sức quyến rũ của danh lợi cũng không làm Từ nao núng mềm lòng. Với Từ, chỉ có tự do là có giá trị, ngoài ra, tất cả đều vô nghĩa:

"Gươm dàn nửa gánh, non sông một chèo."

Nhân cách của một con người như thế đủ sức đánh bật mọi cám dỗ, mọi quyến rũ, tuy tầm thường phù du dưới mắt Từ nhưng thật sự không kém phần hấp dẫn dưới mắt phàm nhân.

Còn công đức của triều đình, ân sủng của vua thì... thì chính Từ đã chiêu binh mãi mã nổi lên chống lại triều đình phong kiến, thối nát, bất công, tham nhũng. Nguyễn Du đã vẽ lại bọn lại dịch sai nha đương thời:

"Một ngày lạ thói sai nha,
Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền"

Và *"Tiền lưng đã sẵn, việc gì chẳng xong?"*

Nói cho cùng, dù ta có đứng trên lập trường quan điểm của Khổng giáo — một quan điểm đề cao tam cương ngũ thường — mà xét, việc Từ Hải nổi lên chống lại quan quân triều đình không thể bị xếp vào loại hành động bất trung. Theo thuyết Chính Danh của Khổng giáo thì vua phải ra vua, tôi phải ra tôi, cha phải ra cha, con phải ra con: Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử. Vua mà không ra vua thì chỉ là một hôn quân. Giết một hôn quân không phạm tội thí quân vì hôn quân không phải là vua đúng nghĩa. Tóm lại vua quan giữa một triều đình thối nát không phải là lý do chính đáng để Từ cởi giáp. Nói rằng vì chữ "trung" mà Từ về hàng, mình e có điều mai mỉa.

Mặt khác, một khi đã quyết định đứng lên chống lại vua quan thối nát không phải là Từ đã không nghĩ đến những khổ đau tang tóc của muôn dân trăm họ sống dưới chế độ áp bức ấy. Vùng lên chống lại một chế độ áp bức để vừa giải thoát cho mình vừa giải thoát kẻ khác. Nếu cứ sợ nhân dân khổ đau vì chiến tranh thì có lẽ không có ai làm cách mạng giải phóng áp bức nô lệ, chẳng có ai dám đương đầu ngoại xâm để giữ gìn bảo vệ tổ quốc. Nếu Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn cũng có lòng thương dân theo kiểu vua nhà Trần thì vua Trần Nhân Tôn đã ra hàng giặc Nguyên. Nếu việc rửa sạch một vết thương làm độc và hành hạ thân thể sẽ làm cho thân thể đau đớn thì sự đấu tranh chống áp bức nào không tạo

nên khổ đau tang tóc? Từ Hải không thể vì "Đống xương Vô Định đã cao bằng đầu" mà phải bỏ cuộc, cởi giáp qui hàng.

Khi thuyết phục Từ Hải, không phải Kiều không biết rằng những lập luận trên đây của nàng chưa đủ sức mạnh để xô ngã ý chí đấu tranh của Từ. Công đức ấy của triều đình, tính chất phi nhân phi nghĩa ấy của sự đương đầu, trăm nghìn khổ đau tang tóc ấy của muôn dân và công danh sự nghiệp vinh hoa ấy đã không lay chuyển nổi ý chí sắt đá của Từ. Sức mạnh của sự thuyết phục của Kiều không nằm ở những thứ đó nhưng nằm ở một nơi khác: niềm mơ ước của Kiều chấm dứt cuộc sống lênh đênh chìm nổi phiêu bạt, một ước mơ rất chính đáng, rất đáng được quan tâm, nhất là khi ước mơ đó là ước mơ của một người đàn bà, hơn thế nữa của một người yêu, của người tri kỷ. Một người đàn bà bình thường nào cũng e ngại những bấp bênh, bất trắc của cuộc đời và mong muốn có được một chỗ nương thân lâu dài. Chung sống với Từ, dĩ nhiên Kiều được hạnh phúc. "Năm năm hương lửa đương nồng". Tuy vậy Kiều vẫn không cảm thấy an tâm. Mà an tâm sao được khi một người đàn bà phải theo chồng sống giữa ba quân, phải chứng kiến tận mắt những cảnh chém giết rùng rợn, máu đổ thịt rơi? Thêm vào đó là những bất trắc của cuộc sống lênh đênh, cuộc sống Kiều đã ê chề tủi nhục trải qua: "Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần", chưa kể những lần rơi vào tay Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Bạc Hạnh:

"... *Chiếc bách giữa dòng,*
E dè gió dập, hãi hùng sóng va."

Mười lăm năm lưu lạc là mười lăm năm lưu đày biệt xứ. Kẻ lưu đày mong ước một nơi an nghỉ. Nhưng chỗ nào thật sự là nơi an nghỉ trong cuộc đời này? Nơi ấy chính là quê nhà. Đối nghịch của sự lưu đày là quê nhà, nơi nương thân an toàn bền vững. Giấc mơ đoàn viên, gặp lại cha mẹ anh em người yêu cũ thường về trong giấc ngủ của Kiều. Ước vọng sống lại những ngày tháng cũ nơi chôn nhau cắt rốn, nơi lần đầu tiên tiếp nhận ánh sáng và không khí trần gian, thường xuyên ám ảnh Kiều, ngoài đời thực tế và trong giấc mơ huyễn hoặc:

"*Giấc hương quan luống mấn mơ canh dài."*

Nhưng để giấc mơ hồi hương nhanh chóng trở thành hiện thực thì bước đầu tiên phải thực hiện là qui thuận triều định, sau đó:

"*Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương."*

Giấc mơ này của người mệnh bạc, chính Từ Hải cũng đã canh cánh bên lòng từ năm năm trước:

"Xót nàng còn chút song thân,
Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa.
Sao cho muôn dặm một nhà,
Cho người thấy mặt là ta cam lòng."

Nên đó là đòn tâm lý quyết liệt và cũng là đòn cuối cùng đã đánh vào ý chí của Từ. Lời thuyết phục đã chứng tỏ được sức mạnh của nó. Thực ra, những lý lẽ Kiều nêu ra để thuyết phục Từ, tự chúng, chẳng đủ sức thuyết phục, mà chính là những ước mơ của Kiều, người yêu và tri kỷ của Từ, về những giá trị đó. Kinh nghiệm cho thấy lắm khi ta làm điều gì không phải vì thích điều ấy, nhưng chính vì người yêu thích ta làm. Từ Hải chấp nhận cởi giáp qui hàng không phải vì nghe Kiều nói điều "hữu lý", không phải vì nghe Kiều nói "bùi tai". Từ không hề, không bao giờ xem lập luận, lý lẽ Kiều nêu ra là có lý, là chính đáng, tự chúng. Sức mạnh của sự thuyết phục phải được tìm nguồn cội nơi hiện sinh Kiều, một hiện sinh chủ quan nhưng huyền nhiệm dưới mắt Từ. Từ không bùi tai, Từ chỉ cảm động khi nghe Kiều năn nỉ, thuyết phục. Ta dừng vội vàng bảo rằng Từ đã mù quáng khi nghe theo lời thuyết phục của Kiều. Từ đã quyết định ra hàng một cách sáng suốt, trong ý nghĩa rằng Từ đã thấy trước hậu quả khốc hại của việc ra hàng, thấy trước cái chết của chính mình. Trước và trong khi quyết định, Từ vẫn còn lý trí sáng suốt, nhưng Từ đã hành động theo lẽ của trái tim. Mà trái tim thì có những lý lẽ của nó mà lý trí không thấu hiểu. Nói như vậy không có nghĩa rằng hành động theo lý lẽ của trái tim là luôn luôn

VƯƠNG TRỌNG TÀI

ĐÊM TRƯỚC ĐÈN ĐỌC NGUYỄN HUY THIỆP

Anh không phải nhà xây cất
Sao văn anh lại xếp cao tầng

TẦNG MỘT vẫn quê mùa chân thật
Như nhánh sông con như xeo đường đất
Vẳng tiếng gọi đò tiếng hát trong trăng
Anh cày sâu em đập lúa siêng năng

TẦNG HAI chớm hoen màu hiện thực
Cuộc sống duyênh lên kêu gào thách thức
Tối mặt tối mày manh áo chén cơm
Người với người rưng rức mưu toan

TẦNG BA đã dặm ngàn đắng đót
Những mảnh hình hài cúi co rách nát
Xé toạc Tin Yêu làm giấy đi cầu
Thần tượng đổ rồi người biết tìm đâu

TẦNG BỐN còn trơ vũng đời dị dạng
Quỉ ở với người **hỗn hoang ác mộng**
Chim chẳng buồn hót suối bỏ khô giòng
Tìm khắp khu rừng không một chồi non

Ngoài nụ cười đen đúa như đêm

Quỉ ở với người: Tên một kịch nói của Nguyễn Huy Thiệp.

HÀ HUYỀN CHI

THỦY TINH

Thế đấy ngươi ơi buồn thế đấy
Truyện lòng ta kể kiếp nào vơi
Ta yêu Tiểu Muội nhưng nàng ấy
Vẫn hại đời ta đến tả tơi

Ngươi cứ cười đi cho thỏa chí
Mai này quả báo đến phiên ngươi
Sẽ ta vầy vọc ngươi hơn thế
Cho hả hôm nay bị ngạo đời

Có chắc gì đâu, ngươi thỏ đế
Chưa đi lòng đã chực quay lui
Nói yêu tưởng dễ mà không dễ
Ngươi ngậm no đầy chẳng hé môi

Ta thề không tán ngươi đâu nhé!
(Ngươi cũng như ta khổ đủ rồi)
Ngươi xuống đò ta càng chết lẹ
Bởi đò ta nát cũng như người.

Thế đó ngươi ơi buồn muốn khóc
Chúng mình than thở giúp nhau vui
Ngươi cong lưng viết tình gai gốc
Ta dứt lòng thơ bán chợ trời

Viết chẳng đủ no, ngươi bán quán
Lượm từng xu lẻ tét môi cười

Ta làm kế toán chao ơi chán
Trừ cộng ân tình lỗ hụt hơi

Những khi vắng khách, ngươi gà gật
Bù lại đêm sâu viết lã người
Ta bị xếp đi xanh máu mặt
Cũng ngày lảo đảo giống gà toi

Ngươi mơ trúng mối xây thư khách
Tụ tập tao nhân đấu hót chơi
Đại sảnh, tiểu lâu toàn chứa sách
Tha hồ ngâm đọc sướng thì thôi

Ta chẳng theo ngươi mơ mộng hão
Trông chờ tài vận chỉ hoài hơi
Bán thuyền in sách, ta chơi bạo
Thơ cũng như bèo rẻ rúng trôi

Lại siết đai lưng, ta bỏ ống
Ngày ăn một bữa giống như ngươi
Heo còi nuôi mãi chưa đầy bụng
Thơ gấp tầu bay liệng cũng vui.

Thế đó ngươi ơi, buồn dễ sợ
Quay lưng đã lại tháng Tư rồi
Sử đau ghi lại bao trang nợ
Nước vẫn tang thương vẫn ngậm ngùi

---

mù quáng. Tình yêu đúng nghĩa không làm ta mù quáng, nhưng làm ta sáng suốt. Max Scheler đã nhắc lại điều ấy ba thế kỷ sau Pascal. Tình yêu đúng nghĩa làm ta hiện hữu. Với Descartes, tư duy là hiện hữu. "Tôi tư duy, vậy tôi hiện hữu." Albert Camus cho rằng bạo động thì hiện hữu. "Tôi bạo động, vậy tôi hiện hữu." Trước khi gặp Kiều, Từ Hải đã hiện hữu bằng sự bạo loạn, bạo động, chống đối triều đình. Nhưng từ khi gặp Kiều thì với Từ, yêu là cách hiện hữu ý nghĩa nhất. "Tôi yêu, vậy tôi hiện hữu." Và cũng kể từ đó, bên cạnh con người tạo loạn của Từ, còn có một hiện sinh đang yêu. Nhưng khi Từ chấp nhận ra hàng thì con người tạo loạn trong Từ đã chết, nhường chỗ cho hiện sinh Từ Hải đang yêu, mặc dù biết mình sắp chết. Nếu cách chết cũng là một cách sống, một cách hữu hiệu — hiện hữu sau cùng — thì Từ đã mượn cách hiện hữu đó để nói với Kiều rằng: Kiều là lẽ sống của Từ. Hiểu như vậy, ta sẽ hiểu thêm tại sao Từ không thể không nghe theo lời thuyết phục của Kiều, vì nếu làm khác đi là từ chối lẽ sống. Và ta không ngạc nhiên khi thấy một người chịu chết vì lẽ sống. Heidegger nói: "Hiện hữu là hiện hữu để chết." Nói một cách khác, chết là cách hiện hữu đem lại cho hiện sinh ý nghĩa chung cuộc. Ý nghĩa cả cuộc đời của anh hà tiện nằm trong cái chết của anh nhằm bảo vệ gia tài: anh nhất định không chịu bỏ ra một quan tiền theo lời bạn anh đề nghị thuê người vớt chính anh đã ngã xuống sông. Ý nghĩa cuộc đời Trần Bình Trọng nằm trong cái chết bảo vệ khí tiết của một viên tướng bị giặc bắt. Thái độ đón nhận cái chết thể hiện một thái độ sống. Như vậy Từ Hải đã sống và đã chết cho tình yêu của mình. Ở đây sống, chết và yêu thì đồng nghĩa. Dĩ nhiên không phải "Yêu là chết ở trong lòng một ít" theo kiểu một tình yêu ích kỷ "Cho rất nhiều song được chẳng bao nhiêu." Đúng yêu là đau khổ, nhưng không phải đau khổ vì không chiếm đoạt được, nhưng vì phải cao thượng để xứng đáng với tình yêu, nói cách khác, phải hy sinh. Đã yêu thì phải cho và Từ Hải đã cho Kiều mạng sống của mình. Không có tình yêu cao thượng nào mà không có hy sinh và hy sinh tột cùng là cái chết. Jean Lacroix nói rằng tình yêu còn mạnh hơn cái chết vì người ta có thể chết để bảo vệ tình yêu. Điều này rất đúng đối với Từ Hải. Từ đã sống và đã chết cho Kiều theo một ý nghĩa rất cao thượng, rất vị tha của tình yêu, nhằm phát huy

Ai kẻ mày râu mà khỏi thẹn
Thù sâu oán nặng dễ gì nguôi
Nửa đời lận đận trong chinh chiến
Nay lại lêu bêu giữa xứ người

Thục nữ xuốn g đường hô khản tiếng
Góp vào sông hận, mạch tim sôi
Bút ngươi mài nhọn thành đao kiếm
Chữ cũng tên bay, cũng lửa ngời

Đoàn thể quanh ta như nấm rạ
Có chung mẫu số rất kỳ khôi:
Độc tôn tự mãn, trùm thiên hạ
Nên ngán chân nhau, chụp mũ người

Sao rỉ, Mai tàn, từng hại lính
Lại vo ve nữa tởm như ruồi
Khom lưng hòa giải lòn trôn địch
Đủ nát hồn chưa tử sĩ ơi!

Cứu trợ nhảy đầm chưa đủ xấu?
Văn chương báo chợ, mực tanh hôi
Dâm thư bày bán không che dấu
Làm nghĩa tưng bừng kiểu múa đôi

Quốc hận lèo tèo dăm bảy đám
Hoan hô đả đảo, lệ trong lời
Chúng còn áo gấm về mua bán
Tiếp máu, ôm chân Đảng-thú-người.

Thế đó ngươi ơi, buồn héo hắt
Đè ngươi tâm sự đỡ tê thôi
Chắc gì ngươi có ta trong mắt
(Tròng Thủy Tinh ngươi có lệ rơi?)

Ta nhớ ngươi hoài, con thỏ đế
Ghét ngươi, rồi cũng tội cho ngươi
Làm thân con gái ai không thế
Tứ đức kinh qua đủ rụng rời

Ngươi còn lí lắc theo chân sáo
Ngất ngưỡng lưng trâu lảnh lót cười
Mai mốt không chừng ta níu áo
Không chừng ngươi khổ thật cho coi

Đào ở vườn ta đang nở rộ
Quỳnh trong bồn sứ cũng vươn chồi
Bỗng ta buồn bã không căn cớ
Hoa có như ta cũng nhớ người?

Ta vẫn xem thường bao cám dỗ
Bạc tiền, son phấn, áng mây trôi
Bao năm vẫn giữ hồn trăng tỏ
Vẫn đợi triều dâng lặng lẽ soi

Ngươi đã cùng ta chung ý niệm
Đâu cần khách sáo ở ngoài môi
Mặc ta cô quạnh ngươi đừng đến
Ta vẫn còn yêu Tiểu Muội thôi

Nàng vẫn yêu ta? Đâu có biết!
Tim ta, nàng liệng ở đâu rồi?
Bấy nhiêu câu hỏi không cần thiết
Ta có riêng ta những trả lời

Ngươi đùa với lửa, coi chừng cháy
Ta điếc, câm hoài cũng khó coi
Ta đã chân tường, người biết đấy
Không chừng ta dám cháy theo ngươi.

4-1993

---

trọn vẹn nhân cách của hiện sinh Kiều. Sống cho người yêu tương đối dễ và điều này Từ đã làm. Từ đã giúp Kiều thực hiện một ước vọng ấp ủ từ lâu: ước vọng báo ân báo oán. Chỉ cần sai quân đi mời những ân nhân và đi bắt những kẻ gây thù chuốc oán. Còn giờ đây, ra hàng hay tiếp tục chiến đấu chống lại triều đình, Từ phải lựa chọn quyết định gay go. Hoặc hiện hữu hoặc hư vô. Hiện hữu hoặc hư vô là hiện hữu hoặc hư vô với Kiều, với tình yêu, với trái tim. Từ đã chấp nhận hiện hữu bằng quyết định ra hàng và sau đó bằng cái chết. Kể từ giờ phút ấy việc Hồ Tôn Hiến có lật lọng tráo trở hay giữ tròn chữ tín, đối với Từ đều không thành vấn đề, không đáng bận tâm. Từ chỉ theo đuổi một mục tiêu là thỏa mãn ước vọng của Kiều bằng mọi giá."

Phúc lên tiếng:

"Cậu đã giải thích việc Từ Hải ra hàng nhưng chưa giải thích tại sao Từ Hải chết đứng."

"Những suy nghĩ trên đây làm nền tảng cho một giải thích về cái chết khác thường của viên tướng giặc đa tình. Phải chăng sự kiện chết đứng ấy là biểu hiện cho một cái tát vào mặt con người phản bội lời thề như người ta vẫn nghĩ? Sự thực, họ Hồ có đáng gì để Từ bận lòng đến thế. Ta đừng vô tình đánh giá thấp nhân cách người anh hùng của Nguyễn Du. Kẻ trí dũng im lặng mà chết, không nói, không chửi mắng kẻ thù tiểu nhân tưởng đã lừa gạt được mình. Thế nhưng, nếu cái chết của Từ nhằm vào một Hồ Tôn Hiến phản trắc, thì tại sao phải đợi đến lúc Kiều phủ phục xuống và than khóc thì xác Từ mới ngã? Tại sao phải đợi đến lúc Kiều than khóc kể lể nào là "trí dũng có thừa," nào là "bởi nghe lời thiếp nên cơ hội này;" rồi sau đó "gieo đầu một bên" và cuối cùng thì "nàng vừa phục xuống Từ liền ngã ra?"

Vậy có lẽ phải hiểu cách chết của Từ là thái độ Từ nhằm vào Kiều chứ không phải họ Hồ, nhằm vào người yêu chứ không nhằm vào kẻ địch.

Phúc thắc mắc:

"Từ Hải muốn nhắn nhủ gì Kiều, đợi gì ở Kiều qua cách chết đứng ấy? Phải chăng Từ muốn nhắn gởi đến Kiều một lời trách móc: "Vì nghe lời nàng nên ta phải chịu chết thảm?"

Nhân nhìn bạn, thong thả đáp:

"Một lần nữa, ta phải nhìn lại nhân cách của Từ Hải để tìm câu trả lời hợp lý.

Ngoài "trí" ra, Từ Hải còn "dũng". Dũng là lòng can đảm và ở đây lòng can đảm được hiểu như đức tính của một người dám nhìn sự thực dù sự thực phũ phàng khốc liệt, can đảm là phẩm chất của một người sẵn sàng nhận trách nhiệm về quyết định và hành động của mình. Thành công hay thất bại, hiện hữu hay hư vô, người có đức "dũng" lúc nào cũng gánh nhận hậu quả của hành vi mình thực hiện, trong khi kẻ hèn không dám nhận trách nhiệm. Hồ Tôn Hiến là một kẻ hèn khi:

"Nghĩ mình phương diện quốc gia,
Quan trên trông xuống, người ta trông vào"

mà đem Kiều gã cho viên thổ quan sau một đêm ép liễu nài hoa. Thất phu còn hữu trách, lẽ nào Từ Hải không đủ "dũng" để nhận trách nhiệm của việc Từ làm, của việc ra hàng để đi trách móc Kiều? Trách như thế là "đổ thừa," là đổ trách nhiệm lên đầu người khác, coi người khác chứ không phải mình là nguyên nhân của một kết quả bi thảm. Chỉ có tiểu nhân, kẻ hèn mới làm công việc "đổ thừa" kẻ khác, nhất là khi kẻ khác ấy là một người đàn bà yếu đuối từng chịu ơn mình, được mình đùm bọc che chở.

Nếu cái "dũng" của Từ đã không cho phép Từ mượn cách chết đứng để oán trách Kiều thì tình yêu của Từ đối với nàng càng không cho phép Từ làm công việc đó. Đành rằng khi phủ phục dưới chân Từ, Kiều có than khóc rằng "bởi nghe lời thiếp nên cơ hội này," nhưng đó chỉ là lời của Kiều, kẻ đã chịu ơn Từ rất nặng. Kiều nói thì được. Nhưng nếu câu ấy được thốt ra từ miệng của Từ, hoặc là chỉ có trong tư tưởng của Từ thôi, thì trong thực tế Từ chẳng yêu thương quý trọng gì Kiều. Tình yêu không thể đi đôi với lòng oán trách hoặc lòng thù hận. Lời trách móc chỉ làm cho người yêu bị ray rứt, dằn vặt, khổ tâm. Tình yêu vị tha có bao giờ cho phép ta làm công việc oán trách?

Trước sau Từ chỉ có một người tri kỷ là Kiều. Từ Hải là một hiện sinh cô đơn mãi cho đến lúc gặp Kiều. Chỉ có Kiều mới thấy được con người thật của Từ:

"Cười rằng tri kỷ trước sau mấy người.
Khen cho con mắt tinh đời
Anh hùng đoán giữa trần ai mới già."

Khi Từ còn sống, Kiều là tri âm tri kỷ của Từ, nhưng chắc gì khi Từ chết, Kiều còn hiểu được Từ, hiểu được sự hy sinh là cái chết của Từ? Cũng như tình yêu, cái chết là một huyền nhiệm. Tình yêu thường dễ bị ngộ nhận và cái chết cũng vậy. Từ Hải đã khẳng khoái và chọn thái độ chết đứng để bày tỏ niềm ưu tư ấy. Từ còn một niềm cô đơn cuối cùng và cách chết của Từ là một lời dò hỏi. Trăm con mắt nhìn vào và ai cũng kết luận: tên tướng giặc này đã chết vì mê gái và chết đứng vì uất ức. Hồ Tôn Hiến thì cười huênh hoang đắc chí rồi. Y cười cái cười của tiểu nhân. Ba quân sống sót có thể bùi ngùi tiếc thương chủ tướng tốt bụng nhưng quá si tình. Đối với Từ Hải, tất cả những suy nghĩ ấy, tình cảm ấy đều vô nghĩa. Điều quan trọng là Kiều có hiểu thấu được lòng Từ hay không, có hiểu được tại sao Từ phải chết hay không. Và Từ rất muốn biết điều đó.

Đến lúc Kiều than khóc vật vã:

"Khóc rằng trí dũng có thừa
Bởi nghe lời thiếp nên cơ hội này"

thì Từ biết được điều muốn biết ấy: Kiều biết Từ là người trí dũng, nhưng vì yêu nàng, đã nghe lời nàng nên phải chết.

Ta phải hiểu thế nào hai tiếng "nghe lời"?

Thường thì "nghe lời" được hiểu là dễ dàng nếu không phải là mù quáng chấp nhận một yêu cầu của người khác, hoặc tin lời của người khác rồi đi đến xuẩn động. Từ Hải sáng suốt, không thể "nghe lời" Kiều một cách ngu ngốc để đi đến xuẩn động là qui hàng. Người ngoại cuộc có thể cho rằng hành động của Từ là ngu xuẩn. Thực ra những kẻ ngoài cuộc thường không hiểu được ý nghĩa một hành động của một hiện sinh được hiểu như một huyền nhiệm. Và hiểu sai thì đánh giá lầm lạc. Một huyền nhiệm chỉ có thể được "thông hiểu" bằng tình yêu. Cách chết đứng của Từ chỉ được Kiều "thông hiểu": Từ ra hàng quan quân triều đình như một định mệnh không thể cưỡng được, Từ đã tuân theo một tất định tâm lý. Vì tình yêu mà Từ đã chết.

Lúc đó, Từ thấy không còn cô đơn nữa. Một huyền nhiệm đã được mặc khải. Từ ngã ra chết một cái chết bình thường, biểu hiện một ý thức bình an, không còn khắc khoải.

Cảnh Từ Hải chết đứng giữa trận tiền như cảnh một tấn kịch. Khi xây dựng cảnh ấy, Nguyễn Du muốn cho người đời thưởng ngoạn một màn hài kịch hay muốn người đời chứng kiến một bi kịch?"

"Cậu cần giải thích thế nào là hài kịch, thế nào là bi kịch. Bản chất của hai thể loại kịch ấy là gì?"

"Cốt lõi của hài kịch là cười. Đối tượng của cái cười trong hài kịch là cái rởm, cái vô duyên lố bịch, cái xấu về mặt tinh thần của người đời. Những đối tượng ấy của hài kịch đều phát sinh từ sự dốt nát, ngu xuẩn. Molière cho ta cười qua vai ông Jourdain cái rởm của kẻ trưởng giả học đòi làm người quí phái. H. De Balzac cho ta cười qua lão Grandet thói keo kiệt bủn xỉn. La Fontaine cho ta cười, qua hình ảnh con nhái muốn to bằng con bò, sự ngu xuẩn của những kẻ "dược người lại muốn tranh tiên với đời," thói đua đòi của những kẻ:

"Vui gì cuộc rượu trận cười mà ganh,
Để cho cơ nghiệp tan tành."

Còn bản chất của bi kịch là sự đau khổ, mang tính tất định của cuộc đời. Sự đau khổ càng sâu sắc khi con người ý thức rằng đau khổ ấy là điều không tránh khỏi, cho dù nạn nhân có muốn tránh. Trong bi kịch, sự đau khổ đến với nạn nhân như một định mệnh và chỉ còn một cách là hãy sáng suốt chấp nhận. Oedipe rốt cuộc đã giết cha và lấy mẹ làm vợ, dù Oedipe đã được tiên tri cho biết trước định mệnh khốc liệt ấy và dù Oedipe đã cố sức tránh. Hamlet phải nhận lãnh sứ mạng do định mệnh an bài: báo thù cha bị ám hại. Để hoàn thành sứ mạng ấy, Hamlet trước hết phải giả điên để che mắt kẻ thù, phải vờ bỏ người yêu là Ophélie khiến nàng quá đau khổ và sau đó tự vẫn. Điều bi thảm cho Hamlet là phải giả điên, nghĩa là thật sự không điên, còn sáng suốt và như thế biết rõ những việc mình phải làm, đồng thời biết rõ hậu quả của những hành động ấy: người yêu đau khổ đến chết vì cứ tưởng mình điên thật. Quãng

đời mười lăm năm lưu lạc của Kiều là một bi kịch sâu sắc vì Kiều đã biết trước (nhờ Đạm Tiên báo mộng) và vì Kiều không thể lẩn tránh:

"Rằng: nhân quả dở dang,
Đã toan trốn nợ đoạn tràng được sao?
Số còn nặng nợ má đào,
Người dù muốn thác trời nào có cho."

Trở lại câu hỏi trên: cảnh Từ Hải chết đứng nên được hiểu như một hài kịch hay như một bi kịch?

Như một hài kịch nếu ta hiểu cảnh ấy như là một thái độ của Từ nhằm bày tỏ sự uất ức tức tối vì bị lừa gạt. Mà bị lừa vì đã có những thói xấu đáng bị chê cười là ham tiền bạc, háo danh và nhất là mê gái và tất cả những thói tật đó đều phát sinh từ những nhận thức sai lầm về những giá trị, từ sự đốt nát, đối tượng của hài kịch như trên đã nói.

Nhưng cảnh Từ Hải chết đứng là một bi kịch nếu ta hiểu rằng Từ ra hàng trước đó với một ý thức sáng suốt về nguyên nhân sâu xa của việc ra hàng: chỉ vì tình yêu của Từ đối với Kiều quá lớn. Tính bi đát ở đây là Từ đã và sẽ không thể hành động khác được vì nếu như thế sẽ mâu thuẫn với chính nhân cách của Từ và tình yêu đối với Kiều. Do vậy, quyết định và hành động của Từ không mâu thuẫn với tự do, không hủy diệt tự do, trái lại thể hiện tự do của Từ vì tự do là quyết định và hành động theo nhân cách của mình.

Với nhận định như vậy, có lẽ chúng ta đã rõ cảnh Từ Hải chết đứng là một màn hài kịch hay là một cảnh bi kịch.

Không phải ngẫu nhiên mà một tướng giặc tầm thường dưới ngọn bút của Thanh Tâm Tài Nhân đã trở thành một anh hùng với một nhân cách độc đáo là Từ Hải dưới ngọn bút của Nguyễn Du. Điều ấy sẽ không được giải thích thỏa đáng nếu ta không chấp nhận rằng Nguyễn Du đã lồng nhân cách của mình vào nhân vật Từ Hải. Phong cách và nhân sinh quan của Từ Hải chính là phong cách và nhân sinh quan của Nguyễn Du. Không ai phủ nhận ông đã ký thác tâm sự của ông vào Kiều, nhưng ai cấm tác giả gửi gắm tâm tư tình cảm của mình vào nhiều nhân vật khác nhau trong tác phẩm?

Vậy chúng ta được phép hiểu rằng nỗi cô đơn của Từ Hải khi chết đứng giữa trận tiền chính là nỗi cô đơn của Nguyễn Du trong cuộc đời. Nguyễn Du là một thiên tài và thiên tài thường là những tâm hồn cô đơn, vì chẳng có ai đồng thời hiểu nổi thiên tài. Từ Hải cô đơn vì mọi người hiểu sai về cái chết và cách chết của Từ. Còn kẻ thù thì đắc chí huênh hoang về quỷ kế của nó: Tên giặc chết uất vì thua mưu thất trí, vì nghe lời một con đĩ. Quả thực Từ đã nghe lời một gái điếm, nhưng không phải vì Mê mà vì Yêu. Mê thì mù quáng, Yêu thì sáng suốt. Cũng may là còn có Kiều thấu hiểu điều ấy cho Từ. Nguyễn Du cũng cảm thấy cô đơn trong cuộc đời vì nhận thấy những người đồng thời không hiểu ông. Thân phận ông là thân phận của một hàng thần, một thứ hàng thần bó buộc chứ không phải tự nguyện:

"Hàng thần lơ láo phận mình ra đâu."

Người đồng thời tưởng ông ra hợp tác với triều đình vì danh lợi. Ngoài ra, một thiên tài nghệ thuật

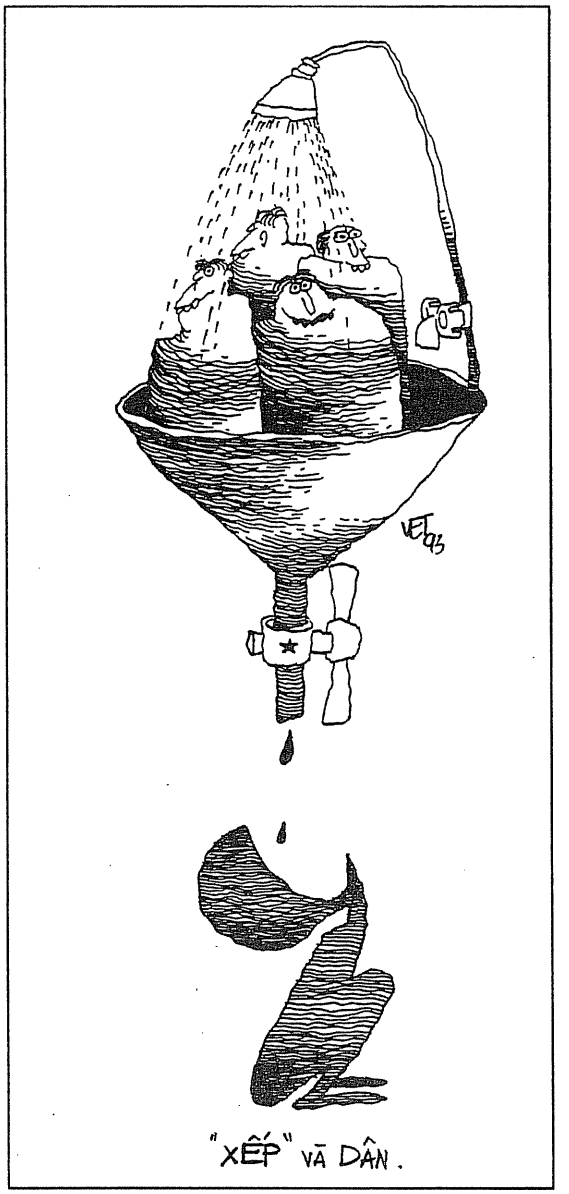

là Nguyễn Du có một nhân sinh quan vượt qua ngoài những ràng buộc bảo thủ tầm thường, vượt trên những suy tư tập quán hẹp hòi cố hữu của xã hội đương thời. Một tâm hồn như vậy làm sao tránh khỏi cô đơn? Nguyễn Du chỉ hy vọng ba trăm năm sau và hơn nữa có người khóc ông như Kiều đã khóc Từ Hải. Ở đây khóc thể hiện một niềm thông cảm sâu sắc. Những giọt lệ ở đây không phải là lệ xót thương người bất hạnh, nhưng là lệ tri kỷ, lệ tri âm, lệ của những "đồng thị thiên nhai luân lạc khách." Những giọt lệ Nguyễn Du cầu mong người đời sau khóc ông là lệ của những con người đồng cảnh ngộ, lệ của Tư Mã đất trích Giang Châu khóc thân phận kỹ nữ bến Tầm Dương một đêm trăng thu...

"Yêu để chết mấy kẻ như Từ Hải, người hùng chọn chết hòng sống mãi tình yêu."

"Khổ vì hàng ai người hiểu Nguyễn Du, kẻ sĩ về hàng để mang hoài nỗi khổ." ■

(Trích từ KHUYẾT SỬ*)*

TÌNH DỤC VÀ NGHỆ THUẬT

PHẠM XUÂN ĐÀI

Một trong các sinh hoạt thường xuyên nhất của con người vẫn bị xã hội cấm đoán, không cho nói đến một cách công khai, là tình dục. Trong cái chuỗi trình tự mà tạo hóa đã sắp xếp để con người lưu truyền nòi giống, thì khởi đầu là vẻ quyến rũ của người nam và người nữ (sắc đẹp, dáng dấp), rồi đến các rung động của tâm hồn, sự nhớ nhung mơ tưởng, rồi đến tình yêu... Tình yêu đã là một bước rất dài để kết nối hai người nam nữ nhưng không phải là bước cuối cùng. Tình yêu chỉ là chất men thúc đẩy hai người nam nữ khao khát nhau hơn nữa, thu hút lấy nhau hơn nữa để đi đến mục đích cuối cùng là trao đổi thân xác cho nhau, để người nam gieo giống vào trong người nữ. Chỉ đến lúc hai người mệt nhoài buông nhau ra thì mới là lúc kết thúc một màn sắp xếp của tạo hóa. Động tác tình dục xong, coi như một chương vừa đóng lại, một chương của các điều kỳ diệu huyền ảo, men tình say ngây ngất. Diễn biến từ đầu đến cuối chương này như là một cái bẫy giăng của thiên nhiên, con người say sưa lao vào từng bước một để cuối cùng thực hiện cho xong ý muốn của tạo hóa là tạo ra mầm mống những con người mới để nối dõi cho mình. Những chuyện phải đến sau đó như thụ thai, mang bầu, đẻ con là chuyện về sau, thuộc về một chương khác.

Văn học nghệ thuật cổ kim, đông tây đã tán tụng sắc đẹp và vẻ quyến rũ, mô tả sự rung động và nỗi nhớ thương, tình yêu, rồi ngừng lại. Cái bước tất yếu kế tiếp là tình dục thì bắt đầu là vùng cấm kỵ. Xã hội cấm. Cả trong đời sống bình thường cũng không được nói chuyện đó bằng bạch văn, chứ đừng nói đến lãnh vực văn chương chữ nghĩa. Đó là chuyện chỉ hai người với nhau, "cấm ngoại thủy không ai được biết."

Tại sao thế nhỉ. Tại sao lại có chuyện "bất công"?

Nhưng một khi cổ, kim, đông, tây đều đồng một lòng cấm đoán thì chắc là phải có "lý do chính đáng." Cổ, kim, đông, tây, bốn chữ đó gói ghém cả nền văn minh của nhân loại rồi còn gì.

Nhưng cũng chính con người văn minh, để thành văn minh hơn đã hết làm cuộc cách mạng này đến cuộc cách mạng khác. Cách mạng để đổi cách sống của mình, để phá vỡ những ràng buộc đã có từ xưa mà dần dần người ta thấy không còn thích hợp nữa. Cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng xã hội và... cách mạng tình dục. Có những cuộc cách mạng hoàn toàn thành công đưa con người tiến những bước vạn dặm, có cuộc cách mạng thất bại vì kéo lùi con người vào chỗ tủi nhục tối tăm, nhưng cũng có cuộc cách mạng chưa biết sẽ đưa con người tới đâu, tới cái tốt hay cái xấu, như cuộc cách mạng tình dục chẳng hạn.

Tuy nhiên, nó đã bắt đầu.

Người ta đòi phá bỏ các cấm kỵ về tình dục. Tình dục là tình dục, đó là một quyền tự nhiên của con người trưởng thành, nó không có chính và tà, nó không cần che đậy giấu diếm. Trong diễn đạt nếu tình yêu có ngôn ngữ của nó thì thân xác cũng phải có ngôn ngữ riêng, vả lại thân xác cũng là biểu hiện của tình yêu. Tại sao lại hạ thấp giá trị của nó, không cho nó được quyền bộc lộ?

Điều khó ở đây là trong con người, thân xác là biên giới của thú tính, nói về thân xác dễ chạm đến khía cạnh bản năng là cái mà con người đã phải cố gắng liên tục để chiến thắng trong quá trình "làm người" của mình. Con người đông tây kim cổ đã hè nhau chế ngự thú tính và bản năng mới có được con người văn minh như ngày nay, thế mà nay phá vỡ mọi kiềm hãm về tình dục thì chưa biết khôn dại hay dở sẽ thế nào!

Tình dục nằm trên cây cầu biên giới giữa thú tính và nhân tính. Nếu viết về tình dục mà khêu gợi thú tính thì là văn khiêu dâm. Cũng đề tài đó, hình tượng đó mà khơi gợi được những ý tình đẹp đẽ thuộc nhân tính thì mang lại được điều tích cực. Một bức tranh lõa thể, nó phải có chỗ đứng hẳn hoi bên này hay bên kia lằn ranh rất mong manh nhưng cũng rất rõ ràng giữa mỹ thuật và tục tĩu.

Trong cuộc cách mạng tình dục đang thử nghiệm — đang phải chờ thời gian để xem kết quả hay tác hại của nó ra sao trên xã hội và con người — văn học nghệ thuật đã tham dự vào. Chưa bao giờ tính nghệ thuật phải được coi trọng như ở đây, vì nó quyết định tác phẩm đang dắt con người đi về phía thú hay về phía người. Ở lãnh vực khác, nghệ thuật thấp có thể không gây tác hại, nhưng trong tình dục, nó có thể tạo nên một bức tranh hoen ố, có khi dơ bẩn cho đời.

Người sáng tác trên lãnh vực tình dục là người can đảm. Họ là những người ý thức rất rõ ràng tất cả những gì thuộc về Người là không xa lạ với họ, và họ sẵn sàng đi vào chỗ hiểm nguy nhất, trên cây cầu biên giới chênh vênh...■

NHỤC TÌNH CA

(Trích trong NGÀN LỜI CA)

PHẠM DUY

LTS — Cuốn NGÀN LỜI CA của Phạm Duy xuất hiện năm 87, tới nay đã được tái bản lần thứ ba. Tái bản lần thứ hai vào năm 90, sách có thêm Mười Bài RONG CA. Trong lần tái bản này, sách có thêm Mười Bài THIỀN CA và mấy bài NHỤC TÌNH CA.

Nhạc sĩ Phạm Duy đã gởi đến Thế Kỷ 21 những bài ca ca tụng thân xác này với lời giải thích của tác giả. Chúng tôi xin giới thiệu với độc giả một trong các bài đó.

Trong thời gian soạn thiền ca, trường ca Hàn Mặc Tử... tôi bỗng thấy nhu cầu viết ra một số bài ca xưng tụng xác thịt mà tôi gọi thẳng là **nhục tình ca.**

Có lẽ tại vì tôi đã ở quá lâu tại một nước có lối sống rất bạo là Hoa Kỳ, nơi đây, cái sex không những không còn là một điều cấm kỵ trong các ngành nghệ thuật mà còn được phô bày dữ dội trong các phim chiếu bóng, trong Tivi và trong video, nhất là trong âm nhạc, điển hình là các bài hát với lối trình diễn của nữ ca sĩ Madonna... cho nên tôi nổi hứng soạn nhục tình ca chăng? Hơn nữa có lẽ trong thời gian mấy năm trước đây, khi tôi soạn lời ca tiếng Việt cho những bài ca đầy nhục tính của Pháp do Jane Birkin và Gainsbourg thường hay hát như Emmanuelle, Bilitis... tôi đã tự hứa rằng trong sáng tác của mình phải có những bài hát đi theo con đường của bà chị Hồ Xuân Hương. Thế rồi, trong hai năm nay, tôi ngồi tí toáy viết ra bốn ca khúc đầy nhục tính.

Soạn ra nhục tình ca rồi nhưng khi đưa cho bất cứ một ca sĩ nào cũng đều bị họ lắc đầu le lưỡi: "Lạy bố, xin bố tha cho, con không dám hát đâu ạ!" Thành thử tôi cụt hứng và không muốn soạn thêm sáu bài nữa cho đủ một chương khúc. Nhưng đã chót soạn ra nhục tình ca thì phải in ra trong cuốn NGÀN LỜI CA này, với hy vọng có ngày nó được hát lên khi tác giả còn sống!

NHỤC TÌNH

Mặt trời rọi xuống lối đi trong rừng Xuân thắm
Để lộ tình nữ thoát y đang chờ chàng ong
Nụ hoa vừa hé giữa muôn hoa rừng
Nồng nàn say sưa hoa tơ khao khát yêu đương
Người tình đợi ong đến cho hoa đẹp giương cánh
Rồi ghì đầu ong, bắt ong ăn nhụy cành xanh
Rừng sâu rậm lối, suối bên khe dài
Mặt trời nung cho ong hoa đốt cháy nhau thôi.
Mở cuộc tình với bàn tay bàng hoàng
Chọn từng mảng tóc, khoảng da thịt thơm
Rồi thẳng đường tới tình yêu ngọn nguồn
Làm mưa làm gió nổi lên nghìn phương.
Cuộc tình triền miên với ong lưng dài cong uốn
Oằn oại nàng hoa cuốn mau thân hình đảo điên
Nổ tung trời đất, bão mưa tan dần
Tần ngần buông nhau mênh mang muôn kiếp mang ơn.
Người tình nhẹ mơn tóc, tai, xoa vào đôi má
Người tình phủ lên mắt hoa mơ màng tình qua
Nụ hôn lần nữa cám ơn nhân tình
Cuộc đời đam mê dâng cho thân xác lung linh.
Nhục tình từ khi có A Đam và E Va
Mở miệng cùng ăn trái xanh, xanh rờn trời cho
Tình vươn từ gốc đến cho muôn đời
Yêu nhau mãi mãi...

BĂNG TUYẾT

HÀ KỲ LAM

Từ lúc tiếp tục hành trình sau khi dừng xe ở một trạm xăng để đổ thêm nhiên liệu, để uống một tách cà phê cho tỉnh táo, và để cho máy xe được ngưng nghỉ một lúc, Hải nhẩm tính đã một tiếng đồng hồ rồi. Xe chạy đã một tiếng đồng hồ trong vùng đồng không mông quạnh chen lẫn đồi núi hoang vu, với dặm đường thiên lý ngút ngàn không một bóng dáng xe cộ nào ngoài chiếc xe của chàng. Tay trái của Hải giữ vững tay lái, bàn tay kia của chàng xòe năm ngón áp vào các khe phà hơi ấm của hệ thống sưởi. Chàng đã tháo đôi bao tay từ lâu, vì không chịu nổi cảm giác tê cóng của các ngón tay cách nhiệt qua lần vải nỉ bao trùm. Nhiệt kế trong xe cho thấy cái lạnh bên ngoài đang ở mức 14 độ Farenheit. Tính nhẩm, chàng thấy e ngại: mình đang đi trong vùng lạnh xấp xỉ 10 độ âm, độ của Sài Gòn. Dù đã sống ở Mỹ sáu năm nay, chàng vẫn chưa bỏ được ý niệm của hệ thống đo lường bách phân, vì nó là cả một nền giáo dục, một văn hóa trong đó chàng đã lớn lên. Giáng Sinh sắp đến rồi, còn hai hôm nữa. Mùa đông Bắc Mỹ. Rừng cây hai bên đường trụi lá, trơ cành khô đét, và thân cây thẳng tắp, xám xịt. Mặt đồi, mặt đất phẳng, và một phần mặt đường bị bao phủ một lớp băng tuyết trắng xóa. Màu trắng mênh mông, chạy dài bằng phẳng hay nhấp nhô lượn khúc qua đồi núi, với bầu trời vần vũ mây xám.

Năm giờ chiều rồi, cái thời khắc mùa đông vùng Bắc Hoa Kỳ để mọi vật bắt đầu chìm vào cảnh nhá nhem tối, thì ở đây vẫn còn sáng sủa nhờ mặt tuyết trắng xóa chiếu dọi lên không trung. Hải nhớ lại đoạn văn của nhà văn tiền chiến Xuân Diệu tả cảnh "chiều lên dần dần", và ngẫm nghĩ: bóng tối ở đây không xuất phát tự đất đen như ông ấy đã nói.

Nhìn tấm bảng bên vệ đường Hải chợt nhận ra còn độ một tiếng đồng hồ nữa chàng sẽ đến bến phà. Ngủ tạm đêm nay tại một motel trong vùng bến phà, ngày mai chàng sẽ đáp chuyến phà sớm nhất để sang bờ bên kia và tiếp tục hành trình tới thành phố Victoria của Gia Nã Đại để ở lại nhà Hạnh ít hôm cùng vui lễ Giáng Sinh với nàng. Cả Hải và Hạnh cùng được nghỉ bốn ngày nhân dịp Giáng Sinh. Tuy chẳng là Công giáo, hai người vẫn thấy dịp Giáng Sinh hằng năm mang lại cho tâm hồn mình những rộn ràng khó tả. Nó nhắc nhở những kỷ niệm chia sẻ với một ai đó đã xa rồi; nó xui nghĩ đến đoàn tụ ấm cúng, v.v... Hải chợt nhớ lại cái giọng vui mừng kém nồng nhiệt của Hạnh qua điện thoại khi chàng báo sẽ đến với nàng vào Giáng Sinh này. Và nỗi ngỡ ngàng của Hải đã được trấn an ngay qua câu nói, "em bị cảm mấy hôm nay, người cứ bần thần làm sao ấy." Ừ, phải rồi, Hạnh không được khỏe mới trở nên nhát gừng như thế, chứ lòng nàng hẳn phải vui lắm trong mùa Giáng Sinh này.

Hải cho xe phóng nhanh hơn trên con lộ rộng thênh thang, dài hun hút. Lòng chàng đột nhiên vui hơn, dường như nỗi vui sướng tỷ lệ nghịch với khoảng cách về phía người yêu. Xe đang ngon trớn thình lình chàng đưa chân đạp lên thắng để giảm tốc độ khi vừa thoáng thấy đèn của chiếc xe vận tải chạy ngược chiều chớp mấy cái, một phản xạ đã thành

bản tính thứ hai của chàng sau bao năm tháng "lăn lộn" trên các nẻo đường nước Mỹ. Trong chốn giang hồ của những tay lái xe vận tải đường trường có những hành xử đáng yêu mà nhiều người không biết đến. Chẳng hạn, tín hiệu vừa rồi là một báo động quý hóa: hãy trở về tốc độ pháp định, vì cảnh sát đang mai phục đằng trước! Hải cho xe chạy ở tốc độ 55 dặm và quan sát hai bên để kiểm chứng. Chẳng sai tí nào, một chiếc xe cảnh sát nằm ở bìa rừng bên phải, quay đầu về phía xa lộ. Qua khỏi điểm "nguy hiểm" chàng đưa tay nhấn nút để thay băng nhạc khác. Chàng đặt vào máy băng cassette mà Hạnh đã gửi cho chàng vài tháng trước. Đó là một băng gồm 20 bản nhạc vừa tiền chiến vừa cận đại mà Hạnh đã chọn thâu cho thành một hợp tuyển. Mở đầu, tiếng dương cầm thánh thót dạo lên chuỗi âm thanh quen thuộc của bản "Chiếc Lá Cuối Cùng". Lòng Hải chùng xuống một cảm xúc dễ chịu; một sự trìu mến len lén thấm vào hồn chàng... Chỉ nghe em nói nhỏ: "Trở về thôi." Giọng điêu luyện và truyền cảm của cô ca sĩ làm Hải mường tượng câu nói rất khẽ và khả ái mà Hạnh vẫn thường rót vào tai chàng cuối nhưng buổi rong chơi của hai người bên một bờ hồ ở Ottawa, trên một vĩa hè ở Vieux Montreal, hay ở thung lũng của rừng thu Mont Habitant ngoại ô Montreal, "về thôi anh". Mấy ngón tay Hải khẽ gõ lên tay lái theo nhịp điệu chậm rãi, khoan thai của nhạc, và mắt chàng vẫn không rời đoạn đường trước mặt, thỉnh thoảng liếc nhìn lơ đãng những ngọn đồi phủ tuyết trắng xóa với những thân cây trụi lá. Rồi khuôn mặt Hạnh, một khuôn mặt thiếu phụ với vẻ đẹp đã đến tột đỉnh của đóa hồng mãn khai, lớn dần trong trí chàng.

*

Bước vào trại tập trung được một năm thì sự mất mát lớn lao đầu tiên trong đời chàng xảy ra: Phương Thảo, vợ chàng, âm thầm cùng hai con nhỏ đi "tìm tự do" trong sự bảo bọc của một người đàn ông khác. Họ sang Pháp. Lúc đầu Hải không tin. Làm sao có thể nhanh chóng quá vậy. Mới một năm trôi qua thôi mà! Được thả sau năm năm nếm đủ "mùi vị" ở các trại tập trung trong Nam lẫn ngoài Bắc, Hải may mắn đi trốt lọt được ngay chuyến thử thời vận vượt biên lần đầu. Sau những tháng nằm chờ ở một hải đảo tỵ nạn, chàng vào được Hoa Kỳ, miền đất hứa Hải hằng mơ tưởng. Cái đau của sự phản bội, của sự bỏ rơi vẫn chưa rời chàng trong những tháng ngày đầu tiên trong xã hội mới. Hải không còn trẻ như những ngày còn Phương Thảo bên cạnh, và tù đày cũng đã cướp đi ít nhiều năng lực thể xác của chàng, nhưng Hải thấy mình chưa già lắm để làm lại một cái gì, nếu chàng còn cơ hội để làm. Ốc tiến thủ của chàng một lần nữa được thử thách. Ngày xưa tinh thần tiến thủ đã giúp chàng thành công nhanh chóng trong mọi nỗ lực của mình, và cuối cùng dẫn chàng đến một bến bờ toại nguyện là chinh phục được con người sắc nước hương trời của thời đó: Phương Thảo. Chàng nghe trong tâm thức mình trỗi lên câu nói thường nghiệm xưa ngàn đời và đầy vẻ thần bí: "Bạo phát, bạo tàn." Có đúng với chàng chăng? Chưa đầy 30 tuổi Hải đã vượt qua mọi khó khăn, đã thắng mọi thế lực thù nghịch, và đã đạt được những gì chàng nhắm tới. Cơ may, Hải không phủ nhận yếu tố đó, nhưng chàng cũng nhận chân được những gì mình có hơn người. Hải lại thấy mọi sự là một vòng lẩn quẩn: có lẽ những gì chàng có hơn người cũng do cơ may, do ngẫu nhiên nốt, vì làm gì có vấn đề chàng muốn hay không muốn làm một người như chàng bấy lâu nay, từ ngày mở mắt chào đời. Và nghĩ cho cùng, nói theo nhà Phật, cơ may, ngẫu nhiên cũng chỉ là quả của bao tiền kiếp. Chưa đầy 30 tuổi chàng đã có mọi thứ -- danh vọng, tiền tài, tình yêu, mái ấm gia đình. Và phút chốc, mọi sự bỗng trôi theo vận nước, để bây giờ, chưa đầy 40 tuổi, chàng lại trắng tay. Từ những ngày tù tội đến những ngày được bay nhảy tự do trở lại như bây giờ Hải đã dửng dưng chấp nhận những mất mát khác của mình, nhưng về vợ con mình, chàng thấy sự ra đi của ba con người kia thật quá nghiệt ngã với chàng.

Không có sự vật nào bạo phát, cũng chẳng có cái gì bạo tàn. Hải không chấp nhận định luật đó, nghĩ rằng mọi sự đều có nguyên ủy của nó. Và chàng lăn xả vào cuộc sống mới, hăm hở, nồng nhiệt, tự tin như thuở nào, tuy thỉnh thoảng vẫn không xua đuổi được cái ấn tượng đã một lần ngã ngựa, một ám ảnh đã đem đến ít nhiều mệt mỏi cho tinh thần. Chàng làm bất cứ công việc gì kiếm được để có tiền sinh sống và để theo đuổi một dự định dài hạn hơn: học hành. Sau ba năm ở xứ người chàng đã bỏ được thế giới của những bộ quần áo và tay chân lấm láp đất bụi để nghiễm nhiên ngày ngày ăn mặc tươm tất bước vào văn phòng mát lạnh, bóng loáng của một công ty Mỹ. Hải gia nhập hàng ngũ những người mà xã hội xứ này mệnh danh là professionals. Hải vẫn không quên được Phương Thảo và hai bé Thiên Hương và Kim Chi. Ba hình bóng đó làm tim chàng như rướm máu. Thiên Hương và Kim Chi là những hạt ngọc, những trân châu của đời chàng. Hai đứa bé thiên thần bỗng dưng bị tước đoạt cuộc sống bình thường với cha mẹ đầy đủ. Làm sao chàng có thể quên họ được. Thế nhưng, những ý tưởng kia chỉ đến với ray rứt, buồn rầu, chứ không với một nỗi hận tình, cay cú, hằn học. Ngay cả trong tâm tưởng Hải cũng không nỡ nghĩ đến những lời trách móc, nguyền rủa nặng nề, gay gắt. Chàng muốn nghĩ đến, hay tưởng tượng ra nỗi khó khăn, cô thế của một phụ nữ chân yếu tay mềm và còn quá trẻ giữa cơn lốc thời cuộc của miền Nam sau ngày 30-4-75 để tha thứ cho Phương Thảo. Rời bỏ ra đi khi Hải còn trong vòng tù đày, Phương Thảo dễ được chấp nhận với ít nhiều rộng lượng vì lý do sinh kế, và chàng thấy đỡ đau khổ hơn là sau khi cả hai cùng dắt nhau đến bến bờ tự do rồi nàng tuyên bố đường ai nấy đi, như trường hợp nhiều gia đình mà Hải biết. Sự tan nát gia đình của những người ngã ngựa như Hải từ sau cơn quốc biến 1975 do nhiều yếu tố khác nhau dự phần, và xảy ra trong những hoàn cảnh cũng rất khác nhau, nhưng Hải thấy tất cả có thể được quy vào hai loại: kinh tế và thời thế. Phương Thảo nằm trong loại thứ nhất, chàng tin

thế. Loại "thời thế" là cái gì phũ phàng nhất: sự trả đũa, sự vùng dậy của những phụ nữ vì "thời cơ" đã đến! Những đức ông chồng ngày xưa vi phạm "nhân quyền phụ nữ" thì bây giờ trả nợ. Ôi, cái vòng lẩn quẩn của con người.

Hải đã gặp lại hai con năm ngoái, từ Pháp sang thăm bố. Hai cô bé nhỏ xíu, với đôi mắt thủy tinh, má phính búp bê ngày xưa bây giờ đã là hai thiếu nữ kiều diễm, tràn đầy sức sống. Hai cây con khẳng khiu, cần nâng niu chăm sóc từng tí trong chậu kiểng, sợ nắng gắt gió to ngoài trời làm gãy chết, bây giờ đang vươn cao xanh tươi giữa trời đất. Có nhìn ngắm chúng hằng ngày cho đến lúc thân cây cao lớn, cành lá nở nang cũng khó đem hai hình tượng đó đặt gần nhau trong trí tưởng, huống hồ Hải đã không dự phần trong thời kỳ tăng trưởng đó! Chàng thấy nghẹn ở cổ. Me có khỏe không, các con. Hai con đã sống ra sao, và Me bây giờ ra sao. Hai con khôn lớn như thế này, hẳn Me đã khổ cực nhiều nơi xứ người! Tuy chỉ có Thiên Hương và Kim Chi đứng trước chàng, Hải không thể không thấy Phương Thảo khi ẩn khi hiện trong sương mù... Cả ba là một toàn thể bất khả phân. Giống như chàng nhìn ngắm một đối vật quen thuộc bị che khuất một phần: ý thức chàng vẫn thấy toàn thể sự vật với phần khiếm khuyết được trí tưởng vẽ vời để ghép vào.

Rồi Hạnh bước vào đời chàng gần hai năm nay. Giống như sự bắt đầu cổ điển của hầu hết các mối tình, Hải gặp người đàn bà mang tên Từ Thị Đức Hạnh trong một tiệc cưới của một gia đình quen thân tại thành phố Victoria bên Canada. Trong bàn tiệc đêm đó Hải đã đối diện một mẫu người lý tưởng theo tiêu chuẩn của chàng. Khuôn mặt của Hạnh thon thon, nhưng không dài quá, chắc là hình trái xoan, Hải nghĩ thế, tuy xưa nay chàng chẳng hề có một ý niệm rõ rệt về "khuôn mặt trái xoan," một mỹ từ đã trở thành ước lệ trong văn chương Việt Nam. Chiếc mũi khá thanh tú với đường sống mũi thật thẳng và chạy theo một độ dốc từ tốn, hài hòa. Làn môi với hình trái tim ở giữa không rõ nét lắm, không có một độ dày đến phàm phu, cái độ dày gợi cho đàn ông những ham hố, hay cả những lợm giọng! Làn môi đó với hàm răng trắng đều bắt người ta phải nhìn ngắm, làm người ta muốn hôn phớt nhẹ. Đôi mắt to, đen, long lanh một nét thông minh, và phản chiếu một vẻ lãng mạn. Cả hai điều, sau này Hải kiểm nghiệm đúng.

Nhưng khuôn mặt kiều diễm kia có thể cũng không làm Hải mê mệt nếu không đi kèm với một thân hình vệ nữ qua bộ váy đầm sang trọng. Từ thời trai trẻ, Hải có một lối chấm điểm khá khắt khe với phụ nữ. Chàng có hẳn một bảng trị giá: vai trò của khuôn mặt chiếm 40% trong vẻ đẹp của người đàn bà, và thân hình chiếm 60%. Điều đó có nghĩa là một người đàn bà chỉ cần một dung nhan duyên dáng, dễ nhìn, nhưng vóc dáng cân đối, hấp dẫn là điều không thể thiếu được. Vậy thì khuôn mặt Hạnh ngẫu nhiên đẹp, chứ đúng ra nàng không cần phải đẹp như thế đối với Hải. Không phải là Hải không biết ơn điều đó. Thật ra chàng thầm cám ơn Tạo Hóa đã cho chàng cả hai công trình. Một số bạn bè của Hải ngày xưa đã từng nhận xét là lối nhìn đàn bà của chàng thiên về tính dục nhiều hơn tính tình. Hải vẫn cho rằng nhận xét (hay bình phẩm) kia không đúng, hay không trung thực, vì người đàn ông nào, kể cả những người đưa ra lời lên án vừa rồi, cũng không bỏ qua được yếu tố tính dục. Có thể chàng chỉ khác số đông ở chỗ chú trọng thân thể hơn khuôn mặt. Còn tính tình dĩ nhiên là cần thiết, nhưng mấy ai dám bảo đảm mình hiểu rõ tính tình người yêu. Cho đến khi thành vợ chồng, đàn ông và đàn bà đều đóng kịch với nhau. Cho đến khi thành vợ chồng, đàn ông và đàn bà đều thấy dễ tha thứ cho nhau. Ngày nay, ở xã hội Mỹ, tình trạng chung sống tiền hôn nhân, tuy vẫn còn bị nhiều người lên án, có lẽ là một giải pháp cho bài toán về tính tình. Chung sống với nhau vài ba năm, có khi có với nhau vài mặt con, rồi mới dắt nhau ra làm lễ tơ hồng thì chắc là không còn vướng mắc ảo tưởng về nhau!

Hải khó quên được điệu nhảy

PHẠM TRUNG DƯƠNG

HÔM QUA

Trời trưa, hơi thở hôm qua
Vẫn hương quen lắm dầu xa không cùng
Trời trưa -- không -- chẳng đi cùng
Vẫn êm tay nắm ngập ngừng... để, buông?
Trời trưa -- liều -- toan hôn luôn
Tỉnh, nao nao nhớ người lưng quay, hờn

TRẦN HỒNG CHÂU

CẨM THÀNH NGẪU HỨNG

Viễn xứ hoàng hôn quy hà phương
Cẩm châu lữ quán giang thủy trường
Cô liễu phù kiều đông phong khởi
Tuyết lạc hoàng hoa tư cố hương

nghĩa:

Xứ lạ hoàng hôn ta về đâu
Cẩm châu quán trọ nước sông đầy
Gió đông liễu lệ bên cầu rủ
Hoa vàng tuyết rụng lạc quê xưa

Cẩm Thành: tạm phiên âm Cambridge, nơi có Đại học nổi danh của Anh quốc.

sơ giao với Hạnh trong đêm tiệc tùng đó. Thoạt đầu, lúc buổi tiệc vừa bước sang phần khiêu vũ, Hải chẳng hề có ý nghĩ mời nàng nhảy, vì chàng không chắc Hạnh biết nhảy, với lại còn xa lạ quá, tuy lúc nhập tiệc cả hai cũng đã được giới thiệu danh tánh với nhau, một người đàn bà với vẻ đoan trang thế kia thường có khuynh hướng khước từ một kẻ lạ. Và chàng chỉ ngồi nhìn từng cặp lục tục dìu nhau ra sàn nhảy. Chợt một gã đàn ông có vẻ đứng tuổi từ đâu bước đến bên Hạnh và chìa tay ra:

"Xin được hân hạnh."

Hạnh ngước lên, nhận ra người quen, cười lớn:

"Chà, học đâu được mấy tiếng đó vậy."

Và họ bước ra sàn nhảy. Hạnh nhảy với người đàn ông mấy bản liên tiếp trước khi trở về chỗ ngồi. Thấy Hải vẫn còn ngồi tại chỗ, Hạnh hỏi một câu bâng quơ:

"Thưa ông, các tiệc cưới của người mình bên Mỹ thường có khiêu vũ không ạ?"

"Có chứ. Đại để cũng giống như bên này. Cô nhảy đẹp lắm."

Hạnh cười rất tươi:

"Cám ơn ông. Cũng biết chút đỉnh để xã giao."

Nhịp điệu Tango thánh thót như mời gọi. Hải nói:

"Xin được hân hạnh mời cô bản này."

"Dạ."

Lúc đầu Hải cố ý giữ khoảng cách "hợp lễ". Về sau họ ôm sát nhau hơn. Hải vẫn nhớ hoài cái cảm giác đầu tiên khi chàng cầm bàn tay ngón dài mềm mại, khi chàng chạm nhẹ phần lưng thon qua làn vải mỏng của Hạnh. Khó tả. Chàng không biết dùng chữ nào hơn thế. Có điều làm Hải ngạc nhiên là ngay giây phút đó chàng nghĩ tới buổi dạ vũ xa xưa tại câu lạc bộ Huỳnh Hữu Bạc trong căn cứ Tân Sơn Nhất. Cũng với âm ba một bản Tango, cũng với ánh đèn màu mờ ảo như bây giờ, chàng hồi hộp nâng bàn tay Phương Thảo và tiến ra sàn nhảy. Cũng bắt đầu bản đàn sơ giao như hôm nay, chàng và Phương Thảo đã thành vợ chồng ít lâu sau đó. Tiếc nhớ người xưa? Không. Lần đầu tiên từ mấy năm nay, từ ngày mất Phương Thảo, kỷ niệm hiện về trống trơn, không một xúc cảm đi kèm. Định luật "thay thế" trong tâm lý học, Hải nghĩ thế; và biết đâu ở một phần nhỏ nào đó, Phương Thảo cũng bị cuốn hút bởi định luật này khi bỏ chàng ra đi. Hải lờ mờ thấy mình thích Hạnh. Nàng không nghiêm nghị hay khó tính như chàng tưởng. Những lời rót vào tai chàng rất êm ái, vui tươi, nhí nhảnh và thông minh.

"Đàn ông các anh bây giờ là những fallen angels."

"Tại sao?"

"Tại vì cứ nhớ về Trời."

"Anh thì không nhớ về Trời, vì anh giống như nàng tiên trong bản 'Huyền Thoại Một Chiều Mưa'."

"Vì ai đấy?"

"Chắc vì đất nước này."

"..."

"Em sang Mỹ lần nào chưa?"

"Sang mấy lần. Có một lần ở lại hai tuần... không chịu cuộc sống bên đó. Hối hả, nhiều nợ, nhiều lo toan."

Họ thân nhau ngay sau vài vũ điệu. Cuối cùng cả hai người cùng thấy ngồi nói chuyện thú hơn nhảy. Vai trò của khiêu vũ đã hoàn tất, và họ không cần nhảy nữa. Hải và Hạnh bước qua một hành lang vắng người để tự do chuyện trò. Một trong những lý do chàng thích dự những buổi tiệc tùng tổ chức tại các khách sạn sang trọng là tiện nghi cho thực khách, dù tiện nghi đó là một góc riêng tư tương đối mà khách cần. Hải liếc nhìn khuôn mặt rạng rỡ của Hạnh và bỗng thấy thinh thích với cái ý nghĩ: "có thể nhờ mình nhảy không tệ. Lính tàu bay mà em." Hải thấy mình lại "nhớ về Trời" rồi. Không, mình nhớ xưa để sống hôm nay đó thôi. Ôn cố tri tân! Chắc tri tân thì ít mà ôn cố thì nhiều. Lắm lúc Hải tự hỏi, nếu không có biến cố 75, bây giờ chàng đã ra sao. Có thể chàng đã tử trận, có thể chàng đã thành phế binh, có thể chàng chỉ lên một cấp và làm đại tá già an phận, mà cũng có thể chàng đã đeo một vài ngôi sao bạc lấp lánh trên cầu vai. Điều sau cùng có thể xảy ra lắm chứ, với một vị trung

tá mới 27 tuổi là chàng của ngày xưa. Nhưng bất cần, hôm nay Hải chỉ "tri tân" mà thôi, đủ rồi; Hạnh có thể thay thế tất cả, bắt đầu từ hôm nay...

Nhịp cầu đã bắt xong, kể từ đêm định mệnh đó. Một người ở Mỹ, một người ở Gia Nã Đại. Và người phải ngược xuôi trục Washington State - British Columbia là Hải. Cứ vài tuần chàng lại làm một hành trình cuối tuần bảy tiếng đồng hồ lái xe để gặp người yêu. Chàng quen thuộc lộ trình đến nỗi chàng định trước các điểm nghỉ ngơi dọc đường, và chàng tính được giờ giấc đến, chỉ sai biệt khoảng 15 phút.

Hạnh nguyên là sinh viên du học tại Canada từ trước năm 1975. Lúc làn sóng người Việt tỵ nạn ùn ùn kéo vào Mỹ và Canada khi Sài Gòn tuyên bố bỏ ngỏ thì nàng đang học năm cuối tại đại học Laval. Sau nhiều lần thay đổi việc làm, cuối cùng nàng thích công việc nhàn nhã, lặp đi lặp lại đến thành thói quen của một công chức. Hạnh làm việc cho hệ thống truyền hình của chính phủ, trong khả năng chuyên môn về thảo chương viên điện toán. Lập gia đình được năm năm thì chồng qua đời vì bệnh ung thư, để lại cho nàng một bé gái bây giờ lên sáu tuổi. Nhiều đàn ông chạy theo nàng. Hạnh chẳng có cảm tình đặc biệt với ai, tuy thỉnh thoảng vẫn nhận lời đi ăn tối với người này người kia.

Sự bất hạnh về gia cảnh của một người đàn ông thường khêu gợi lòng thương hại và mối thiện cảm của phụ nữ. Đó cũng là tâm trạng của Hạnh. Thật ra, tình cảm đó chỉ là yếu tố được thêm vào cho cán cân của Hạnh lệch hẳn về Hải. Yếu tố quyết định là ngay từ đầu nàng thấy Hải có những điểm lý thú khi trò chuyện, và một phong cách làm nàng thấy dễ chịu khi đối diện.

Hai người dự định mùa hè này sẽ cùng nghỉ phép thường niên hai tuần, và Hải sẽ đưa Hạnh đi du lịch California. Hải hy vọng chuyến đi đó sẽ mang lại sự mầu nhiệm: Hạnh sẽ chấp nhận lời thỉnh cầu của Hải để tiến tới hôn lễ. Hải đã hai lần ngỏ lời xin cưới Hạnh, và mỗi lần như thế đều gặp sự từ chối từ tốn của Hạnh. "Để thong thả rồi hãy tính, em chưa nghĩ gì được." Hoặc, "một thời gian nữa đi anh," hay một cách thực tế hơn, "có gì mà phải gấp, vì trên thực tế chúng ta đã thuộc về nhau rồi. Cái khác biệt nho nhỏ là chúng ta chưa ký một hợp đồng." Rồi nàng cười mỉm, "mà phải coi kỹ trước khi ký bản án chung thân!" Hạnh thừa biết giao kèo hôn phối bên này không còn cứng nhắc theo lề thói xưa cũ như bên nhà, mà được soạn theo quyền lợi của hai bên, hoặc đôi khi chỉ để bảo vệ một bên thôi, miễn là cả hai người thỏa thuận, và nàng thấy làm như vậy thì thôi đừng lấy nhau còn hơn là mang danh nghĩa vợ chồng mà thường xuyên thủ thế với nhau, thường xuyên ở tư thế "chân trong chân ngoài"! Hải thấy một "hợp đồng" là một khác biệt lớn chứ không phải nho nhỏ như Hạnh nói. Chàng muốn một ràng buộc, một "tư hữu", một bảo đảm nào đó, chàng lo sợ mất Hạnh. Về phía mình, Hạnh yêu chàng, Hạnh thấy cần chàng bên cạnh, nhất là những lúc gặp những bực dọc ở sở làm, hoặc những chán nản trong giao tiếp và thù tạc chung quanh. Nhưng, một người chồng, theo Hạnh thấy, là một kích thước khác của đàn ông. Hạnh bỗng mỉm cười một mình: có gì khác nhau giữa Hải người chồng và Hải người yêu? Họ đang sống với nhau, đang làm công việc của đàn ông đàn bà với nhau trong phòng the, cùng xuất hiện trước mặt mọi người trong giao tế xã hội, cùng chia sẻ những riêng tư thầm kín của hai kẻ khác phái thân tình từ hai năm nay. Chỉ có mỗi một điều là hai người không thường xuyên gần gũi nhau, vì họ ở xa nhau quá. Hạnh thấy sự khác biệt. Đó là ràng buộc hay không ràng buộc với nhau. Từ ngày Tân, chồng nàng qua đời, Hạnh khám phá thứ tự do của một phụ nữ độc lập -- độc lập về tài chánh lẫn tinh thần -- và nàng yêu cuộc sống mới đó. Không phải nàng không yêu chồng, không thương tiếc chồng. Chỉ vì cái tang bỗng xảy ra mà một tự do mới đã được nếm trải, khám phá. Mới đầu nàng cứ cảm thấy có tội với Tân vì tư tưởng đó. Rồi dần dần Hạnh cảm thấy phi lý nếu cứ sống với đạo đức giả. Nàng kết luận, vô lý, ít nhất nàng đã không tìm kiếm tự do đó; nàng đã không hề mong Tân chết. Thực ra, nàng đã đau buồn biết bao phải mất Tân. Nàng không có trách nhiệm nào với việc Tân qua đời. Và như vậy Hải hiểu em chứ. Em yêu anh, nhưng em cũng yêu tự do của em. Có lẽ em sinh ra với một bản tính độc lập mà từ lâu em không khám phá. Em tin ở tự do của con người như điều có thực và chính đáng. Tuy nhiên em không tin có sự bình đẳng giữa đàn ông và đàn bà. Với em, bình đẳng đó chỉ có trong cơ chế, không có trong tư tưởng, và lại càng không có trong thực tế. Không ít phụ nữ Việt Nam còn mới mẻ ở xứ này đã lầm lẫn giữa cơ chế và thực tế. Và buồn cười là những cơ quan thống kê và báo chí Bắc Mỹ Châu gần đây tung ra những kết quả sưu tầm giật gân: bao nhiêu phần trăm đàn bà giữ chức vụ trung và cao cấp trong guồng máy tư doanh là nạn nhân của phân biệt nam nữ -- một việc làm bằng thừa!

*

Trời bắt đầu nhá nhem tối. Xe đang đi vào một quãng đường bao phủ một lớp nước đá mỏng. Hải biết điều đó do tiếng nghiến răng rắc của bánh xe. Chàng cho xe chạy ở tốc độ 35 dặm. Bỗng chiếc xe lao về bên phải. Hải đạp thắng. Chiếc xe quay đầu về bên trái. Sực nhớ điều tối kỵ là đạp thắng trong tình trạng xe trượt trên mặt nước đá, Hải vội buông thắng. Nhưng đã trễ rồi. Chiếc xe quay nửa vòng tròn giữa lòng đường và đâm đầu xuống một trũng thấp bên trái xa lộ, đoạn từ từ nghiêng hẳn về bên trái của Hải. Độ nghiêng làm chàng nằm đè lên cánh cửa bên phía tay lái. Khoảnh khắc đó Hải chỉ biết "chịu trận" chờ chiếc xe hoàn tất chuyến động lật úp. Đầu chàng chạm mạnh vào trần xe, ngực va vào tay lái đau nhói. Chà, cảm giác khó chịu gấp bội lần hơn lúc mới vào trường bay bị viên phi công huấn luyện viên cho máy bay nhào lộn trên không trung ngoài khơi Nha Trang. Hải còn nhớ ông thầy dạy bay đã bắt chàng xác định đâu là trời, đâu là nước, và chàng đã đưa tay chỉ ngược lại với thực trạng lúc đó! Hải biết chiếc xe đã bị lộn nhào, bốn bánh đưa lên trời. Tiếng máy xe vẫn còn nổ. Chàng

ĐỖ THÌ KÊNH G.

KINH CẦU CHÔN LÁ MÙA THU

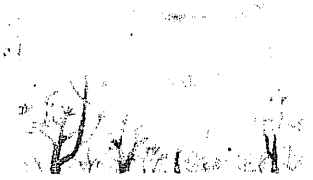

Mùa thu
Lá vàng
Mùa thu
Lá xanh
Lìa cành.
Mùa thu
Gió vàng
Mùa thu
Gió xanh
Chạy quanh
Tìm lá trên cành
Về nha, lá mộng của anh
Lá về với đất. Đất lành ôm em.
Mùa thu
Nắng vàng
Mùa thu
Nắng xanh
Đầu cành
Lang thang
Mơ màng
Nhớ lá của anh
Lá đâu? Ngày xưa long lanh
Giọt sương nắng sớm biến thành ngọc tiên.
Mùa thu
Trăng vàng
Mùa thu
Trăng xanh
Trời tang
Mây hoang
Lang thang
Ngỡ ngàng
Khói nến khói nhang
Kinh cầu chôn lá của anh
Mùa thu lá chết lòng xanh úa vàng.

TUYỀN SƠN

MONG MANH

Mong manh. Mong manh
Xin em chỉ cho anh
Cái gì không mong manh?

1. Chiếc xe Mỹ
Với giàn đồng bền bỉ
Cứng chắc, vững vàng
Ai dám bảo mong manh?
- Một tai nạn xảy ra
Trên xa lộ trơn bóng
Chiếc xe Mỹ bẹp rúm.
Mong manh.

2. Tòa cao ốc
Xây xi măng cốt sắt
Đồ sộ, uy nghi
Ai dám bảo mong manh?
- Trận động đất xảy ra
Trong thị trấn đông đúc
Tòa cao ốc đổ sập.
Mong manh.

3. Người lực sĩ
Thân hình như sắt thép
Trăm trận, chưa thua
Ai dám bảo mong manh?
- Trong một lần tìm hoa
H.I.V xâm nhập
Người lực sĩ kiệt sức.
Mong manh.

4. Đế quốc Đỏ
Có vũ khí nguyên tử
Quân đội, công an
Ai dám bảo mong manh?
- Đảo chánh hụt xảy ra
Nhân dân vùng lên chống
Đế quốc Đỏ vỡ vụn.
Mong manh.

Thế thì theo anh
Cái gì không mong manh?
- TÌNH YÊU, em ạ.
Tình yêu như biển cả
Ai dám bảo mong manh?

đưa tay tắt máy, lôi chùm chìa khóa khỏi ổ khóa, và cố gắng với tay nắm chốt cửa bên kia đẩy mạnh. Chàng leo ra khỏi xe. Cái lạnh bên ngoài làm tai, gò má, mũi chàng như đang bị ai áp nước đá vào. Hải hốt hoảng, vì chiếc áo jacket mang trên người không đủ ấm, mà chiếc áo choàng bằng da thì lại để trong ngăn hành lý ở đuôi xe, một vị trí không cách nào với tới được cho đến khi chiếc xe được lật lại. Hải định leo trở vào xe cho đỡ lạnh, nhưng chợt nghĩ chàng phải đứng bên đường để xe cộ chạy ngang có thể thấy mình nên đành đứng co ro nhìn chung quanh cảnh vật vắng lặng, chỉ toàn màu trắng và màu đen. Khí lạnh len lỏi vào lưng, lùa vào hai ống quần, và đang thấm nhập qua đôi giày, qua lần vớ dày bằng sợi, để quyện lấy các đầu ngón chân chàng; Hải có cảm tưởng đôi giày mình đã bị sũng nước. Nhưng những phần của thân thể bị phơi bày mới là những vùng hứng chịu cái phũ phàng của băng giá: hai bờ má, mũi, tai, cổ và đôi bàn tay không có một vật gì cản bớt cái lạnh buốt đến xương tủy. Nước từ hai lỗ mũi cứ chảy dài, và khóe mắt thì cay và chảy nước vì lạnh. Mấy ngón tay bắt đầu tê cóng, và đỉnh đầu cảm thấy hơi buốt. Hải lo ngại nhất là cái đầu. Các tài liệu chàng đọc cho thấy vụ chết lạnh nào cũng bắt đầu từ sự tê liệt của bộ não. Mấy lần chàng định chui vào xe tìm đôi bao tay và chiếc mũ trùm đầu bằng len, nhưng cứ sợ bỏ lỡ dịp một chiếc xe đi qua trên con đường hoang vắng này nên lại thôi. Ngẩm nghĩ liệu mình chịu được cái lạnh khủng khiếp này được bao lâu nữa, trước khi một chiếc xe chạy ngang phát giác ra mình, Hải hoang mang đến tột độ. Đành rằng không một ai có thể biết đời mình sẽ kết thúc như thế nào, và vào lúc nào, nhưng không lẽ phút cuối của đời chàng lại xảy ra trong vùng hoang vu băng giá như thế này sao. Chàng không thể bảo vô lý hay hữu lý, vì có lẽ mãi mãi con người không bao giờ thấy cái chết nào hữu lý cả. Hải nghe trong sâu thẳm của ý thức mình một câu hỏi thống thiết, "tại sao lại là mình?" Có lẽ trong cơn nguy biến đó là ý tưởng duy nhất của con người. Đây là lần thứ hai trong đời Hải gặp hiểm nguy, và Hải đã hỏi lại câu hỏi mà chàng đã hỏi cách đây 15 năm, khi núp trong bụi rậm cạnh phi trường của một căn cứ Lực Lượng Đặc Biệt đang bị bao vây. Không biết lần này mình có được tai qua nạn khỏi như lần xa xưa kia không. Hai cơn nguy biến mà chàng trải qua chẳng có một điểm tương đồng, tuy cái hiểm nguy nào cũng căn thẳng thần kinh, cũng đầy tuyệt vọng. Hải nhớ lại cái cảm giác sợ hãi khi máy bay của chàng trúng đạn liệt máy và khói đen phun từng cột dài theo hướng bay. Lợi dụng sự nhẹ nhàng của loại phi cơ quan sát, Hải cho máy bay lượn và từ từ hạ cánh, đáp khẩn cấp trên phi đạo lót bằng những tấm vỹ kim khí mà nhiều chỗ đã bị đạn pháo kích của địch tàn phá, làm nhô lên những mảnh nhọn như mũi dao. Chàng quyết định liều lĩnh như vậy để tránh nguy cơ rơi rụng từ trên không. Cái may mắn hy hữu của Hải lúc đó là được thằng bạn, cùng tên Hải - chỉ khác là thêm biệt danh "Hải khùng" -- thấy chàng lâm nguy đã cho máy bay của hắn lao theo bén gót để cứu chàng. Cái khoảnh khắc không đầy một phút đồng hồ Hải ngồi trong bụi rậm sau khi nhảy ra khỏi máy bay, chàng nghĩ Phương Thảo và hai con sẽ sống ra sao nếu chàng bị chúng bắt, hoặc đem giết đi. Chàng nghĩ đến cấp hiệu trung tá chỉ xa có vài tuần nữa, bây giờ sẽ xa đến vô cực. Và trong khi địch quân lố nhố khắp nơi, nhao nhao đi kiếm chàng thì chiếc L-19 của Hải Khùng lù lù chạy tới. Hải nhảy vọt ra bám vào thành cửa và đu người lên để leo vào, trong khi máy bay tăng tốc độ và cất bổng. Hỏa lực dưới đất bắn vớt theo như pháo nổ. Chiếc máy bay đã lãnh tất cả 72 lỗ đạn nhưng về đến Đà Nẵng an toàn.

Nếu ngày xưa, lúc ngồi trong bụi cây ở vùng rừng núi trùng điệp A Shau chàng đã nghĩ đến Phương Thảo và hai bé Thiên Hương và Kim Chi, thì bây giờ, giữa vùng băng tuyết Bắc Mỹ chàng cũng đang nghĩ đến những người đó, chỉ có thêm Hạnh. Lúc này chàng đang nghĩ đến hai người đàn bà, một người đang bao trùm cả hiện tại của chàng, và một người của quá khứ, người đã quay lưng lại với chàng. Tất cả, giờ này đang làm gì? Có lẽ trong căn phòng khách ấm áp ở Victoria, Hạnh đang nằm dài trên sofa xem truyền hình, chân duỗi thẳng, đôi chân mà chàng tôn thờ, và bên trời Paris mà màn đêm đang trôi dần về sáng, Phương Thảo, Thiên Hương và Kim Chi đang chìm trong giấc ngủ bình thường, an lành. Điều chắc chắn là tất cả không hay biết Hải đang lâm nguy, chờ chết. Tất cả sẽ nghĩ gì khi hay tin người ta đã tìm thấy xác chàng cứng đơ bên vệ đường gần biên giới Canada -- Mỹ?

Hải thấy choáng váng, dường như không còn đủ sức đứng vững. Mấy ngón tay, khi thì đút vào túi áo ấm, khi thì thọc vào hai túi quần cho đỡ lạnh, bắt đầu mất cảm giác. Chàng cố sức chạy đều tại chỗ, hai tay buông thõng cử động theo nhịp chạy. Hải cố giữ mức chạy vừa đủ gây vận động để đừng dùng sức nhiều quá. Hải đang nghĩ đến những bài học về mưu sinh thoát hiểm mà ngày xưa quân đội đã dạy cho chàng, những bài học mà chàng chưa hề tiếp nhận một cách đứng đắn. Và ngay cả giờ phút nầy chàng cũng đang nghĩ đến với một khinh miệt: chỉ là mớ lý thuyết mơ hồ. Với lại, người ta chưa hề dạy cho chàng những cách chống lạnh, cách sống sót trong băng giá, vì quân đội của chàng chiến đấu trên chiến trường nhiệt đới. Thế nhưng bây giờ bản năng sinh tồn làm Hải nghĩ đến lý thuyết mưu sinh thoát hiểm. Không, Hải chỉ nghĩ đến một câu, chứ không phải toàn bộ mớ lý thuyết mà xưa nay chàng vẫn chế nhạo. "Mọi cuộc mưu sinh thoát hiểm đều bắt đầu bằng ý chí sống còn". Hải không thể chờ cho thân thể mình bị đông lạnh. Chàng đang tìm trăm phương nghìn kế để sống sót. Chàng mơ hồ thấy tác giả Jack London có một giá trị thực dụng lúc nầy. Tuy mệt lã nhưng Hải thấy đỡ lạnh, nhất là chân tay hết cảm giác tê cóng. Chàng nghĩ mình có thể vận động cách này từng hồi -- khi ngừng nghỉ, khi tiếp tục -- để kéo dài sức chống lạnh.

Chợt có ánh đèn xe ở xa xa. Chàng ngưng vận động, dán mắt về phía đó. Đúng, ánh đèn xe đang đến gần. Hải khấp khởi mừng. Sắp được cứu rồi. Cám ơn Trời Phật. Một chiếc xe đang đến gần, có người đang đến gần. Còn

gì quý hơn. Miễn là họ thấy chàng. Chỉ có những kẻ thông còn tính người mới không dừng lại cứu chàng. Ánh đèn càng lúc càng gần. Có vẻ là một chiếc xe vận tải, vì hai đèn xe cao hơn một chiếc xe bình thường. Hải đứng sát đường, hai tay đưa lên vẫy liên hồi. Chiếc xe to và dài với tiếng máy nổ ầm ầm lướt tới. Vừa lúc Hải kịp nhận ra chiếc xe chở gỗ thì hình như tài xế cũng vừa thấy chàng, vì chiếc xe bỗng chạy chậm lại. Nó từ từ lăn bánh đến trước mặt Hải rồi dừng hẳn sát vệ đường bên kia. Chân run lẩy bẩy, Hải bước đến bên cửa xe, miệng lắp bắp không thành tiếng. Bắp thịt hai bên quai hàm chàng không còn mềm dẻo như bình thường nữa. Có lẽ vì cơ bắp phải gồng lên chống chọi với lạnh gần cả tiếng đồng hồ nên đã trở nên cứng vì nhiều ác-xít đã sản sinh. Ác-xít gì, Hải không còn nhớ nỗi những điều trong môn vạn vật học ngày xưa. Khó khăn lắm chàng mới thều thào nói về tai nạn và xin được quá giang đến một nơi nào gần nhất có thể mướn phòng trọ qua đêm. Người tài xế da trắng nhấc máy gọi nói chuyện với một ai đó, đoạn ông ta cho Hải biết chàng chẳng cần phải đi nhờ xe, mà hãy chờ tại chỗ, 10 phút nữa cảnh sát tuần lưu xa lộ sẽ đến cứu chàng. Và chiếc xe chở gỗ lao đi, bỏ chàng ở lại, sau khi người tài xế ném cho chàng chiếc mũ trùm đầu cũ xì. Hải vội trùm lên đầu mình, kéo bờ mũ phủ kín hai lỗ tai. Chàng cảm thấy dễ chịu ngay. Hải nghĩ có lẽ anh chàng tài xế nôn nóng về nhà vì cả gia đình ấm cúng gồm vợ và con cái đang chờ ông ta với bữa ăn chiều thịnh soạn có rượu chát đỏ làm tăng khẩu vị và làm nóng cơ thể. Có buốt giá như thế này giữa trời đêm mới thèm mãnh liệt một mái ấm gia đình. Hải nghĩ đến Hạnh. Em phải cho anh một mái ấm gia đình khác sau khi anh đã mất tất cả từ bên nhà. Chỉ có em mới làm được điều đó. Và sau chuyến đi hãi hùng này chắc em không chần chờ nữa, phải thế không?

Khoảng 15 phút sau, hai chiếc xe cảnh sát, trên nóc xe có đèn xanh đỏ chớp nhanh đã đến từ hướng đến của gã thợ rừng ban nãy. Một chiếc đậu gần chiếc xe bị lật ngược của Hải, có lẽ để canh chừng hay chỉ điểm cho xe kéo sẽ đến sau, và viên cảnh sát của chiếc xe kia đã dìu chàng vào xe sau khi khám sơ qua người Hải, có lẽ để tìm vũ khí. Trong khi ghi chép danh tánh của chàng từ mẫu bằng lái xe, viên cảnh sát cho biết chàng có thể ngủ đêm tại một motel gần bến phà đêm nay và ngày mai đến trạm cảnh sát để nhận lại chiếc xe của chàng, vì

TRÙNG QUANG

TIẾNG THƠ

Chợt thấy rừng đỏ lá. Thu về!
Bầu không mây ngẩn ngơ.
Đêm lạnh cỏ cây sào sạc.
Chiều vàng sông núi sương mờ.
Bồng bềnh hư ảnh.
Không không, sắc sắc... hững hờ.

Bỗng. Tiếng quê hương thoáng theo về cùng gió.
Lời thân thương cung điệu nhặt thưa.
Vương vấn bên bờ xanh biển biếc - nơi trăng, sao lấp lánh huyền mơ.

Trong cõi huyền mơ.
Vần vần chuyển tiếp.
Đem tâm tình kết nhạc.
Đem cảm khái vào thơ!
Giây phút tạm quên thế sự.
Bến Tao Đàn thanh thản mái chèo đưa.
Đông, Tây chung vần điệu.
Ngàn sau tiếp nối ngàn xưa.

Bao la vũ trụ.
Giăng mắc đường tơ.
Thấm nhuần từ buổi khai sơ.
TIẾNG THƠ muôn thủa bây giờ là đây.

Viết ngày 15-10-1993
bình diễn buổi Vui Thơ Họp Bạn
tại San Jose (17 Oct - 1993)

anh ta không rõ xe kéo có thể làm việc đêm nay để kéo xe về trụ sở không.

Bước vào căn phòng ngủ của motel, khóa cửa lại, Hải đưa mắt quan sát một lược khắp căn phòng. Đồ đạc, giường nệm, chăn gối giản dị nhưng tươm tất, gọn gàng. Chàng thấy thèm ngủ vô cùng, mặc dù bụng đang đói cồn cào. Chui nhanh vào dưới lớp chăn và vải trải giường, Hải nằm nhớ lại đoạn đường vừa qua mà thấy khiếp. Nằm một lát thấy dễ chịu hẳn, Hải ngồi dậy nhấc điện thoại gọi Hạnh.

Giờ này đã 10 giờ đêm. Theo dự trù thì chàng đã yên vị trong phòng ngủ của một motel từ lúc 6-7 giờ chiều kia, và đã gọi cho Hạnh trong khoảng thời gian đó. Hạnh ngạc nhiên và hơi lo vì suốt buổi tối chẳng nghe Hải gọi. Vừa nghe giọng Hải trong điện thoại Hạnh hồi hộp hỏi ngay tình thế của chàng. Hải nói về tai nạn, tả oán đủ điều và cuối cùng cho Hạnh biết chàng sẽ có mặt ở nhà nàng khoảng chín giờ sáng, với điều kiện xe còn chạy được. Hạnh thảng thốt khi nghe về vụ lật xe của Hải. Hạnh nghĩ đến những hiểm nguy, những gian truân của đường sá về mùa đông mà Hải hứng chịu vì mình -- ô hay, tại sao chỉ vì mình, còn vì niềm vui của chàng nữa chứ -- và chợt thấy thương hại, vì nàng cũng vừa nghĩ đến Hưng...

Đặt lưng xuống mặt giường nệm với màu trắng tinh của tấm trải, Hạnh với tay tắt đèn, kéo chăn lên tận ngực. Vài ý tưởng đứt đoạn, rời rạc thoáng qua trong tâm trí nàng. Đời sống là chuỗi dài những quen biết rất tình cờ. Hải là một tình cờ, cũng như Hưng bây giờ là một tình cờ. Ý hướng của con người là sống theo đạo lý, theo lẽ phải. Nhưng đạo lý là gì, nếu không phải là những khuôn phép, những giá trị định bởi con người trong từng thời đại, từng không gian. Vậy thì chẳng ai có quyền phán xét về ai cả. Với Hạnh, lẽ phải khác đạo lý; lẽ phải là khả năng phân biệt thiện và ác. Và điều thiện thì tự nó là điều thiện, cũng như điều ác tự nó là điều ác, chứ chúng không mặc một giá trị ngoại tại nào do con người gán cho. Nàng có quyền tìm hạnh phúc, vì mọi người đều có quyền theo đuổi hạnh phúc, miễn là đừng dày xéo lên người khác để đạt cứu cánh đó. Vô nghĩa nếu chỉ vì phục vụ cho những khuôn phép người đời mà phải gắn bó mãi với một người khi ta không có nguồn vui, không còn ham thích ở người đó nữa! Hạnh bỗng thấy hoang mang với chính những ý nghĩ của mình. Đến bao giờ thì nàng mới tìm thấy đất lành chim đậu, mới tìm thấy những giá trị vững chắc để tận tụy? Tại sao không là một gia đình? Có lẽ. Nhưng với Hải ư, vì chàng cũng muốn thế? Rồi Hạnh thiếp đi trong giấc ngủ của cuối ngày.

*

Hạnh và Phi Phi, đứa con gái lên sáu tuổi của nàng, sống trong một khu vực trung lưu của thành phố Victoria. Căn nhà trệt sơn màu trắng, vây quanh bởi thảm cỏ xanh mượt mà và những luống hoa nhiều màu rực rỡ, từ hai năm nay đã là hình ảnh quen thuộc đối với Hải. Vì căn nhà nằm ở góc đường nên khi xe vừa quẹo trái Hải đã thấy Hạnh đứng trên bậc thềm nhà chờ chàng. Phi Phi đứng cạnh mẹ. Con bé ngoan đáo để, khiến Hải thương như chính con của mình. Trước đó Hải đã dừng xe tại một tiệm McDonald quen thuộc cách nhà khoảng nửa dặm để gọi điện thoại báo Hạnh biết chàng sẽ đến trong ít phút nữa.

Tính ra đã bốn tháng hai người không gặp nhau. Đó là khoảng thời gian xa cách lâu nhất kể từ ngày quen nhau. Hạnh vẫn tươi mát như đóa hoa mới cắm vào lọ. Họ không ôm nhau trước mặt Phi Phi. Hạnh đề cập đến vụ

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

HÁI SIM

muốn ăn sim chín trên nguồn
em về cởi trút nỗi buồn, theo anh
ta đi ven suối bờ xanh
nhử con vắt, biết đeo vành phù dung
ta đi cho đến ngọn cùng
rừng sim trái rựng ửng hồng làn môi
ta qua thác lũ núi đồi
tôi em mình có một trời thủy chung
ai thương em cứ bảo đừng
rằng em sim đã chín từng mùi da
bỏ ngoài đạo đức, thế gia
lấy trong nguyên thể ngọc ngà dấu yêu
mặc ai áo gấm nhiễu điều
chi hơn xắn váy những chiều hái sim
ngon sim em hỡi, ta tìm
dấu trong khuê các vẫn mềm ý xưa
có nhau - sóng soãi - mây mưa
anh trèo em hái ơi mùa đầy vơi!

Na Uy tháng 10/93

NGUYỆT TRÌ

TÂM SỰ VỚI VẦNG TRĂNG

Tôi gói nguồn thơ theo tiếng ru
bên hồ thông đứng gió vi vu
trăng xưa rớt xuống vùng tâm thức
khuấy động hồn tôi chút bụi mù.

Ấp ủ trong lòng nửa mảnh trăng
đêm đêm thao thức với cung hằng
vườn khuya lai láng mùa trăng ngự
đừng bảo hồn tôi sao giá băng.

Tôi gói tình tôi trong bóng mây
mà trời không để gió ngừng bay
Mây tan. Thuyền vỡ. Chiều dông bão
ngơ ngác kêu sương nhạn lẻ bầy.

Xin khắc lời thơ trong bóng đêm
tình thơ ôm ấp mãi trong tim
bài thơ khi chết mang về đất
Tri kỷ. Ngàn xưa há dễ tìm!

xe lật. Hải nói:

"Nếu không gặp chiếc xe chở gỗ chắc anh không sống sót được. Chỉ vài tiếng đồng hồ nữa là anh ngã quỵ với cái lạnh 10 độ âm!"

"Sao không lái cẩn thận hơn. Mặt đường đã đóng băng thì đừng chạy nhanh."

"Chỉ mới vào đoạn đường đóng băng thôi là anh chạy chậm lại ở tốc độ 35. Vậy mà xe vẫn trượt."

Hạnh nhìn Hải, tự hỏi nếu Hải chết trong đêm qua thì lòng nàng sẽ như thế nào; không biết mình có buồn lắm không. Nếu Hải chết mình cũng chẳng có trách nhiệm gì. Cũng như mình chẳng có trách nhiệm về cái chết của Tân ngày trước. Mình chẳng muốn ai chết cả. Hải chợt hỏi:

"Ơ kìa, sao nhìn người ta dữ vậy?"

Hạnh đáp nhanh:

"Nghĩ đến tai nạn của anh mà thấy khiếp. May mà anh không hề gì."

Hải hiểu lầm câu nói vô thưởng vô phạt của Hạnh:

"Anh phải sống để về với em chứ."

Hạnh mỉm cười, quay vào nhà, và Hải theo sau. Không thấy Phi Phi đâu cả, Hải cúi hôn lên gáy của Hạnh, một chiếc gáy dài và trắng nõn nà, lưa thưa mấy sợi lông măng nâu nhạt rất nhuyễn. Hạnh thấy nhột nhạt khó chịu, phải ưỡn người về phía trước trong một cử chỉ chịu đựng. Hải thường nhớ lại một đoạn sách phân tích những nụ hôn đọc hồi trẻ ở bên nhà: hôn lên trán biểu thị tình thương cao quý, như của cha mẹ với con cái, hôn cổ là tình yêu chung thủy, và hôn môi là thèm khát thể xác. Chàng chẳng biết sự phân tích kia đúng hay sai, chỉ biết chàng vẫn dành cho Hạnh hai loại hôn sau.

Đột nhiên, như nhớ ra điều gì, Hải hỏi:

"Em thấy khỏe hẳn chưa, sau cơn cúm?"

Hạnh ngơ ngác -- trời đất, mình có bệnh hoạn gì đâu -- đoạn, chợt hiểu:

"Đêm qua ngủ ngon giấc nên hôm nay thấy khỏe hẳn."

Nàng nhớ lại cái hôm Hải gọi báo tin sẽ sang thăm thì nàng đang nghĩ đến những ngày nghỉ Giáng Sinh với Hưng. Cú điện thoại đã làm hỏng chương trình của Hạnh nên nàng đâm ra nhất gừng, và phải phịa cơn cảm cúm cho qua chuyện với Hải.

Hạnh muốn đưa Hải và Phi Phi đi ăn điểm tâm tại một tiệm Việt Nam mà nàng hợp khẩu vị, nhưng Hải ngỏ ý muốn ăn bánh mì và trứng chiên tại nhà cho có không khí gia đình, nên nàng đành chìu ý. Hạnh chẳng quan tâm đến ấn tượng đó lúc này. Thật ra, nàng thấy tình cảm gia đình, nếu có, thường nảy sinh từ bên trong, không phải ngoại cảnh đem lại, và như vậy, ăn chỗ nào cũng thế; vấn đề là phải cùng ngồi với nhau. Tự nhiên Hạnh không còn cảm thấy nồng nhiệt với Hải nữa. Không có vấn đề gì cả. Hải vẫn thế, vẫn "bình thường" như nàng vẫn thấy. Chỉ có điều nàng không còn thấy chàng quan trọng nữa. Nhưng có lẽ Hạnh khó giản lược Hải trở về một người bạn không hơn không kém. Cái mất đi có lẽ là đam mê. Hải có thấy đổi thay gì ở Hạnh không? Chắc có, chắc không. Một sự đổi ngôi trong lòng nàng, đó là điều càng ngày càng rõ dần như Hạnh thấy. Nó manh nha từ ngày Hạnh gặp Hưng trong bệnh viện nhi đồng cách nay vài tháng, khi nàng đem Phi Phi vào phòng cấp cứu vì cơn suyễn của con bé.

Hạnh vẫn ý thức được vẻ quyến rũ của mình, và cái nhìn của người đàn ông xa lạ nào cũng chỉ mang đầy ý hướng chiếm đoạt. Đàn bà tự vệ bằng phớt tỉnh, một thái độ chối bỏ sự hiện diện của đàn ông chung quanh mình. Ấy thế mà một giao tiếp bỗng xảy ra sau vài lần chạm trán

Hưng ngoài phố, và trong một tiệm tạp hóa Á Châu. "Ông đi chợ hộ cho bà nhà?". "Nếu có bà nhà thì phúc quá." Hưng chẳng thèm hỏi lại nàng điều tương tự. Chàng hỏi thăm về Phi Phi với cơn suyễn của nó. Chàng chìa tấm danh thiếp cho Hạnh và không quên tự hiến những giúp đỡ nghề nghiệp nếu con bé cần. Chàng săn đón Hạnh, chàng tỏ ra lịch lãm, và làm như không cần Hạnh đáp lại sự nghĩa hiệp của mình. Hạnh có cảm tưởng suốt cuộc đời của một gã đàn ông -- hay ít ra, cho đến một giới hạn tuổi tác nào đó -- là những săn đuổi dành cho đàn bà. Cả Tân, cả Hưng, cả Hải, tất cả giống đàn ông đều thế. Không nhất thiết họ chỉ săn đuổi một lúc một đối tượng. Hai năm sau ngày cưới Tân đã chẳng lẹo tẹo với một người con gái khác là gì. Anh chàng Hưng này biết đâu đang bắt cá hai tay cũng nên. Và làm sao biết được ở bên trời Mỹ kia Hải chẳng có một bóng hồng trừ bị. Nhưng đó không phải là một bận tâm của mình, Hạnh biết thế. Điều làm nàng thấy hơi "phiền toái" là Hưng như một đợt sóng lớn đánh vào và cuốn phăng hết những dấu chân kỷ niệm của nẻo đường tình hai năm qua. Và Hưng bỗng đặt Hải ở vị trí đối kháng mà nàng đang cố tìm cách cân bằng hai cực. Và càng cố cân bằng thì cán cân càng lệch. Những đức tính, những thói quen của Hải mà lâu nay nàng khâm phục bây giờ bỗng hóa ra tầm thường. Hưng là hiện thân một cái gì mới mẻ, cuốn hút hơn. Hưng lịch lãm, Hải thiếu bén nhạy và khôn ngoan. Hưng trí thức, Hải võ biền. Và vân vân... Hạnh thích nhớ lại chiếc bàn ăn phủ vải trắng, trong một góc kín đáo, dưới ánh sáng lung linh của ngọn đèn cầy đang hắt lên gương mặt Hưng đối diện một màu hồng nhạt. Nét mặt Hưng thư thái, linh hoạt, vui tươi, trái hẳn với vẻ đăm chiêu căng thẳng của chàng ở bệnh viện. Khung cảnh tuyệt vời, đồng lõa đó mới diễn ra tuần vừa rồi trong một tiệm ăn sang trọng, và vẫn còn dư cảm ngây ngất trong lòng Hạnh.

Để chạy trốn những đối chọi trong lòng, Hạnh đề nghị với Hải đi chơi leo núi tuyết ở một trung tâm thể thao ngoại ô thành phố. Bé Phi Phi được gửi qua thăm bà ngoại và ngủ lại bên đó. Tối đến họ đi ăn ở một nhà hàng Đức, để thưởng thức món ăn và nhạc dân ca Đức. Cả hai về đến nhà gần nửa đêm. Đêm đó, trong cùng giây phút giao hoan, hai thể xác và hai tâm hồn không cùng chung cộng hưởng giống nhau. Có lúc Hạnh tưởng chừng như thân thể đàn ông đang đè nặng trên người nàng chính là Hưng với đôi cánh tay trần có nhiều sợi lông chạy vòng cung. Và có lúc Hạnh cảm thấy sự mê loạn của thể xác hoàn toàn là bản năng của giống đực và giống cái. Với Hải, những tháng dài xa cách đã biến sự gần gũi hai thân thể như bờ nước bị vỡ, như nguồn lực bị nén từ lâu đượt thoát ra. Chàng mường tượng thân thể nóng bỏng của Hạnh như một người vợ chung thủy và nồng nàn. Hạnh rướn người, rên khe khẽ, trong khi Hải cúi xuống, áp ngực mình vào vùng ngực trải rộng, căn tròn bên dưới trong một ham hố, cuồng nhiệt chưa từng có. Hai thân hình quyện lấy nhau như loài rắn...

*

Hải thức giấc, quơ tay sang bên cạnh chỉ thấy nệm trống trơn. Đồng hồ trên bàn trang điểm chỉ chín giờ sáng. Hạnh đã thức dậy từ hồi nào, đang làm công việc bếp núc ngoài kia. Chàng lăn tròn trong chăn, cảm thấy các thớ thịt mỏi nhừ, một sự mỏi mệt thật dễ chịu! Lâu lắm rồi, dễ thường mười mấy năm nay, từ khi mất đi mái ấm gia đình ở bên nhà, Hải chưa có một buổi sáng thần tiên dậy muộn như hôm nay, sau một đêm hoan lạc hả hê và ngủ vùi. Những lần trước đến với Hạnh cũng tuyệt diệu, nhưng còn kém xa lần này. Vẳng nghe tiếng Hạnh nói chuyện với bé Phi Phi, có lẽ vừa được đưa về từ bên nhà bà ngoại, bỗng nhiên Hải thèm cưới Hạnh hơn bao giờ hết. Còn gì êm đềm, hạnh phúc cho một người đàn ông bằng lúc này đây, nằm lười biếng trong chăn nệm ấm êm và biết rằng ngoài kia người vợ yêu kiều đang lo bữa ăn sáng cho mình. Hải định bụng lát nữa sẽ nhắc lại kế hoạch du lịch California của hai người mùa hè tới, như một xác nhận, mặc dù chàng nghĩ Hạnh không thể quên. Hải thấy trước cuộc du lịch sẽ như một loại tiền trăng mật, chứ không phải tuần trăng mật thường.

Hải nhổm dậy bước vào phòng tắm. Lúc sắp mở nước tắm thì điện thoại ở đầu giường nằm reo. Hạnh chạy vội vào nhấc máy lên.

"Anh Hưng hả?"

"..."

"Ráng đi... Ít hôm nữa em sẽ đền bù cho..."

Qua lần cửa khép kín Hải nghe không đầy đủ hết tiếng nói, nhưng có cảm tưởng Hạnh đang nói chuyện với một ai đó rất thân thiết. Hạnh nói rất khẽ, dường như sợ Hải nghe. Trực giác đàn ông làm Hải nghe nhói ở tim.

Ngồi vào bàn ăn mà tâm trí Hải không gác bỏ được ám ảnh của cú điện thoại vừa rồi. Mấy lần chàng liếc nhìn Hạnh đang cúi xuống bữa điểm tâm. Ăn vội cho xong bữa, Hải đứng dậy, bưng tách cà phê đen đến ngồi ở sô pha torng phòng khách. Chàng nghĩ ngợi lung tung. Ở đời, những lúc không ngờ nhất thì hạnh phúc lại đến, cũng như những lúc không ngờ nhất bất hạnh lại xảy ra. Có thể lắm. Mấy lần chàng định vào bếp, bảo Hạnh dừng tay dọn dẹp để trả lời cho mình biết người gọi điện thoại là ai, một Hưng nào đấy. Cuối cùng thì Hạnh cũng xong công việc, vừa lau tay vừa tiến ra phòng khách. Nàng ngồi xuống một chiếc ghế bành kế cận chỗ Hải ngồi, vừa chỉ cây Giáng Sinh giữa nhà vừa hỏi Hải:

"Anh thấy cây thông này đẹp không?"

Hải trả lời qua loa, vì tâm trí đang xoay quanh câu hỏi chàng định dành cho Hạnh từ nãy giờ. Chàng ngần ngại. Nên hay không nên. Hải thấy câu hỏi rất nghiêm trọng, chỉ vì nó cách khoảng với cú điện thoại khá lâu. Phải chi ngay sau cuộc điện đàm, Hải có mặt tại chỗ để hỏi Hạnh ngay thì câu hỏi rất bình thường, hoặc ít ra cũng có vẻ bình thường để cả hai bên cùng thấy đỡ bối rối. Bây giờ nếu câu hỏi được đặt ra thì điều hiển nhiên nó trở thành một câu hỏi ghen tuông. Ừ, thì ghen tuông đấy, có sao đâu. Tại sao không dám lên tiếng. Cùng lắm thì xin lỗi sau, còn lỡ đúng mục tiêu thì... còn nuối tiếc gì nữa! Hải cố lấy giọng bình thường:

"Khi nãy có một người tên

Hưng gọi điện thoại cho em phải không?"

Cái nhíu mày rất nhanh cộng với một thoáng mắt tròn xoe của Hạnh là một dấu hiệu bối rối, dù rất khó nhận. Nàng đáp:

"Ồ, anh Hưng, người anh họ của em. Ảnh gọi để chúc Giáng Sinh."

Hải nghe nhói ở tim một lần nữa. Một thú nhận phũ phàng. Hạnh đã từng "than thở" với chàng rằng mình không có họ hàng bà con xa gần ở đây ngoài mẹ và cậu em trai, để thỉnh thoảng có chỗ lui tới, đem "anh kép đẹp trai hào hoa" đi trình làng. Phải chi Hạnh bảo tên Hưng phải gió vừa rồi là một người bạn cùng sở làm thì đỡ khổ cho Hải biết bao nhiêu; chàng còn có thể bám víu vào một hy vọng hão huyền là mình hiểu lầm. Hạnh cũng cùng một "hối tiếc". Phải chi mình cứ nói là bạn cùng sở thì đã không hớ! Không phải nàng sợ phải chấm dứt với Hải, mà nàng chỉ muốn giải kết từ từ cuộc tình đó. Đột ngột, trắng trợn quá rõ ràng là không nên.

Hải thấy cơn giận sắp dâng lên. Trời! Vượt hằng mấy trăm cây số giữa trời đông tuyết giá, suýt bỏ mạng dọc đường, chỉ vì một người mà chàng tưởng đang tha thiết trông chờ chàng. Hạnh, em có phải là một con rắn độc không? Đúng, em là con rắn độc vừa mới đêm qua quấn siết thân thể anh, và bây giờ nhả bỏ cái xác không hồn của anh! Hải muốn đứng dậy đưa hai tay bóp cổ cho Hạnh chết tốt để hả cơn điên dại của mình. Chàng muốn làm một cái gì sấm sét, kinh thiên động địa. Vô ích. Bỗng nhiên Hải thấy mọi sự sụp đổ, tan tác chung quanh chàng. Chàng thấy chán nản, tuyệt vọng, mệt mỏi. Hình ảnh một người lữ hành cô độc lê bước trên nẻo đường xa tắp đầy gió cát hiện lên trong trí chàng, cái hình ảnh siêu thực mà mỗi lần thất bại, tuyệt vọng, đau khổ chàng thường nghĩ tới. Hải chẳng biết cái hình ảnh kia có từ bao giờ, do nhìn ngắm ở đâu mà chàng có. Chỉ biết bây giờ nó là một phần của tiềm thức, hay một ám ảnh về định mệnh chàng.

Nhìn mặt tái nhợt, đôi mắt long sòng sọc, cái miệng méo xệch của Hải, Hạnh thấy một nỗi lo sợ vẩn vơ, sợ cái điên cuồng của một con thú bị thương. Hạnh biết mình đã "lộ tẩy". Để tự trấn an, Hạnh nhủ thầm, mình đâu có bội ước với ai đâu; mình có đính ước với Hải bao giờ đâu mà bội ước. Mình chỉ hành xử cái quyền chính đáng của con người, quyền tự do. Cũng như Hải cũng có thể hành xử tự do của chàng. Nhưng có lẽ mình thiếu thẳng thắn để thể hiện những điều đó, và mình chỉ đáng trách có thế thôi.

- Hạnh, em vừa nói dối với anh, phải không?

- Đúng, chẳng qua vì em muốn tránh cho anh những bối rối, khó xử.

- Vậy Hưng là ai?

Hạnh cảm thấy bị hạch hỏi như một tội nhân. Nàng trút nỗi bực tức vào Hải:

"Phỏng em nói ra có ích gì cho anh không? Là một người bạn, là một người quen, đủ rồi. Mà anh chẳng cần biết.

- Em ăn nói lạ nhỉ. Bộ giữa chúng ta không ai có quyền biết người kia giao du với ai sao?

- Đúng thế. Tôi chả bao giờ thắc mắc là anh quen bao nhiêu cô gái, đi với người nào v.v... bởi vì tôi thấy chúng ta vẫn là những người tự do, chưa ràng buộc với nhau.

Hạnh chợt nhận ra mình hơi tàn nhẫn và hơi vô lý, nhưng nàng không khỏi bực tức với Hải. Trong thâm tâm, nàng bỗng thấy thù ghét mọi trở lực trên con đường nàng đến với Hưng.

Mặc dù tức tối với lời lẽ càng lúc càng ngang ngược của Hạnh, Hải cố giữ để không rơi vào tình trạng "giận mất khôn":

"Hai chúng ta là những người tự do theo cái nghĩa chưa đính ước với nhau, nhưng giữa chúng ta vẫn có một ràng buộc bất thành văn, một sự trung thành mặc nhiên của người nầy đối với người kia chứ. Cô thử nghĩ, nếu đàn ông và đàn bà đến với nhau không dựa trên căn bản thỏa thuận ngầm như vậy thì mối liên hệ ấy có còn gọi là tình yêu, là bồ bịch được không? Hay là một quan hệ..."

"Anh định nói là quan hệ gì?"

"Cô thông minh, khỏi cần tôi nói ra cái định nghĩa đó."

"Tôi nghĩ tôi hiểu anh ám chỉ gì. Có điều tôi muốn nói là mối liên hệ giữa chúng ta chưa hề đi đến mức tệ như thế. Nói rõ hơn, riêng về phần mình, tôi chưa bao giờ xử sự trái với lương tâm con người. Và nay thì tôi thấy chúng ta không có duyên nợ với nhau. Thôi thì đường ai nấy đi."

"Có có thể nói rõ hơn không?"

"Tôi có sự chọn lựa của tôi."

"Cô nhất định rồi, phải không?"

Hạnh cúi nhìn lưng bàn tay mình, im lặng.

Hải đứng bật dậy, buông một câu chua chát, "Chúc cô may mắn".

Nét mặt đanh lại. Chàng đến bên giá áo với lấy chiếc áo jacket, và đẩy cửa, bước nhanh ra xe trong khi tuyết đang rơi mau. Hạnh nhìn theo, mặt thoáng buồn nhưng không hối tiếc.■

25-8-93

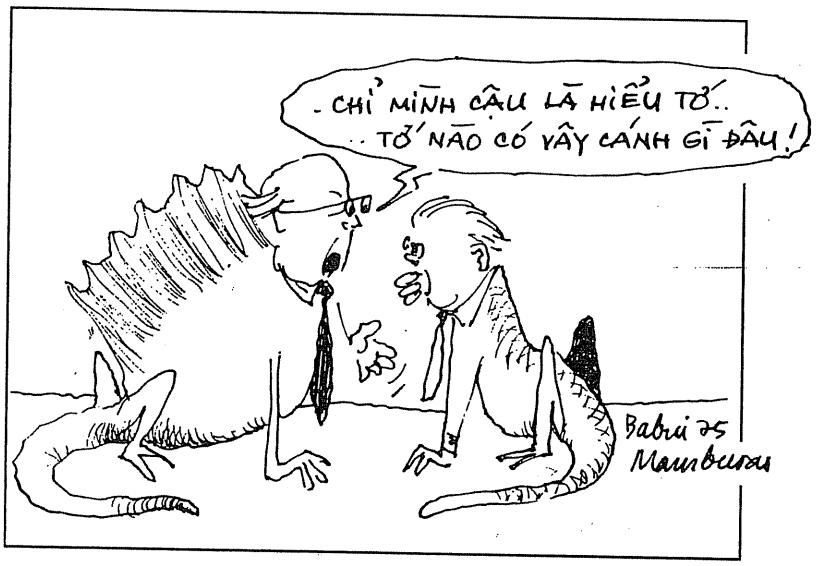

THẾ SỰ THĂNG TRẦM

VŨ ÁNH

APEC: Một kỷ nguyên hợp tác tại Á Châu-Thái Bình Dương

Hai sự kiện quốc tế quan trọng nhất trong tháng này lại đều diễn ra tại Hoa Kỳ. Thế giới không lúc nào thiếu chuyện để nói, nhưng nếu nói đến tin tức hàng đầu thì không thể không đề cập đến Hội nghị APEC họp tại Seattle, tiểu bang Washington.

Chưa bao giờ trong lịch sử lại có một cuộc gặp gỡ đông đảo các nhà lãnh đạo quốc gia vùng Thái Bình Dương như tại Seattle lần này. Hơn một chục các nhà lãnh đạo các nước Á Châu và Thái Bình Dương đã họp cùng Tổng Thống Clinton tại đảo Blake trong ngày 20-11 và cũng là ngày kết thúc cuộc Hội Nghị. APEC là chữ viết tắt bằng Anh ngữ để gọi Cộng Đồng Hợp Tác Kinh Tế Á Châu Thái Bình Dương.

Đối với các nước Á Châu, đây là cuộc gặp gỡ khởi đầu cho một kỷ nguyên mới, tiến tới hình thành một khối hợp tác kinh tế sau nhiều thế kỷ bị chia rẽ bởi chủ nghĩa cô lập, thuộc địa, cách mạng và chiến tranh cả nóng lẫn lạnh.

Michel Osenberg, Chủ tịch Trung Tâm Đông Tây tại Honolulu, nói rằng Hội nghị APEC ở Seattle là một bình minh của thời đại mới tại Á Châu trên hai phương diện: lần đầu tiên các quốc gia ngồi lại trong ý hướng hợp tác hơn là đối đầu và cũng là lần đầu tiên, một thế hệ lãnh đạo mới sau Thế Chiến Thứ Hai gặp gỡ nhau. Trong quá khứ Hoa Kỳ thường dành nhiều chú ý đến Âu châu nhiều hơn, nhưng càng ngày Hoa Kỳ càng phát triển những quan hệ trên nhiều mặt và gia tăng ảnh hưởng trong vùng Thái Bình Dương. Cũng nhân Hội nghị APEC, Thủ Tướng Nhật Bản Morihiro Hosokawa đã gặp Chủ Tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân. Người ta tin rằng Nhật Bản sẽ đóng một vai trò trung gian quan trọng để làm nhẹ đi những căng thẳng hãy còn tồn tại trong quan hệ Trung Quốc và Hoa Kỳ.

Công tác chính của Thủ Tướng Nhật Bản Hosokawa là thuyết phục Trung Quốc giải quyết những bất đồng quan điểm giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc về những vấn đề mậu dịch, nhân quyền và buôn bán vũ khí. Trong cuộc viếng thăm California trên đường tới Seattle, Ngoại Trưởng Trung Quốc Tiền Kỳ Thâm đã tuyên bố rằng ông không chịu nối kết vấn đề nhân quyền với mậu dịch. Trong khi đó, Ngoại Trưởng Mỹ Warren Christopher, trong bài nói chuyện tại Trung Tâm Nghiên cứu Các Vấn đề Quốc Tế của trường Đại Học American ở Seattle, đã tái khẳng định lập trường của Hoa Kỳ đối với vấn đề nhân quyền tại Trung Quốc. Ông nói: "Tổng Thống Hoa Kỳ sẽ không thể tiếp tục dành cho Trung Quốc qui chế tối huệ quốc trừ phi có những cải thiện đặc biệt về nhân quyền tại Trung Quốc".

Cũng vào dịp này, Ngoại Trưởng Mỹ nhấn mạnh rằng Mỹ vẫn quan tâm theo dõi các vấn đề nhân quyền tại các quốc gia như Miến Điện, Việt Nam và Nam Dương.

Xương sống của chính sách đối ngoại tại Á Châu-Thái Bình Dương là lời cam kết của Ngoại Trưởng Hoa Kỳ, theo đó Hoa Kỳ tham dự tích cực hơn nữa vào đầu tư và phát triển vùng này. Ông nhấn mạnh: "Hoa Kỳ sẽ không bỏ lỡ cơ hội đối với thị trường Á Châu. Chúng tôi sẽ để cho các doanh nhân Mỹ được thoải mái hơn khi đầu tư vào các thị trường này".

Số phận của NAFTA được định đoạt

Như thế là số phận của Hiệp Ước Mậu Dịch Tự Do Bắc Mỹ đã được định đoạt sau cuộc đầu

TT. Clinton "thắng lớn" trong cuộc vận động Hạ viện Mỹ ủng hộ NAFTA

phiếu khá gay go tại Hạ Nghị Viện Hoa Kỳ. Tổng Thống Clinton đã thắng lợi với số phiếu vượt qua sự mong muốn ban đầu, là 234/200. Việc chấp thuận bản Hiệp Ước là một trong những bước tiến mới mở ra cho nền kinh tế vẫn còn bế tắc tại Hoa Kỳ. Tổng Thống Clinton và những người ủng hộ Hiệp Ước này tin rằng, NAFTA sẽ giúp cho Hoa Kỳ, Canada và Mễ Tây Cơ giải quyết được những khó khăn trong việc phát triển Bắc Mỹ do những ngăn cản có tính chất truyền thống.

Tổng Thống Clinton và những chuyên viên kinh tế thượng thặng nhất của ông vạch ra một viễn tượng tươi sáng trước khi NAFTA được chấp thuận. Họ lập luận rằng với tổng cộng dân số của hai nước Canada và Mễ Tây Cơ lên đến 370 triệu người, tổng sản lượng 6.8 ngàn tỉ MK, việc phá bỏ những hàng rào ngăn cản, NAFTA sẽ biến Bắc Mỹ thành khu vực mậu dịch tự do lớn nhất thế giới.

Trong những khu vực mậu dịch tự do như thế tất phải phát sinh nhiều công việc làm. TT Clinton hy vọng rằng với NAFTA, tình hình kinh tế Mễ phát triển mạnh mẽ hơn và đây chính là động lực khiến chính phủ Mễ Tây Cơ phải góp phần tích cực hơn trong việc ngăn chặn luồng sóng di dân bất hợp pháp từ biên giới Mễ-Hoa Kỳ ngày càng gia tăng.

Tuy nhiên những người chống lại Hiệp Ước NAFTA lại cho rằng NAFTA không chắc chắn tạo ra được thêm việc làm và hồi sinh được nền kinh tế Hoa Kỳ. Một trong những người chống đối mạnh mẽ NAFTA nhất là nhà tỉ phú Ross Perot. Đối thủ nặng kí trong chiến dịch tranh cử vào năm ngoái của TT Clinton nhắm vào yếu tố tiền công rẻ mạt của công nhân tại Mễ Tây Cơ hiện nay để cho rằng các công ty Mỹ rồi đây sẽ chuyển bớt những nhà máy hay xưởng sản xuất sang Mễ Tây Cơ. Công nhân Mỹ đòi tiền công quá cao cộng với những phúc lợi xã hội nên không thể nào ngăn chặn những doanh nhân Mỹ đem bớt một số lượng khá quan trọng công việc sang Mễ Tây Cơ, một khi Bắc Mỹ trở thành vùng mậu dịch tự do.

Những hoài nghi của phe chống đối không phải dễ dàng bị đánh đổ. TT Clinton và những người cộng tác với ông đã phải trải qua những cuộc thương lượng và vận động khó khăn, trong đó phải kể đến việc Phó Tổng Thống Al Gore đương đầu một cách can đảm trước những tấn công của tỉ phú Ross Perot trong một cuộc tranh luận trên hệ thống truyền hình CNN. Chỉ một vài giờ trước cuộc biểu quyết, tình hình vẫn còn bấp bênh. NAFTA cần phải có thêm 5 phiếu thuận nữa mới vượt qua được mức 218 là mức phiếu cần thiết để được thông qua. Theo dõi những cuộc vận động, dư luận thấy rõ rằng trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ, ít có đề nghị nào của TT Clinton đưa ra được xuôi chèo mát mái tại Quốc Hội Mỹ như lần này. Con bài tẩy để TT Clinton đạt được thắng lợi vào phút chót chính là biến các cuộc vận động trở thành một chiến dịch rộng lớn không thua gì một cuộc vận động bầu cử. Lần này, ông đại thắng.

Không phải lính cứu hỏa cũng phải lao vào chữa cháy.

Bão lửa tại nam California gây thiệt hại nặng

Sau trận lụt khủng khiếp tại miền Trung Tây Hoa Kỳ gây thiệt hại khá nặng cho nền kinh tế, bão lửa lại hoành hành tại Nam California gây thiệt hại hàng chục tỉ MK về rừng và nhà cửa. Ngọn lửa không biết phát ra từ nguyên nhân nào đã được gió sa mạc khô và nóng thổi mạnh khiến cho ngọn lửa lan rộng ra thành nhiều đám cháy khác trong quận Ventura. Cùng lúc, gió sa mạc thường được gọi là gió Santa Ana đã làm cho vùng cháy ở những nơi khác nhau tại miền Nam California như Laguna Beach, Emerald Bay, Newport Cove, Malibu, Altadena.

Những đám cháy kéo dài cả tuần lễ khiến cho trên 3,000 căn nhà bị thiêu hủy, gần 300,000 mẫu Anh rừng, bãi cỏ và bụi rậm bị hủy hoại đúng lúc những cơn mưa đầu mùa làm cho bùn lầy từ trên các dốc núi không còn cây cỏ tràn xuống các khu dân cư chung quanh các khu hỏa hoạn. Thiệt hại được ước lượng khoảng vài tỉ MK.

Cuộc khủng hoảng tại Haiti kéo dài

Quốc Hội Haiti đã thất bại trong nỗ lực vận động chính trị để đưa Tổng thống lưu vong Aristide

trở về như kế hoạch LHQ dự liệu là vào ngày 30-10. Nhưng một giới chức Mỹ cho hay là việc bảo đảm được nền hòa bình tại Haiti quan trọng hơn là giữ đúng một hạn định. Việc tranh chấp đã kéo dài tại Haiti trong việc chuyển giao quyền hành cho Tổng Thống Aristide vì phe cực hữu mà đại diện là Tư Lệnh quân sự Raoul Cedras đòi những vị trí quan trọng trong chính phủ của Tổng Thống Aristide.

Những cuộc họp liên tiếp giữa các lãnh tụ Quốc Hội Haiti, Tư Lệnh Cedras và các điều hợp viên LHQ cũng chưa khai thông được những bế tắc. Trong khi đó, một số những người ủng hộ Aristide bày tỏ hoài nghi về thực tâm của Hoa Kỳ trong việc giải quyết vụ khủng hoảng này. Họ cho rằng Mỹ không quyết tâm phục hồi vị trí của Aristide và cho rằng Mỹ đã có quá nhiều nhượng bộ qua những tháng dài thương lượng. Một cam kết ân xá đối với những hành động được coi là vi phạm nhân quyền đã được dành cho các lãnh tụ quân sự thực hiện cuộc đảo chánh và cho phe đối lập có thể tham gia chính quyền trong tương lai của Aristide.

Trong khi đó ở Hoa Kỳ có những tin tức nói rằng nhiều giới chức Ngũ Giác Đài và CIA không ủng hộ việc đưa Aristide trở về. Nguồn tin này viện dẫn hai sự kiện. Thứ nhất, Bộ Quốc Phòng đã ra lệnh cho tàu đổ bộ USS Harlan County rời khỏi Haiti ngay khi 200 lính Mỹ không lên được cảng Port-Au-Prince mà không có sự tham khảo ý kiến TT Clinton và chính các nhân viên ngoại giao Hoa Kỳ cũng không được thông báo về điều này. Thứ hai CIA đã chuyển cho Thượng Nghị Viện Hoa Kỳ một phúc trình mật cho rằng Aristide 40 tuổi đã suy nhược thần kinh và hành động điên loạn vào thời gian sau khi bị lật đổ năm 1991. Trong khi đó Aristide lại vừa vi phạm một cách vụng về về ngoại giao khi trong bài diễn từ trước đại hội đồng LHQ hồi cuối tháng 10 đã lên tiếng bênh vực ghế đại biểu của Đài Loan. Cũng vì việc này mà Trung Quốc đã ngăn cản Đại Hội Đồng LHQ đưa ra bản tuyên bố ủng hộ Aristide. Cuối cùng Aristide lại phải gởi một văn thư đến tất cả các phái bộ xin xác nhận tư cách đại diện của Trung Quốc tại LHQ, bản tuyên bố của Đại Hội Đồng LHQ mới được thông qua.

World Bank cho Việt Nam vay 228 triệu Mỹ Kim

Theo tin của Reuter, Ngân Hàng Thế Giới đã cho Việt Nam vay 2 tín dụng trị giá tới 228 triệu MK và Phó Chủ Tịch Ngân Hàng này cũng cho hay là họ dự trù đổ vào Việt Nam 1 tỉ MK trong vòng ba năm tới. Các ký kết về hai tài khoản tín dụng này đã đánh dấu việc tái gia nhập cộng đồng tài chánh quốc tế của Việt Nam sau khi Hoa thịnh Đốn quyết định không ngăn cản việc cho Việt Nam vay tiền.

Các khoản tín dụng này gồm 70 triệu dành cho việc mở mang hệ thống giáo dục tiểu học và 158.5 triệu để tu bổ và mở mang quốc lộ số 1 tại Việt Nam. Trong tháng 10, Việt Nam cũng đã ký với Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế để vay 223 triệu MK và 76.5 triệu từ Ngân Hàng Phát Triển Á Châu.

Phó Chủ tịch Ngân hàng Thế Giới, ông Gautam Kaji cho hay số tiền NHTG cho vay nằm trong thời hạn 40 năm với 10 năm đáo hạn và lãi suất 0.75%.

Nga tuyên bố sẵn sàng sử dụng vũ khí nguyên tử

Trong khi giao tranh giữa quân đội chính phủ và quân nổi dậy tại Georgia tiếp tục quanh thị trấn chiến lược Hobi, thì lần đầu tiên Nga tuyên bố sẵn sàng sử dụng vũ khí nguyên tử để trả đũa trước nếu quốc gia này và đồng minh bị tấn công bằng vũ khí cổ điển.

Đây là sự đảo ngược chính sách được cố lãnh tụ Leonid Brezhnev tuyên bố trước LHQ hồi tháng 6-1982, theo đó "Liên Xô không là nước đầu tiên dùng vũ khí nguyên tử đánh trả". Đường lối quân sự mới của Nga được Tổng Thống Yelsin chấp thuận và cho ban hành hồi đầu tháng 11-93 trong một văn bản dày 23 trang, phản ảnh chủ thuyết quân sự hiện tại của Nga "dùng vũ khí nguyên tử để chống lại các quốc gia nguyên tử hay không nguyên tử đã tấn công vào Nga hoặc hỗ trợ cho cuộc tấn công ấy". Valery Manilov, Phó Bí Thư Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Nga giải thích rằng mục tiêu căn bản của chủ thuyết này là "ngăn ngừa việc leo thang xung đột địa phương thành chiến tranh toàn diện" và "Nga là một đại cường quốc với quyền lợi ở nhiều khu vực trên thế giới".■

Lính Mỹ đến rồi đi, đi rồi đến nữa hay không?

VÒNG CHÂN TRỜI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

LÊ TAM CA

Nghệ thuật tạo hình

Tại Boston, triển lãm tranh **Nguyễn Trọng Khôi** thành công về nhiều mặt: nhiều khách xem, tranh bán được nhiều, tác giả được các phòng triển lãm của Mỹ mời bầy tranh, v.v... Xin đọc bài của **Đinh Cường** trong số báo này, viết về phòng tranh của họa sĩ họ Nguyễn.

Lại Hữu Đức

Tại Quận Cam, **Trương Bửu Giám** bầy tranh lần thứ hai tại phòng triển lãm của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (viết tắt theo tiếng Anh là VAALA, Vietnamese American Arts and Letters Association), trên đường Moran, thị xã Westminster. Tranh của ông mầu sắc rực rỡ, đường nét táo bạo và kỹ thuật tân kỳ.

Với hơn 20 bức khổ lớn, choán hết bốn vì tường, thêm 10 bức "miniature" đặt trên các bệ sơn trắng, phòng tranh cuốn hút người xem ngay từ lúc mới bước vào. Đặc biệt, trong số khách thưởng ngoạn đến rải rác trong mười ngày trưng bầy, có phái đoàn hơn 40 giáo chức trường đại học Orange Coast, được giáo sư Phạm Thị Huệ hướng dẫn, đã tỏ ra thích thú với mầu sắc và đường nét của Trương Bửu Giám.

Họa sĩ họ Trương tốt nghiệp mỹ thuật tại Saigon, sang Mỹ học thêm sau 1975, nhưng ngày càng đi sâu vào ngành tranh in, phát hành rộng rãi. Ông cho biết nhiều tranh trong kỳ triển lãm này đã được một nhà xuất bản ở Hòa Lan mua để in thành bích chương (poster).

Trương Bửu Giám

Ann Phong

Trương Bửu Giám cũng vừa nhận lời mời của Hội VAALA, cùng với nhiếp ảnh/điêu khắc gia **Lại Hữu Đức** và họa sĩ **Ann Phong**, tổ chức cuộc **"Triển Lãm Hội Họa Mùa Xuân 1994."** Đây là năm thứ tư Hội VAALA tổ chức triển lãm "Mùa Xuân." Đặc biệt năm nay cuộc triển lãm dành cho các nữ họa sĩ Việt Nam hải ngoại. Ban Tổ chức cho biết đã có các họa sĩ Ann Phong, Lê Chi, Nguyễn Thị Hợp, Suzie

Vương, Lam Thủy, Nguyễn Mai Phương nhận lời gửi tranh tham dự. Các họa sĩ khác như Bé Ký, Lê Quế Hương, Thanh Trí, Trương Thị Thịnh, Lâm Kim Phượng, Phấn Baker, Chung Thanh Thủy, Chung Bích Thủy, v.v... đã được mời.

Cuộc triển lãm dự trù khai mạc vào ngày 22 tháng Giêng và chấm dứt ngày mồng 6 tháng Hai 1994, tại Câu lạc bộ VAALA. Ban Tổ chức nhờ báo *Thế Kỷ 21* chuyển lời mời tới các họa sĩ khác mà Hội chưa có địa chỉ, và sẽ có thư gửi trực tiếp tới các họa sĩ để thông báo các chi tiết kỹ thuật. (Liên lạc Hội VAALA, PO Box 2228-260, Westminster CA 92683, USA. Điện thoại (714) 894-5630.)

Nữ họa sĩ **Lê Chi** cho biết vào dịp cuối năm 1993 cô sẽ tham gia hai cuộc triển lãm do hai viện bảo tàng tổ chức, cùng với 80 họa sĩ Hoa Kỳ. Cuộc triển lãm thứ nhất với đề tài "My Culture Our Culture" do Laguna Art Museum bảo trợ, và cuộc triển lãm thứ hai mang tên "Outside the Mainstream," do thị xã Irvine tổ chức.

Tại Bangkok, Thái Lan, một người tị nạn Việt Nam, đang ở trại cấm Sikhiu, đã đoạt giải thưởng đặc biệt cuộc thi hội họa dành cho các họa sĩ vùng Đông Nam Á. Đó là họa sĩ **Lưu Hữu Vân,** một cựu quân nhân QLVNCH, đã bị "đánh rớt thanh lọc" và hiện đang chờ bị cưỡng bách trở về Việt Nam, nếu không có một thay đổi nào sau khi chương trình Hành Động Toàn Diện (CPA) chấm dứt.

Lê Chi

ÂM NHẠC

Đêm nhạc thính phòng **Đỗ Thế Phiệt**, do Hội VAALA hợp cùng các nhạc sinh môn đệ cố nhạc sĩ vĩ cầm Đỗ Thế Phiệt và bà Đỗ Thế Phiệt tổ chức, tối Chủ Nhật mồng 7 tháng Mười Một 1993, tại thính đường nhà thờ Methodist, thị xã Huntington Beach, đã làm hài lòng gần 400 khán thính giả.

Nhóm tam tấu quen thuộc trong vùng Quận Cam, với Cao Thanh Tùng, Nguyễn Mỹ Lệ và Nguyễn Khánh Hồng, được sự tăng cường của các nhạc sĩ, có người từ San Jose xuống, như Đặng Trần Kính, Nguyễn Mộng Đào, Phạm Văn Phúc, Vũ Trụ, Lư Long Sơn và Lã Thanh Long, trong một thính phòng không dùng tới máy vi âm, trong không khí trang nhã và ấm cúng, đã đưa người nghe vào thế giới âm thanh khi ngọt ngào dịu nhẹ, khi dồn dập hưng phấn, của những tác giả cổ điển Tây phương Vivaldi, Mozart, Chopin, Beethoven, v.v...

Đặc biệt (đây là lần thứ hai chương trình nhạc tưởng niệm Đỗ Thế Phiệt được tổ chức ở vùng này) có ba dương cầm thủ khách từ xa tới đã nhận được những tràng pháo tay tán thưởng nồng nhiệt qua phong cách trình tấu cho thấy một công phu luyện tập "thượng thừa," nhất là Cao Xuân Ái Minh (Sydney), và Hồ Đắc Thủy Hoằng (Boston). Phan Anh Minh (Virginia) lần đầu trình tấu trước công chúng nên có hơi "khớp."

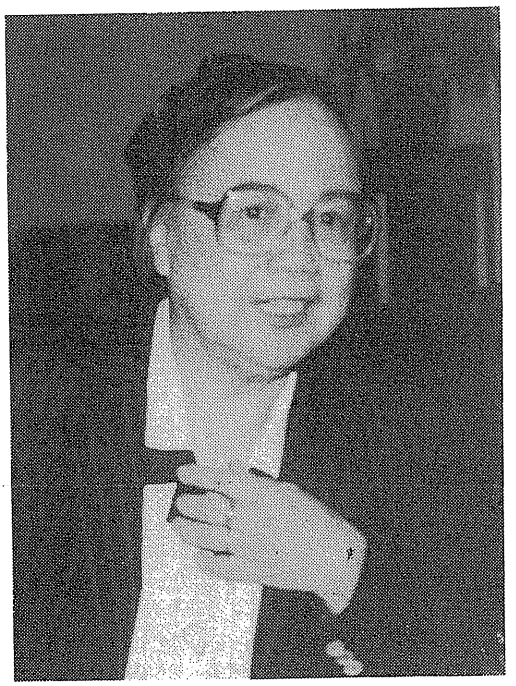

Bà Đỗ Thế Phiệt

Bà **Đỗ Thế Phiệt,** vào chiều thứ Hai mồng 8 tháng Mười Một, đã ra mắt ba tập sách hướng dẫn chơi dương cầm theo phương pháp mới do chính bà tìm ra. Buổi ra mắt sách tổ chức tại Câu lạc bộ VAALA.

Một tuần sau đêm nhạc thính phòng nói trên, ca đoàn **Ngàn Khơi**, với hai nhạc trưởng Trần Chúc và Lê Văn Khoa luân phiên điều khiển dàn nhạc hòa tấu Angeles Festival (Symphony Orchestra), tại thính đường Plummer, thị xã Fullerton chứa hơn 1,200 khán giả, một lần nữa chứng tỏ môn "hợp xướng" là một hình thái trình diễn được nhiều người yêu thích.

Sau bốn năm "ra quân," (Ngàn Khơi trình diễn lần đầu năm 1990), và sau hai năm khổ luyện, lần này Ngàn Khơi hát toàn bộ trường ca "Con Đường Cái Quan" của Phạm Duy, không kể 13 tiết mục đơn ca, song ca, tứ ca, ngũ ca và

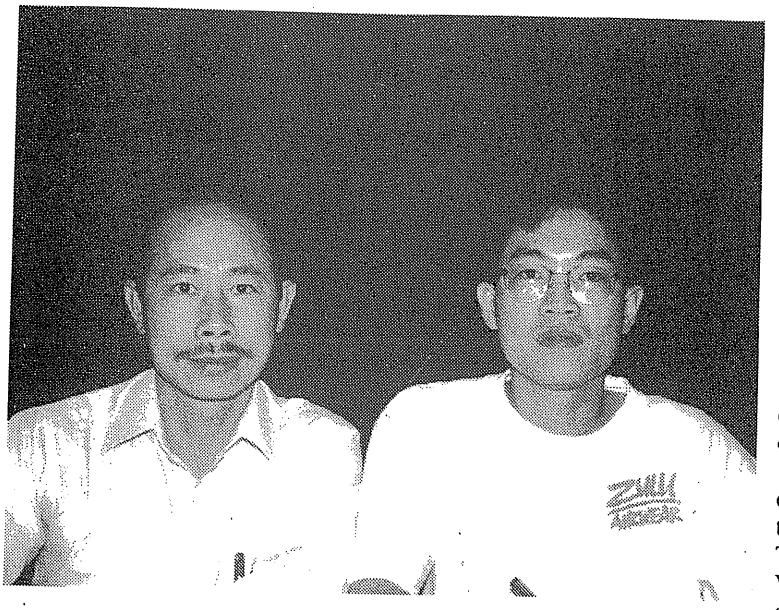

Vũ Văn Trung và Lê Cẩm Thạch, những người tổ chức khóa Hội ThảoVăn Sử.

hòa tấu — làm thánh một chương trình phong phú, hấp dẫn.

Hai khuyết điểm kỹ thuật: trường ca bị ngắt rời thành 19 ca khúc, với những thời gian chuyển tiếp hơi lâu, và hai giọng lĩnh xướng (nữ) của hai phần miền Trung và miền Nam chưa lột tả được cái hồn dân ca (có thể do người soạn hòa âm viết như thế?). Nhưng những khuyết điểm đó quá nhỏ bé so với thành công của toàn bộ chương trình, và nhất là công trình luyện tập bền bỉ của gần 50 anh chị em ca viên không chuyên nghiệp, dùng hết những thì giờ rảnh cho việc tập hát dưới sự hướng dẫn tận tình của nhạc trưởng Trần Chúc.

Cuộc **thi hát** do vũ trường Ritz tổ chức từ nửa năm qua đang đi vào chung kết, cũng là một đóng góp lớn cho sinh hoạt ca nhạc. Đây là một phương thức khám phá và đào luyện tài năng mới để cung ứng những chất giọng tươi mát cho nhu cầu thưởng ngoạn của hàng triệu thính giả hải ngoại (và qua băng từ, hàng chục triệu người say mê ca nhạc trong nước.) Mười bạn trẻ (Quỳnh Lan, Mimi Lê, Thiếp Ling, Hồng Phương, Thùy Trang, Kỳ Anh, Anh Dũng, Hoài Nam, Hiếu Trung và Quang Tuấn) vào vòng chung kết của cuộc thi chắc chắn sẽ có những người trở thành ca sĩ chuyên nghiệp trong...thế kỷ này (và tạo cái đà vươn lên cho những mầm non bước vào thế kỷ 21!)

VĂN HỌC

Khóa Hội Thảo về Văn hóa và Lịch sử 1993, sau 15 tuần lễ với 14 đề tài, đã chấm dứt chiều Chủ Nhật mồng 7 tháng Mười Một, sau khi hai diễn giả Nguyễn Mộng Giác và Lê Đình Điểu trình bày về "văn học Việt Nam hải ngoại từ 1975."

Vẫn theo phong cách chung của cuộc hội thảo, các diễn giả nói ngắn, dành nhiều thì giờ cho thảo luận. Với đề tài "văn học quốc nội từ 1975" (do Hoàng Khởi Phong và Phạm Xuân Đài trình bầy) tuần trước đó, và đề tài tuần này, gần 20 tham dự viên của khóa hội thảo cho rằng "rất thích thú vì gần với đời sống hiện tại, và vì mỗi người tham dự đều có thể đóng góp dữ kiện cũng như ý kiến, có được do kinh nghiệm bản thân."

Trả lời một câu hỏi về cái nhìn chung toàn khóa, anh Lê Cẩm Thạch, một trong hai người tổ chức khóa hội thảo, cho rằng "hơi cao quá, nhất là về trình độ ngôn ngữ." Anh nói rằng "nên có những lớp dạy tiếng Việt cho thanh niên, để họ có thể nghe và nói trôi chảy trước khi học thêm về văn hóa, lịch sử."

Một tuần sau ngày bế giảng, các học viên, giảng viên và ban tổ chức đã họp mặt thân mật tại nhà một thân hữu để...hội thảo về phương thức tổ chức những khóa hội thảo tương tự. Hai hội đoàn (Hội VAALA và Hội Ái hữu Cựu Giáo Chức) vẫn sẵn sàng yểm trợ (ít nhất là phòng học và giảng viên.)

Ban tổ chức cho biết sẽ ấn hành một tập **Kỷ yếu Khóa Hội thảo 1993,** với những bài tường thuật các buổi học, để làm tài liệu dùng cho những khóa sau và cho các nơi khác.

Trong số này, *Thế Kỷ 21* có bài của **Bùi Hạnh Nghi** (Đức) tường trình về Đại hội Văn Bút Quốc tế. Trong lúc đó, các Trung Tâm Văn Bút Việt Nam từ nhiều nơi được mời về San Jose, California, tham dự Đại Hội Văn Bút VNHN kỳ 4 vào cuối tháng Mười Một. Một nguồn tin từ San Jose cho biết, có thể Đại Hội này gặp trở ngại vì tại San Jose có tới hai Trung Tâm cùng mang tên Văn Bút, và không công nhận nhau.

Cuối cùng, hai tin vui trong làng văn: nhà thơ **Tô Thùy Yên** và nhà văn **Phan Nhật Nam** vừa từ Việt nam tới Mỹ. Tô Thùy Yên sẽ định cư ở vùng "vạn hồ" Minnesota (theo tin Cung Tiến), và Phan Nhật Nam sẽ ở vùng "thung lũng hoa vàng" San Jose (theo tin Nguyễn Bá Trạc.) Ngày 12 tháng Mười Một, Phan Nhật Nam đã xuống chơi và gặp gỡ một số bạn bè vùng Quận Cam. Xin thân ái chào mừng hai người bạn văn mới tới, và chúc hai bạn luôn vui. ■

Phan Nhật Nam

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGUYỄN NAM ANH
& LÊ TAM CA

SÁCH

PHƯỢNG CÒN XANH Tuyển tập ca khúc của ĐOÀN XUÂN KIÊN, Phố Tinh xuất bản tại London 1993

Tuyển tập gồm 10 ca khúc trong tập *Chia xa* (Ý Việt, Saigon, 1970), tám ca khúc trong tập *Phượng Trong Thành Phố Ấy* (Phố Tịnh, Vĩnh Long, 1972) và năm ca khúc trong tập *Bến Chờ* (chưa xuất bản)

Đoàn Xuân Kiên là tác giả quen thuộc của *Thế Kỷ 21* qua các bài tiểu luận ngữ học sâu sắc của ông. Tập nhạc của Đoàn Xuân Kiên là một bất ngờ đối với những người quen ông.

"Phượng Còn Xanh là tiếng hát về một hiện thực lãng mạn là tâm cảnh của những người tìm thấy hạnh phúc trong sự tìm kiếm và chờ đợi". Thanh Phượng trong lời tựa đã kết luận như vậy.

Các bạn yêu nhạc có thể liên lạc về địa chỉ
Đoàn Xuân Kiên
74 Swaffield Road
London
SW 18 3 AE Tel 081-874-5336

MÂY TRẮNG THONG DONG. Thơ HUYỀN KHÔNG, Bìa Đinh Cường, Thanh Văn xuất bản. Sách dày 130 trang. Đề giá 10 MK

Tôi rất thích LỜI VÀO TẬP (tr I - IV). Huyền Không rất thi sĩ. Tác giả viết "Những bài thơ được gom lại trong tập này mang nhiều dấu vết của kỷ niệm, giữ lại rất nhiều hình bóng, ghi lại chứng tích của một cuộc lũ chưa dừng. Thơ vẫn thủy chung với tất cả. Thơ vẫn đầy tình, thơ rất bao dung. Người chia xa, thơ ở. Cảnh cũ chìm lắng, thơ sống..."

Địa chỉ liên lạc
Thanh Văn P.O Box 411723
Los Angeles, CA 90041

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG. Truyện dài VĨNH HẢO. Tác giả xuất bản. Sách dày 356 trang. Đề giá 15 MK.

Đây là truyện dài thứ hai của Vĩnh Hảo và tác phẩm thứ năm đã xuất bản của ông.

Truyện của Vĩnh Hảo tràn đầy kỷ niệm và hồi ức. Thành phố hồi tưởng: Nha Trang. Đây là một trong những thành phố đẹp nhất nước Việt Nam, và là một thành phố bị quên lãng trong tiểu thuyết Việt Nam (?). Vĩnh Hảo đã vẽ lại cho chúng ta những con người và thành phố này bằng những kỷ niệm dịu dàng và trìu mến của ông.

Địa chỉ liên lạc
Vĩnh Hảo P.O Box 811
N. Hollywood, CA 91603

HỒI KÝ MỘT ĐỜI NGƯỜI của PHẠM NGỌC LŨY, do Tân Văn (Nhật Bản) xuất bản, 1993. Sách dày 460 trang (cuốn 1), giá 25 Mỹ kim.

Đúng như tên cuốn sách cho thấy, đây là một cuốn "tự truyện" của một người, sau hơn 70 năm hoạt động trên nhiều mặt (kinh doanh, xã hội, chính trị và văn hóa) nhìn lại những biến cố xảy ra cho đất nước và bản thân mình. Tác giả họ Phạm được biết đến nhiều qua hai hoạt động mới đây (khoảng 20 năm) liên quan tới hàng ngàn hoặc chục ngàn người: đó là làm chủ con tầu Trường Xuân đưa 3000 người vượt biển đi tìm tự do năm 1975, và đứng đầu tổ chức yểm trợ kháng chiến (giúp Mặt Trận Hoàng Cơ Minh). Một chi tiết đặc biệt trong cuốn 1 này mà có lẽ chưa một cuốn hồi ký nào có, đó là một số hình ảnh nạn đói năm Ất Dậu ở Việt Nam, do nhiếp ảnh gia Võ An Ninh (hiện sống tại San Diego) chụp năm 1945.

Liên lạc: Phùng Ngọc Tiến
PO Box 4894,
Orange CA 92613-4894.

THẰNG BẤT QUỶ, tập truyện của CUNG TÍCH BIỀN, Tân Thư xuất bản 1993. Sách dày 206 trang, giá 10 Mỹ kim.

Viết từ trước 1975, Cung Tích Biền là một trong số rất ít nhà văn miền Nam còn ở lại trong nước mà vẫn viết và có sách xuất bản. Mười một truyện ngắn trong tập này, nhiều truyện đã đăng báo. Nhà xuất bản nhận định về nhà văn như sau: "Bằng một bút pháp tài hoa, đầy ẩn dụ, Cung Tích Biền đưa chúng ta vào một thế giới huyễn hoặc nửa thực nửa mộng. Trong thế giới đó con người bị căng giữa hai bờ sinh tử, với bao nhiêu phiền trược trầm luân. Thế nhưng, lạ chưa, giữa đêm tối ngập ngụa khổ đau ấy, vẫn bập bùng ngọn lửa tin yêu: tin cuộc đời, tin con người và tin vào lẽ tất thắng của điều thiện."

Liên lạc: Tân Thư
PO Box 277
Garden Grove CA 92642.

NGỤ NGÔN LA FONTAINE, tập 1 (35 bài) và tập 2 (35 bài), thơ ngụ ngôn tiếng Pháp của La Fontaine, do Đỗ Khắc Siên tuyển dịch sang tiếng Việt và tiếng Anh, Hà Khắc nguyện chuyển thành văn vần, họa sĩ Thảo minh họa. Sách do Tân Văn (Nhật Bản) xuất bản , mỗi tập dày 190 trang, đề giá 10 Mỹ kim một tập.

Liên lạc: Trần Kim Xuyến
2654 Bonnie Dr,
Santa Clara CA 95051.

TỰ ĐIỂN GIẢI NGHĨA ĐIỆN TOÁN (1200 thuật ngữ căn bản, đối chiếu Pháp - Anh - Đức - Việt). Soạn giả LÊ THIỆU LƯƠNG, hiệu đính ĐỖ

THÔNG MINH, Tân Văn xuất bản 1993. Sách dày 352 trang, có phần giải nghĩa chữ và phần bảng tra chữ riêng biệt. Đây là một công trình công phu và nghiêm túc, có thể tạo nền móng cho việc nghiên cứu đào sâu thêm, để ngành điện toán học Việt Nam sau này phát triển.

Liên lạc: Phùng Ngọc Tiến
(địa chỉ ghi trên).

CHẤM DỨT LUÂN HỒI EM BƯỚC RA, thơ DU TỬ LÊ, Tủ sách Văn học Nhân chứng xuất bản 1993. Sách dày 158 trang, giá 10 Mỹ kim.

Có thể nói đây không phải chỉ là một tập thơ, mà là một tuyển tập thơ, văn, nhạc, họa của nhiều tác giả xoay quanh những bài thơ mới nhất của một nhà thơ "chuyên nghiệp" (?!) sung sức.

Nhiều người nói thơ ông khó hiểu. Nhưng cũng có người rất thích thơ ông vì có cái mới trong cấu trúc, trong phong cách, và trong tứ thơ.

BÁO

Trong tháng qua, TK 21 nhận được báo do các đồng nghiệp gửi tặng. Xin ghi nhận ở đây và xin cám ơn quý đồng nghiệp.

- **Diễn Đàn, số 24,** BP 50, 92340 Bourg-la-Reine, France.
- **Người Dân, số 38**, PO Box 2674, Costa Mesa CA 92628.
- **Cánh Én, số 27,** Lotharstr 2, 90431 Nurnberg, Germany.
- **Sinh Hoạt Cộng Đồng, số 10/93,** Carlos-Grethe Weg 2, 7000 Stuttgart 1, Germany.
- **Văn Học, số 91,** PO Box 1359 Garden Grove CA 92642-1359.
- **Thế Giới Ngày Nay (Wichita), số 115,** 410 W 21st St., Wichita KS 67203.
- **Dân Chúa (Âu Châu), số 132,** Pfizerstr 5 D-70182 Stuttgart 107, Germany.
- **Việt Luận, các số 836, 837, 838, 839, 840, 841.** PO Box 99 Bankstown NSW 2200 Autralia.
- **Dân Việt, các số 15, 16, 17.** PO Box 368 Cabramatta NSW 2166 Australia.
- **Vietnam Press, số 2, 3, 4,** PO Box 2454 - M8 Westminster CA 92683.
- **Ngày Nay, số 285, 286,** 3121 San Jacinto, Houston TX 77004.
- **Hiệp Nhất, số 10,** PO Box 6521 Santa Ana CA 92706.

Sách nhận được (ngoài những cuốn đã ghi trong phần giới thiệu hoặc đọc sách):

- **Bên này bức tường Bá Linh,** tập truyện của *Vũ Nam.*
- **Một cảnh hai quê,** tập truyện của *Nguyễn Tấn Hưng.*
- **Mặt Trời Lưu Vong,** thơ *Trần Thiện Hiệp,* Văn Đàn tái bản 1993. Sách dày 100 trang, giấy vân, bìa và phụ bản của Nguyễn Cầm.

Xin cảm tạ các tác giả và nhà xuất bản và trân trọng giới thiệu với quý độc giả. ■

SÁCH MỚI TÁI BẢN

- **HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG**
  Hồ Sĩ Khuê

Một tác phẩm đặc biệt về một hiện tượng chính trị lạ lùng: **Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam** (còn được gọi tắt là Mặt Trận hay Việt Cộng).

Ông Hồ đã khai sinh và dọn đường cho Mặt Trận như thế nào? **Ông Diệm** đã nuôi dưỡng và mở đường cho Mặt Trận như thế nào? Mặt Trận này có thật không? Bản chất và nhiệm vụ của nó là gì? Mặt Trận đã chết chưa? Di sản và tương lai của nó ra sao?

Tác phẩm là một công trình nghiên cứu và lý luận nghiêm chỉnh về Mặt Trận thông qua hai nhân vật lãnh đạo và hai chế độ của hai miền Bắc Nam. Đồng thời cũng là một phân tích lịch sử và nhân văn táo bạo về **Người Nam Kỳ và Đất Nam Kỳ** trong cơn lốc chính trị Quốc Cộng kéo dài suốt 16 năm hiện hữu của Mặt Trận.

Tác giả là người lúc thì tham dự, lúc thì theo dõi chính tình Việt nam trong 60 năm trời. Ông cũng là "người quen" từ Tướng **Dương văn Minh** đến ông **Tạ Bá Tòng,** từ Tổng Thống **Ngô Đình Diệm** đến Thượng Tọa **Thích Trí Quang,** từ Tướng **Đỗ Mậu** đến nhà thơ **Tố Hữu**...

Khởi viết từ năm 1987, một năm sau Đại Hội VI "đổi mới" của Đảng Cộng sản Việt nam. Sách dày 450 trang, khổ lớn 6x9, đóng bìa cứng. Giá 22MK, ngoài Mỹ 25MK.

HÃY TÌM MUA NGAY TẠI CÁC NHÀ SÁCH HAY ĐẶT MUA TRỰC TIẾP TẠI:

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761

QUYỀN TRẢ LỜI

Tháng trước, Thế Kỷ 21 đã đăng "Thư ngỏ xin gửi quý vị chủ nhiệm báo và giám đốc đài truyền thanh, truyền hình VN," với chữ ký của hơn 100 nhà văn, nhà báo, thuộc nhiều lứa tuổi, khuynh hướng khác nhau. Xin quý vị vui lòng tìm đọc nguyên văn "Thư ngỏ" trong số báo tháng trước, để tiện theo dõi những "tiếng vọng" trích thuật sau đây.

Nguyễn Mạnh Hùng (ĐH George Mason, Virginia):

Tôi đã nhận được dự thảo "Thư ngỏ (bỏ chữ xin đi) gửi quý vị chủ nhiệm báo (...).

Tôi đồng ý ký vào thư ngỏ đó, với điều kiện là câu mở đầu phải được đổi lại, vì bản dự thảo không bắt đầu bằng một sự thật. Giới viết văn, viết báo người Việt hải ngoại có bao giờ "**thường** nêu lên vấn đề tôn trọng quyền trả lời trên báo chí" đâu?

Tôi đề nghị đổi như sau: "Một trong những vấn đề đặt ra cho giới viết văn, viết báo người Việt hải ngoại là vấn đề tôn trọng quyền trả lời..."

Võ Đông Pha (Vancouver, Canada):

(...) Về dài hạn không biết các bạn thấy là cần thiết không việc lập ra một cơ quan đại diện chung cho ngành truyền thông — dù không có cơ sở pháp lý để đưa ra những biện pháp chế tài, nhưng các khuyến cáo của một cơ quan như vậy, qua quá trình làm việc đứng đắn, sẽ ngày càng có sức thuyết phục hơn.

Ngoài trách vụ bênh vực "nạn nhân" của ngành truyền thông, cơ quan chung này còn có thể tìm cách nâng cao trình độ hiểu biết cũng như khả năng chuyên nghiệp của người làm công tác thông tin, nhờ đó tệ nạn có thể giảm đi.

Xa và rộng hơn, một cơ quan như vậy có thể làm nhiệm vụ bảo vệ uy tín và danh dự cộng đồng người Việt Nam nói chung trước giới truyền thông quốc tế. Chúng ta vẫn thường nghe thấy hay đọc được những tin tức, bình luận xuyên tạc hoặc có ác ý đối với cộng đồng chúng ta mà chúng ta không có cơ chế gì để đối ứng.

Báo "Saigon Nhỏ":

(...)những "nhà văn, nhà báo" trên không phải tranh đấu cho họ có một tiếng nói thứ hai trên một diễn đàn. Như thế thì họ tranh đấu cho ai có tiếng nói thứ hai để độc giả có cái nhìn khách quan, trung thực hơn và sự đối thoại sẽ làm cho bớt căng thẳng, hiểu lầm tranh chấp.

(...) Ở trong nước, báo chí, đài phát thanh truyền hình đều của Đảng Cộng Sản, mọi phát biểu đi ngược lại quyền lợi và chính sách của Đảng Cộng Sản đều bị bắt bớ tù đày. Ở ngoài nước tại sao chúng ta lại dành cho bọn thân Cộng một diễn đàn tự do để chúng tuyên truyền.

(...) Tuần báo Saigon Nhỏ chỉ dành những trang báo hạn hẹp của chúng tôi cho những bài viết có cùng lập trường quốc gia dân tộc, không dành trang báo làm diễn đàn tuyên truyền cho cộng sản.

Bùi Văn Phú (Berkeley CA):

Tôi đồng ý ký tên vào thư ngỏ này nhưng đề nghị bỏ nhóm chữ "mà không có cơ quan ngôn luận trong tay."

Bửu Sao và Ngọc Lan (New York NY):

Chúng tôi còn xin thêm ý kiến rằng cũng để làm sáng tỏ đạo đức báo chí của người cầm bút và cũng để lành mạnh hóa sinh hoạt của cộng đồng người Việt hải ngoại, yêu cầu các cơ quan truyền thông đừng đăng tải hay phát thanh những bài có tính cách bôi nhọ, hoặc làm tổn hại đến đời sống riêng tư của mỗi cá nhân.

TQ (California):

Tôi đồng ý với nội dung "Thư ngỏ" nhưng không ký tên, vì thấy không cần thiết.

Theo luật Quốc Gia Việt Nam và luật Mỹ Quốc hiện giờ thì báo nào đã đăng bài chỉ trích phê bình một cá nhân hay đoàn thể nào, thì cũng phải có bổn phận đăng bài trả lời của người đã bị chỉ trích. Nếu như báo đó không đăng thì người bị chỉ trích có quyền nhờ pháp luật can thiệp. Thường ra người ký tên bài báo phải chịu trách nhiệm, nhưng nếu báo không đăng bài trả lời thì chính nhà báo phải chịu tất cả mọi sự. ■

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU
THẾ KỶ 21
(714) 894-9021

DANH SÁCH NHÀ VĂN, NHÀ BÁO KÝ TÊN TRÊN THƯ NGỎ GỬI CHỦ NHIỆM CÁC BÁO VÀ GIÁM ĐỐC CÁC ĐÀI TRUYỀN THANH TRUYỀN HÌNH

để yêu cầu dành quyền trả lời cho người bị chỉ trích

Bảo Hoàng
Bùi Bảo Trúc
Bùi Hồng Sĩ
Bùi Văn Phú
Bửu Sao
Cao Thế Dung
Cung Tiến
Đàm Trung Pháp
Đặng Tiến
Đặng Văn Âu
Đào Khanh
Đinh Thịnh
Đinh Viết Tứ
Đỗ Khiêm
Đỗ Thì Kênh G.
Đông Duy
Dương Phục
Hà Vũ Trọng
Hoàng Khởi Phong
Huỳnh Hữu Ủy
Khánh Trường
Kinh Huy
Lê Bi
Lê Đình Điểu
Lê Hồng Long
Lê Phục Thủy
Lê Thái Hưng
Lê Thọ Giáo
Lê Thứ
Lê Văn Khoa
Lê Vũ
Lôi Tam
Mai Lý Cang
Minh Hằng
Nghiêu Đề
Ngọc Lan
Nguyễn Đăng Thường
Nguyễn Đình Cường
Nguyễn Đình Hà
Nguyễn Đình Thắng
Nguyễn Đức Quang
Nguyễn Hữu Chung
Nguyễn Huỳnh Mai
Nguyễn Khắc Nhân
Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Ngọc Bích
Nguyễn Ngọc Linh
Nguyễn Nguyên Thanh
Nguyễn Ninh Quang Anh Tử
Nguyễn Phúc Khoát
Nguyễn Quang Định
Nguyễn Quang Dũng
Nguyễn Thi
Nguyễn Thị Hoàng Bắc
Nguyễn Thị Khoa Phương
Nguyễn Tiến
Nguyễn Trọng Cảnh
Nguyễn Văn Kim
Nguyễn Xuân Hoàng
Nguyễn Xuân Nghĩa
Nhã Ca Trần Thị Thu Vân
Nhật Tiến
Nhuệ Giang
Phạm Đình Tùng
Phạm Nhân Trí
Phạm Phú Minh
Phạm Quang Trình
Phạm Trần
Phạm Việt Cường
Phan Tấn Hải
Phan Thanh Tâm
Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh
Song Thi
Tạ Tỵ
Thân Trọng Mẫn
Thanh Hiệp
Thế Giang
Thế Uyên
Thụy Khuê
Tôn Thất Đào
Trần Dạ Từ
Trần Hồng Châu
Trần Quán Niệm
Trần Quảng Nam
Trần Sa
Trần Văn Lưu
Trần Văn Thịnh
Trần Vũ
Trọng Kim
Trùng Dương
Trương Anh Thụy
Trương Vũ
Tư Đồ Tuệ
Từ Nguyên Trần Văn Ngô
Tường Vy
Viên Linh
Võ Đông Pha
Vũ Ánh
Vũ Đình Kh
Vũ Hoàng Anh Bốn Phương
Vũ Thanh Thủy

Danh sách cập nhật:
Hồ Đình Nghiêm
Lưu Nguyễn
Song Thao
Nguyễn Minh Đức
Chu Việt
Thái Tuấn
Nguyễn Thị Ngọc Liên
Nguyễn Mạnh Hùng
Nhất Tuấn
(Lão ký giả) Trần Văn Ân
Võ Đình
Hoàng Khoa Khôi.

(Danh sách cập nhật đến ngày *17-11-93. Còn tiếp tục nhận thêm chữ ký)*

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

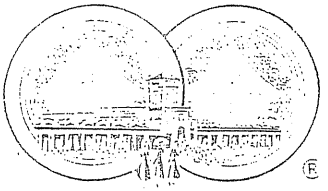

LITTLE SAIGON SUPERMARKET

小西貢港埠市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy qúi khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

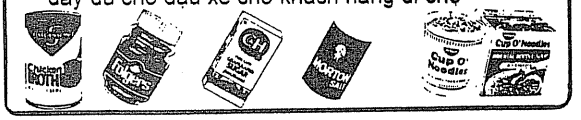

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME ATM

California Lotto LOTTO
California Lotto DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nỉa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

CHUYÊN TRỊ:

- **Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.**
- **Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.**
- **Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.**
- **Kế hoạch hoá gia đình.**
- **Giải phẫu các bệnh phụ nữ.**
- **Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.**

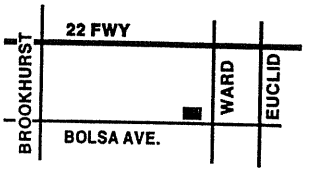

Phòng mạch tại WESTMINSTER
Thứ Ba, Năm, Bảy: 10AM - 6:00PM

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE
HMO,PPO, MEDI-CAL

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

14901 MORAN ST. ☐ WESTMINSTER, CA 92683 ☐ TEL: (714) 894-5630 ☐ FAX: (714) 894-2752

- Phát huy các giá trị dân tộc Việt Nam trong nghệ thuật, văn chương, học thuật.
- Tạo nhịp cầu thông cảm giữa các sắc tộc qua văn học, nghệ thuật.
- Giữ gìn và làm giầu các di sản văn hóa.
- Tạo điều kiện cho các văn nghệ sĩ cùng làm việc phục vụ tự do, dân chủ.

VAALA
Vietnamese American Arts & letters Association

Tham gia và ủng hộ
Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ

Giá: US $ 3.00